LỜI PHẬT DẠY
trong kinh
A HÀM

THÍCH CHÂN TÍNH
Hợp tuyển

LỜI PHẬT DẠY trong kinh A HÀM

I

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời tựa

Trong thời gian đọc bộ A-hàm, tôi cảm nhận một số bài kinh hay vừa tầm hiểu biết của mình nên đã chép ra để có thể đọc lại khi rảnh rỗi hoặc lúc cần tra cứu. Sau đó tôi đã sắp xếp theo chủ đề của các nội dung từng bài kinh để tiện việc tìm kiếm. Việc làm này chính là để bản thân có tài liệu học tập và sau đó chia sẻ cho những người hữu duyên với bộ A-hàm. Tất cả bài kinh trong bộ A-hàm được chép lại từ bản dịch của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Hòa thượng Thích Đức Thắng do nhà xuất bản Phương Đông cấp phép, (Tăng Nhất A-hàm in tháng 8 năm 2017, Tạp A-hàm in tháng 7 năm 2015, Trường A-hàm in tháng 12 năm 2012, Trung A-hàm in tháng 11 năm 2013). Thành kính tri ân quý Hòa thượng đã dầy công phiên dịch bộ A-hàm để Tăng Ni Phật tử Việt Nam đọc, học, hiểu biết đúng Chính pháp, thực hành đúng lời Phật dạy đem lại an lạc hạnh phúc ở hiện tại và tương lai.

Trong bộ sách này có những bài kinh ngắn tôi chép ra đầy đủ, còn những bài kinh dài thì tôi chỉ trích đoạn. Nếu độc giả có thời gian nên đọc hết bốn bộ A-hàm sẽ tận

hưởng được suối nguồn vi diệu của giáo pháp Phật đà. Có thâm nhập kinh tạng thì trí tuệ mới như hải.

Xin tri ân tất cả thiện duyên để tập sách này được ra đời.

Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sinh, đều trọn thành Phật đạo.

Ngày 01 tháng 08 năm 2020

Thích Chân Tính

Lời thưa

Sau khi Phật Niết-bàn khoảng hơn hai trăm năm, các bộ phái Phật giáo lần lượt xuất hiện. Theo tài liệu Đảo Sử (Dīpavaṃsa) của Tích Lan (Sri Lanka), thuộc truyền thống Theravāda, thì có mười tám bộ phái được hình thành. Còn theo tài liệu Dị Bộ Tông Luân Luận được cho là do ngài Thế Hữu (Vasumitra) trước tác, thuộc truyền thống Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivādin) thuật lại có đến hai mươi bộ phái khác nhau xuất phát từ hai nhánh lớn ban đầu là Trưởng Lão bộ và Đại Chúng bộ. Đến thời điểm hiện tại, sau hơn 2500 năm Phật nhập diệt đạo Phật được biết đến qua hai dòng truyền thống lớn là Bắc truyền gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam,… và Nam truyền gồm các quốc gia Tích Lan, Myanmar, Thái Lan, Lào, Cambodia. Nếu có thể kể thêm, thì đó là truyền thống Kim Cang thừa gồm Tây Tạng, Nepal, Bhutan…

Xuôi dòng lịch sử, các nước theo truyền thống Theravāda đã gìn giữ và bảo tồn năm bộ kinh Nikāya cho đến ngày nay. Tương đương với năm bộ Nikāya của Phật

giáo Nam truyền là bốn bộ A-hàm (Āgama), trong đó ba bộ kinh Trung A-hàm (Mādhyamāgama), Tạp A-hàm (Saṃyuktāgama) và Tăng Nhất A-hàm (Ekottarikāgama) do truyền thống Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ gìn giữ, riêng Trường A-hàm (Dīrghāgama) do Pháp tạng bộ (Dhārmaguptaka) gìn giữ. Phật giáo Bắc truyền đã kế thừa cả bốn bộ kinh A-hàm này cùng với nhiều bộ kinh luận khác mà đa số đều được kết tập bởi truyền thống Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ.

Phật giáo Việt Nam mấy mươi năm qua đã phát triển rực rỡ về phương diện học thuật dựa trên kho tàng Thánh điển. Chư vị Tôn túc Trưởng lão tiền bối đã không quản ngại lao nhọc, thực hiện công việc mà xưa nay 2000 năm Phật giáo Việt Nam chưa thể trọn vẹn, là chuyển dịch các bộ kinh luận từ Pāli tạng và Hán tạng sang tiếng Việt. Đây quả thật là một bước chuyển mình đáng kể, là dấu son cho niên sử Phật giáo nước nhà. Cụ thể, trong số đó có năm bộ kinh Nikāya đã được Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt trực tiếp từ tiếng Pāli. Bốn bộ kinh A-hàm xưa không còn bản tiếng Sanskrit, thay vào đó chỉ còn lại bản tiếng Hán và hiện hành là hai bản dịch tiếng Việt: Một bản dịch của Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ cùng viện Trung đẳng Phật học Nha Trang dịch, do viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành; và bản dịch của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Hòa thượng Thích Đức Thắng, do Thư quán Hương Tích ấn hành.

Nhận thấy sự đồ sộ về số lượng các bài kinh, dẫn đến sự khó khăn trong việc tìm đọc, nghiên cứu bốn bộ kinh A-hàm nên Hòa thượng Thích Chân Tính – Đạo trưởng Tổ đình Hoằng Pháp đã dày công hợp tuyển cũng như sắp xếp lại các bài kinh A-hàm theo từng chủ đề để cho ra đời bộ sách *Lời Phật dạy trong kinh A-hàm* (hai tập). Mỗi bài kinh A-hàm được hợp tuyển trong bộ sách sẽ có phần tham cứu đối chiếu với các bài kinh tương đương thuộc tạng Pāli. Nhờ vậy, độc giả sẽ thích thú hơn trong việc tìm tòi và nghiên cứu kinh điển. Tuy nhiên, hợp tuyển này tự nó không thể thay thế cho các bộ kinh A-hàm. Để có thể xem rõ ràng hơn chính kinh, xin quý vị tìm đọc bản dịch kinh A-hàm của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Hòa thượng Thích Đức Thắng (NXB Phương Đông), do Thư quán Hương Tích ấn hành vì toàn bộ các bài kinh được trích dẫn trong sách đều từ bản dịch này.

Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp xin thành kính tri ân Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Hòa Thượng Thích Đức Thắng đã dày công nghiên cứu, phiên dịch sang tiếng Việt các bộ kinh A-hàm từ Hán văn. Nguồn tài liệu quý giá này chính là nhân lành duyên lành để bộ sách *Lời Phật dạy trong kinh A-hàm* được ra đời.

Một lần nữa, ngưỡng mong quý chư Tôn đức Tăng Ni cùng toàn thể quý thiện nam tín nữ Phật tử sẽ đón nhận bộ sách *Lời Phật dạy trong kinh A-hàm* với niềm thương mến và tràn đầy sự hoan hỷ. Theo thiện ý từ Ban biên tập,

mong sao bộ sách này sẽ là tài liệu hữu ích cho giới học thuật, góp phần làm phong phú kho tàng kinh sách của Phật giáo nước nhà, cũng như góp phần giúp cho Chính pháp mãi trường tồn. Trong quá trình biên tập, không thể nào tránh khỏi một số vụng về sai sót, kính mong quý chư Tôn đức Tăng Ni cùng quý thiện nam tín nữ Phật tử niệm tình thứ lỗi. Ban biên tập sẽ chân thành đón nhận mọi sự góp ý từ các bậc thầy cùng quý thiện tri thức để trong lần tái bản sau cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, sau khi đọc xong bộ sách này, nếu đem lại lợi lạc cho quý thiện bạn hữu trên con đường tiến tu đạo mầu thì xin hồi hướng chút công đức phước lành này đến tất cả pháp giới chúng sinh. Nguyện mong tất cả chúng sinh đều sự lý viên dung, thấm nhuần Chính pháp và vững tiến trên bước đường hướng đến giác ngộ, giải thoát.

Kính chúc trên chư Tôn đức Tăng Ni pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu và Phật sự chóng viên thành.

Kính chúc quý thiện nam tín nữ Phật tử được dồi dào sức khỏe, hanh thông trong công việc và mãi là người hộ trì đắc lực cho Phật pháp.

Tổ đình Hoằng Pháp, 10/2022

Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp

CHỮ VIẾT TẮT

– (DN) Dīgha Nikāya: Kinh Trường Bộ.

– (MN) Majjhima Nikāya: Kinh Trung Bộ.

– (SN) Saṃyutta Nikāya: Kinh Tương Ưng Bộ.

– (AN) Aṅguttara Nikāya: Kinh Tăng Chi Bộ.

– Đại Chánh: Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Tạp A-hàm được Hòa thượng Tuệ Sỹ sắp xếp lại nên thứ tự bài kinh khác với cách đánh số của Đại Chánh).

– Tham chiếu Pāli: Mã ID của bài kinh Pāli tương đương với bản Hán dựa theo legacy.suttacentral.net, tên chương mục lấy theo bản Việt dịch của Hòa thượng Minh Châu.

Mục lục

CHƯƠNG 1: HIẾU ĐẠO

1. Hiếu Kính Và Không Hiếu Kính.....23
2. Khất Thực Nuôi Cha Mẹ Có Phước.....23
3. Hai Vai Cõng Mẹ Cha Suốt Đời Chưa Trả Ơn 24
4. Con Đuổi Cha.....25

CHƯƠNG 2: GIỚI LUẬT

1. Tám Pháp Vị Tằng Hữu Của Phật Pháp 29
2. Nhân Duyên Phật Chế Giới.....34
3. Phạm Giới Có Năm Điều Suy Hao 38
4. Giới Là Nền Tảng 39
5. Giữ Giới Được Đến Bờ Giải Thoát 40
6. Phật Không Nói Giới Khi Trong Chúng Có Người Phạm 42
7. Năm Giới.....48
8. Giữ Gìn Ngũ Giới Sinh Về Cõi Trời.....50
9. Đệ Tử Tại Gia Của Phật Giữ Năm Giới.....51
10. Hương Đức Hạnh 66
11. Chế Giới Nhiều, Ít Người Tu 69
12. Giữ Giới Không Hối Hận.....71

13. Thân, Mạng, Tài Sản Không Bền Chắc Cầu Được Bền Chắc....72

CHƯƠNG 3: THIỀN ĐỊNH

1. Tứ Niệm Xứ....75
2. Tu Thiền....83
3. Phương Pháp Niệm Hơi Thở....85
4. Lục Niệm....86
5. Nhất Dạ Hiền Giả....90
6. Niệm Tam Bảo Hết Sợ Hãi....93
7. Bốn Chỗ Tưởng Nhớ....93

CHƯƠNG 4: TRÍ TUỆ

1. Thế Nào Là Pháp Trí Tuệ....95
2. Nghe Pháp Có Năm Công Đức (1)....98
3. Nghe Pháp Có Năm Công Đức (2)....99
4. Nhờ Học Rộng Nghe Nhiều Nên Không Phiền Não....99
5. Nhờ Chánh Kiến Dứt Được Khổ....106
6. Vô Minh Và Minh (1)....106
7. Vô Minh Và Minh (2)....107
8. Thế Nào Là Pháp Ngu Si?....109
9. Đất Trên Tay Và Đại Địa....113
10. Người Mù Rờ Voi....116
11. Mười Hai Nhân Duyên (1)....119
12. Mười Hai Nhân Duyên (2)....120
13. Mười Hai Nhân Duyên (3)....123
14. Thức Ăn Của Các Pháp....125

CHƯƠNG 5: HẢI ĐẢO TỰ THÂN

1. Hãy Tự Mình Thắp Đuốc Lên Mà Đi 135
2. Hãy Trú Hòn Đảo Chính Mình.....136
3. Tỳ-Kheo Nương Tựa Ai?.....136
4. Trước Nương Tha Lực Sau Tự Lực 139

CHƯƠNG 6: BỐ THÍ – CÚNG DƯỜNG

1. Công Đức Bố Thí Bằng Nuôi Bệnh, Chăm Sóc Bệnh Như Chăm Sóc Phật.....142
2. Phước Bố Thí 143
3. Bố Thí Hoan Hỷ.....144
4. Bố Thí Đúng Thời.....145
5. Bố Thí Không Phân Biệt Người, Vật.....146
6. Bố Thí Không Được Phước Và Được Phước.....148
7. Bảy Công Đức Bố Thí 149
8. Bố Thí Có Tám Công Đức.....150
9. Bảy Loại Phước Thế Gian.....151
10. Bố Thí Cho Người Đắc Quả Công Đức Lớn 153
11. Mười Bốn Loại Bố Thí.....160
12. Bốn Loại Bố Thí, Chỉ Có Ba Loại Thanh Tịnh 161
13. Bố Thí Hưởng Phước Trời 163
14. Tài Thí Và Pháp Thí 164
15. Bố Thí Có Năm Công Đức.....164
16. Không Phải Bố Thí Cho Ta Được Phước Lớn.....167
17. Tế Tự Không Bằng Cúng Dường Tam Bảo.....171
18. Cúng Nắm Cát Được Làm Vua 174
19. Dân Mất Mùa Đói Mà Phật Còn Đi Xin, Làm Tổn Hại

Cho Người.....177
20. Cúng Dường Bậc Đa Văn Trì Giới.....180
21. Cúng Dường Cha Mẹ, Bồ Tát Công Đức Lớn.....184

CHƯƠNG 7: NỮ GIỚI

1. Bốn Loại Vợ.....185
2. Sắc Đàn Ông Hấp Dẫn Đàn Bà.....188
3. Sắc Đàn Bà Hấp Dẫn Đàn Ông.....189
4. Nghiệp Xấu Của Phụ Nữ.....190
5. Đàn Bà Có Năm Dục Tưởng.....191
6. Chín Pháp Người Nữ Quyến Rũ Người Nam.....191

CHƯƠNG 8: VÔ THƯỜNG – KHỔ – VÔ NGÃ

1. Tuổi Trẻ Sẽ Già, Bệnh, Chết.....193
2. Biết Như Thật Về Già, Chết.....194
3. Ba Pháp Thế Gian Không Thích.....195
4. Sinh, Lão, Bệnh, Tử Bốn Điều Sợ Hãi.....197
5. Mạng Người Ngắn Ngủi Nên Gắng Làm Việc Lành.....199
6. Mạng Người Mong Manh.....201
7. Ví Dụ Con Rắn, Sự Vô Thường Của Con Người.....204
8. Năm Thiên Sứ Xuất Hiện.....207
9. Vô Thường Tấn Tốc.....215
10. Lửa Cháy Đầu.....217
11. Ai Cũng Phải Chết.....218
12. Ngũ Uẩn Giả Dối.....221
13. Ngũ Uẩn Là Vô Thường, Là Khổ, Là Vô Ngã.....225
14. Sắc Là Vô Thường, Khổ, Vô Ngã.....227
15. Tu Tập Tưởng Vô Thường.....231

16. Đức Phật Không Trả Lời Bà-Sa Là Có Ngã Hay Không Có Ngã 233
17. Thân Phật Da Nhăn 235
18. Mẹ Vua Ba-Tư-Nặc Mất 239
19. Vợ Vua Văn-Trà Mất 246

CHƯƠNG 9: TỨ ĐẾ

1. Tứ Đế 255
2. Lương Y Giỏi 257
3. Không Có Tứ Đế Thế Giới Tối Tăm 258
4. Sa-Môn Không Biết Tứ Đế Không Thoát Khổ 260
5. Đức Phật Không Trả Lời Những Câu Hỏi Không Có Lợi Ích Cho Sự Giải Thoát, Giác Ngộ 261
6. Dấu Chân Voi 270
7. Bát Chánh Đạo 271
8. Bàn Về Bát Chánh Đạo (1) 279
9. Bàn Về Bát Chánh Đạo (2) 281
10. Con Đường Cắt Đứt Tham, Sân, Si 287
11. Bát Chánh Đạo Là Phương Tiện Vượt Thoát Sinh Tử 289
12. Pháp Và Quả Sa-Môn 292
13. Hữu Dư Niết-Bàn Và Vô Dư Niết-Bàn 293

CHƯƠNG 10: NGŨ DỤC

1. Vị Ngọt, Tai Hại Của Dục, Sắc Và Thọ (1) 295
2. Vị Ngọt Và Tác Hại Của Dục (2) 303
3. Vị Ngọt, Tai Hại Của Dục, Sắc Và Thọ (3) 311
4. Tham Dục Muốn Hoàn Tục 321

5. Ma-Ha-Nam Giàu Mà Keo Kiệt Không Dám Xài Tiền.....324
6. Trưởng Giả Sa-Đề Giàu Có Nhưng Không Hưởng.....326
7. Ái Dục Là Nguồn Gốc Của Khổ 331
8. Dục Là Gốc Của Khổ.....339
9. Học Đạo Tám Mươi Năm Chưa Một Lần Khởi Dục.....344
10. Tám Ví Dụ Về Dục 348
11. Đời Sống Hưởng Thụ Và Khắc Khổ 355
12. Tham Dục Lại Bần Cùng Là Bất Hạnh Lớn.....361
13. Thế Nào Là Biết Dục? (1) 364
14. Thế Nào Là Biết Dục? (2) 366
15. Ngũ Dục Như Bệnh Cùi.....367
16. Sức Mạnh Của Ái Dục.....382
17. Lìa Dục Thoát Khỏi Già, Bệnh, Chết.....391
18. Bát Mật Và Sắc Đẹp.....391
19. Quán Sát Tâm Có Dục Tưởng Hay Không? 394

CHƯƠNG 11: CÁC HẠNG NGƯỜI

1. Bốn Hạng Người Oan Gia.....397
2. Bốn Hạng Người Thân Đáng Thân 398
3. Bốn Loại Xoài Giống Bốn Loại Người 398
4. Sức Mạnh Của Sáu Hạng Người.....402
5. Bốn Hạng Người Khổ Vui Khác Nhau 403
6. Hướng Đến Ánh Sáng 408
7. Sáng Tối 414
8. Bảy Hạng Người Ví Dụ Về Nước.....416
9. Bảy Dụ Về Nước 422
10. Có Mười Hạng Người Hành Dục 424

11. Bốn Loại Ngựa, Bốn Loại Người.....429
12. Bốn Hạng Người Cấu Uế Và Không Cấu Uế.....431
13. Năm Thứ Báu.....452
14. Năm Người Chẳng Thể Trị Liệu.....453
15. Bốn Hạng Người Xây Tháp.....454
16. Hai Hạng Người Không Sợ Hãi.....457
17. Hai Hạng Người Không Thể Thuyết Pháp.....458
18. Bốn Thứ Nhỏ Không Nên Khinh.....459

CHƯƠNG 12: TỪ, BI, HỶ, XẢ

1. Tu Từ, Bi, Hỷ, Xả 464
2. Xá-Lợi-Phất Thăm Bệnh, Tu Tập Tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả Sinh Phạm Thiên 466
3. Mười Một Lợi Ích Của Lòng Từ.....472

CHƯƠNG 13: THÂN NGHIỆP

1. Thân Hành Thiện Và Bất Thiện.....474
2. Quán Thân Bất Tịnh 480
3. Quán Bất Tịnh Chán Ghét Thân Thể Tự Tử.....485
4. Tại Gia, Xuất Gia Làm Điều Tà Hạnh Phật Không Khen 488
5. Ôm Con Gái Hay Ôm Cây Cháy (1).....490
6. Ôm Con Gái Hay Ôm Cây Cháy (2).....492
7. Nghề Sát Sinh Không Có Tài Sản Lớn.....493
8. Quét Tháp Có Năm Công Đức.....494

CHƯƠNG 14: KHẨU NGHIỆP

1. Phật Dạy La-Hầu-La Bài Học Nói Dối.....496

2. Nói Cộc Và Ái Ngữ 500
3. Nói Và Im Như Chánh Pháp 506
4. Bà-La-Môn Mắng Phật 506
5. Bà-La-Môn Mắng Phật, Ném Cát Vào Phật Bị Gió Thổi Ngược Lại 509
6. Ta Không Tranh Luận Với Thế Gian.....510
7. Các Thầy Cãi Nhau 512
8. Do Đâu Miệng Nói Lời Hung Ác? 529
9. Tỳ-Kheo Tranh Cãi 530

CHƯƠNG 15: Ý NGHIỆP

1. Tâm Tịnh Cõi Tịnh.....533
2. Tám Thứ Làm Động Tâm 549
3. Năm Xuất Yếu Giới 550
4. Phật Không Vui, Buồn 555
5. Tu Như Đãi Vàng 558
6. Tâm Bị Trói Buộc.....560
7. Nhân Sinh Ra Dục Tưởng.....562
8. Ái Và Sân Nhuế 564
9. Chớ Khinh Người Xấu.....568
10. Chớ Nên Gieo Hạt Giống Đắng 570
11. Vì Sao Chúng Sinh Cấu Uế, Thanh Tịnh?.....573
12. Sư Tử Và Dê 577

CHƯƠNG 16: CHƯỚNG NGẠI

1. Năm Pháp Gây Chướng Ngại 580
2. Các Chướng Ngại Trên Đường Tu Cần Phải Bỏ 581
3. Ái Là Chướng Ngại 584

4. Đối Trị Buồn Ngủ.....586
5. Năm Triền Cái Và Bảy Giác Chi.....588
6. Thức Ăn Của Năm Triền Cái Và Bảy Giác Chi 589
7. Gai Nhọn Của Các Thiện Pháp 595

CHƯƠNG 17: TỲ-KHEO

1. Mười Pháp Khiến Tỳ-Kheo Sa Đọa 597
2. Năm Hạng Tu Sĩ Gặp Nữ Nhân Khởi Dục 598
3. Tiếp Xúc Người Nữ Phải Như Thế Nào? 602
4. Có Năm Hạng Tu Sĩ Đắm Sắc Dục 602
5. Bốn Hạng Tỳ-Kheo (1) (Ví Dụ Bốn Loại Trái Cây).....607
6. Bốn Hạng Tỳ-Kheo (2) (Ví Dụ Bốn Loài Chim).....609
7. Bốn Hạng Tỳ-Kheo (3) (Ví Dụ Bốn Loại Mây).....611
8. Bảy Pháp Trị Nước Ví Cho Bảy Pháp Tỳ-Kheo Tu Tập (1) 613
9. Bảy Pháp Trị Nước Ví Cho Bảy Pháp Tỳ-Kheo Tu Tập (2) 615
10. Tỳ-Kheo Chọn Nơi Ở 618
11. Tỳ-Kheo Chọn Nơi Tu Tập 621
12. Mười Điều Tỳ-Kheo Nên Bàn Luận 626
13. Mười Nguy Hại Của Việc Gần Gũi Vua Chúa 628
14. Năm Pháp Hủy Nhục.....630
15. Hạnh Nguyện Sa-Môn.....631
16. Tỳ-Kheo Ác 635
17. Tỳ-Kheo Thiện.....637
18. Thí Chủ Sinh Thiên, Chư Tăng Đọa Địa Ngục 639
19. Ở Một Chỗ Có Năm Điều Phi Pháp 643

20. Du Hành.....643
21. Tỳ-Kheo Bệnh, Phật Giáo Giới.....644
22. Năm Loại Thức Ăn Của Người Xuất Thế Gian.....648
23. Năm Sự Nỗ Lực.....648
24. Tám Thái Độ Khi Phạm Lỗi.....651
25. Tri Ân Và Báo Ân (1).....654
26. Tri Ân Và Báo Ân (2).....654
27. Mười Một Pháp Tỳ-Kheo An Lạc Và Người Khác Được An Lạc.....655
28. Tỳ-Kheo Trẻ Không Nghe Lời Trưởng Lão.....659
29. Năm Pháp Cử Tội Tỳ-Kheo.....662
30. Lừa Theo Bò, Tưởng Là Bò.....669
31. Thợ Săn Và Đàn Nai.....670
32. Bảy Pháp Của Tỳ-Kheo.....680
33. Tỳ-Kheo Sống Như Quạ.....686
34. Khất Thực.....688
35. Hãy Nên Làm Phước (1).....689
36. Hãy Nên Làm Phước (2).....690
37. Hãy Nên Làm Phước (3).....696

CHƯƠNG 1

HIẾU ĐẠO

1. HIẾU KÍNH VÀ KHÔNG HIẾU KÍNH

Có hai pháp khiến cho người sinh vào nhà bần tiện. Hai pháp gì? Bất hiếu cha mẹ, các bậc sư trưởng; cũng không thừa sự người hơn mình. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người sinh vào nhà bần tiện.

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp, sẽ khiến người sinh vào nhà hào tộc. Hai pháp gì? Cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ; đem những gì có được của nhà mình ra bố thí. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này, sẽ sinh vào nhà hào tộc.

(Tăng Nhất A-hàm I – 19. Phẩm Khuyến Thỉnh – Kinh số 7 – Tr.310)

2. KHẤT THỰC NUÔI CHA MẸ CÓ PHƯỚC

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la[1] đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui qua ngồi một bên, bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực như pháp,

[1] Tham chiếu Pāli (SN 7.19): Kinh Tương Ưng Bà-la-môn – Phẩm Cư Sĩ - Mātaposaka (Nuôi dưỡng mẹ).

đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?

Phật bảo Uất-đa-la:

– Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khất cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ, làm cho an vui, trừ khổ não, thì thật là người có phước lớn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Như ngươi đối cha mẹ,
Cung kính và cúng dường,
Đời này lưu tiếng thơm,
Khi chết được lên trời.

(Tạp A-hàm III – 34. Tương Ưng Bà-la-môn – kinh 1064: Hiếu Dưỡng[2] – Tr.1776)

3. HAI VAI CÕNG MẸ CHA SUỐT ĐỜI CHƯA TRẢ ƠN

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai người không thể báo ơn hết được, mà hãy khuyến giáo làm điều thiện. Hai người đó là ai? Đó là cha mẹ.

– Này các Tỳ-kheo, nếu có người vai trái vác cha, vai

[2] Đại Chánh, Kinh 88: Hiếu Dưỡng.

phải vác mẹ, trải qua ngàn vạn năm, lo áo quần, cơm nước, giường nệm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, đại tiện, tiểu tiện ngay ở trên vai, vẫn chưa thể báo ơn hết được. Tỳ-kheo nên biết, cha mẹ ân trọng, bồng bế, nuôi dưỡng, tùy lúc giữ gìn không lỡ thời tiết, xem như mặt trời, mặt trăng. Do phương tiện này mà biết ân này khó báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải cúng dường cha mẹ, thường phải hiếu thuận, không lỡ thời tiết.[3]

– Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm I – 20. Phẩm Thiện Tri Thức – Kinh số 11[4] – Tr.345)

4. CON ĐUỔI CHA

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy, cầm bát, đi khất thực từng nhà một. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

– Nay ông đã tuổi già sức yếu rồi, sao lại còn phải chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà?

Bà-la-môn bạch Phật:

– Bạch Cù-đàm, bao nhiêu tài vật có được ở trong nhà tôi, tất cả đều giao cho con trai, cưới vợ cho con trai.

---

[3] Pāli, thêm chi tiết: Nếu cha mẹ bất tín, khuyên cho có tín. Cha mẹ phá giới, khuyên trì giới, v.v... Chỉ như vậy mới có thể báo ân.

[4] Tham chiếu Pāli (AN 2.33): Hai Pháp – IV. Phẩm Tâm Thăng Bằng – 1-10. Đất.

Nhưng sau đó chúng lại đuổi ra khỏi nhà, nên phải chống gậy, cầm bát đi khất thực từng nhà.

Phật bảo Bà-la-môn:

– Ông có thể học thuộc lòng một bài kệ của Ta, rồi trở về nhà, ở giữa mọi người Bà-la-môn, đọc cho con trai của ông nghe được không?

Bà-la-môn bạch Phật:

– Bạch Cù-đàm, có thể được.

Bấy giờ, Đức Phật liền nói bài kệ:

Sinh con lòng vui mừng,
Vì con tích chứa của,
Rồi cưới vợ cho con.
Nhưng mình phải bỏ nhà.
Đứa con rừng rú kia,
Nghịch, phụ ân cha mẹ,
Thân người, tâm La-sát,
Xua đuổi bậc già cả.
Như ngựa già vô dụng,
Bị cướp mất thóc lúa,
Con trẻ mà cha già,
Phải xin ăn từng nhà.
Gậy cong này hơn hết,
Ân ái hơn con đẻ,
Vì ta ngừa trâu dữ,
Tránh đất hiểm, được an,

Xua đuổi loài chó dữ,
Giúp ta qua chỗ tối,
Tránh hầm sâu, giếng thẳm,
Cây cỏ và gai gốc;
Nhờ sức oai cây gậy,
Đứng vững không té ngã.

Sau khi nhận bài kệ từ Đức Thế Tôn, người Bà-la-môn liền trở về giữa đám đông Bà-la-môn, đọc lại cho con trai nghe. Trước hết ông cáo bạch mọi người: "Hãy nghe tôi nói." Sau đó ông đọc lại bài kệ như trên. Người con trai vừa xấu hổ vừa sợ hãi, liền ôm choàng người cha mình đưa vào nhà, tắm rửa lau mình, mặc áo quần sạch sẽ và lập làm gia chủ.

Rồi thì, Bà-la-môn tự nghĩ: "Ta có được dòng họ tôn quý như hôm nay, là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Như kinh điển của ta đã dạy: "Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy; là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng." Những gì ta đã được hôm nay đều nhờ vào oai lực của Sa-môn Cù-đàm, Ngài là Thầy của ta. Hôm nay ta sẽ đem chiếc y quý giá tốt đẹp nhất cúng dường cho Cù-đàm."

Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quý giá nhất đến chỗ Đức Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi, sau đó ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

– Bạch Cù-đàm, ngày nay gia cư của con được thành

tựu là nhờ vào oai lực của đức Cù-đàm. Như kinh điển bên con đã dạy: "Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng." Ngày nay Cù-đàm là Thầy của con, xin thương xót con mà nhận chiếc y này.

Vì thương xót mà Đức Thế Tôn đã nhận chiếc y.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói đủ các pháp, chỉ dạy, làm sáng tỏ, làm cho vui mừng.

(Tạp A-hàm III – 34. Tương Ưng Bà-la-môn – Kinh 1072: Dị Bà-la-môn[5] – Tr.1799)

[5] Đại Chánh, Kinh 96: Dị Bà-la-môn. Tham chiếu Pāli (SN 7.14): Tương Ưng Bà-la-môn, Phẩm Cư Sĩ - 14. Mahāsāla.

CHƯƠNG 2

GIỚI LUẬT

1. TÁM PHÁP VỊ TẰNG HỮU CỦA PHẬT PHÁP

– Này Bà-la-la, trong Chánh pháp luật của ta cũng có tám pháp vị tằng hữu[1], khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó. Những gì là tám?

– Này Bà-la-la, giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa. Này Bà-la-la, đây là pháp vị tằng hữu thứ nhất trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong Chánh pháp Ta dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm giới được thi thiết[2]

---

[1] Vị tằng hữu: chưa từng xảy ra, chuyện thần kỳ, hiếm có.
[2] Thi thiết: mô tả, tuyên bố.

cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Bà-la-la, đây là pháp vị tằng hữu thứ hai trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong Chánh pháp luật của Ta những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la đây là pháp vị tằng hữu thứ ba trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: Chánh pháp luật của Ta rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Này Bà-la-la, Chánh pháp của Ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Này Bà-la-la đây là pháp vị tằng hữu thứ tư trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: Chánh pháp luật của Ta chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là

vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, thánh đạo tám chi. Này Bà-la-la đây là pháp vị tằng hữu thứ năm trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong Chánh pháp luật của Ta cũng có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, thánh đạo tám chi.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la, Đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sinh thân thể tới một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, cho đến ba trăm do-tuần, bảy trăm do-tuần mà thân vẫn ở trong đại hải. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng

Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn. Này Bà-la-la đây là pháp vị tằng hữu thứ sáu trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong Chánh pháp luật của Ta, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Bà-la-la đây là pháp vị tằng hữu thứ bảy trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa.

– Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thuộc về châu

Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí.[3] Tất cả đều chảy vào đại hải. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Này Bà-la-la, đây là pháp vị tằng hữu thứ tám trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong Chánh pháp luật của ta, thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn.

– Này Bà-la-la, đó là tám pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi ưa thích trú trong đó.

– Này Bà-la-la, ý ông nghĩ thế nào? Trong Chánh pháp luật của Ta có tám pháp vị tằng hữu, trong đại hải của ông

[3] Pāli theo thứ tự: Gaṅgā, Yamunā, Sarabhū, Aciravatī, Mahī.

cũng có tám pháp vị tằng hữu; hai loại vị tằng hữu ấy, loại nào thù thắng hơn? Vi diệu, tối thượng hơn?

Bà-la-la thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, tám pháp vị tằng hữu có trong đại hải của con không bằng tám pháp vị tằng hữu của Như Lai; không bằng một phần ngàn, một phần vạn; không thể so sánh, không thể ví dụ, không thể đếm, không thể kể, chỉ có tám pháp vị tằng hữu của Thế Tôn là cao hơn cả, là Tối Thắng Lâm, là vi diệu, là tối thượng.

– Hôm nay con xin tự quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo; cúi mong Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay, con thân tự quy y, cho đến mạng chung.

(Trung A-hàm I - 35. Kinh A-tu-la[4] - Tr.373)

2. NHÂN DUYÊN PHẬT CHẾ GIỚI

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, ngày xưa ít có thiết lập học giới nhưng được nhiều Tỳ-kheo vâng lãnh phụng trì? Và do nhân gì, duyên gì, bạch Thế Tôn, ngày nay thiết lập nhiều học giới, nhưng ít có Tỳ-kheo vâng lãnh phụng trì?

Đức Thế Tôn đáp rằng:

– Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không được

---

[4] Tham chiếu Pāli (AN 8.19): Tăng Chi Tám Pháp - II. Đại Phẩm - A-tu-la Pahārāda.

thịnh lợi, trong chúng không có pháp hỷ hảo[5]; nhưng khi chúng Tỳ-kheo được thịnh lợi, trong chúng phát sinh pháp hỷ hảo. Khi pháp hỷ hảo đã phát sinh, Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hỷ hảo đó, bèn thiết lập học giới cho đệ tử.

– Cũng vậy, khi chúng Tỳ-kheo được tán thán, được lớn mạnh, có những bậc Thượng tôn được hàng vương giả biết đến và có phước đức lớn, học vấn nhiều.

– Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không có những người đa văn, trong chúng không phát sinh pháp hỷ hảo. Nhưng khi chúng Tỳ-kheo có những người đa văn, trong chúng phát sinh pháp hỷ hảo. Vì pháp hỷ hảo đã phát sinh, Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hỷ hảo ấy, cho nên thiết lập học giới cho các đệ tử.

– Này Bạt-đà-hòa-lợi, không phải vì để đoạn trừ hữu lậu trong hiện tại mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Nhưng vì để đoạn trừ hữu lậu trong đời sau mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Bạt-đà-hòa-lợi, vì vậy, vì để đoạn trừ hữu lậu nên Ta thiết lập học giới cho đệ tử, khi đến vâng lãnh lời dạy của Ta.

– Bạt-đà-hòa-lợi, trước kia Ta đã từng nói pháp thí dụ về ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo, ở trong đó, do nhân gì, duyên gì ngươi có nhớ không?

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch rằng:

---

[5] Hỷ hảo: chuộng tốt. Pāli: āsavaṭṭhāniyā dhammā, pháp được xác lập trên hữu lậu.

– Bạch Thế Tôn, trong ấy có nguyên nhân. Vì sao vậy? Thế Tôn thiết lập giới nhất tọa thực[6] cho chúng Tỳ-kheo. Chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng lãnh học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì không theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó gọi là trong ấy có nguyên nhân.

Đức Thế Tôn lại nói với Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi, rằng:

– Trong đó không phải chỉ có nguyên nhân như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nói thí dụ về loài ngựa thanh tịnh cho các Tỳ-kheo, thì ngươi hẳn là không nhất tâm, không khéo cung kính, không tư niệm mà nghe. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó gọi là trong ấy lại còn có nguyên nhân khác nữa vậy.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền rời chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói thí dụ về con ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ khéo léo ghi nhớ.

---

[6] Nhất tọa thực: Một ngày chỉ ăn một lần giữa ngọ, và trong một lần ấy cũng chỉ ngồi một lần, nếu có duyên sự gì phải đứng dậy nửa chừng thì không ngồi ăn trở lại.

Thế Tôn nói rằng:

– Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như người biết cách huấn luyện ngựa, được một con ngựa tốt thuần giống. Người giỏi huấn luyện ấy trước hết trị cái miệng của nó. Sau khi trị miệng, tất nhiên nó sẽ không thích với sự chuyển động, muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì chưa từng được trị. Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu con ngựa tốt thuần giống tuân theo cách trị của người huấn luyện, cách trị thứ nhất được thành tựu. Nhưng người huấn luyện lại phải trị bằng cách dàm mõm, cùm chân; cùm chân, dàm mõm, nhưng khiến nó sải, đi, cần phải làm cho nó dừng lại, chạy đua, có thể để vua cỡi; đi không gì hơn, trầm tĩnh không gì hơn; trị các chi thể khác, thảy đều huấn luyện cho thành tựu. Tất nhiên nó không thích với chuyển động, hoặc muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì bị sửa trị nhiều lần. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nếu con ngựa tốt thuần giống, với người huấn luyện, được sửa trị nhiều lần cho đến thành tựu. Lúc bấy giờ nó là con ngựa thuần thục, khéo thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng hành, đệ nhất hành, rồi xung vào cho vua cỡi, ăn thóc của vua, được gọi là ngựa vua.

– Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, nếu bấy giờ có một người hiền minh, có trí, thành tựu mười pháp vô học, vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí, người ấy lúc bấy giờ là một người thuần thục, khéo thuần thục, vô thượng thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục,

vô thượng tĩnh chỉ, đệ nhất tĩnh chỉ, diệt trừ tất cả tà vạy, diệt trừ tất cả ô uế, diệt trừ tất cả sợ hãi, diệt trừ tất cả si ám, diệt trừ tất cả siểm nịnh, lắng đọng mọi trần lao, thanh tịnh mọi cấu trược, không còn gì để bị dính trước đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng thờ, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại.

(Trung A-hàm IV – 194. Kinh Bạt-đà-hòa-lợi[7] – Tr.2079)

3. PHẠM GIỚI CÓ NĂM ĐIỀU SUY HAO

Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm?

– 1. Cầu tài lợi không được toại nguyện.

– 2. Dẫu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn.

– 3. Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể.

– 4. Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ.

– 5. Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục.

Trái lại, này các thanh tín sĩ, phàm người giữ giới sẽ có năm công đức. Những gì là năm?

– 1. Cầu gì đều được như nguyện.

– 2. Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút.

– 3. Ở đâu cũng được mọi người kính mến.

– 4. Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ.

---

[7] Tham chiếu Pāli (MN 65): 65. Kinh Bhaddāli.

– 5. Thân hoại mệnh chung được sinh lên cõi trời.

(Trường A-hàm I – 2. Kinh Du Hành[8] – Tr.87)

4. GIỚI LÀ NỀN TẢNG

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lên lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

Này chư Hiền, ví như cách thôn không xa, nhà lớn, nhà nhỏ, lầu cao, lầu thấp, trong đó có một cái thang, nếu người nào đến cầu xin, leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không leo lên nấc thang thứ nhất mà muốn leo lên nấc thang thứ hai thì không thể được. Nếu không leo lên nấc thang thứ hai, thứ ba, thứ tư mà lên đến nhà gác cũng không thể được. Này chư Hiền, cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, nếu muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, điều đó chắc chắn có.

---

[8] Tham chiếu Pāli (DN 16): 16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn.

Này chư Hiền, như cách thôn không xa có ngôi nhà gác, trong đó có một cái thang, hoặc có mười nấc thang hay mười hai nấc thang. Nếu có người muốn cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nếu leo lên nấc thứ nhất của thang ấy rồi, muốn leo lên nấc thứ hai thì chắc chắn có thể được. Nếu leo lên nấc thứ hai, rồi muốn leo lên nấc thức ba, thứ tư thì chắc chắn có thể được. Này chư Hiền, cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, chắc chắn có điều đó.

Này chư Hiền, tôi nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện như quán sát ngàn thế giới.

Này chư Hiền, như người có mắt đứng trên lầu cao, với phương tiện nhỏ, nhìn khoảng đất trống phía dưới, thấy ngàn ụ đất. Này chư Hiền, tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện nhỏ thấy ngàn thế giới.

(Trung A-hàm II – 80. Kinh Ca-hy-na – Tr.843)

5. GIỮ GIỚI ĐƯỢC ĐẾN BỜ GIẢI THOÁT

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời chỗ độc cư tĩnh tọa đứng dậy, đến trước Đức Phật, đảnh lễ dưới chân

rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, giữ giới có mục đích gì?

– Này A-nan, giữ giới có mục đích khiến cho không hối hận.

– Bạch Thế Tôn, không hối hận thì có mục đích gì?

– Này A-nan, không hối hận thì có mục đích khiến cho được hân hoan.

– Bạch Thế Tôn, hân hoan có mục đích gì?

– Này A-nan, hân hoan có mục đích khiến cho có hỷ.

– Bạch Thế Tôn, hỷ có mục đích gì?

– Này A-nan, hỷ có mục đích khiến cho an chỉ.

– Bạch Thế Tôn, an chỉ có mục đích gì?

– Này A-nan, an chỉ có mục đích khiến cho lạc.

– Bạch Thế Tôn, lạc có mục đích gì?

– Này A-nan, lạc có mục đích khiến cho có định.

– Bạch Thế Tôn, định có mục đích gì?

– Này A-nan, định có mục đích là khiến cho thấy như thật, biết như chơn.

– Bạch Thế Tôn, thấy như thật, biết như chơn có mục đích gì?

– Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn có mục đích là khiến cho yếm ly.

– Bạch Thế Tôn, yếm ly có mục đích gì?

– Này A-nan, yếm ly có mục đích khiến cho vô dục.

– Bạch Thế Tôn, vô dục có mục đích gì?

– Này A-nan, vô dục có mục đích khiến cho giải thoát hết thảy dâm, nộ, si.

– Cho nên, này A-nan, nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chỉ, nhân chỉ mà được lạc, nhân lạc mà được định.

– Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa."

– Này A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.

(Trung A-Hàm I – 42. Kinh Hà Nghĩa[9] –Tr.429)

6. PHẬT KHÔNG NÓI GIỚI KHI TRONG CHÚNG CÓ NGƯỜI PHẠM

Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày Thế Tôn

---

[9] Tham chiếu Pāli (AN 10.1): Mười Pháp – I. Phẩm Lợi Ích – (1) Ý Nghĩa Gì.

thuyết Biệt giải thoát, trải tọa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quan sát tâm đại chúng. Khi quan sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, sửa y chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, Phật và Chúng Tỳ-kheo tập họp ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần giữa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Phật và thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng sắp hết; Phật và Chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, kính mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.

Đức Thế Tôn lại một lần nữa không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần cuối đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần

về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và Chúng Tỳ-kheo tập họp ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia:

– Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ thế này: "Vì Tỳ-kheo nào mà Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định như thế, nhân trong định như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập định như thế, nhân trong định như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Rồi thì, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lôi ra bên ngoài mà nói:

– Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng sống ở đây, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa.

Tôn giả đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Đức

Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà thưa:

– Tỳ-kheo mà vì ông ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi ông ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và Chúng Tỳ-kheo tập họp ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Biệt giải thoát thì đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Biệt giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Biệt giải thoát nữa. Vì sao như thế?[10]

– Vì như vầy, này Đại Mục-kiền-liên. Hoặc có người ngu si khi vào, lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng, đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn; cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như bậc phạm hạnh chân chánh,

---

[10] Từ đây trở xuống tương đương Pāli (AN 8.10). Bản Pāli bắt đầu bằng sự kiện hai Tỳ-kheo nói xấu nhau, và khi biết được, Đức Thế Tôn nói như trong bản Hán này.

nhưng hành động của bậc phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

– Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: "Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn." Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

– Này Đại Mục-kiền-liên, ví như trong ruộng lúa dé, hoặc ruộng lúa tẻ đang tươi tốt của cư sĩ kia có sinh loại cỏ tên là cỏ uế mạch. Cỏ này có rễ, thân, đốt, lá và hoa thảy đều giống hệt như cây lúa tẻ. Nhưng sau khi kết hạt thì người cư sĩ kia thấy được, liền suy nghĩ rằng: "Đây là sự ô nhục đối với lúa tẻ, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa tẻ." Sau khi biết rồi, cư sĩ kia liền nhổ quăng đi hết. Vì sao vậy? Vì không muốn giống lúa tẻ đích thật phải bị ô nhiễm.

– Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như đồng phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của đồng phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

– Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: "Đây là sự ô uế đối với Sa-

môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn." Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

– Này Đại Mục-kiền-liên, ví như đến mùa thu, người cư sĩ kia đem giê lúa. Từ trên cao, lúa được đổ từ từ xuống. Nếu là hạt lúa chắc thì nằm lại, còn lúa lép hay trấu thì sẽ theo gió bay đi. Sau đó người cư sĩ kia liền cầm chổi quét dọn sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì không muốn hạt lúa dé chắc thật phải bị ô tạp.

– Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như đồng phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của đồng phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

– Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: "Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn." Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

– Này Đại Mục-kiền-liên, ví như người cư sĩ kia muốn có nước suối chảy đến nên làm máng dẫn nước. Người

ấy cầm búa vào rừng, gõ vào thân các cây. Nếu cây có lõi cứng thì tiếng phát ra nhỏ, còn cây rỗng ruột thì tiếng phát ra lớn. Sau khi biết rõ, người cư sĩ kia liền chặt cây ấy đem về làm máng dẫn nước.

– Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tợ như đồng phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của đồng phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

– Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: "Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn." Sau khi biết rồi liền cùng nhau tẫn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

(Trung A-hàm III – 122. Kinh Chiêm-ba[11] – Tr.1211)

7. NĂM GIỚI

– Xá-lợi-phất, thế nào là bạch y Thánh đệ tử khéo giữ gìn và thực hành năm pháp?

– Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sinh, vứt bỏ dao

[11] Tham chiếu Pāli (AN 8.10): Tám Pháp – I. Phẩm Từ – (10) Các Đồ Rác.

gậy, có tâm tàm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sinh, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ nhất mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

– Lại nữa, này Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, dứt trừ việc lấy của không cho. Khi nào cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật của kẻ khác không lấy về mình. Người ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

– Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm. Người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ, hoặc cả cha cả mẹ cùng giữ, hoặc anh em giữ, hoặc chị em giữ, hoặc gia nương giữ, hoặc thân tộc giữ, hoặc người cùng họ giữ, hoặc là vợ của người khác, hoặc có phạt gậy, khủng bố[12], hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa[13]; đối với tất cả những người nữ ấy, không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

---

[12] Hữu tiên phạt, khủng bố: roi vọt và đe dọa; hai hạng nữ không là vợ hay con của ai, nhưng một hạng được pháp luật vua gìn giữ; và một hạng vốn là nô tì được chủ gìn giữ.
[13] Người nữ đã hứa hôn.

– Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối; nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không dời đổi sai chạy. Tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ tư mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

– Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

(Trung A-hàm III – 128. Kinh Ưu-bà-tắc[14] – Tr.1247)

8. GIỮ GÌN NGŨ GIỚI SINH VỀ CÕI TRỜI

Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Kia nhờ chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sinh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với chánh kiến, kia

---

[14] Tham chiếu Pāli (AN 5.179): Năm Pháp – XVIII. Phẩm Nam Cư Sĩ – (IX) (179) Gia Chủ.

do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

(Trung A-hàm III– 171. Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp[15] – Tr.1816)

9. ĐỆ TỬ TẠI GIA CỦA PHẬT GIỮ NĂM GIỚI

Một thời Phật trú tại Na-nan-đại, trong khu rừng xoài của Ba-hòa-lị.

Đoạn tuyệt tục sự

Bấy giờ Bô-đa-lị cư sĩ mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù, mang guốc thế tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi, thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Bà-la-môn bèn nói rằng:

– Chư Hiền nên biết, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.

Các Sa-môn, Bà-la-môn nói lại bằng những lời dịu dàng rằng:

– Vâng, cư sĩ Bô-đa-lị lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.

Rồi cư sĩ Bô-đa-lị trong khi du hành khắp nơi, thong dong tản bộ đến chỗ Đức Phật, chào hỏi xong, chống gậy đứng ngay trước Phật.

Thế Tôn hỏi:

---

[15] Tham chiếu Pāli (MN 136): 136. Đại Kinh Nghiệp Phân Biệt.

– Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi.

Cư sĩ Bô-đa-lị bạch rằng:

– Này Cù-đàm, không thể như vậy! Không nên như vậy! Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự, mà Cù-đàm gọi tôi là cư sĩ sao?

Thế Tôn nói:

– Ông có hình tướng, biểu hiện như cư sĩ, cho nên Ta gọi ông là cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi.

Thế Tôn lại ba lần nói rằng:

– Này cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi.

Cư sĩ Bô-đa-lị cũng ba lần bạch Phật rằng:

– Này Cù-đàm, không thể như vậy! Không nên như vậy! Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự, mà Cù-đàm gọi tôi là cư sĩ sao?

Thế Tôn trả lời rằng:

– Ông có hình tướng, biểu hiện như cư sĩ, cho nên Ta gọi ông là cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi.

Rồi Thế Tôn hỏi:

– Ông lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như thế nào?

Cư sĩ Bô-đa-lị đáp:

– Tất cả những tài vật trong nhà, tôi đều cho con cái hết, rồi tôi sống vô vi, vô cầu, chỉ đi lấy thức ăn để duy trì mạng sống mà thôi. Tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như vậy.

– Này cư sĩ, trong Thánh pháp luật, sự đoạn tuyệt các tục sự không phải như vậy. Này cư sĩ, trong Thánh pháp luật có tám chi đoạn tuyệt tục sự.

Lúc bấy giờ cư sĩ Bô-đa-lị bèn bỏ gậy, xếp dù, cởi guốc tục, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

– Này Cù-đàm, trong Thánh pháp luật, thế nào là tám chi đoạn tuyệt tục sự?

Tám chi đoạn tuyệt tục sự

Thế Tôn nói:

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát, y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho, y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm, y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo, y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước, y trên không nhuế hại mà đoạn trừ nhuế hại, y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch, y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

1. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai giết chóc phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta giết chóc, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai giết chóc như vậy, sẽ chịu quả

báo này, trong đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên y trên lìa sát mà đoạn trừ sát chăng?" Rồi vị ấy y trên xa lìa sát hại mà đoạn trừ sát hại. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát.

2. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai lấy của không cho tất phải chịu quả báo ác trong đời này và đời sau. Nếu ta lấy của không cho, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai lấy của không cho phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho chăng?" Rồi vị ấy y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho.

3. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai tà dâm tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tà dâm ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương thảy đều nghe đồn tiếng xấu của ta, khi thân hoại mạng chung phải đi

đến ác thú, sinh trong địa ngục. Ai tà dâm tất phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm chăng?" Rồi vị ấy y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm.

4. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai nói láo tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta nói láo ấy là tự hại mà cũng xuyên tạc phỉ báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ phải đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai nói láo tất phải chịu ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta nên y cứ trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo chăng?" Rồi vị ấy y cứ trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo.

5. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai tham trước tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tham trước ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai tham trước tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên xa lìa

tham trước mà đoạn trừ tham trước chăng?" Rồi vị ấy y trên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước.

6. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta hại nhuế ấy là tự hại mà cũng là hủy báng xuyên tạc người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế chăng?" Rồi vị ấy y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế.

7. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo đời này và đời sau. Nếu ta đố kỵ thù nghịch ấy là tự hại và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên không đố kỵ

thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch chăng?" Rồi vị ấy y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch.

8. – Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Ai tăng thượng mạn tất thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Ai có tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn chăng?" Rồi vị ấy y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. "Đó là Tám chi đoạn tuyệt tục sự trong Thánh pháp luật."

Cư sĩ hỏi rằng:

– Này Cù-đàm, trong Thánh pháp luật chỉ như vậy là đoạn tuyệt tục sự hay còn những điều khác nữa?

Tám thí dụ về dục

Thế Tôn nói:

– Trong Thánh pháp luật không chỉ có chừng đó đoạn

tuyệt tục sự, mà còn tám chi đoạn tuyệt tục sự khác khiến đạt đến chứng ngộ.

Bô-đa-lị cư sĩ nghe xong, bèn cởi khăn trắng chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

– Này Cù-đàm, thế nào nói là trong Thánh pháp luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ?

Thế Tôn đáp rằng:

1. – Này cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như bộ xương khô. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi sự vật dục của thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều đó.

2. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ diều khác đuổi theo để tranh giành. Ý cư sĩ nghĩ sao? Nếu quạ diều ấy không vội xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều

khác vẫn đuổi theo để giành giựt chăng?

Cư sĩ đáp:

– Thật sự như vậy, Cù-đàm.

– Ý cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ diều ấy xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác có còn đuổi theo để giành giựt chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không vậy, Cù-đàm.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy nên tu tập điều này.

3. – Này cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp:

– Thật sự như vậy, Cù-đàm.

– Ý cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc, sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không vậy, Cù-đàm.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như bó đuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi dục vọng thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

4. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chớ không muốn đau đớn, rất ghét sự đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người ấy lại nhảy vào hầm lửa này chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng, "Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chớ không hoài nghi. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng." Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, "Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

5. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc, chớ không muốn đau đớn, rất ghét đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao, người ấy há lại thò tay cho con rắn cắn, hay các chi thể khác và nói rằng, "Này, mổ đi! Này mổ đi!" Như vậy chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ rằng, "Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chớ không hoài nghi. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng." Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, "Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi dục vọng thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

6. – Này cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, năm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ

não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

7. – Này cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chăn gấm mùng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng, "Như vậy, tốt lành thay! Như vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy." Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Rồi chủ nhân tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt. Những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng, "Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chớ không phải vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi chủ nhân đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt." Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

8. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một

gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng, "Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?" Nghĩ xong, bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ rằng: "Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây này chăng?" Y bèn đốn ngã cây ấy. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp:

– Thật sự như vậy, Cù-đàm.

– Ý cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không vậy, Cù-đàm.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, "Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm,

hãy lánh xa đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập sự kiện này.

Đoạn tuyệt tục sự trong Thánh pháp

– Đó gọi là trong Thánh pháp luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác, đạt đến chứng ngộ.

– Này cư sĩ, rồi vị ấy có tầm có tứ, và đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Rồi vị ấy ly hỷ, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân thọ lạc, điều mà Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Rồi vị ấy lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng diệt, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

– Rồi vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và chứng ngộ lậu tận trí thông, biết như thật "Đây là Khổ", "Đây là Khổ tập", "Đây là Khổ diệt", "Đây là Khổ diệt đạo." Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa."

Khi nói pháp này Bô-đa-lị cư sĩ viễn ly trần cấu, pháp

nhãn về các pháp phát sinh. Lúc bấy giờ Bô-đa-lị cư sĩ thấy pháp, đắc pháp, chứng giác bạch tịnh pháp, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, bèn cúi đầu đảnh lễ chân Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn, con nay quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ hôm nay suốt trọn đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung.

– Bạch Thế Tôn, con trước đây mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù và mang guốc tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Bà-la-môn, bèn nói như vầy, "Chư Hiền, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự." Các Sa-môn, Bà-la-môn ấy bèn những lời dịu dàng nói với con rằng, "Vâng, cư sĩ Bô-đa-lị lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự."

– Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng Tỳ-kheo và đệ tử Thế Tôn, đây mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí xứng đáng thờ tự, thật sự có trí xứng đáng cúng thực, thật sự có trí xứng đáng phụng sự người trí tuệ.

– Bạch Thế Tôn, con nay lại lần nữa tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung. Bạch Thế Tôn, con trước kia kính tín kính trọng các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo, kể từ hôm nay đoạn tuyệt. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung.

(Trung A-hàm IV – 203. Kinh Bô-đa-lị [16] – Tr.2226)

10. HƯƠNG ĐỨC HẠNH

Một thời Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng suy nghĩ: "Có ba thứ mùi hương chỉ bay chiều gió, không thể bay ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là hương rễ cây, hương thân cây và hương của hoa. Có chăng loại hương nào bay theo chiều gió, cũng bay ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió?"

Suy nghĩ như thế, buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tỉnh giấc, A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật và lui đứng một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tự nghĩ thầm: "Có ba thứ hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược gió. Những gì là ba? Đó là hương rễ cây,

[16] Tham chiếu Pāli (MN 54): 54. Kinh Potaliya.

hương thân cây, và hương của hoa. Có chăng loại hương nào bay theo chiều gió, cũng bay ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió?"

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Đúng thế! Đúng thế! Có ba thứ hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược gió. Những gì là ba? Đó là hương rễ cây, hương thân cây, và hương của hoa.

– Này A-nan, cũng có hương bay theo chiều gió, bay ngược gió, và cũng bay thuận gió ngược gió. Này A-nan, hương bay theo chiều gió, bay ngược gió, và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: thiện nam tử hay người thiện nữ nào sống ở thành ấp, tụ lạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam, người thiện nữ như vậy đều được người lành trong tám phương, cùng phương trên, phương dưới, thảy đều tán thán rằng: "Ở phương kia, làng kia, có người thiện nam, người thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sinh... *cho đến* không uống rượu." Này A-nan, đây gọi là thứ hương hoa bay theo chiều gió, bay ngược chiều gió và cũng bay thuận gió ngược gió."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng phải hương rễ, cành,
Có thể bay ngược gió.
Chỉ có hương tịnh giới,

Của thiện nam, thiện nữ;
Ngược, thuận bay các phương,
Không đâu không nghe biết.
Đa-ca-la, Chiên-đàn,
Ưu-bát-la, Mạt-lợi;
So sánh các mùi hương,
Giới hương là hơn hết.
Hương thơm như Chiên-đàn,
Lan tỏa có giới hạn;
Chỉ có hương giới đức,
Xông ngát tận cõi trời.
Hương thơm của tịnh giới,
Chánh thọ, chẳng phóng dật;
Chánh trí và giải thoát,
Ma đạo không thể vào.
Đây là đạo an ổn,
Đạo này rất thanh tịnh;
Hướng thẳng diệu thiền định,
Bứt dây trói của ma.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi đi.

(Tạp A-hàm III – 30. Tương Ưng Tỳ-kheo – Kinh 977. A-nan[17] – Tr.1582)

---

[17] Đại Chánh, Kinh 1073: A-Nan. Tham chiếu Pāli (AN 3.79): Ba Pháp – VIII. Phẩm Ānanda – 79. Hương.

11. CHẾ GIỚI NHIỀU, ÍT NGƯỜI TU

(Đức Phật đề cập năm pháp để chánh pháp tồn tại)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở tại giảng đường Lộc Tử Mẫu, vườn phía Đông nước Xá-vệ. Vào buổi xế chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, rồi ngồi lui xuống một bên, bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, trước đây Thế Tôn ít chế cấm giới cho các Thanh văn, mà lúc ấy nhiều Tỳ-kheo tâm lại ưa thích học tập; còn ngày nay thì chế nhiều cấm giới, mà các Tỳ-kheo lại ít thích học tập?

Phật nói:

– Đúng vậy, Ca-diếp! Vì mạng trược, phiền não trược, kiếp trược, chúng sinh trược, kiến trược[18] và pháp thiện của chúng sinh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập!

– Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp chuyển hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu ngụy tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tự[19]

---

[18] Gọi là ngũ trược ác thế, bản Pāli không có.

[19] Hán: tương tự tượng pháp. Pāli: saddhammapatirūpaka – tương tự chánh pháp.

sinh ra; khi tượng pháp tương tự đã xuất hiện ở thế gian rồi, Chánh pháp sẽ bị diệt.

– Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sinh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật; bằng pháp tương tự mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.

– Này Ca-diếp, có năm nhân duyên có khả năng làm cho Chánh pháp Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà không kính, không trọng, không thành ý phụng sự. Đối với Đại Sư không kính, không trọng, không thành ý phụng sự, nhưng vẫn nương tựa để sống. Đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng không kính, không trọng, không thành ý phụng sự vẫn sống y chỉ[20]. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho Chánh pháp Như Lai nhân đây chìm mất.

---

[20] Bản Pāli, năm sự thoái hóa: chúng không tôn trọng Đạo sư, sống không tùy thuận; không tôn trọng Pháp, không tôn trọng Tăng, không tôn trọng học giới, không tôn trọng chánh định.

– Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến cho pháp luật của Như Lai không chìm, không mất, không suy giảm. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự , sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho pháp luật Như Lai không chìm, không mất, không sút giảm. Cho nên, này Ca-diếp, hãy học như vầy: "Đối với Đại Sư nên tu cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh mà được Đại Sư khen ngợi, cũng phải cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự, sống y chỉ."

(Tạp A-hàm III – 41. Tương Ưng Đại Ca-diếp – Kinh 1287. Pháp Tương Hoại[21] – Tr.2196)

12. GIỮ GIỚI KHÔNG HỐI HẬN

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Này chư Hiền, Tỳ-kheo phạm giới tất làm tổn hại việc thủ hộ các căn. Giữ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải

[21] Đại Chánh, Kinh 906. Tham chiếu Pāli (SN 16.13): Thiên Nhân Duyên – Chương V: Tương Ưng Kassapa – 13. Tượng Pháp.

thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

– Này chư Hiền, giống như cây nào mà rễ bị tổn hại thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thể thành được. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Nếu ai phạm giới thì làm tổn hại việc thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

– Này chư Hiền, Tỳ-kheo thủ hộ thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

– Này chư Hiền, giống như cây nào mà rễ không hư thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu ai giữ giới thì thường không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

(Trung A-hàm I – 48. Kinh Giới (II)[22] – Tr.442)

13. THÂN, MẠNG, TÀI SẢN KHÔNG BỀN CHẮC CẦU ĐƯỢC BỀN CHẮC

Có ba thứ không chắc thật. Những gì là ba?

---

[22] Tham chiếu Pāli (AN 10.4): Mười Pháp – I. Phẩm Lợi Ích – (IV) (4) Có Sở Y (Do Sāriputta Thuyết).

Thân không chắc thật, mạng không chắc thật, tài không chắc thật. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ không chắc thật.

Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không chắc thật, hãy phương tiện tìm cầu làm thành ba thứ chắc thật. Những gì là ba?

Thân không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật. Mạng không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật. Tài không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật.

Sao gọi là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật?

Nghĩa là khiêm nhường, cung kính, lễ bái, tùy lúc thăm hỏi. Đây là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

Sao gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật?

Ở đây, thiện nam tử, thiện nữ nhân suốt đời không sát sinh, không dùng dao gậy, thường biết tàm quý, có tâm từ bi, nghĩ khắp tất cả chúng sinh; suốt đời không trộm cắp, thường niệm bố thí, tâm không ý tưởng keo lẫn; suốt đời không dâm dật, cũng không thông dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường nghĩ đến chí thành không khi dối người đời; suốt đời không uống rượu, ý không tán loạn, giữ giới cấm của Phật. Đó gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

Sao gọi là tài không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật?

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thường niệm bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các hàng nghèo khó. Người cần ăn

thì cho ăn, cần nước uống cho nước uống, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, nhà cửa thành quách, những thứ gì cần đều đem cho hết; tài sản không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật là như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm I – 21. Phẩm Tam Bảo – Kinh số 10 – Tr.379)

CHƯƠNG 3

THIỀN ĐỊNH

1. TỨ NIỆM XỨ

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có con đường chỉ một lối vào, làm thanh tịnh các hành của chúng sinh, trừ bỏ sầu ưu, không còn mọi bức não, được trí tuệ lớn, thành tựu sự chứng đắc Niết-bàn. Đó là hãy diệt trừ năm triền cái, tư duy bốn niệm xứ.

– Thế nào là một lối vào? Tâm chuyên nhất, đó là một lối vào. Thế nào là đạo? Tám phẩm đạo Hiền thánh: (1) chánh kiến, (2) chánh tư duy, (3) chánh ngữ, (4) chánh nghiệp, (5) chánh mạng, (6) chánh tinh tấn, (7) chánh niệm, (8) chánh định. Đó gọi là đạo. Đó gọi là con đường chỉ một lối vào.

– Thế nào là hãy diệt trừ năm triền cái? Tham dục cái, sân nhuế cái, trạo cử cái, thụy miên cái, nghi cái. Đó gọi là năm triền cái phải diệt.

– Thế nào là tư duy bốn niệm xứ? Ở đây, này Tỳ-kheo, quán thân nơi nội thân trừ bỏ niệm ác, không có sầu ưu;

quán thân nơi ngoại thân, trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu; quán thân nơi nội ngoại thân, thân trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu. Quán thọ nơi nội thọ, quán thọ nơi ngoại thọ, quán thọ nơi nội ngoại thọ mà tự an trú. Quán nội tâm, quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm mà tự an trú. Quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp mà tự an trú.

– Thế nào là Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân mà tự an trú? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh hành của nó: từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này tất cả đều bất tịnh, không có gì đáng tham.

– Lại quán thân này có các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ cao, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận; thảy đều quán biết hết. Phẩn, tiểu, sinh tạng, thục tạng, nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ, mật; đều nên quán biết, không có gì đáng tham đắm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy quán thân mà tự an trú, trừ bỏ niệm ác, không có sầu ưu.

– Lại nữa Tỳ-kheo lại quán thân này có đại chủng đất chăng? Có đại chủng nước, lửa, gió chăng? Tỳ-kheo quán sát thân này như vậy.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này, phân biệt các giới; thân này có bốn đại chủng. Giống như người khéo mổ bò, hoặc học trò người mổ bò, xẻ con bò từng phần để tự xem xét: đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo kia phân biệt giới này mà tự quán

sát: thân này có các đại chủng đất, nước, lửa, gió. Tỳ-kheo quán sát thân như vậy mà tự an trú.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ rỉ chảy không sạch. Giống như người kia quán sát vườn trúc hay quán sát bụi lau. Cũng vậy Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ chảy ra các thứ bất tịnh.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi[1], hoặc chết đã một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thể sình trướng, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng với thân kia không khác[2], thân ta không thoát khỏi hoạn này.

– Hoặc Tỳ-kheo quán tử thi bị quạ, se sẻ, kên kên ăn nuốt, hoặc bị hổ lang, chó sói, các loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân mà an trú.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa, rơi vãi trên đất, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi pháp này.

– Lại nữa, quán tử thi đã hết thịt, chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân mình quán sát như thân

---

[1] Nói về quán thân nơi ngoại thân.
[2] Quán nội ngoại thân.

kia cũng không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, gân ràng rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại quán thân mình cùng kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, xương hông, hoặc xương cùng, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia không khác. Ta không thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như vậy Tỳ-kheo quán thân này mà tự an trú.

– Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu ngọc trắng. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, ta không lìa khỏi pháp này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân.

– Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy tử thi, tưởng xương xanh bầm, không có gì đáng tham đắm, hoặc cùng màu tro đất không thể phân biệt. Như vậy, Tỳ-kheo tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Thân này vô thường, là pháp phân tán. Như vậy Tỳ-kheo quán nội tự thân, quán ngoại thân, quán nội ngoại thân, phân rã, không có gì.

– Thế nào là Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ? Ở đây, Tỳ-kheo khi có cảm thọ lạc, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không lạc không khổ, tự

giác tri rằng ta có cảm thọ không lạc không khổ. Nếu khi được cảm thọ lạc bởi vật dục[3], liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc bởi vật dục. Nếu khi được cảm thọ khổ bởi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ khổ bởi vật dục. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ bởi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khổ bởi vật dục. Nếu khi được cảm thọ lạc phi vật dục[4], liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc phi vật dục. Nếu được cảm thọ khổ phi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ khổ phi vật dục. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ phi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khổ phi vật dục. Tỳ-kheo tự quán nội thọ như vậy.

– Lại nữa, nếu Tỳ-kheo lúc được cảm thọ lạc, lúc ấy không có cảm thọ khổ, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ lạc. Nếu lúc được cảm thọ khổ, lúc ấy không có cảm thọ lạc, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ khổ. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ, lúc đó không có lạc, không có khổ, thì tự giác tri ta đang cảm thọ không lạc không khổ.

– Vị đó quán pháp tập khởi mà tự an trú, cũng quán pháp diệt tận, lại quán pháp tập diệt. Hoặc lại có thọ hiện tiền mà có thể biết, có thể thấy; vị ấy tư duy nguồn gốc của nó, không nương tựa vào đâu mà tự an trú, không khởi niệm tưởng về thế gian. Ở trong đó cũng không kinh

---

[3] Hán: thực lạc thống, cảm thọ lạc thuộc vật chất, nhục thể.
[4] Hán: bất thực lạc thống, cảm thọ lạc không thuộc vật chất, phi nhục thể.

sợ. Do không kinh sợ mà đạt đến Niết-bàn, như thật biết rằng: "Sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Tỳ-kheo tự quán nội thọ như vậy, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Tự quán ngoại thọ[5], quán nội ngoại thọ, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Như vậy Tỳ-kheo nội ngoại quán thọ.

– Thế nào là quán tâm nơi tâm mà tự an trú? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự giác tri có tâm ái dục; không có tâm ái dục, cũng tự giác tri không có tâm ái dục. Có tâm sân nhuế, liền tự giác tri có tâm sân nhuế; không có tâm sân nhuế, cũng tự giác tri không có tâm sân nhuế. Nếu có tâm ngu si, liền tự giác tri có tâm ngu si; không có tâm ngu si, liền tự giác tri ta không có tâm ngu si. Nếu có tâm ái niệm, liền tự giác tri có tâm ái niệm; không có tâm ái niệm, liền tự giác tri không có tâm ái niệm. Có tâm thọ nhập, thì tự giác tri có tâm thọ nhập; không tâm thọ nhập, thì tự giác tri không tâm thọ nhập. Nếu có tâm loạn, thì tự giác tri có tâm loạn; không có tâm loạn niệm, cũng tự giác tri không có tâm loạn niệm. Có tâm tán lạc, liền tự giác tri có tâm tán lạc; không có tâm tán lạc, liền tự giác tri không có tâm tán lạc. Có tâm phổ biến, liền tự giác tri có tâm phổ biến; không có tâm phổ biến, cũng tự giác tri không có tâm phổ biến. Có tâm lớn, liền tự giác tri có tâm lớn; không có tâm lớn, cũng tự giác tri không có tâm lớn. Có tâm vô lượng, liền tự giác tri có tâm vô lượng; không

[5] Ý nghĩa: quán thọ nơi người khác.

có tâm vô lượng, cũng tự giác tri không có tâm vô lượng. Có tâm tam-muội, liền giác tri có tâm tam-muội[6]; không có tâm tam-muội, cũng giác tri không có tâm tam-muội. Tâm chưa giải thoát, liền tự giác tri tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát, cũng tự giác tri tâm đã giải thoát.

– Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ với sự quán sát tướng của tâm; quán tập pháp, quán diệt pháp, cùng quán pháp tập diệt; tư duy quán pháp mà tự an trú. Những gì mà có thể biết, có thể thấy, có thể tư duy, không thể tư duy, không nương tựa cái gì, không khởi lên niệm tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi liền được vô dư. Đã được vô dư liền được Niết-bàn, như thật biết rằng: "Sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân đời sau nữa."

– Như vậy, Tỳ-kheo tu tập niệm xứ, tự quán tâm nơi nội tâm, trừ bỏ loạn tưởng, không có sầu lo; tu tập niệm xứ, tự quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm, trừ bỏ loạn niệm, không có sầu lo. Như vậy, Tỳ-kheo tu tập niệm xứ quán tướng của tâm nơi tâm.

– Thế nào là Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác. Tu trạch pháp giác chi, tu tinh tấn giác chi, tu hỷ giác chi, tu khinh an giác chi, tu

[6] Pāli: samāhitaṃ cittaṃ, tâm định, tập trung.

định giác chi, tu xả giác chi, y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

– Lại nữa, Tỳ-kheo đã giải thoát khỏi ái dục, trừ pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, có hỷ và lạc do viễn ly sinh, chứng nhập và an trú sơ thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

– Lại nữa, Tỳ-kheo xả tầm và tứ, nội tâm tịch tĩnh, chuyên nhất ý, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh, chứng nhập và an trú nhị thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

– Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ, an trú xả, hằng tự giác tri, thân có tri giác lạc, điều mà các hiền thánh mong cầu là có xả, có niệm, an trú lạc, chứng nhập và an trú tam thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

– Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm lạc khổ, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, an trú nơi tứ thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

– Vị ấy, hành pháp tập, hành pháp diệt tận, cùng hành pháp tập diệt mà tự an trú, liền được niệm xứ nơi pháp hiện tiền, có thể biết, có thể thấy, trừ bỏ loạn tưởng, không nương tựa cái gì, không khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi thì

như thật biết rằng, "Sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa."

– Này các Tỳ-kheo, y chỉ trên con đường một lối vào mà chúng sinh được thanh tịnh, xa lìa sầu ưu, lại không có tưởng ưu hỷ, đạt được trí tuệ, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là diệt năm triền cái, tu bốn niệm xứ.

(Tăng Nhất A-hàm I – 12. Phẩm Nhập Đạo – Kinh số 1[7] –Tr.144)

2. TU THIỀN

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong; rồi cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

– Ngươi từ đâu lại?

Xá-lợi-phất đáp:

– Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại.

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

– Hôm nay ngươi nhập vào thiền nào mà an trú?

[7] Tham chiếu Pāli (MN 10): 10. Kinh Niệm Xứ.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trụ thiền Không tam-muội[8].

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay ngươi đã nhập thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vầy:

– Khi vào thành, khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: "Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ân ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?" Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhãn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

– Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhãn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-

[8] Không tam-muội: không trụ hay không hành, an trụ trong không tánh.

kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ.

(Tạp A-hàm I – 4. Tương Ưng Sáu Xứ
– Kinh 238: Thanh Tịnh Khất Thực Trụ[9] – Tr.434)

3. PHƯƠNG PHÁP NIỆM HƠI THỞ

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa tịnh giới, oai nghi hành xử đầy đủ; đối với những tội vi tế hay sinh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

– Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

– Lại nữa, Tỳ-kheo nào ăn uống biết lượng, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sinh ra tư tưởng ham muốn; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

– Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư

---

[9] Đại Chánh, Kinh 236. Tham chiếu Pāli (MN 151): 151. Kinh Khất Thực Thanh Tịnh.

mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

– Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng hoang vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

(Tạp A-hàm II – 20. Tương Ưng An-na-ban-na – Kinh 769. Ngũ Pháp[10] – Tr.1262)

4. LỤC NIỆM

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

– Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả, nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất thừa đạo khiến cho chúng sinh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh tịnh: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niệm Như Lai là pháp sở hành nên hành, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại. Thánh đệ tử

[10] Đại Chánh, Kinh 801.

ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sinh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

– Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm tưởng Chánh pháp, niệm: Pháp luật hiện tại của Thế Tôn, lìa mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, tức duyên ngay trong đời này mà tự giác ngộ. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Pháp, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sinh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

– Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận. Đó là hướng Tu-

đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái. Khi Thánh đệ tử niệm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Tăng, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sinh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

– Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niệm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy, giới khéo rốt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục

này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Giới, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sinh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

– Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp, tâm tự hoan hỷ: Nay ta đã lìa cấu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bố thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bố thí, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bố thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Thí, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sinh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

– Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức, niệm: Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi này sẽ sinh lên các

cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, văn, tuệ, mạng chung ở nơi này, ta sẽ được sinh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại; như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Thiên, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ sáu ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sinh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

(Tạp A-hàm II – 12. Tương ưng Ma-ha Ca-chiên-diên – Kinh 549. Ly[11] – Tr.1001)

5. NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

– Này Cường-kỳ, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ nói ý nghĩa bài kệ một cách rộng rãi cho ông nghe.

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch rằng:

– Xin vâng, con xin chấp thuận lời dạy.

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,

---

[11] Đại Chánh, Kinh 550. Tham chiếu Pāli AN (6.26): Sáu Pháp – III. Phẩm Trên Tất Cả – (VI) 26 kaccāna.

Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế[12] *kệ này.*

– Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Tỳ-kheo hoan lạc sắc quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Tỳ-kheo hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

– Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Tỳ-kheo không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

---

[12] Bạt-địa-la-đế (Bhaddekaratta): một đêm hạnh phúc, nhất dạ hiền giả.

– Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai? Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Tỳ-kheo hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai.

– Này Cường-kỳ, sao gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai? Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, sẽ không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.

– Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.

– Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại.

(Trung A-hàm III
– 166. Kinh Thích Trung Thiền Thất Tôn[13] – Tr.1760)

---

[13] Tham chiếu Pāli (MN 134): 134. Kinh Lomasakangiya Nhất Dạ Hiền Giả.

6. NIỆM TAM BẢO HẾT SỢ HÃI

Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn:

– Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: "Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn." Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm Pháp sự, "Chánh pháp luật của Phật, được thấy kết quả hiện tại, khiến xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận, duyên vào tự mình mà giác tri." Lại niệm Tăng sự, "Đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng... *cho đến* là ruộng phước của thế gian." Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ.

(Tạp A-hàm II – 26. Tương Ưng Tám Chúng – Kinh 888. Niệm Tam Bảo[14] – Tr.1410)

7. BỐN CHỖ TƯỞNG NHỚ

Bấy giờ, A-nan trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Phật:

– Thế Tôn, hiện nay các Sa-môn khắp bốn phương, gồm những vị kỳ cựu đa văn, thấu hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính và gần gũi hỏi han. Nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con không còn biết hỏi ai nữa,

[14] Đại Chánh, Kinh 980.

thì làm sao?

Phật bảo A-nan:

– Ngươi chớ lo. Các con nhà dòng dõi[15] thường có bốn chỗ tưởng nhớ:

1. Tưởng tới chỗ Phật sinh, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sinh tâm luyến mộ.

2. Tưởng tới chỗ Phật thành đạo, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sinh tâm luyến mộ.

3. Tưởng tới chỗ Phật chuyển pháp luân đầu tiên, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sinh tâm luyến mộ.

4. Tưởng tới chỗ Phật vào Niết-bàn, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sinh tâm luyến mộ.

– Này A-nan, sau khi ta diệt độ, trai hay gái con nhà dòng dõi nhớ nghĩ khi Phật giáng sinh có những công đức như thế, khi Phật đắc đạo có những thần thông như thế, khi Phật chuyển pháp luân có những sự hóa độ như thế, khi Phật diệt độ có những lời di huấn như thế. Rồi mỗi người đi đến bốn chỗ đó kính lễ, dựng chùa tháp cúng dường. Khi chết đều được sinh lên cõi trời, chỉ trừ người đắc đạo.

(Trường A-hàm I – 2. Kinh Du Hành[16]
– 32. Bốn Chỗ Phật Tích – Tr.171)

---

[15] Hán: tộc tánh tử, người thuộc trong bốn giai cấp. Cũng dịch là thiện gia nam tử hay thiện nam tử.
[16] Tham chiếu Pāli (DN 16): 16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn.

CHƯƠNG 4

TRÍ TUỆ

1. THẾ NÀO LÀ PHÁP TRÍ TUỆ

Ba tiêu tướng của trí tuệ

Thế nào là pháp trí tuệ?

– Người trí tuệ có ba sự kiện: sự tướng, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.

Những gì là ba?

– Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ, nên được nói là trí tuệ vậy.

Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói lời thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm sao biết được họ là trí?

– Vì người có trí tuệ nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện, nên người có trí được nói là kẻ trí.

Hiện tại hỷ lạc

Người có trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc. Thế nào là người trí tuệ ngay

trong đời hiện tại thân tâm của họ cảm thọ ba điều hỷ lạc?

1. – Người trí tuệ khi có làm điều gì, hoặc ngồi nơi tụ lạc, hoặc tại đường cái, đường hẻm, hoặc tại chợ quán, hoặc tại ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người trí. Kẻ có trí từ bỏ sát sinh, từ bỏ việc lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến mà được chánh kiến, thành tựu vô lượng pháp thiện. Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy họ, bèn khen ngợi. Người trí tuệ kia nghe điều đó, hoặc tự nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy bèn khen ngợi. Ta đây cũng có vô lượng pháp thiện. Nếu có kẻ nào thấy tất sẽ khen ngợi ta." Đây là điều hỷ lạc thứ nhất mà người trí ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

2. – Lại nữa, người trí tuệ kia thấy người của vua dùng các thứ hình phạt để trị giặc cướp như chặt tay, chặt chân, và chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả tai mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, hoặc nhổ tóc, bứt râu, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc bỏ vào cũi, trùm trong áo rồi đốt cháy, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào trong bụng lừa sắt, hoặc ném vào trong miệng heo sắt, hoặc đôi vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào chảo đồng, hoặc đôi vào chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng giáo nhọn đâm, hoặc lấy móc câu móc, hoặc đặt trên giường sắt rồi lấy dầu sôi nhểu, hoặc ngồi trên cối sắt dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mổ, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng

gậy đánh, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đầu, hoặc đâm chết bêu đầu. Người trí tuệ kia thấy rồi bèn nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, vua biết được bắt và khảo trị như vậy. Ta không làm vô lượng pháp ác bất thiện. Nếu vua biết ta thì ta hoàn toàn chẳng bị các loại khổ trị như vậy." Đây là điều hỷ lạc thứ hai mà người trí ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

3. – Lại nữa, người trí kia hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người đó gặp lúc bệnh khổ, hoặc nằm ngồi trên giường, hoặc nằm ngồi trên ván, hoặc nằm ngồi dưới đất, hoặc thân đau nhức rất khổ sở cho đến khi mạng sống gần dứt. Những hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành của người kia, bấy giờ các việc làm ấy treo ngược lên cao. Ví như xế chiều, mặt trời lặn xuống, bóng núi cao đổ ngược trên mặt đất. Cũng vậy, hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành của người kia treo ngược từ trên cao. Người ấy tự nghĩ: "Đây là những hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, treo ngược từ trên cao. Vì lúc xế trưa ta làm nhiều phước, không làm ác. Nếu có nơi nào cho những người không làm ác, không hung bạo, không làm điều phi lý, chỉ làm phước, tạo nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, thì ta đến chỗ lành đó." Do vậy, người ấy không sinh tâm hối hận. Do không hối hận, nên người ấy chết nhẹ nhàng, mạng chung an lành. Đây là điều hỷ lạc thứ ba mà người trí ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được.

Sinh thiện xứ

– Lại nữa, người trí kia hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người ấy sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sinh lên cõi trời. Kẻ kia đã sinh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm. Nếu ai nghĩ rằng: "Nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm, nơi đó được nói là thiện xứ." Vì sao? Vì chốn lành kia, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm.

(Trung A-hàm IV – 199. Kinh Si Tuệ Địa[1] – Tr.2156)

2. NGHE PHÁP CÓ NĂM CÔNG ĐỨC (1)

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Tùy thời nghe pháp, có năm công đức, không khi nào mất. Những gì là năm?

– Nghe được pháp chưa từng nghe; nghe rồi thì ghi nhớ; trừ dẹp hoài nghi; cũng không tà kiến; hiểu pháp sâu thẳm.

– Tỳ-kheo, đó là nói tùy thời nghe pháp có năm công đức này. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên niệm thường nghe pháp sâu thẳm. Đây là giáo giới của Ta. Như vậy Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm III – 52. Phẩm Đại Ái Đạo Bát-Niết-Bàn – Kinh số 5 – Tr.553)

---

[1] Tham chiếu Pāli (MN 129): 129. Kinh Hiền Ngu.

3. NGHE PHÁP CÓ NĂM CÔNG ĐỨC (2)

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tùy thời nghe pháp có năm công đức, tùy thời vâng lãnh không mất thứ lớp. Sao gọi là năm?

– Điều chưa từng nghe, nay được nghe; điều đã được nghe, tụng đọc lại; kiến giải không tà lệch; không có hồ nghi; hiểu nghĩa sâu xa.

– Tùy thời nghe Pháp có năm công đức, cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời nghe Pháp. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 36. Phẩm Thính Pháp – Kinh số 1[2] – Tr.397)

4. NHỜ HỌC RỘNG NGHE NHIỀU NÊN KHÔNG PHIỀN NÃO

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn[3], sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

– Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho mới dám trình bày.

Thế Tôn nói:

---

[2] Tham chiếu Pāli (AN 5.202): Năm Pháp – XXI. Phẩm Kimbila – (II) (202) Nghe Pháp.

[3] Sanh Văn (Jāṇussonī), ông được kể trong số những Bà-la-môn lỗi lạc đương thời Phật. Ông thường ở tại Xá-vệ và thường đến gặp Phật để thảo luận.

– Này Bà-la-môn, muốn hỏi gì xin cứ hỏi.

Bà-la-môn Sanh Văn bèn hỏi:

– Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn, tụng tập?

Thế Tôn đáp:

– Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn, tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tịnh, tự tìm cầu cứu cánh tịch diệt. Này Bà-la-môn, đệ tử của Ta tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn tụng tập.

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

– Này Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt chăng? Bác văn tụng tập có công đức chăng?

Thế Tôn nói:

– Này Bà-la-môn, bác văn tụng tập có sự sai biệt, bác văn tụng tập cũng có công đức.

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

– Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt gì? Có công đức gì?

Thế Tôn nói:

– Này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích, nhưng công nghiệp của họ thất bại, không thành. Khi những công nghiệp

của họ thất bại không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình, áo não; cũng không phát cuồng. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp mà những công nghiệp ấy thất bại không thành; dù những công nghiệp ấy đã thất bại không thành, họ vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình ảo não; cũng không phát si phát cuồng, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử có những gì yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não, cũng không phát si phát cuồng. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử có những gì yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt, chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não, cũng không phát si phát cuồng, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu này thảy đều vô thường, nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử sau khi

biết rằng tài vật sở hữu thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những sở hữu tài vật thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín lìa bỏ gia đình sống không gia đình học đạo, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử có thể kham nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc. Khi những điều không hoan lạc đã sinh, trong lòng không hề bị vướng bận. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc; những điều không hoan lạc đã sinh, trong tâm không hề bị vướng bận, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại

sự sợ hãi. Khi sự sợ hãi phát sinh, trong tâm không hề bị vướng bận. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi, khi sự sợ hãi phát sinh, trong tâm không hề vướng bận, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử khi sinh khởi ba niệm ác bất thiện là: niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này, trong tâm không hề bị dính trước. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử phát sinh ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này mà trong tâm không hề bị dính trước, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử mà ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sinh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian thiên thượng rồi đoạn tận khổ biên. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần

tái sinh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian và thiên thượng rồi đoạn tận khổ biên, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, nộ và si đã mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, và nộ si đã mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sinh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sinh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

– Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa." Này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử này với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa", thì này Bà-la- môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn, bác văn tụng tập có sự sai biệt này, có công đức này. Còn có sự sai biệt nào, còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa chăng?

Thế Tôn nói:

– Này Bà-la-môn, bác văn tụng tập này có sự sai biệt này và với công đức này không còn có sự sai biệt, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa.

Bà-la-môn Sanh Văn bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo

Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời quy y cho đến tận mạng.

(Trung A-hàm III – 147. Kinh Văn Đức – Tr.1511)

5. NHỜ CHÁNH KIẾN DỨT ĐƯỢC KHỔ

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó, là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ, có tiền tướng là chánh kiến. Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được chánh tri kiến, tự biết rằng "sự sinh của Ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không tái sinh kiếp sau."

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 716. Nhập Xuất[4] – Tr.1213)

6. VÔ MINH VÀ MINH (1)

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vô minh làm tiền tướng nên sinh ra các pháp ác bất

---

[4] Đại Chánh, Kinh 748. Tham chiếu Pāli (SN 45.55): Tập V: Đại Phẩm – Chương I: Tương Ưng Đạo – 55.VII. Như Lý (1).

thiện. Rồi theo đó sinh ra vô tàm, vô quý. Vô tàm, vô quý đã sinh ra rồi, theo đó sinh ra tà kiến. Tà kiến đã sinh ra rồi, có thể khởi lên tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

– Nếu khởi lên minh làm tiền tướng sinh ra các pháp thiện, theo đó sinh ra tàm quý. Tàm quý đã sinh ra rồi thì có thể sinh ra chánh kiến. Chánh kiến đã sinh ra rồi, theo thứ tự khởi lên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử sẽ được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi thì sẽ được chánh tri kiến, tự biết "sự sinh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh vào đời sau."

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 717. Vô Minh[5] – Tr.1214)

7. VÔ MINH VÀ MINH (2)

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc Ca-lan-đà trong thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng,

---

[5] Đại Chánh, Kinh 749. Tham chiếu Pāli (SN 45.1): Tập V: Đại Phẩm – Chương I: Tương Ưng Đạo –1.I. Vô Minh.

rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Không biết là vô minh.

– Không biết những gì?

– Không biết như thật về sắc. Không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức. Không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thủ uẩn này, mà không biết như thật, không thấy như thật, không có hiện quán, mờ tối, hay ngu si, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, thì gọi là vô minh.

Lại hỏi:

– Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Biết tức là minh.

Lại hỏi:

– Biết những gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Này Câu-hi-la, đối với năm thủ uẩn này, biết như thật, thấy như thật, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có hiện quán, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh.

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

(Tạp A-hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 35. Vô Minh (3)[6] – Tr.78)

8. THẾ NÀO LÀ PHÁP NGU SI?

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về pháp ngu si và

[6] Đại Chánh, Kinh 258. Tham chiếu Pāli (SN 22.131–135): Tập III. Thiên Uẩn – C. Năm Mươi Kinh Sau – III. Phẩm Vô Minh – (6-7) Tập Khởi và (8-10) Koṭṭhika.

pháp trí tuệ. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

Ba tiêu tướng của ngu si

– Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: Sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si[7]. Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.

– Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc làm ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si.

Khổ báo hiện tại

– Người ngu si kia ngay trong đời hiện tại, thân tâm phải cảm thọ ba điều sầu khổ. Thế nào là thân tâm người ngu si phải cảm thọ ba điều sầu khổ? Người ngu si có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ hội, hoặc nơi đường cái, đường hẻm, hoặc nơi chợ quán, hoặc đầu ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người ngu si. Người ngu si mà làm việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, và thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện khác,

---

[7] Ba đặc tính, ba dấu hiệu, ba dấu tích của người ngu.

và đã thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện khác rồi, khi người khác thấy được bèn nói sự ác của nó. Kẻ ngu si kia nghe vậy, tự nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, khi người ta thấy được bèn nói sự ác của nó. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện. Nếu có kẻ khác biết được, cũng nói điều ác của ta." Đây là điều sầu khổ thứ nhất mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

– Lại nữa, người ngu si thấy người của vua bắt trói kẻ có tội, trị bằng các thứ hình phạt đau đớn như: chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, nhổ tóc, bứt râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc nhốt trong cũi, trùm trong áo rồi đốt, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào miệng heo sắt, hoặc bỏ vào bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ trong chảo đồng, hoặc đặt trong chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc lấy mũi nhọn đâm, hoặc dùng móc câu móc, hoặc đặt trên giường sắt, lấy dầu sôi nhổu xuống, hoặc bắt ngồi trên cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mổ, hoặc lấy roi đánh, hoặc dùng gậy phang, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi, bêu đầu, hoặc đem chém bêu đầu. Người ngu si kia thấy vậy rồi, tự suy nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện mà vua biết được, cũng bắt và khảo như vậy. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện, nếu vua biết được, ta cũng bị khảo trị như vậy." Đây là điều sầu khổ thứ hai mà thân

của kẻ ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

– Lại nữa, người ngu si kia thân hành ác hành; khẩu, ý hành ác hành; khi nó bệnh tật mà chịu đau đớn, hoặc ngồi nằm trên giường, hoặc ngồi nằm trên ván, hoặc ngồi nằm trên đất, thân tâm cực kỳ đau khổ, nhẫn đến mạng sống gần dứt. Bấy giờ những thân ác hành, khẩu, ý ác hành của nó treo ngược từ trên cao, như lúc xế chiều mặt trời lặn xuống núi cao, dốc ngược trên mặt đất. Cũng vậy, những thân ác hành, khẩu và ý ác hành của nó bây giờ đang treo ngược từ trên cao. Người kia tự nghĩ: "Đó là những thân ác hành, khẩu, ý ác hành của ta đang đổ ngược từ trên cao. Ta xưa kia làm ác nhiều, không tạo phước. Nếu có nơi nào cho những người làm ác, hung bạo, làm việc phi lý, không làm lành, không tạo phước, không tìm nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, ta đến chỗ ác đó." Rồi do đó mà sinh hối hận, mà chết không nhẹ nhàng, mạng chung chẳng an lành. Đây là điều sầu khổ thứ ba mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Khổ thọ trong địa ngục

– Lại nữa, người ngu si kia, thân hành ác hành, khẩu hành ác hành, ý hành ác hành. Và sau khi thân hành ác hành, khẩu, ý hành ác hành, do nhân duyên đó, thân hoại mạng chung chắc đến đường ác, sinh vào địa ngục. Đã sinh vào đó, nó lãnh thọ khổ báo, hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, khả niệm, cái đó là địa ngục. Vì sao? Vì trong địa ngục kia hoàn toàn không khả

ái, không khả lạc, không khả ý khả niệm vậy.

(Trung A-hàm IV – 199. Kinh Si Tuệ Địa[8] – Tr.2142)

9. ĐẤT TRÊN TAY VÀ ĐẠI ĐỊA

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng trong móng tay khư một ít đất, rồi nói với các Tỳ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay đất ở đại địa này nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay của Thế Tôn là rất ít, ít lắm, còn đất ở đại địa thì nhiều vô lượng, cho đến không thể dùng toán số, hay thí dụ để so sánh được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Cũng như vậy, thân hình các chúng sinh mà có thể thấy được thì như đất trên móng tay; còn thân hình của chúng sinh vi tế không thể thấy được nhiều như đất trên đại địa. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, nên siêng năng tìm cầu phương tiện, phát khởi ý muốn hơn lên, tu học hiện quán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đất liền nói trên, về thủy tánh cũng lại như vậy.

---

[8] Tham chiếu Pāli (MN 129): 129. Kinh Hiền Ngu.

Các kinh khác tương tự:

– Ít như đất trên móng tay, cũng vậy, những chúng sinh được sinh ra trong cõi người. Còn loại không được làm người cũng như đất đại địa.

– Những chúng sinh được sinh ra nơi có văn minh (đô thị) cũng như đất dính trên móng tay. Còn được sinh ra nơi biên địa cũng như đất trên đại địa.

– Người thành tựu Thánh tuệ nhãn cũng như đất trên móng tay. Còn người không thành tựu Thánh tuệ nhãn cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh biết được pháp luật này, cũng như đất dính trên móng tay. Còn chúng sinh không biết pháp luật cũng như đất ở đại địa.

– Như biết, biết bình đẳng *cũng vậy*, biết khắp tất cả, chánh tưởng, chánh giác, chánh giải, pháp hiện quán, *cũng như vậy.*

– Những chúng sinh biết có cha mẹ, thì cũng như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh không biết đến có mẹ cha cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn và làm những điều cần làm phước đời này, đời khác, sợ tội thường bố thí, ăn chay giữ giới thì cũng như đất dính trên đầu móng tay. Còn số chúng sinh không biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn, làm những điều phước cần ở đời này, đời khác,

sợ tội lỗi thường bố thí, thọ trai[9], giữ giới thì cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt thì cũng như đất trên móng tay. Còn số chúng sinh không giữ gìn giới luật thì cũng như đất ở đại địa.

– Cũng vậy, những chúng sinh lìa tham nhuế, tà kiến và chúng sinh không lìa tham nhuế, tà kiến cũng nói như vậy.

– Những chúng sinh không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, ít như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh không giữ gìn năm giới nhiều như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh giữ gìn tám giới thì cũng như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh không giữ gìn tám giới thì cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh giữ gìn mười điều lành thì cũng như đất trên móng tay. Còn số chúng sinh không giữ mười điều lành thì cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh từ địa ngục, sau khi chết rồi được sinh làm người thì cũng như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh từ địa ngục sau khi chết trở lại sinh vào địa ngục, hoặc súc sinh, hay ngạ quỷ thì cũng như đất ở đại địa.

---

[9] Đây chỉ không ăn chiều.

– Những chúng sinh từ địa ngục sau khi chết được sinh lên cõi trời thì cũng như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh từ địa ngục, hoặc súc sinh, hay ngạ quỷ sau khi chết trở lại sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh ở loài người sau khi chết rồi sinh trở lại làm người thì cũng như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh ở loài người sau khi chết sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì cũng như đất ở đại địa.

– Những chúng sinh từ cõi trời sau khi chết trở lại sinh vào cõi Trời thì cũng như đất dính trên móng tay. Còn số chúng sinh ở cõi Trời sau khi chết sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì cũng như đất ở đại địa.

(Tạp A-hàm I – 6. Tương Ưng Tứ Đế – Kinh 441. Trảo Giáp[10] – Tr.791)

10. NGƯỜI MÙ RỜ VOI

Lâu xa về thời quá khứ có vị vua tên là Kính Diện. Một hôm nhà vua tập họp những người mù lại một chỗ và hỏi: Này những người mù từ khi mới sinh, các ngươi có biết con voi không? Họ đáp: Tâu đại vương, chúng tôi không biết! Nhà vua lại hỏi: Các ngươi có muốn biết hình loại con voi ra sao không? Họ đáp: Muốn biết. Bấy giờ nhà

[10] Đại Chánh, Kinh 442. Tham chiếu Pāli (SN 56.51): Tập V: Đại Phẩm – Chương Mười Hai: Tương Ưng Sự Thật – VI. Phẩm Chứng Đạt – 51. I. Đầu Móng Tay.

vua ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến và bảo những người mù này dùng tay của mình sờ thử. Trong đó có người sờ trúng vòi voi, thì vua nói rằng đấy là con voi; có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng bắp đùi voi, có người sờ trúng cái chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi, thì vua cứ theo chỗ sờ được của họ mà bảo: Đó là con voi.

Rồi vua Kính Diện liền ra lệnh dắt voi lui và hỏi những người mù: Voi giống như cái gì? Trong những người mù này, người sờ trúng vòi thì bảo voi giống như cái càng xe bị cong; người sờ trúng ngà thì bảo voi giống như cái chày; người sờ trúng tai thì bảo voi giống như cái nia; người sờ trúng đầu thì bảo voi giống như cái vạc; người sờ trúng lưng thì bảo voi giống như gò đất; người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như bức tường; người sờ trúng bắp đùi thì bảo voi giống như gốc cây; người sờ trúng cái chân thì bảo voi giống như trụ cột; người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối; người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai, người này bảo như vậy, người kia bảo không phải như vậy, vân vân và vân vân không dứt, đưa đến việc đấu tranh nhau. Lúc ấy nhà vua thấy vậy, hoan hỷ cười to. Rồi thì, vua Kính Diện nói bài tụng:

Những người mù tụ tập,
Tranh cãi tại nơi này,
Thân voi vốn một thể,
Tưởng khác, sinh thị phi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các dị học ngoại đạo lại cũng như vậy; không biết Khổ đế, không biết Tập đế, Tận đế và Đạo đế, sinh ra những kiến giải khác nhau, tranh chấp thị phi với nhau, họ tự cho mình là đúng, nên đưa đến mọi việc tranh tụng. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế, những vị ấy sẽ tự tư duy và khéo cùng nhau hòa hợp, cùng một lãnh thọ, cùng một Thầy học, như nước với sữa, thì pháp Phật mới rực rỡ, sống an lạc lâu dài.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu người không biết khổ,
Không biết chỗ khổ sinh;
Lại cũng không biết khổ,
Sẽ diệt tận ở đâu;
Lại cũng không thể biết,
Con đường diệt khổ tập;
Thì mất tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng mất;
Không thể biết gốc khổ,

Nguồn sinh, già, bệnh, chết.
Nếu biết thật về khổ,
Biết nhân sinh ra khổ;
Cũng biết rõ khổ kia,
Sẽ diệt tận nơi nào;
Lại hay khéo phân biệt,
Con đường diệt khổ tập;
Thì được tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng vậy.
Người này chấm dứt được,
Cội gốc của khổ ấm;
Hết sinh, già, bệnh, chết,
Nguồn gốc của thủ, hữu.

Này các Tỳ-kheo, cho nên các Thầy nên siêng cầu phương tiện tư duy về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế và Khổ xuất yếu Thánh đế.

(Trường A-hàm II – 30. Kinh Thế Ký – Phẩm 5: Long Điểu – Tr.886)

11. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN (1)

– Này A-nan, nay Ta nói với ngươi: Già-chết có duyên.

– Cái gì là duyên của già-chết? Sinh là duyên của già-chết.

– Cái gì là duyên của sinh? Hữu là duyên của sinh.

– Cái gì là duyên của hữu? Thủ là duyên của hữu.

– Cái gì là duyên của thủ? Ái là duyên của thủ.

– Cái gì là duyên của ái? Thọ là duyên của ái.

– Cái gì là duyên của thọ? Xúc là duyên của thọ.

– Cái gì là duyên của xúc? Sáu xứ là duyên của xúc.

– Cái gì là duyên của sáu xứ? Danh sắc là duyên của sáu xứ.

– Cái gì là duyên của danh sắc? Thức là duyên của danh sắc.

– Cái gì là duyên của thức? Hành là duyên của thức.

– Cái gì là duyên của hành? Vô minh là duyên của hành.

Này A-nan, như vậy:

– Duyên vô minh có hành; Duyên hành có thức; Duyên thức có danh sắc; Duyên danh sắc có sáu xứ; Duyên sáu xứ có xúc; Duyên xúc có thọ; Duyên thọ có ái; Duyên ái có thủ; Duyên thủ có hữu; Duyên hữu có sinh; Duyên sinh có già, chết, lo, rầu, khổ, não, tập thành một khối đại hoạn.

Đó là duyên của khối đại khổ uẩn vậy.

(Trường A-hàm I – 13. Kinh Đại Duyên Phương Tiện[11] – Tr.402)

12. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN (2)

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sấu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông

[11] Tham chiếu Pāli (DN 15): 15. Kinh Đại duyên.

mà nói.

– Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành… *cho đến* một khối lớn thuần khổ. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.

– Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế; chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sinh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán, bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.

– Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.

– Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Có sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

– Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn

uẩn vô sắc: thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Thế nào là sắc? Bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.

– Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.

– Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

– Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.

– Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

– Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

– Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– Duyên hữu nên có sinh. Thế nào là sinh? Nếu mỗi mỗi chúng sinh kia, nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia, siêu việt, hòa hợp, xuất sinh, thành tựu uẩn, thành tựu giới, thành tựu xứ, thành tựu căn. Đó gọi là sinh.

– Duyên sinh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổ ban đốm, lú lẫn, làm

việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sinh kia, nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi.

(Tạp A-hàm I – 5. Tương Ưng Nhân Duyên
– Kinh 336. Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết[12] – Tr.642)

13. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN (3)

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nay ta sẽ nói về pháp nhân duyên. Hãy suy niệm kỹ, và tu tập hạnh này.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói:

– Ở đây, thế nào là pháp nhân duyên? Đó là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh,

[12] Đại Chánh, Kinh 298. Tham chiếu Pāli (SN 12.2): Thiên Nhân Duyên – Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên – I. Phẩm Phật Đà – 2. Phân Biệt.

duyên sinh có chết, duyên chết có ưu, bi, khổ, não, không thể kể xiết, như vậy thành thân năm ấm.

– Thế nào là vô minh? Đó là, không biết Khổ, không biết Tập, không biết Tận, không biết Đạo. Đó gọi là vô minh.

– Thế nào là hành? Hành có ba loại. Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó gọi là hành.

– Thế nào là thức? Sáu thức thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức. Đó là thức.

– Thế nào là danh? Thọ, tưởng, niệm, xúc, tư duy. Đó là danh. Thế nào là sắc? Đó là thân bốn đại và sắc do thân bốn đại tạo. Đó gọi là sắc. Sắc là một cái khác và danh là một cái khác, nên gọi là danh sắc.

– Thế nào là sáu xứ? Sáu nội xứ. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ. Đó là sáu xứ.

– Thế nào là xúc? Đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là xúc.

– Thế nào gọi là thọ? Ba thọ. Những gì là ba? Lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó gọi là thọ.

– Thế nào là ái? Ba ái thân. Dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Đó là ái.

– Thế nào là thủ? Bốn thủ. Những gì là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó là bốn thủ.

– Thế nào hữu? Ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Đó là hữu.

– Thế nào là sinh? Đầy đủ xuất xứ, lãnh thọ các hữu, đạt được năm uẩn, lãnh thọ các xứ. Đó gọi là sinh.

– Thế nào là già? Từng loại từng loại chúng sinh, mà ở đây nơi thân thể răng rụng, tóc bạc, khí lực khô cạn, các căn chín rục, thọ mạng ngày càng suy, thức cũ không phục hồi. Đó gọi là già.

– Thế nào là chết? Từng loại từng loại chúng sinh, mà dần dần thân thể không còn hơi ấm, vô thường biến dịch, năm thân thuộc chia lìa, thân năm uẩn bị vất bỏ, mạng căn bị cắt đứt. Đó gọi là chết.

– Tỳ-kheo, nên biết, đó gọi là già, bệnh, chết. Đây là pháp nhân duyên mà ý nghĩa được phân biệt rộng rãi.

– Những gì mà Chư Phật Như Lai cần làm với tâm từ ái, Ta nay đã làm xong. Các ngươi hãy đến dưới gốc cây, ngồi ngoài trời trống, hay giữa bãi tha ma, mà nhớ nghĩ tọa thiền. Chớ ôm lòng ngại khổ. Nay không tinh tấn, sau hối hận vô ích.

(Tăng nhất A-hàm III – 49. Chương Phóng Ngưu – Kinh số 5 – Tr.402)

14. THỨC ĂN CỦA CÁC PHÁP

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

– Không thể biết biên tế tối sơ của hữu ái, rằng trước vốn không có hữu ái, mà nay sinh ra hữu ái. Nhưng có thể

biết được sở nhân của hữu ái.

– Hữu ái có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

– Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn.

– Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

– Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn.

– Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chánh niệm chánh trí là thức ăn.

– Không chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm chánh trí là gì? Không chánh tư duy[13] là thức ăn.

– Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

– Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

---

[13] Bản Pāli ghi là không như lý tác ý.

– Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Thân cận ác tri thức là thức ăn.

– Thân cận ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của thân cận ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

– Như thế, có đủ người ác liền có đủ sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm chánh trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

– Như vậy, hữu ái này lần lượt được phát triển tựu thành.

– Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

– Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

– Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn.

– Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

– Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

– Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì? Mưa là thức ăn.

– Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

– Giống như vậy, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

– Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn.

– Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

– Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các

căn là thức ăn.

– Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chánh niệm chánh trí là thức ăn.

– Không chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn.

– Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

– Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

– Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Thân cận ác tri thức là thức ăn.

– Thân cận ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của thân cận ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

– Như thế, có đủ người ác liền có đủ sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi, liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy rồi, liền có đủ sự không chánh niệm chánh trí. Có đủ sự không chánh

niệm chánh trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

– Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

– Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

– Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

– Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hành là thức ăn.

– Ba diệu hành cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hành là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

– Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là thức ăn.

– Chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn.

– Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn.

– Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

– Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Thân cận thiện tri thức là thức ăn.

– Thân cận thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của thân cận thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

– Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự thân cận thiện tri thức. Đủ sự thân cận thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn.

– Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

– Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

– Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có

thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn.

– Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

– Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

– Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì? Mưa là thức ăn.

– Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

– Cũng vậy, minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

– Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

– Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hành là thức ăn.

– Ba diệu hành cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hành là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

– Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là thức ăn.

– Chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn.

– Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn.

– Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

– Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Thân cận thiện tri thức là thức ăn.

– Thân cận thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của thân cận thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

– Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự thân cận thiện tri thức. Đủ sự thân cận thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có

đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn.

(Trung A-hàm I – 52. Kinh Thực (I)[14] – Tr.452)

[14] Tham chiếu Pāli (AN 10.62): Mười Pháp – VII. Phẩm Song Đôi – (II) 62. Hữu Ái.

CHƯƠNG 5

HẢI ĐẢO TỰ THÂN

1. HÃY TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI

Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy tự thắp sáng cho mình. Thắp sáng bởi pháp, chớ đừng thắp sáng bởi cái khác. Hãy tự mình nương tựa cho mình, nương tựa nơi Pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là hãy tự thắp sáng cho chính mình; thắp sáng bởi pháp, chớ đừng thắp sáng bởi cái khác; hãy tự mình nương tựa cho mình, nương tựa nơi Pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác.

Ở đây, Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán tâm, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo hãy tự thắp sáng cho mình; thắp sáng bởi pháp, chớ đừng thắp sáng bởi cái khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác.

(Trường A-hàm I – 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành – Tr.259)

2. HÃY TRÚ HÒN ĐẢO CHÍNH MÌNH

Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác.

(Tạp A-hàm I – Kinh 82. Thập Lục Tỳ-kheo[1] – Tr.181)

3. TỲ-KHEO NƯƠNG TỰA AI?

– Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên và nói rằng "Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

– Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo"

---

[1] Đại Chánh, Kinh 36. Tham chiếu Pāli (SN 22.43): Tập III: Thiên Uẩn– Chương I: Tương Ưng Uẩn – V: Phẩm Tự Mình Làm Hòn Đảo – 43. Tự Mình Làm Hòn Đảo.

và vị ấy nay là nơi nương tựa cho các người. Nhưng có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo", và vị ấy nay đang là nơi nương tựa của các người?

Tôn giả A-nan đáp:

– Này Vũ Thế, cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" và vị ấy nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

– Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Này A-nan, nếu vậy các người hiện tại không có ai để nương tựa, nhưng cùng sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, sống an lạc như trong lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Này Vũ Thế, ông đừng nói rằng chúng tôi không có ai để nương tựa. Vì sao vậy? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đáp rằng:

– Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vầy "Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" để vị ấy nay là nơi nương tựa cho chúng tôi. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay lại nói rằng "Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa?"

Tôn giả A-nan đáp:

– Này Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi pháp. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Biệt giải thoát, cùng tập họp ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy được thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành pháp mà Tỳ-kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh

tịnh, tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy làm điều này.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

– Bạch A-nan, không phải các ngài khuyên dạy làm điều này, nhưng chính là pháp khuyên dạy làm điều này. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay có nhiều pháp thảy đều có thể được tồn tại lâu dài, và như vậy A-nan, các ngài sống hòa hiệp không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, sống an lạc như lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế.

(Trung A-hàm III – 145. Kinh Cù Mặc Mục-kiền-liên[2] – Tr.1485)

4. TRƯỚC NƯƠNG THA LỰC SAU TỰ LỰC

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thí như đứa trẻ, cha mẹ sinh ra rồi giao nó cho nhũ mẫu, tùy thời xoa bóp vỗ về, tùy thời tắm gội, tùy thời cho bú mớm, tùy thời trông chừng. Nếu người nhũ mẫu không cẩn thận, đứa trẻ hoặc bốc cỏ, bốc đất, hay các đồ vật dơ cho vào miệng nó. Lúc này nhũ mẫu liền bảo nó nhả ra, kịp thời loại ra thì tốt. Nếu đứa trẻ không thể tự mình nhả ra được, nhũ mẫu phải dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải tìm cách móc vật nghẹn ra. Tuy lúc đó đứa trẻ bị đau đớn thật, nhưng nhũ mẫu vì muốn làm cho đứa

[2] Tham chiếu Pāli (MN 108): 108. Kinh Gopaka Moggallāna.

trẻ an lạc lâu dài, nên phải khổ tâm tìm cách móc vật làm nghẹn ra.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu đứa trẻ lớn lên hiểu biết, phân biệt được rồi, nó có còn đem cỏ, đất, hay vật dơ bỏ vào trong miệng nữa không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Không vậy, bạch Thế Tôn. Đứa trẻ khi đã lớn khôn, hiểu biết phân biệt được rồi, thì đối với các vật dơ còn không dùng chân chạm vào, huống chi là bỏ vào trong miệng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẫu tùy thời săn sóc, trông chừng và khi nó lớn lên đầy đủ trí tuệ rồi, nhũ mẫu buông xả, không cần theo dõi, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa.

– Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, thì Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp truyền dạy mà trông nom; những Thanh văn nào đã học lâu, trí tuệ sâu xa, kiên cố, Như Lai buông xả, không còn tùy thời ân cần truyền dạy, vì đã thành tựu được trí tuệ nên không còn buông lung nữa. Cho nên Thanh văn có năm thứ học lực[3], còn Như Lai thì đã thành tựu mười

---

[3] Năm học lực: tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

trí lực[4], như trên đã nói đầy đủ.

(Tạp A-hàm II – 17. Tương Ưng Lực – Kinh 653. Nhũ Mẫu[5] – Tr.1142)

[4] Mười trí lực: xem Tạp A-hàm II – Kinh 652. Thập Lực (Đại Chánh, Kinh 684).
[5] Đại Chánh, Kinh 685.

CHƯƠNG 6

BỐ THÍ – CÚNG DƯỜNG

1. CÔNG ĐỨC BỐ THÍ BẰNG NUÔI BỆNH, CHĂM SÓC BỆNH NHƯ CHĂM SÓC PHẬT

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ai chăm sóc bệnh nhân, là người ấy đã chăm sóc Ta. Ai khán hộ bệnh nhân, là người ấy đã khán hộ Ta. Vì sao vậy? Ta nay muốn đích thân khán hộ người tật bệnh.

– Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào mà bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này không gì vượt qua, tối thượng trên cả sự bố thí cho chư thiên, thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng đồn vang khắp, được pháp vị cam lộ. Nghĩa là bố thí đến Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Nên biết, đó là bố thí tối thượng trong sự bố thí, không có gì vượt qua. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. – Nay Ta vì nhân duyên này mà nói ra như vậy: Chăm sóc bệnh nhân, tức là đã chăm sóc Ta không khác. Các ngươi lâu dài được phước lợi lớn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 12. Phẩm Nhập Đạo –Kinh số 4 – Tr.155)

2. PHƯỚC BỐ THÍ

– Có ba phước nghiệp này. Sao gọi là ba? Thí là phước nghiệp, bình đẳng là phước nghiệp, tư duy là phước nghiệp.

– Sao gọi thí là phước nghiệp?

– Nếu có một người mở lòng bố thí Sa-môn Bà-la-môn, người bần cùng, người cô độc, người lang thang; ai cần thức ăn cho thức ăn, cần nước uống cho nước uống, quần áo, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, hương hoa, ngủ nghỉ, tùy theo nhu cầu không gì luyến tiếc. Đây gọi là nghiệp phước bố thí.

– Sao gọi bình đẳng[1] là phước nghiệp?

– Nếu có một người không sát sinh, không trộm cắp, thường biết tàm quý, không nảy tưởng ác. Cũng không trộm cắp, ưa ban thí cho người, không có tâm tham lam keo kiết, lời nói hòa nhã không tổn thương lòng người. Cũng không gian dâm vợ người, tự tu phạm hạnh, tự biết đủ với sắc mình. Cũng không vọng ngữ, thường nghĩ chí thành, không lời dối trá, được người đời tôn kính, không có thêm bớt. Cũng không uống rượu, luôn biết tránh xa loạn động.

– Lại rải tâm từ trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, trải khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, không thể

[1] Bình đẳng phước nghiệp. Theo nội dung, nên hiểu là giới (Pāli: sīla).

cùng, không thể tính kể; rải tâm từ này phủ khắp tất cả, mong cho được an ổn.

– Lại rải tâm bi, hỷ, xả trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, tất khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, không thể tính kể; rải tâm bi, hỷ, xả này tất khắp trong đó. Đó gọi bình đẳng là phước nghiệp.

– Sao gọi tư duy[2] là phước nghiệp?

– Ở đây, Tỳ-kheo tu hành niệm giác chi, y vô dục, y viễn ly, y diệt tận, y xuất yếu; tu trạch pháp giác chi, tu hỷ giác chi, tu khinh an giác chi, tu định giác chi, tu xả giác chi; y vô dục, y viễn ly, y diệt tận, y xuất yếu. Đó gọi tư duy là phước nghiệp. Như vậy Tỳ-kheo, có ba phước nghiệp này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 21. Phẩm Tam Bảo –Kinh số 2 – Tr.354)

3. BỐ THÍ HOAN HỶ

Có hai pháp này khiến người bần tiện, không có tài sản. Hai pháp gì?

– Khi thấy người khác bố thí thì ngăn cản.

– Tự mình thì không chịu bố thí.

Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người bần tiện, không có của báu.

---

[2] Ở đây hiểu là tu tập (Pāli: bhāvanā).

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp khiến người phú quý. Hai pháp gì?

– Khi thấy người cho vật người khác, hoan hỷ trợ giúp.

– Và tự mình cũng thích bố thí.

Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người phú quý.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học huệ thí, chớ có lòng tham.

(Tăng Nhất A-hàm I – 19. Phẩm khuyên Thỉnh –Kinh số 6 – Tr.309)

4. BỐ THÍ ĐÚNG THỜI

– Bố thí đúng thời có năm việc:

Bố thí cho người từ xa lại;

Bố thí cho người đi xa;

Bố thí cho người bệnh;

Lúc thiếu mà bố thí;

Nếu lúc mới được cây trái mới, hoặc ngũ cốc thì trước đem cho người trì giới tinh tấn, sau đó mình mới ăn.

– Đó là, này Tỳ-kheo! Bố thí đúng thời có năm việc này.

Thế Tôn liền nói kệ:

Người trí ứng thời thí,
Lòng tin không đoạn dứt,
Ở đây chóng hưởng vui,
Sinh trời, các đức đủ.

Tùy thời, nhớ bố thí,
Thọ phước như vang ứng,
Trọn đã không nghèo thiếu,
Nơi sinh thường phú quý.
Thí là đủ mọi hạnh,
Được đến vị vô thượng.
Nhớ thí không khởi tưởng,
Hoan hỷ bèn tăng thêm.
Trong tâm sinh niệm này,
Ý loạn trọn không còn,
Biết rằng thân an lạc,
Tâm liền được giải thoát.
Thế nên người có trí,
Chẳng kể nam hay nữ,
Nên hành năm thí này,
Không mất phương tiện đúng.

(Tăng Nhất A-hàm II – 32. Phẩm Thiện Tụ - Kinh số 12[3] – Tr.282)

5. BỐ THÍ KHÔNG PHÂN BIỆT NGƯỜI, VẬT

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn bảo:

– Thế nào Gia chủ, quý gia chủ thường bố thí cho

[3] Tham chiếu Pāli (AN 5.36): Năm Pháp – IV. Phẩm Sumanā (VI) (36) Cho Đúng Thời.

những người nghèo thiếu phải không?

Gia chủ thưa:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn. Con thường bố thí cho những người nghèo thiếu. Nơi bốn cửa thành thì bố thí rộng rãi. Tại nhà thì cung cấp những gì cần dùng. Bạch Thế Tôn, có lúc con tự nghĩ muốn bố thí cho các loài cầm thú như chim chóc, heo, chó. Con cũng không nghĩ là đây nên cho, đây không nên cho; cũng lại không nghĩ là đây nên cho nhiều, đây nên cho ít. Con thường tự nghĩ tất cả chúng sinh đều do ăn uống mà sinh mạng tồn tại; có ăn thì sống, không ăn thì chết.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, lành thay, Gia chủ. Ông đã bằng tâm Bồ-tát, chuyên tinh nhất ý mà huệ thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sinh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì liền chết. Này Gia chủ, Ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao vậy? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ nghĩ đến các loài chúng sinh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Này Gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi.

(Tăng Nhất A-hàm – 10. Phẩm Hộ Tâm – Kinh số 5 – Tr.126)

6. BỐ THÍ KHÔNG ĐƯỢC PHƯỚC VÀ ĐƯỢC PHƯỚC

– Có năm sự vật mà huệ thí không được phước kia. Sao gọi là năm?

– Một lấy đao thí cho người; hai lấy độc thí cho người; ba đem bò hoang thí cho người; bốn dâm nữ thí cho người; năm tạo miếu thờ thần. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự bố thí này không có phước.

– Các Tỳ-kheo nên biết, lại có năm sự vật mà huệ thí được phước lớn. Sao gọi là năm?

– Một là tạo lập công viên, hai là trồng cây rừng, ba là bắc cầu đò, bốn là tạo làm thuyền lớn, năm là tạo lập nhà cửa, nơi ở cho quá khứ và tương lai. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự vật khiến được phước đức kia.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thí vườn rừng mát mẻ;
Và xây dựng cầu đò
Thuyền giúp người vượt sông;
Còn xây phòng ốc tốt:
Người kia trong đêm ngày
Sẽ thường hưởng phước ấy.
Giới, định đã thành tựu,
Người này ắt sinh thiên.

(Tăng Nhất A-hàm II – 35. Phẩm Tà Tụ – Kinh số 3 – Tr.375)

7. BẢY CÔNG ĐỨC BỐ THÍ

– Bạch Thế Tôn, vừa rồi, khi ở chỗ nhàn tĩnh, con tự nghĩ: "Có lý này hay không, là những gì được làm cho chúng Tăng được tăng thêm công đức?" Nay con hỏi Thế Tôn, cúi xin dạy cho.

Thế Tôn bảo:

– Có thể được tăng ích công đức.

Quân-đầu bạch Phật:

– Thế nào là được tăng thêm công đức?

Thế Tôn đáp:

– Có bảy sự kiện tăng ích, phước kia không thể kể được, cũng không ai có thể tính đếm được. Những gì là bảy?

– Ở đây, con trai thiện gia, hoặc con gái thiện gia, tạo dựng Tăng-già-lam nơi chưa từng tạo dựng. Phước này không thể kể.

– Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem giường ghế cúng dường Tăng-già-lam kia, cùng Tăng Tỳ-kheo, này Quân-đầu, đây là phước thứ hai không thể kể hết.

– Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem thức ăn cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia; này Quân-đầu, đó là phước thứ ba không thể tính hết.

– Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem áo che mưa cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là công đức thứ tư, phước kia không thể lường.

– Lại nữa, Quân-đầu, con trai, con gái thiện gia đem thuốc cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là phước thứ năm không thể tính hết.

– Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam thiện nữ đào giếng tốt nơi hoang dã, này Quân-đầu, đó là công đức thứ sáu cũng không thể tính hết.

– Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ nào làm nhà dọc đường cho người qua lại có chỗ nghỉ đêm, này Quân-đầu, đó là công đức thứ bảy không thể tính xiết.

– Này Quân-đầu, đó gọi là pháp bảy công đức, phước kia không thể đo lường. Khi đi, hoặc ngồi, ngay đến khiến mạng chung, phước kia cũng theo sau như bóng theo hình, phước đức ấy không thể tính hết để có thể nói có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn, không thể dùng thăng đấu để đong được để nói có bao nhiêu nước. Bảy công đức này cũng vậy, phước ấy không hạn lượng. Cho nên, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy công đức này.

(Tăng Nhất A-hàm III – 40. Phẩm Bảy Mặt Trời – Kinh số 7 – Tr.83)

8. BỐ THÍ CÓ TÁM CÔNG ĐỨC

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng của cải huệ thí thì thu được tám công đức. Những gì là tám?

– Một là huệ thí đúng thời, chẳng phải phi thời.

– Hai là bố thí trong sạch, chẳng phải là ô uế.

– Ba là tự tay ban phát, chẳng sai người khác.

– Bốn là thệ nguyện huệ thí, không tâm kiêu.

– Năm là huệ thí cởi mở[4], không trông chờ quả báo.

– Sáu là huệ thí cầu tịch diệt, không cầu sinh thiên.

– Bảy là huệ thí cầu ruộng tốt, không huệ thí nơi đất hoang.

– Tám là đem công đức này huệ thí cho chúng sinh, không tự vì mình.

(Tăng Nhất A-hàm III – 42. Phẩm Tám Nạn – Kinh số 9[5] – Tr.160)

9. BẢY LOẠI PHƯỚC THẾ GIAN

Có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?

– Này Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

– Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngọa cụ

---

[4] Giải thoát huệ thí; Pāli: muttacāga, giải thoát thí, bố thí một cách rộng rãi, hào phóng.

[5] Tham chiếu Pāli (AN 8.37): IV. Phẩm Bố Thí – (VII) (37) Người Chân Nhân (1).

trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

– Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẻ, sạch sẽ, đẹp đẽ. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ ba, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

– Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí Chúng Tăng cháo buổi sáng, thức ăn buổi trưa, lại cung cấp người làm vườn để sai bảo; hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át, mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền tọa vắng lặng[6]. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

– Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nếu đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy thường xuyên phát sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

---

[6] Đoạn này kể chung có bốn thứ: hai bữa ăn, người làm vườn, và chu cấp khi mưa gió.

– Châu-na, ví như nước sông Hằng-già từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm ấy, đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy càng sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

(Trung A-hàm I – 7. Kinh Thế Gian Phước – Tr.57)

10. BỐ THÍ CHO NGƯỜI ĐẮC QUẢ CÔNG ĐỨC LỚN

Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt-đa đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

– Gia đình của cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

– Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí. Nhưng chỉ bố thí những thức thô xấu, không được mỹ diệu, như cơm lẫn với cám, canh lá gai, chỉ có một miếng gừng, một lá rau.

Đức Thế Tôn bảo:

– Này cư sĩ, dù bố thí những thức thô xấu, hay bố thí những thức mỹ diệu, thảy đều có quả báo. Nhưng này cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố

thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn[7] được nhà đẹp, không muốn được xe cộ đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

– Này cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu nhưng có tín mà bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe cộ đẹp, muốn được áo chăn đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

– Này cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe cộ đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, sẽ

[7] Không hướng tâm đến.

thọ báo đúng như thế.

– Này cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, lại có tín mà bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe cộ đẹp, muốn áo chăn đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

Trưởng giả Tùy-lam[8]

– Này cư sĩ, thuở xưa có Bà-la-môn đại trưởng giả tên là Tùy-lam rất giàu có, của cải vô lượng, có nhiều phong hộ, thực ấp, có nhiều châu báu, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính kể. Vị ấy bố thí như thế này: tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc, đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức dây trắng đan lại, phủ lên, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bằng dây kim hợp phi-na[9], thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn con bò lấy y làm dây thừng và phủ

[8] Tùy-lam (Velāma): một tiền thân của Phật.
[9] Đây là âm tiếng Phạn, có nghĩa là "phước đức hành".

lên bằng y, có thể cung cấp một hộc sữa, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn người nữ, tư dung đẹp đẽ, ai nhìn cũng thích, trang sức đầy đủ châu báu, thực hành đại bố thí như vậy. Ngoài ra lại có những thức ăn cứng và mềm khác nữa.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù nữa, thì so với đại bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, và bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hoàn, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, và bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn như thế. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tư-đà-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cho một trăm vị Tư-đà-hàm như thế. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-na-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam thực hành đại bố thí,

bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm như thế. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-la-hán, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Bích-chi-phật, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù; bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật như thế. Nếu lại có người tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, thì so với sự bố thí này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương như thế. Nếu lại có người với tâm hoan hỷ, quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, lại thọ giới, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, và thọ giới; nếu lại có người trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sinh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, thì so với sự bố thí kia, việc này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc

thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sinh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

– Này cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Bà-la-môn đại trưởng giả Tùy-lam thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Nên biết rằng, đó chính là Ta vậy. Ta thuở xưa là Bà-la-môn đại trưởng giả tên là Tùy-lam.

– Này cư sĩ, Ta bấy giờ vì lợi ích cho mình, cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nhưng lúc bấy giờ Ta thuyết pháp chưa được rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh; nên lúc bấy giờ, Ta chưa lìa được sinh, già, bệnh, chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này cư sĩ, Ta nay là Bậc Xuất Thế, là Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

– Nay Ta vì lợi cho mình cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh; nên nay Ta đã lìa khỏi sự sinh, sự già chết, khóc lóc, áo não. Ta nay đã giải thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Tu-đạt-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

(Trung A-hàm III – 155. Kinh Tu-đạt-đa [10]– Tr.1628)

11. MƯỜI BỐN LOẠI BỐ THÍ

– Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người được đại phước, được đại quả, được đại công đức, quả báo rộng lớn?

– Thiện nam tử hay thiện nữ có tín nhân bố thí cho Đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục, bố thí cho người tinh tấn, bố thí cho người không tinh tấn, bố thí cho súc sinh.

– Này A-nan, bố thí cho súc sinh được phước trăm lần hơn.

– Bố thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn.

– Bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn.

– Bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục được phước

---

[10] Tham chiếu Pāli (AN 9.20): Chín Pháp – II. Phẩm Tiếng Rống Con Sư Tử – (X) (20) Velāma.

ức trăm ngàn lần hơn.

– Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị đắc A-na-hàm được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng.

– Bố thí cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng.

– Huống nữa là bố thí cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

– Đây là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

(Trung A-hàm IV – 180. Kinh Cù-đàm-di[11] – Tr.1912)

12. BỐN LOẠI BỐ THÍ, CHỈ CÓ BA LOẠI THANH TỊNH

– Này A-nan, có bốn loại bố thí và chỉ ba loại được thanh tịnh.

– Những gì là bốn? Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. Có loại bố thí do

[11] Tham chiếu Pāli (MN 142): 142. Kinh Phân Biệt Cúng Dường.

người thọ nhận thanh tịnh, chứ không phải do thí chủ. Có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

– Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận? Thí chủ tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Còn người thọ nhận thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận.

– Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Thí chủ không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ.

– Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận?

Thí chủ không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Người thọ nhận cũng không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận.

– Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy? Thí chủ tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

(Trung A-hàm IV – 180. Kinh Cù-đàm-di – Tr.1913)

13. BỐ THÍ HƯỞNG PHƯỚC TRỜI

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà không hưởng phước cõi người, không hưởng phước cõi trời, không chứng đắc Niết-bàn: đó là bố thí rộng rãi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có người nào hành bố thí rộng rãi, trong đời hiện tại được sắc đẹp, được sức khỏe, được đầy đủ tất cả; cõi trời, cõi người, hưởng phước vô lượng.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hành bố thí, chớ có lòng keo lẫn.

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 14. Phẩm Ngũ Giới – Kinh số 4 – Tr.198)

14. TÀI THÍ VÀ PHÁP THÍ

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai thí này. Những gì là hai? Pháp thí, tài thí. Trên hết trong bố thí, không gì hơn pháp thí.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên học pháp thí. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 15. Phẩm Hữu Vô – Kinh số 3[12] – Tr.207)

15. BỐ THÍ CÓ NĂM CÔNG ĐỨC

Một thời, Đức Phật trú trong rừng Di-hầu tại Tỳ-xá-ly cùng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử[13] đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Phật bảo Sư Tử:

---

[12] Tham chiếu Pāli (AN 2.141): Hai Pháp – XIII. Phẩm Bố Thí – 1. Bố Thí.
[13] Pāli: Sīhasenapati: Đại Tướng Sīha.

– Thế nào, trong nhà ông thường có bố thí không?

Sư Tử bạch Phật:

– Con thường ở ngoài bốn cửa thành và trong thành phố, tùy thời mà bố thí không cho thiếu sót. Ai cần ăn, cung cấp thức ăn. Y phục, hương hoa, xe ngựa, tọa cụ, tùy theo chỗ cần dùng của họ, con đều khiến cung cấp cho họ.

Phật bảo Sư Tử:

– Lành thay, lành thay, ông có thể bố thí mà không ôm lòng tưởng tiếc. Đàn-việt thí chủ tùy thời bố thí có năm công đức. Những gì là năm? Lúc đó, đàn việt thí chủ được tiếng đồn vang khắp, mọi người khen ngợi rằng: "Tại thôn làng kia có đàn-việt thí chủ thường ưa tiếp đón Sa-môn, Bà-la-môn, tùy theo nhu cầu mà cung cấp, không để thiếu sót." Này Sư Tử, đó gọi là công đức thứ nhất mà đàn-việt thí chủ thu được.

– Lại nữa, này Sư Tử, khi đàn-việt thí chủ đến trong chúng Sa-môn, sát-lợi, Bà-la-môn, gia chủ, lòng không phải hổ thẹn, cũng không có điều sợ hãi. Giống như sư tử, vua loài thú, ở giữa bầy nai, không hề sợ nạn. Này Sư Tử, đó gọi là công đức thứ hai mà đàn-việt thí chủ thu được.

– Lại nữa, này Sư Tử, đàn-việt thí chủ được mọi người kính ngưỡng, người thấy vui mừng như con thấy cha, ngắm nhìn không chán. Này Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ ba mà đàn-việt thí chủ thu được.

– Lại nữa, này Sư Tử, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung sẽ sinh hai nơi: Hoặc sinh lên trời, hoặc sinh trong loài người. Ở trời được trời kính trọng; ở người được người tôn quý. Này Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ tư mà đàn-việt thí chủ thu được.

– Lại nữa, này Sư Tử, đàn-việt thí chủ, trí huệ xa vời vượt lên mọi người, hiện thân hết lậu, không tái sinh đời sau. Này Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ năm mà đàn-việt thí chủ thu được.

– Phàm người bố thí có năm đức, thường đi theo bên mình.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tâm ưa thích bố thí,
Thành công đức đầy đủ;
Trong chúng không nghi nan,[14]
Cũng không hề sợ hãi.
Người trí hãy bố thí,
Tâm đầu không hối tiếc.
Tại trời Tam thập Tam,
Ngọc nữ sẽ vây quanh.

– Vì vậy, Sư Tử nên biết, đàn-việt thí chủ sinh hai chỗ lành, hiện thân hết lậu, đến chỗ vô vi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

---

[14] Nên hiểu "không có gì xấu hổ".

Thí là lương đời sau,
Đưa đến chỗ rốt ráo.
Thiện thần thường theo hộ;
Cũng khiến cho hoan hỷ.

– Vì sao vậy? Sư Tử nên biết, vì khi bố thí thường hiện lòng hoan hỷ, thân tâm kiên cố, nên các công đức lành đều đầy đủ, được tam-muội, ý cũng không tán loạn, biết như thật. Thế nào là biết như thật? Đây là khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ xuất ly, thảy đều biết như thật. Cho nên, này Sư Tử, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời bố thí. Nếu muốn đắc đạo Thanh Văn, Bích-chi-phật thì thảy đều như ý. Này Sư Tử, hãy học điều này như vậy.

Sư Tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm II – 32. Phẩm Thiện Tụ – Kinh số 10[15] – Tr.278)

16. KHÔNG PHẢI BỐ THÍ CHO TA ĐƯỢC PHƯỚC LỚN

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

– Bạch Cù-đàm, tôi nghe Ngài nói rằng: "Chỉ nên cúng

[15] Tham chiếu Pāli (AN 5.34): Năm Pháp – IV. Phẩm Sumanā – (IV) (34) Đại Tướng Sīha.

dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Bạch Cù-đàm, thế nào, những lời nói ấy có phải là lời nói thật chăng? Chẳng phải là hủy báng Cù-đàm chăng? Nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, không bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách chăng?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Người nào nói những lời như vậy là hủy báng Ta; không nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói như vầy: "Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác là được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn; không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Nhưng này Bà-la-môn Ta nói như vầy, những lời nói như trên sẽ tạo ra hai thứ chướng ngại: chướng ngại cho việc cúng dường của người thí chủ và làm chướng ngại cho người nhận đồ cúng dường.

– Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần

đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sinh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, huống chi là bố thí cho con người. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói, người nào cúng dường cho người trì giới[16], quả báo đó sẽ không đồng với sự bố thí cho người phạm giới.

Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật rằng:

– Thưa Cù-đàm, đúng vậy, tôi cũng nói như vậy, cúng dường cho người trì giới sẽ được quả báo lớn, chứ không phải cúng dường cho người phạm giới.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Hoặc đen, hoặc trắng tinh,
Hoặc đỏ, hoặc có màu,
Màu tạp cùng vàng ròng,
Thuần vàng cùng màu xám,
Những bò cái như vậy,
Bò con đẹp đẽ này,
Đầy đủ sức cường tráng,
Khéo huấn luyện, đi nhanh,
Chỉ khiến chuyên chở nặng,
Không hỏi màu sắc nó.
Con người cũng như vậy,
Tùy thuộc vào nơi sinh,

---

[16] Bản pāli giải thích: Người có giới hạnh là người đã đoạn tận năm pháp (dục tham, sân, hôn trầm thùy miên, trạo hối, hoài nghi) và đã đầy đủ năm pháp (giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến).

Sát-lợi, Bà-la-môn,
Tỳ-xá, Thủ-đà-la,
Hạ tiện Chiên-đà-la,
Nơi sinh thảy không đồng.
Giả sử giữ tịnh giới,
Lìa gánh nặng phiền não,
Thuần nhất tu phạm hạnh,
A-la-hán lậu tận,
Đấng Thiện Thệ trong đời:
Cúng các Ngài, quả lớn.
Người ngu không trí tuệ,
Chưa từng nghe chánh pháp:
Cúng kia không quả lớn,
Vì không gần bạn lành.
Nếu gần thiện tri thức,
Như Lai cùng Thanh văn,
Tín tịnh nơi Thiện Thệ,
Căn sinh, lực kiên cố,
Sẽ đi về đường lành,
Sinh vào dòng tôn quý,
Cứu cánh Bát-niết-bàn,
Đại Tiên nói như vậy.

(Tạp A-hàm III - 34. Tương Ưng Bà-la-môn
- Kinh 1071. Sanh Văn[17] - Tr.1796)

---

[17] Đại Chánh, Kinh 95. Tham chiếu Pāli (AN 3.57): VI. Phẩm Các Bà-La-Môn – 57. Vacchagotta.

17. TẾ TỰ KHÔNG BẰNG CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

Công đức bố thí

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật rằng:

– Chừng ấy thôi, ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự, là được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn thế nữa không?

Phật nói: "Có."

Hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

– So với ba tế tự và mười sáu tế cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, công đức còn hơn nhiều.

Lại hỏi:

– So với ba tế tự và mười sáu tế cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, do thế công đức tối thắng. Nhưng còn có cái tối thắng nữa không?

Phật nói: "Có."

Lại hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

– Nếu bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn, chẳng bằng vì Chiêu-đề Tăng[18] mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác. Thí ấy tối thắng.

---

[18] Chiêu-đề Tăng (Catuddisā-saṅgha): Tứ phương Tăng.

Lại hỏi:

– Bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề Tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; phước ấy tối thắng. Nhưng còn có cái gì hơn thế chăng?

Phật nói: "Có."

Lại hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

– Nếu bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề Tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; chẳng bằng khởi tâm hoan hỷ, miệng tự phát thành lời rằng: Tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Phước này tối thắng.

Lại hỏi:

– Chừng ấy ba pháp quy y được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: "Có."

Hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

– Nếu với tâm hoan hỷ thọ và hành năm giới, suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu; phước này tối thắng.

Lại hỏi:

– Chừng ấy ba pháp tế tự (…), *cho đến* năm giới, được quả báo lớn hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: "Có."

Lại hỏi: "Đó là cái gì?"

Phật nói:

– Nếu có thể bằng Từ tâm nhớ nghĩ chúng sinh bằng khoảnh khắc vắt sữa bò; phước ấy tối thắng.

Lại hỏi:

– Chừng ấy ba pháp tế tự, cho đến Từ tâm, được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: "Có."

Lại hỏi: "Đó là cái gì?"

Thành tựu tam minh

Phật nói:

– Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có người theo Phật pháp xuất gia tu đạo, mọi đức đều hoàn bị, cho đến, đầy đủ ba minh, diệt các sự tối tăm, đầy đủ tuệ minh. Vì sao? Vì không buông lung, ưa sống nơi thanh vắng; phước này tối thắng.

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Tôi vì tế tự mà chuẩn bị bò, dê mỗi thứ năm trăm con. Nay sẽ thả hết, mặc chúng tùy ý đi tìm cỏ, nước. Tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin

nhận tôi làm Ưu-bà-tắc trong chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến hết đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng nhận lời mời sáng mai của tôi.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn thấy Phật im lặng nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

(Trường A-hàm II – 23. Kinh Cứu-la-đàn-đầu – Tr.683)

18. CÚNG NẮM CÁT ĐƯỢC LÀM VUA

Bấy giờ, Đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một đẳng cấp thượng và một đẳng cấp thứ, cùng nhau vọc cát chơi đùa; một tên Xà-da, một tên Tỳ-xà-da. Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân, đồng tử Xà-da nghĩ thầm: "Mình đem bột này cúng dường." Rồi tay nắm một nắm cát mịn bỏ vào bát Thế Tôn. Khi ấy, Tỳ-xà-da chắp tay tùy hỷ. Như bài kệ nói:

Thấy Thế Tôn đại bi,
Toàn thân sáng một tầm.
Được nhìn thấy Thế Tôn,
Sinh lòng tin kính lớn,
Dâng nắm cát cúng dường,
Được thoát bờ sinh tử.

Bấy giờ, em bé kia phát nguyện rằng: "Nhờ căn lành của công đức huệ thí này, mong con được làm một vị

Tản cái vương của một thiên hạ, ngay đời này được cúng dường chư Phật."

Như bài kệ đã nói:

Mâu-ni biết tâm kia,
Cùng ý kia mong muốn,
Được quả thêm căn lành,
Cùng với sức phước điền;
Phật với tâm đại bi,
Nhận nắm cát cúng dường.

Xà-da nhờ căn lành này được làm vua, vua xứ Diêm-phù-đề, cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên, Thế Tôn mỉm cười. A-nan thấy Phật mỉm cười, liền chắp tay hướng về Phật, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải không nhân duyên gì mà mỉm cười.

Như kệ nói:

Thế Tôn lìa cười đùa.
Vô Thượng Tôn trên đời,
Răng trắng như ngọc quý,
Đấng Tối Thắng mỉm cười.
Dũng mãnh siêng tinh tấn,
Không Thầy mà tự giác;
Lời hay khiến thích nghe,
Tiếng dịu dàng siêu tuyệt,

Huyền ký đồng tử kia,
Bằng Phạm âm trong vắt.
Lưỡng Túc Tôn vô thượng,
Ghi nhận quả thí cát.

Khi ấy Thế Tôn bảo A-nan:

– Đúng thế! Đúng thế! Như lời ngươi nói. Chư Phật không có nhân duyên chẳng mỉm cười. Hôm nay Ta cười là vì có nhân duyên.

– A-nan nên biết, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, đồng tử này sẽ ở tại ấp Ba-liên-phất thống lãnh một phương, làm Chuyển luân vương, họ Khổng Tước, tên A-dục, đem chánh pháp cai trị, giáo hóa nhân dân và lại còn phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta, sẽ xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Pháp vương, đem lại sự an vui cho vô lượng chúng sinh.

Như kệ nói:

Sau khi Ta diệt độ,
Người này sẽ làm vua,
Họ Khổng Tước, tên Dục,
Ví như vua Đảnh Sinh,
Nơi Diêm-phù-đề này,
Được tôn quý bậc nhất.

– A-nan! Hãy lấy nắm cát được bố thí trong bát đổ ra nơi chỗ Như Lai kinh hành. Ta sẽ đi nơi đó.

A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rải

trên chỗ kinh hành.

(Tạp A-hàm – Đại Chánh: Kinh 604. A-Dục Vương Nhân Duyên[19])

19. DÂN MẤT MÙA ĐÓI MÀ PHẬT CÒN ĐI XIN, LÀM TỔN HẠI CHO NGƯỜI

Một thời, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người xin đồ ăn dư[20], du hành trong nhân gian; đi khắp từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, đến trong vườn Hảo y Yêm-la, thôn Na-la, nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ có thôn trưởng đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thị đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị:

– Ông có thể dùng "Tật-lê luận"[21] bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?

Thôn trưởng thưa:

– Thưa thầy, thế nào là luận thuyết "Tật-lê luận" có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?

---

[19] Đa số học giả hiện đại đoán định là không thuộc Tạp A-hàm. Không có tương đương trong Tạng Pāli.

[20] Pāli: tại Nālandā lúc đó đang có nạn. Thường có một số đông người hành khất, hoặc tu sĩ các phái khác, đi theo Phật và Chúng Tỳ kheo xin đồ ăn còn dư thừa.

[21] Tật-lê luận, nghĩa theo Hán văn, tật-lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bám vào người thì rất khó gỡ. Pāli: ubhatokoṭika pañha, câu hỏi có hai đầu nhọn.

Ni-kiền bảo thôn trưởng rằng:

– Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi như vầy: "Cù-đàm lúc nào cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng đầy đủ phước-lợi, Ngài thường có mong ước như vậy và nói như vậy phải không?" Nếu trả lời cho ông là không, thì ông nên hỏi rằng: "Vậy, Sa-môn Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?" Nếu trả lời là "Có mong ước và có nói," thì ông nên hỏi lại rằng: "Nếu Sa-môn Cù-đàm đã có mong ước và có nói như thế, vậy tại sao người dân hiện đang mất mùa đói kém, mà Ngài còn du hành trong nhân gian dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tổn của cải người dân, giống như mưa lớn, mưa đá, chỉ có làm tổn hại chứ chẳng thêm được lợi ích nào! Những lời nói của Cù-đàm trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau, không gần giống nhau, không phù hợp nhau, khác nhau." Thôn trưởng, như vậy gọi là "Tật-lê luận", sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được.

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị vâng lời dạy bảo của Ni-kiền đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm, có phải lúc nào Ngài cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi không?

Phật bảo thôn trưởng:

– Lúc nào Như Lai cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy.

Thôn trưởng nói:

– Nếu như vậy, thì tại sao, thưa Cù-đàm, trong khi những người dân đang bị mất mùa đói kém, mà Ngài còn đi khất thực trong nhân gian và dẫn theo đông đảo đại chúng,… *cho đến* trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau?

Phật bảo thôn trưởng:

– Ta nhớ chín mươi mốt kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào mà bố thí cho Tỳ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Này thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyến thuộc đông đảo, tôi tớ đầy nhà, thì biết nhà ấy lâu dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa, nên được phước lợi này.

– Này thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tổn giảm không tăng. Những gì là tám?

– Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì giấu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán thù tàn phá, bị hoang phí bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ.

– Này thôn trưởng, Ta nói vô thường là nguyên nhân thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ

ác kiến, thì cũng như gươm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sinh vào trong địa ngục.

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị lòng đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng lên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, hiện tại con đã hối lỗi rồi, vì con như ngu như si, không tốt, không hiểu biết, nên đối với Cù-đàm con đã nói ra những lời dối trá hư vọng không thành thật.

Sau khi nghe những gì Phật dạy, thôn trưởng Đao Sư Thị hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

(Tạp A-hàm III – 42. Tương Ưng Tụ Lạc Chủ – Kinh 1295. Đao Sư Thị[22] – Tr.2221)

20. CÚNG DƯỜNG BẬC ĐA VĂN TRÌ GIỚI

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Đàn-việt thí chủ thừa sự, cúng dường các bậc Hiền thánh tinh tấn trì giới như thế nào?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn là chủ các pháp. Xin nguyện Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Nghe rồi, chúng con sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[22] Đại Chánh, Kinh 914. Tham chiếu Pāli (SN 42.9): Chương 42: Tương Ưng Thôn Trưởng – 9. Gia Tộc.

– Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta phân biệt nghĩa này cho các ngươi.

Các Tỳ-kheo bạch:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng nghe những lời Phật dạy như vậy. Thế Tôn bảo:

– Đàn-việt thí chủ mà thừa sự, cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới, cũng giống như người lạc lối được chỉ đường, người thiếu thốn lương thực được cung cấp thức ăn, người sợ hãi được khiến không ưu phiền, người kinh sợ được chỉ bảo không kinh sợ, người không nơi nương tựa được che chở, người mù được có mắt, y vương cho người bệnh; giống như nông phu ở quê làm ruộng, trừ khử cỏ dại để có thể phát triển cây lúa. Tỳ-kheo hãy thường nên trừ khử bệnh của năm thủ uẩn, cầu mong vào thành Niết-bàn, chỗ không có sợ hãi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn tinh tấn trì giới là như vậy.

Lúc bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc đang ở trong chúng. Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn. Thật vậy, bạch Như Lai. Tất cả thí chủ đến với người nhận, giống như bình cát tường. Người nhận bố thí như vua Bình-sa. Khuyên người hành bố thí như cha mẹ thân; người nhận thí là phước lành đời sau. Tất cả mọi thí chủ đến với người nhận giống như cư sĩ.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Gia chủ. Như những gì ông đã nói.

Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

– Từ nay về sau, cửa nhà con không đóng kín, cũng không cự tuyệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng những người đi đường thiếu lương thực.

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

– Nguyện xin Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của gia chủ. Gia chủ thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi trở về chỗ ở. Đến nhà rồi, ngay trong đêm đó ông bày biện thịnh soạn đủ các loại đồ ăn, thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ rộng rãi xong, tự đến báo giờ:

– Thức ăn đã dọn xong. Cúi xin Thế Tôn kịp thời quang lâm chiếu cố.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, khoác y ôm bát đến nhà gia chủ tại thành Xá-vệ. Đến nơi, mọi người ngồi vào chỗ của mình, và các Tỳ-kheo Tăng cũng theo thứ tự mà ngồi.

Gia chủ thấy Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi đã an định rồi, tự tay đi dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi ăn xong, thu dọn bát, ông trải chỗ ngồi khiêm nhượng trước Như Lai, để nghe pháp. Gia chủ bấy giờ bạch Thế Tôn:

– Lành thay, Như Lai cho phép các Tỳ-kheo tùy theo những vật cần như ba y, bình bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn[23], áo xiêm[24], bình nước rửa, cùng tất cả những vật khác của Sa-môn, được phép nhận hết tại nhà đệ tử.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu các người cần y áo, bình bát, ni-sư-đàn, bình nước rửa cùng tất cả những vật dụng khác của Sa-môn, thì cho phép đến đó nhận, chớ có nghi nan mà khởi tưởng tâm đắm trước.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho gia chủ Cấp Cô Độc. Nói pháp vi diệu xong, Phật rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc bấy giờ, Cấp Cô Độc nơi bốn cửa thành lại bố thí rộng rãi. Lần thứ năm ở trong chợ, lần thứ sáu ở tại nhà. Ai cần đồ ăn thì cho đồ ăn, cần thức uống thì cho thức uống, cần xe cộ, kỹ nhạc, hương xông, anh lạc, đều cho tất cả.

Thế Tôn nghe gia chủ Cấp Cô Độc bố thí rộng rãi trong bốn cửa thành, và nơi chợ lớn; bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Nơi nhà lại bố thí vô lượng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Trong hàng đệ tử của Ta, Ưu-bà-tắc ưa thích bố thí

---

[23] Ni-sư-đàn: nisīdana cũng dịch là tọa cụ, là mảnh vải hay miếng đệm dùng để ngồi thiền hay để ngồi thuyết pháp.
[24] Y đái, giải buộc y, y thường, áo xiêm, chỉ nội y.

bậc nhất đó là gia chủ Tu-đạt.

(Tăng Nhất A-hàm I – 10. Phẩm Hộ Tâm – Kinh số 4 – Tr.122)

21. CÚNG DƯỜNG CHA MẸ, BỒ TÁT CÔNG ĐỨC LỚN

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp mà người phàm phu bố thí đến thì được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Hai pháp ấy là gì? Cúng dường cha và mẹ. Đó là hai hạng người mà nếu cúng dường đến thì được công đức lớn, thành quả báo lớn.

– Lại nữa, cúng dường một vị Bồ-tát nhất sinh bổ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn, được vị cam lộ, đến chỗ vô vi. Cho nên, các Tỳ-kheo, thường niệm hiếu thuận cúng dường cha mẹ.

– Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm I – 20. Phẩm Thiện Tri Thức – Kinh số 10 – Tr.344)

CHƯƠNG 7

NỮ GIỚI

1. BỐN LOẠI VỢ

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc có người con dâu tên là Thiện Sinh, dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc, ỷ vào dòng họ, cậy thế hào tộc, không cung kính cha mẹ chồng và chồng, cũng không thờ Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, không kính phụng Tam tôn.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông trưởng giả bạch Thế Tôn rằng:

– Gần đây con cưới vợ cho con trai. Nàng ấy là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc, tự thị dòng tộc trọng vọng, không thừa sự Tam tôn, không biết trưởng lão, tôn ti. Cúi mong Thế tôn thuyết pháp để nàng sinh hoan hỷ, tâm ý khai tỏ.

Như Lai khi ấy im lặng hứa khả điều mà trưởng giả nói. Ông trưởng giả lại bạch Phật:

– Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con, cùng với Tăng Tỳ-kheo.

Khi ông trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật, nhiễu ba vòng, rồi lui về.

Về đến nhà, ông cho sửa soạn các thứ ẩm thực, trải dọn chỗ ngồi tốt đẹp. Khi đến giờ, ông bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Cơm đã dọn đủ.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi đến nhà ông trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Ông trưởng giả lấy một cái ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai. Rồi Thế Tôn nói với cô Thiện Sinh:

– Này con gái ông Trưởng giả, nên biết, chồng đối với vợ có bốn việc. Những gì là bốn?[1] Có người vợ như là mẹ. Có người vợ như là bạn thân. Có người vợ như là giặc. Có người vợ như là nô tỳ.

– Cô nên biết, vợ như mẹ, ấy là tùy thời chăm sóc chồng không để thiếu thốn, thờ kính, phục vụ. Người ấy được chư thiên hộ vệ; người và loài phi nhân không thể rình cơ hội. Này con gái ông trưởng giả, đó gọi là vợ như mẹ.

– Người vợ kia như thế nào gọi là bạn thân? Ở đây, này con gái ông trưởng giả, sau khi thấy chồng rồi, tâm không tăng giảm, cùng chung vui hay khổ. Đó gọi là vợ

---

[1] Pāli liệt kê bảy loại vợ.

như bạn thân.

– Thế nào gọi vợ như giặc? Ở đây, này cô, khi thấy chồng, trong lòng sân nhuế, ganh ghét chồng, không phục vụ, không thờ kính, không cung kính, thấy là muốn hại, mà tâm để nơi người khác. Chồng không thân vợ, vợ cũng không thân chồng. Người ấy không được mọi người yêu kính; không được chư thiên hộ vệ, sẽ bị ác quỷ xâm hại; thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Người như vậy gọi là vợ như giặc.

– Thế nào là vợ như nô tỳ? Ở đây, người vợ hiền lương, thấy chồng thì tùy thời chăm sóc, nhẫn nhịn lời nói, không bao giờ cãi lại; nhẫn chịu khổ lạnh, hằng có tâm từ ái. Đối với Tam tôn thì sinh niệm tưởng này. "Kia còn thì tôi còn. Kia suy thì tôi suy." Do sự việc ấy, người ấy được chư thiên hộ vệ; người và loài phi nhân đều yêu mến; thân hoại mạng chung sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

– Đó là, này con gái ông Trưởng giả, có bốn loại vợ này. Nay cô thuộc vào loại nào?

Cô gái ấy sau khi nghe Thế Tôn nói, liền đến trước Phật, lạy dưới chân rồi bạch Thế Tôn rằng:

– Cúi lạy Thế Tôn, con nay xin sửa đổi việc đã qua, tu tập việc sẽ đến. Không còn dám như trước nữa. Từ nay về sau, con sẽ thường hành lễ pháp như là nô tỳ vậy.

Rồi nàng Thiện Sinh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lạy dưới chân:

– Nay xin nguyện chăm sóc người như là nô tỳ.

Sau đó, nàng Thiện Sinh lại đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói về giới, về thí, về sinh thiên, dục là bất tịnh tưởng, dâm là đại ô uế. Khi Thế Tôn biết tâm ý cô đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng nói hết cho cô nghe. Tức thì ngay trên chỗ ngồi, cô được pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải mới dễ nhuộm màu. Đây cũng như vậy, cô phân biệt các pháp, khéo hiểu ý nghĩa thâm diệu, tự quy y Tam tôn, thọ năm giới.

(Tăng Nhất A-Hàm III – 51. Phẩm Phi Thường – Kinh số 9[2] – Tr.526)

2. SẮC ĐÀN ÔNG HẤP DẪN ĐÀN BÀ

– Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyền hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nữ thấy sắc của người nam, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.

---

[2] Tham chiếu Pāli (AN 7.63): Bảy Pháp – VI. Phẩm Không Tuyên Bố (IX) (59) Các Người Vợ.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

Nếu sinh tưởng điên đảo,
Khởi niệm, tâm ân ái.
Hãy trừ tâm mê đắm,
Liền không cấu uế này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 9. Phẩm Con Một – Kinh số 8 – Tr.114)

3. SẮC ĐÀN BÀ HẤP DẪN ĐÀN ÔNG

– Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyễn hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nam thấy sắc của người nữ, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

Tiếng Phạm thiên êm dịu,
Như Lai nói, khó thấy.
Nếu có lúc nào thấy,
Hãy buộc niệm trước mắt.
Cũng chớ cùng người nữ,
Qua lại chuyện trò nhau.
Hằng giăng lưới bắt người,

Không đến vô vi được.

(Tăng Nhất A-hàm I – 9. Phẩm Con Một – Kinh số 7 – Tr.113)

4. NGHIỆP XẤU CỦA PHỤ NỮ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Giống như mùa Xuân, trời mưa đá lớn. Cũng lại như vậy, nếu Như Lai không xuất hiện ở đời, chúng sinh sẽ rơi vào địa ngục. Bấy giờ người nữ vào địa ngục nhiều hơn đối người nam. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, do ba sự nên các loài chúng sinh thân hoại mạng chung rơi vào ba đường dữ. Những gì là ba?

– Đó là tham dục, ngủ nghỉ, trạo cử. Bị ba sự này quấn chặt tâm ý, thân hoại mạng chung rơi vào ba đường ác.

– Người nữ cả ngày tập hành ba pháp mà tự an trú. Ba pháp gì?

– Sáng sớm để cho tâm ganh tị quấn chặt mình. Buổi trưa lại để cho ngủ nghỉ quấn chặt mình. Buổi chiều để cho tâm tham dục quấn chặt mình.

– Do nhân duyên này khiến người nữ kia thân hoại mạng chung sinh vào ba đường dữ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tránh xa ba pháp này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 22. Phẩm Ba Cúng Dường – Kinh số 9[3] – Tr.391)

---

[3] Tham chiếu Pāli (AN 3.129): XIII. Phẩm Kusināra – 127. Anuruddha (1).

5. ĐÀN BÀ CÓ NĂM DỤC TƯỞNG

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người nữ có năm tưởng dục. Những gì là năm?

– Một sinh trong nhà hào quý, hai được gả vào nhà giàu sang, ba chồng của ta làm theo lời, bốn là có nhiều con cái, năm là độc quyền trong nhà do mình.

– Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người nữ có năm sự đáng tưởng muốn này.

– Cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo của Ta cũng có năm sự đáng tưởng muốn. Sao gọi là năm?

– Đó là cấm giới, đa văn, thành tựu tam-muội, trí huệ, trí huệ giải thoát.

– Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự này là pháp đáng muốn.

(Tăng Nhất A-hàm II – 35. Phẩm Tà Tụ – Kinh số 5 – Tr.378)

6. CHÍN PHÁP NGƯỜI NỮ QUYẾN RŨ NGƯỜI NAM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người nữ thành tựu chín pháp để trói buộc người nam. Những gì là chín? Ca, múa, kịch[4], nhạc, cười, khóc,

[4] Nguyên Hán: kỹ – chỉ chung các loại ca kịch (Pāli: naṭa).

trau chuốt nghi dung, huyễn thuật mê hoặc, nhan sắc thể hình.[5] Trong tất cả hình thức ấy, chỉ có xúc trói người chặt nhất, gấp trăm ngàn lần, không có gì để so sánh.

– Ở đây Ta thấy ý nghĩa này, xúc trói người chặt nhất không cho ra thoát khỏi; đó là sợi dây buộc chặt người nam vào người nữ. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng xả bỏ chín pháp này.

(Tăng Nhất A-hàm III – 44. Chín Chúng sinh Cư – Kinh số 5[6] – Tr.222)

[5] Pāli: Tám hình thức người nữ trói buộc người nam: ruṇṇena: khóc, hasitena: cười, bhaṇitena: trò chuyện , ākappena: phục sức, vanabhaṅgena: hoa quả, gandhena: hương, rasena: vị, phassena: xúc.

[6] Tham chiếu Pāli (AN 8.17): Tám Pháp – II. Phẩm Lớn– (VII) (17) Sự Trói Buộc Của Nữ Nhân.

CHƯƠNG 8

VÔ THƯỜNG – KHỔ – VÔ NGÃ

1. TUỔI TRẺ SẼ GIÀ, BỆNH, CHẾT

– Có ba pháp rất đáng mến yêu mà người đời tham muốn. Ba pháp gì?

– Trẻ khỏe là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

– Không bệnh là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

– Tuổi thọ mệnh là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

– Tỳ-kheo, đó gọi là có ba pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

– Lại nữa Tỳ-kheo, tuy có ba pháp đáng mến yêu mà người đời tham đắm này, nhưng lại có ba pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn. Ba pháp gì?

– Tỳ-kheo nên biết, tuy có trẻ khỏe, nhưng ắt sẽ già, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn.

– Tỳ-kheo nên biết, tuy có không bệnh, song tất sẽ bệnh, pháp không đáng mến yêu mà người đời không

tham muốn.

– Tỳ-kheo nên biết, tuy có sống lâu, song tất sẽ chết, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, tuy có trẻ khỏe, nhưng phải tìm cầu cái không già, đến Niết-bàn giới. Tuy có không bệnh, nhưng phải tìm cầu phương tiện để không có cái bệnh. Tuy có sống lâu, nhưng hãy tìm cầu phương tiện để không bị chết.

(Tăng Nhất A-hàm I – 22. Phẩm Ba Cúng Dường – Kinh số 8 – Tr.390)

2. BIẾT NHƯ THẬT VỀ GIÀ, CHẾT

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

– Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp chăng?

– Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về già chết, biết như thật về tập khởi của già chết, diệt của già chết và diệt đạo của già chết.

– Thế nào là biết như thật về già? Đó là, người kia già cả, đầu bạc, răng rụng, sự cường tráng càng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo rút, da nhăn như cây gai, các căn rụng rời, nhan sắc xấu xí. Đó là biết như thật về già.

– Thế nào là biết như thật về chết? Đó là, chúng sinh

kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sinh kia, khi mạng chung, cơn vô thường đến, thì chết rồi chôn và tan rã, tuổi thọ chấm dứt và bị phá hoại, mạng căn bế tắc; đó là biết như thật về chết. Trước kia là nói về già, đây là nói về chết. Đó gọi là lão tử. Đó là biết như thật về già-chết.

– Thế nào là biết như thật về tập của già chết? Đó là, do sinh mà có già chết. Đó là biết như thật về tập của già chết.

– Thế nào là biết như thật về diệt của già chết? Đó là, sinh diệt tức già chết diệt. Đó là biết như thật về diệt của già chết.

– Thế nào là biết như thật về diệt đạo của già chết? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của già chết.

– Này Tôn giả Xá-lợi-phất. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về già chết. Biết như thật về tập của già chết, diệt của già chết và diệt đạo của già chết như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A-hàm I – 29. Kinh Đại Câu-hi-la – Tr.285)

3. BA PHÁP THẾ GIAN KHÔNG THÍCH

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: "Có ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Như vậy là ba pháp mà tất cả

thế gian không yêu, không mến. Nếu không có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến này, thì chư Phật Thế Tôn cũng không xuất hiện ở đời, và thế gian cũng không biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi. Vì có ba pháp này mà tất cả thế gian không yêu, không mến này là già, bệnh, chết; nên chư Phật Như Lai mới xuất hiện ở đời, và thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi." Vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy rồi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những điều suy nghĩ kia bạch Thế Tôn.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy! Đây có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến là già, bệnh, chết,… *cho đến* thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Xe báu của vua đi,
Cuối cùng cũng hư hoại.
Thân này cũng như vậy,
Biến chuyển sẽ về già.
Chỉ chánh pháp Như Lai,
Không có tướng suy, già.
Người nhận chánh pháp này,
Luôn đến chỗ an ổn.

Phàm phu luôn suy yếu,
Hình tướng tệ, xấu xí;
Suy già đến tàn lụn,
Người ngu tâm mê muội.
Nếu người sống trăm tuổi,
Thường lo chết theo đến;
Già bệnh đuổi theo nhau,
Dò xét liền gia hại.

(Tạp A-hàm III – 33. Tương Ưng Câu-tát-la – Kinh 1044. Tam Pháp[1] – Tr.1734)

4. SINH, LÃO, BỆNH, TỬ BỐN ĐIỀU SỢ HÃI

– Mạng người mong manh, thọ lâu lắm không quá trăm năm. Không mấy ai sống đến trăm tuổi. Một trăm năm ở đây kể là một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số ngày trên đó, ba mươi ngày là một tháng. Mười hai tháng là một năm. Trời Tam thập tam kia thọ chính thức một ngàn tuổi. Tính theo tuổi loài người, ấy là thọ được mười hai vạn năm.

– Lại kể một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn hoạt. Ở đó, ba mươi ngày là một tháng. Mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ trong địa ngục Hoàn hoạt là năm ngàn năm, hoặc thọ nửa kiếp, hoặc thọ một kiếp, tùy theo những điều đã làm; cũng có kẻ yểu nửa chừng. Tính theo

[1] Đại Chánh, Kinh 1240. Tham chiếu Pāli (SN 3.3): Chương 3: Tương Ưng Kosala – I: Phẩm Thứ Nhất – 3. Vua.

năm loài người, ấy là thọ một trăm ức tuổi.

– Người trí hằng suy nghĩ mà tu tập đầy đủ hành này, sao lại còn làm ác để làm gì? Vui ít, khổ nhiều, tai ương không kể hết. Cho nên, Đại vương, chớ vì thân mình, cha mẹ, vợ con, quốc thổ, nhân dân, mà thi hành nghiệp tội ác. Chớ vì thân của vua mà tạo gốc rễ tội ác. Cũng như một chút đường[2], mới nếm thì ngọt, nhưng sau đó khổ. Đây cũng vậy, ở trong cái tuổi thọ ngắn ngủi ấy, sao lại làm ác?

– Đại vương, nên biết, có bốn sợ hãi lớn hằng truy bức thân người, không bao giờ có thể ức chế; cũng không thể dùng chú thuật, chiến đấu, cỏ thuốc, mà có thể ức chế được. Đó là, sinh, già, bệnh, chết. Cũng như bốn hòn núi lớn từ bốn phương ập đến với nhau, làm gãy đổ cây cối, tất cả đều bị hủy diệt. Bốn sự kiện này cũng vậy.

– Đại vương, nên biết, khi sinh ra, cha mẹ ôm lòng sầu lo, khổ não, không thể kể hết. Khi sự già đến, không còn trai trẻ nữa, thân hình bại hoại; tay chân, gân khớp lỏng lẻo. Khi bệnh đến, lúc đang trai trẻ, mà không còn khí lực, mạng sống rút ngắn dần. Khi chết đến, mạng căn bị cắt đứt, ân ái biệt ly, năm ấm tan rã. Đại vương, đó là bốn sợ hãi lớn, khiến cho không được tự tại.

(Tăng Nhất A-hàm III – 52. Phẩm Đại Ái Đạo Bát-niết-bàn – Kinh số 8 – Tr.565)

---

[2] Nên hiểu là một chút mật đầu lưỡi dao.

5. MẠNG NGƯỜI NGẮN NGỦI NÊN GẮNG LÀM VIỆC LÀNH

Bấy giờ sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo tụ tập ngồi tại giảng đường bàn luận thế này: "Này chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cầu."

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang ở tại chỗ nghỉ trưa, bằng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau bữa cơm trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, đã bàn luận như thế này: "Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sinh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong." Nghe vậy, Đức Thế Tôn, vào lúc xế trưa từ chỗ tĩnh tọa, đứng dậy, đi đến giảng đường. Ngài trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các Thầy bàn luận chuyện gì? Vì duyên cớ nào mà tụ tập ngồi tại giảng đường?

Nghe Đức Thế Tôn hỏi như vậy, các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: "Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sinh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong." Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy, nên chúng con đã tụ tập ngồi ở giảng đường.

Thế Tôn tán thán:

– Lành thay! Lành thay! Khi các ngươi nói với nhau rằng: "Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong." Vì sao? Vì ta cũng nghĩ thế này: "Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong."

(Trung A-hàm III – 160. Kinh A-lan-na – Tr.1661)

6. MẠNG NGƯỜI MONG MANH

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ? Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.

Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu. Cũng vậy, này Ma-nạp ma, sinh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn rất lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trồi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trồi lên rất nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn rất nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một

bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trói dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; cũng vậy này Ma-nạp ma, mạng

sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như dòng nước chảy nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

– Này các Ma-nạp ma, giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp ma, chúng sinh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sinh vào địa ngục, sinh vào súc sinh hay loài ngạ quỷ, hoặc sinh cõi trời, hoặc sinh cõi người. Cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A-hàm III – 160. Kinh A-lan-na[3] – Tr.1665)

7. VÍ DỤ CON RẮN, SỰ VÔ THƯỜNG CỦA CON NGƯỜI

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thí như có bốn con rắn hổ hung ác, độc nghiệt, đựng trong một cái tráp. Bấy giờ có một người thông minh,

[3] Tham chiếu Pāli (AN 7.73 – 7.74): VII. Đại Phẩm – (IX) (69) Sunetta và (X) (70) Araka.

không ngu si, có trí tuệ, tìm lạc, nhàm khổ, cầu sống chán chết. Khi ấy, có một người kia nói với người này rằng: "Nay, anh giữ cái tráp đựng rắn độc này. Hãy lau chùi, tắm rửa cho chúng; gần gũi, cho chúng ăn. Thỉnh thoảng, cho chúng ra, vào. Nếu bốn con rắn này thoát ra, thì rất có hại, hoặc có thể cắn chết, hoặc gần chết. Bạn hãy coi chừng."

– Bấy giờ, người này sợ hãi bỏ chạy. Bỗng có năm kẻ oán thù cầm đao rượt theo muốn bắt giết: "Này bạn, hãy đề phòng." Trong lúc anh đang sợ bốn con rắn độc và năm kẻ oán thù hoa đao nên ruổi chạy, thì người kia lại nói: "Này bạn, bên trong còn có sáu tên giặc đang đuổi theo rình rập anh. Nếu bắt được, chúng nó sẽ giết. Anh nên đề phòng."

– Bấy giờ, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy, lại trở vào trong xóm vắng. Thấy một căn nhà trống mục nát nguy hoại kia, với những đồ vật xấu ác, giòn tan, dễ vỡ, không có gì chắc thật. Người kia lại nói: "Này bạn, thôn xóm vắng vẻ này sẽ có bọn giặc đến. Chúng sẽ hại anh."

– Khi ấy, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm tên giặc hoa đao, sáu tên giặc dữ bên trong và một đám giặc trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường, dòng nước sâu đang chảy xiết, chỉ thấy bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, còn thấy bờ bên kia an

ổn khoái lạc, mát mẻ, không có sợ hãi. Nhưng không có cầu, thuyền để đưa qua được đến bờ kia. Anh ta tự nghĩ: "Ta hãy lấy cây cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện vượt qua bên kia sông." Nghĩ như vậy rồi, liền thâu thập cây cỏ, tại cạnh bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang ngang. Như vậy, người này thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù hoa đao, sáu tên giặc ác bên trong và lại thoát được bọn giặc nơi xóm vắng; vượt qua khỏi dòng sâu, bỏ lại mọi sự sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an ổn, khoái lạc.

– Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ đó là để giải thích nghĩa này:

– Cái tráp là dụ cho sắc thân gồm bốn đại thô và sở tạo của bốn đại phù này, thể tinh huyết, được nuôi lớn bằng các thức ăn tạp uế, tắm rửa, y phục. Đó là những pháp mong manh, biến hoại, vô thường.

– Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần chết. Đối với nước, lửa, gió cạnh tranh nhau cũng lại như vậy. Năm kẻ oán thù cầm đao là dụ cho năm thủ uẩn. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Này thiện nam tử, hãy quán sát mắt nhập xứ là vô thường, biến hoại. Sự chấp thủ mắt cũng là pháp vô thường hư ngụy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ cũng lại như vậy.

– Bọn giặc nơi xóm vắng là dụ cho sáu nhập xứ bên ngoài. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối xúc,... ý đối pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại.

– Dòng nước xiết dụ cho bốn lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

– Con sông dụ cho ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

– Bờ bên này nhiều sợ hãi dụ cho hữu thân. Bờ bên kia mát mẻ, an lạc dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho Bát chánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang sông dụ cho tinh tấn dõng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

– Như vậy, các Tỳ-kheo, Đại Sư từ bi, an ủi đệ tử. Những gì cần làm Ta đã làm xong. Nay các ông cũng phải nên làm những gì cần làm. Hoặc dưới bóng cây vắng vẻ, hay nơi phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay gò mả, xa lìa tất cả, tinh cần thiền tư, cẩn thận chớ buông lung mà sau này hối hận. Đây là giáo giới của Ta.

(Tạp A-hàm I – 4. Tương Ưng Sáu Xứ – Kinh 315. Rắn Độc[4] – Tr.584)

8. NĂM THIÊN SỨ XUẤT HIỆN

Nếu ai có mắt, đứng yên trên lầu cao nhìn, thấy người dưới thấp qua lại, đổi thay đủ cách, ngồi, nằm, chạy, nhảy.

---

[4] Đại Chánh, Kinh 1172. Tham chiếu Pāli (SN 35.238) Chương 35: Tương Ưng Sáu Xứ – IV: Phẩm Rắn Độc – 238. Rắn Độc.

Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

Phán xử của Diêm Vương

Nếu chúng sinh nào sinh ở nhân gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, thì do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy sinh vào cảnh giới của Diêm vương. Người của Diêm vương bắt đưa đến chỗ vua và thưa rằng:

– Tâu Thiên vương, chúng sinh này lúc còn làm người, không hiếu thảo cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau. Mong Thiên vương trừng phạt đúng theo tội trạng của nó.

1. Thiên sứ thứ nhất

Bấy giờ, Thiên vương dẫn Thiên sứ thứ nhất ra mà tra hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

– Người có thấy Thiên sứ thứ nhất đến không?

Chúng sinh đáp:

– Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

– Ở trong một thôn ấp có hài nhi bé nhỏ hoặc nam hoặc nữ thân thể yếu đuối, nằm ngửa giữa phẩn và nước tiểu, không thể kêu cha mẹ; cha mẹ bồng khỏi chỗ bất tịnh, tắm rửa thân nó cho được sạch sẽ. Người có thấy cảnh tượng đó không?

Chúng sinh ấy đáp:

– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

– Từ đó về sau, lúc ngươi đã hiểu biết, tại sao ngươi không nghĩ rằng: "Chính ta lệ thuộc sự sinh, không lìa khỏi sinh; ta nên làm nghiệp thiện với thân, khẩu và ý."

Chúng sinh ấy hỏi:

– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

Diêm vương đáp:

– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

2. Thiên sứ thứ hai

Sau khi dẫn Thiên sứ thứ nhất này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ hai ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

– Người có thấy Thiên sứ thứ hai đến không?

Chúng sinh kia đáp:

– Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

– Trước kia ở trong một thôn ấp, ngươi há không thấy người đàn bà hoặc đàn ông, tuổi quá già nua, sức sống rũ liệt gần tàn, răng rụng, tóc bạc, lưng còm, chống gậy mà đi, thân thể run rẩy?

Chúng sinh ấy đáp:

– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

– Ngươi từ đó về sau, khi đã có hiểu biết, tại sao không

nghĩ rằng: "Chính ta lệ thuộc sự già, không lìa khỏi sự già; ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý."

Chúng sinh ấy hỏi:

– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

Diêm vương đáp:

– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

3. Thiên sứ thứ ba

Sau khi dẫn Thiên sứ thứ hai này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ ba ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

– Người có thấy Thiên sứ thứ ba đến không?

Chúng sinh kia đáp:

– Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

– Trước kia trong một thôn ấp, ngươi há không thấy người đàn ông hoặc đàn bà bệnh tật nguy khốn, hoặc nằm

ngồi trên giường, hoặc nằm ngồi trên chõng, hoặc nằm ngồi dưới đất, thân thể rất đau đớn, đau đớn cùng cực, không thể ái niệm, mong sao rút ngắn mạng sống chăng?

Chúng sinh ấy đáp:

– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

– Từ đó về sau, khi ngươi đã có hiểu biết, nhưng tại sao ngươi không nghĩ: "Chính ta lệ thuộc sự tật bệnh, không lìa khỏi bệnh. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý."

Chúng sinh ấy hỏi:

– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

Diêm vương đáp:

– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

4. Thiên sứ thứ tư

Sau khi dẫn Thiên sứ thứ ba này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ tư ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng

sinh kia rằng:

– Người có thấy Thiên sứ thứ tư đến không?

Chúng sinh kia đáp:

– Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

– Trước kia, trong một thôn ấp, ngươi có thấy người đàn ông hay đàn bà lúc chết rồi qua một hai ngày cho đến sáu bảy ngày bị quạ mổ, chó ăn, hoặc lửa đốt, hoặc chôn xuống đất, hoặc vữa nát tan?

Chúng sinh ấy đáp:

– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

– Từ đó về sau, lúc ngươi đã có hiểu biết, tại sao ngươi không nghĩ: "Chính ta lệ thuộc sự chết, ta không lìa khỏi sự chết. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý."

Chúng sinh ấy hỏi:

– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

Diêm vương đáp:

– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không

phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

5. Thiên sứ thứ năm

Sau khi dẫn Thiên sứ thứ tư này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ năm ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

– Người có thấy Thiên sứ thứ năm đến không?

Chúng sinh kia đáp:

– Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

– Ngươi trước đây không thấy chăng, người của vua tróc nã kẻ phạm tội, tra khảo, trừng trị đủ cách, như chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân; xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả mũi tai; hoặc thái hoặc cắt; nhổ râu, nhổ tóc, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc bỏ vào trong cũi, quấn trong vải mà đốt; hoặc dùng cát lấp kín, dùng cỏ quấn lại mà đốt; hoặc bỏ vào trong bụng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ vào trong miệng con heo bằng sắt, hoặc đặt vào trong miệng cọp bằng sắt mà đốt; hoặc bỏ vào trong chảo bằng đồng, hoặc bỏ vào trong chảo bằng sắt mà nấu; hoặc chặt ra từng đoạn; hoặc dùng chĩa nhọn mà đâm, hoặc dùng móc mà móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt mà dội nước sôi; hoặc cho người vào cối sắt, dùng chày sắt mà giã; hoặc

cho rắn rít mổ; hoặc dùng roi da mà quất, hoặc dùng gậy mà đánh, hoặc dùng hèo mà phang; hoặc treo sống lên ngọn nêu cao, hoặc chặt đầu đem bêu?

Chúng sinh ấy đáp:

– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

– Từ đó về sau, khi ngươi đã hiểu biết, tại sao không nghĩ: "Nay ta hiện thấy điều ác, bất thiện."

Chúng sinh ấy hỏi:

– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chăng?

Diêm vương đáp:

– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

(Trung A-hàm I – 64. Kinh Thiên Sứ[5] - Tr.548)

9. VÔ THƯỜNG TẤN TỐC

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng

[5] Tham chiếu Pāli (MN 130): 130. Kinh Thiên sứ.

đường Trùng Các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tất cả hành vô thường, không thường hằng, không an ổn, là pháp biến dịch. Này các Tỳ-kheo, phải thường xuyên quán sát tất cả các hành, tu tập yểm ly, không ham thích, để giải thoát.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, mạng sống dời đổi, hủy diệt, nhanh chậm như thế nào?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ta có thể nói, nhưng ngươi muốn hiểu thì khó!

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Có thể nói thí dụ được chăng?

Phật bảo:

– Có thể được.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn người, tay cầm cung cứng, cùng lúc bắn ra cả bốn phương. Có một người theo kịp khi tên chưa rơi, chụp lấy bốn mũi tên. Thế nào, Tỳ-kheo, người như vậy là nhanh chóng phải không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nhanh chóng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Người chụp những mũi tên này tuy có nhanh chóng, nhưng có Địa thần Thiên tử còn nhanh chóng hơn người đó gấp bội. Thiên thần Hư không lại nhanh hơn Địa thần gấp bội. Tứ thiên vương lại nhanh hơn Thiên thần Hư không gấp bội. Có Nhật nguyệt thiên tử lại nhanh hơn Tứ thiên vương gấp bội. Có thần hướng đạo Nhật nguyệt lại nhanh hơn Nhật nguyệt thiên tử gấp bội. Này các Tỳ-kheo, sự thay đổi biến hoại của mạng hành còn nhanh hơn thần hướng đạo Nhật nguyệt gấp bội. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải tinh tấn phương tiện quán sát mạng hành là vô thường nhanh chóng như vậy.

(Tạp A-hàm II – 27. Tương Ưng Thí Dụ – Kinh 917. Cung Thủ[6] – Tr.1464)

10. LỬA CHÁY ĐẦU

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.

---

[6] Đại Chánh, Kinh 1257. Tham chiếu Pāli (SN 20.6): Chương 20: Tương Ưng Thí Dụ – 6. Người Bắn Cung.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên pháp ác bất thiện đã sinh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng. Vì để đoạn trừ những pháp vô thường nào, đối với pháp ác bất thiện đã sinh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng. Vì để đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên đối với pháp ác bất thiện đã sinh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng.

(Tạp A-hàm I – 3. Tương Ưng Kiến
– Kinh 180. Đoạn Ác Bất Thiện Pháp[7] – Tr.360)

11. AI CŨNG PHẢI CHẾT

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc có bà nội, người mà vua rất kính trọng, bỗng nhiên mạng chung. Vua đưa ra ngoài thành hỏa táng, cúng dường xá-lợi xong, mặc áo tang, tóc bù xù, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương từ đâu lại, mặc đồ tang, tóc bù xù vậy?

---

[7] Đại Chánh, Kinh 178.

Vua Ba-tư-nặc thưa:

– Bạch Thế Tôn, con đã mất bà nội mà con rất kính trọng. Bà đã bỏ con ra đi. Con đã đưa ra ngoài thành để hỏa táng, cúng dường xong, rồi đến Thế Tôn.

Phật bảo:

– Đại vương thương kính bà nội lắm phải không?

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, rất kính trọng thương mến. Bạch Thế Tôn, nếu đem những gì có được ở trong nước như voi, ngựa, bảy báu, cho đến ngai vàng đem bố thí hết cho người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ bố thí hết. Nhưng vĩnh viễn đã không thể cứu được; kẻ sống người chết mãi mãi xa lìa; nhớ thương, buồn khổ, không tự mình vượt nổi. Con đã từng nghe Thế Tôn nói: "Tất cả chúng sinh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sinh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sinh ra mà không chết." Hôm nay con mới nhận thấy lời Thế Tôn nói đúng.

Phật bảo Đại vương:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả chúng sinh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sinh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sinh ra mà không chết.

Phật bảo Đại vương tiếp:

– Cho dù dòng họ Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, hay gia chủ, nếu có sinh đều phải chết, không ai không chết. Cho dù là Đại vương Sát-đế-lợi, ở ngôi quán đảnh, làm vua bốn thiên hạ, được sức tự tại; đối với các địch quốc đều hàng phục, cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương, dù sinh trời Trường thọ, làm vua Thiên cung, tự tại khoái lạc, cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, đã lìa các gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng phải chấm dứt, xả thân vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Duyên giác, khéo điều phục, khéo tịch tĩnh, khi hết thân mạng này, cuối cùng cũng vào Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, cuối cùng cũng xả thân vào Bát-niết-bàn. Vì vậy, Đại vương nên biết, tất cả chúng sinh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sinh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sinh ra mà không chết.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Tất cả loài chúng sinh,
Có mạng đều phải chết;
Chúng đi theo nghiệp mình,
Tự nhận quả thiện ác.
Nghiệp ác vào địa ngục,
Làm lành lên trên trời;
Tu tập đạo thắng diệu,

Lậu hết, Bát-niết-bàn.
Như Lai và Duyên giác,
Thanh văn đệ tử Phật;
Đều phải bỏ thân mạng,
Huống là người phàm phu.

(Tạp A-hàm III – 33. Tương Ưng Câu-tát-la – Kinh 1031. Tổ Mẫu[8] – Tr.1707)

12. NGŨ UẨN GIẢ DỐI

Một thời, Phật ở trú xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Giống như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Nếu như người nào có mắt sáng quán sát, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát, phân biệt thật kỹ đó, sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong nhóm bọt nước nổi kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì sắc vốn không chắc thật.

---

[8] Đại Chánh, Kinh 1227. Tham chiếu Pāli (SN 3.22): Chương 3: Tương Ưng Kosala – III: Phẩm Thứ Ba – 22. Tổ Mẫu.

– Này các Tỳ-kheo, giống như trời mưa lớn, bong bóng nước chợt hiện chợt mất. Nếu người nào có mắt sáng quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát tư duy, phân biệt thật kỹ đó sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về thọ, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thọ vốn không chắc thật.

– Này các Tỳ-kheo, giống như cuối xuân, đầu hạ, không mây, không mưa, giữa trưa trời nắng gắt, sóng nắng chập chờn, người nào sáng mắt quán sát, tư duy, phân biệt kỹ, khi quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong quáng nắng kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai

nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tưởng vốn không chắc thật.

– Này các Tỳ-kheo, giống như người mắt sáng muốn tìm gỗ cứng chắc, nên cầm búa bén đi vào rừng núi. Thấy một cây chuối lớn, thân dài lớn ngay thẳng, y liền đốn gốc, chặt đứt ngọn nó, lột bỏ hết bẹ, cuối cùng không có gì là chắc thật. Nếu người nào có mắt sáng thì sẽ quán sát, tư duy, phân biệt và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt rồi thì sẽ thấy rằng không gì là có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về hành, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì hành vốn không chắc thật.

– Này các Tỳ-kheo, giống như nhà ảo thuật, hay là học trò của nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, huyễn hóa ra binh voi, binh ngựa, binh xa, binh bộ. Lúc này có người trí mắt sáng, quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi họ đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ, thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật. Vì sao? Vì những hiện tượng huyễn hóa

kia vốn không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo những gì thuộc về thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì Tỳ-kheo nên quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật; chúng như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thức vốn không chắc thật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

Quán sắc như bọt nước,
Thọ như bong bóng nước,
Tưởng như quáng nắng xuân,
Các hành như cây chuối,
Các thức pháp như huyễn,
Đấng Nhật thân[9] *dạy vậy.*
Tư duy kỹ khắp cả,
Chánh niệm khéo quán sát:
Không thật, chẳng kiên cố,
Không có ngã, ngã sở.
Trong thân khổ uẩn này,
Đại Trí phân biệt dạy,
Xa lìa ba pháp này,

---

[9] Hán: Nhật chủng tánh tôn. Pāli: Ādiccabandhu, bà con với Mặt trời, chỉ dòng họ Thích, được coi là có nguồn gốc từ Mặt trời.

Thân thành vật vất bỏ:
Thọ, hơi ấm và thức.
Lìa chúng, phần thân khác,
Vĩnh viễn vùi gò hoang,
Như gỗ, không thức tưởng.
Thân này thường như vậy,
Huyễn dối dụ người ngu;
Như gai độc, như sát,
Không có gì chắc thật.
Tỳ-kheo siêng tu tập,
Quán sát thân uẩn này,
Chuyên tinh luôn ngày đêm,
Chánh trí, buộc niệm lại,
Hành hữu vi ngừng nghỉ,
Vĩnh viễn chốn thanh lương.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tạp A-hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 42. Bào Mạt[10] – Tr.103)

13. NGŨ UẨN LÀ VÔ THƯỜNG, LÀ KHỔ, LÀ VÔ NGÃ

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

---

[10] Đại Chánh, Kinh 265. Tham chiếu Pāli (SN 22.95) Chương 22: Tương Ưng Uẩn – V: Phẩm Hoa – 95. Bọt Nước.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

– Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết; những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết[11].

Phật bảo La-đà:

– Sắc là thường hay vô thường?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

Lại hỏi:

– Nếu là vô thường, thì khổ chăng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi:

– Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?

Đáp:

---

[11] Ma pháp. Pāli: māradhamma, ma pháp hay tử pháp, quy luật của sự chết.

– Bạch Thế Tôn, không.

Phật bảo La-đà:

– Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thủ uẩn này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: "Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa."

(Tạp A-hàm I – 2. Tương Ưng La-đà – Kinh 123. Tử Diệt[12] – Tr.301)

14. SẮC LÀ VÔ THƯỜNG, KHỔ, VÔ NGÃ

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương Xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta đã nói về nội xúc pháp[13], các ông có bắt nắm không?

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, pháp nội xúc được nói, con đã bắt nắm rồi.

Lúc Tỳ-kheo này ở trước Phật tự mình xác nhận như

---

[12] Đại Chánh, Kinh 212. Tham chiếu Pāli (SN 23.12): Chương 23: Tương Ưng Rādha – II: Phẩm Thứ Hai – 12. Tánh Chất Của Māra.

[13] Nội xúc pháp , sự tiếp xúc bằng nội tâm. Pāli: sammasatha no tumhe bhikkhave antaraṃ sammasanti, các ông có nắm bắt sự tiếp xúc của tâm ý chăng?

vậy, nhưng dù là như vậy Thế Tôn vẫn tỏ vẻ không hài lòng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật. Phật bảo A-nan:

– Nội xúc pháp theo như pháp luật của bậc Thánh, khác với những điều Tỳ-kheo này nói.

A-nan, bạch Phật:

– Nay thật đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói về nội xúc pháp trong pháp luật của Hiền thánh. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, thực hành.

Phật bảo A-nan:

– Này, A-nan, lành thay! Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

– Này các Tỳ-kheo, khi nắm bắt nội xúc pháp, nên tư duy như vầy: "Có nhiều loại khổ khác nhau của chúng sinh; khổ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sinh, cái gì xúc?[14] Lúc nắm bắt như vậy, nên biết cái khổ này do nhân là ức-ba-đề[15], tập là ức-ba-đề, sinh bởi ức-ba-đề, chuyển hiện ức-ba-đề."

– Lại nữa, này các Tỳ-kheo, với nội xúc pháp, lại nữa,

---

[14] Trong bản: xúc . Theo văn đoạn dưới, nên sửa lại là chuyển. Xem chú thích 3 ở dưới. Có lẽ chính xác là duyên?, trong bốn hành tướng của tập đế, theo Hữu bộ (nhân, tập, sinh, duyên). Pāli: idaṃ kho dukkhaṃ kiṃnidānaṃ kiṃsamaudayaṃ kiṃ jātikaṃ kiṃ pabhavaṃ, khổ này, cái gì là nguyên do (nhân duyên), cái gì là tập khởi, cái gì làm sinh, cái gì làm hiện khởi.

[15] Ức-ba-đề, Pāli: upadhi-nidānaṃ. Nghĩa gốc của upadhi là cơ bản hay cơ sở; theo nghĩa kinh, là sở y của tồn tại. Hán dịch: y, vật, sự, uẩn, tư, tham ái, phiền não. (Wogihara).

ức-ba-đề do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sinh, cái gì chuyển hiện?[16] Vị ấy, trong khi nắm bắt, biết rằng, ức-ba-đề do ái là nhân, ái là tập, do ái mà sinh, do ái mà chuyển hiện. Lại nữa này các Tỳ-kheo, khi nắm bắt nội xúc pháp, nên biết ái do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sinh, cái gì chuyển hiện? Khi nắm bắt như vậy, thì nên biết rằng sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ; ở nơi sắc này, ái sinh khi sinh nơi đó, ái hệ lụy khi hệ lụy nơi đó, ái cư trú khi cư trú nơi đó.

– Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà khởi tưởng là thường, tưởng là hằng, tưởng an ổn, tưởng không bệnh; tưởng là ngã, là ngã sở, thì ở nơi sắc này ái càng tăng trưởng. Khi ái đã tăng trưởng thì ức-ba-đề tăng trưởng; ức-ba-đề tăng trưởng thì khổ tăng trưởng. Nếu khổ tăng trưởng thì chắc chắn sẽ không giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này đối với khổ không giải thoát.

– Ví như ao nước trong mát ở bên đường, đầy đủ hương vị, có người lén lấy chất độc bỏ vào ao. Tháng nắng mùa xuân, người đi đường bị gió nóng làm bức khát, tranh nhau muốn đến uống nước. Có người nói rằng: "Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị sắc màu, nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống; nếu uống vào các anh sẽ chết, hoặc sẽ bị khổ như sắp chết." Những người

---

[16] Trong bản: xúc. Theo trên, sửa lại là chuyển. Pāli: taṇhānidānaṃ taṇsamudayaṃ taṇhājātikaṃ taṇhāpabhavaṃ.

khát nước này không tin lời, cứ uống; tuy được vị ngon, nhưng trong chốc lát lại bị chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà khởi tưởng là thường, tưởng là hằng, tưởng an ổn, tưởng không bệnh; tưởng là ngã, là ngã sở, (chi tiết như trên, cho đến) sẽ không giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

– Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc đẹp đẽ được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì đối với ái này chắc chắn được dứt lìa. Vì ái lìa nên ức-ba-đề lìa, ức-ba-đề lìa nên khổ lìa, khổ đã lìa nên sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não lìa.

– Ví như bên đường có ao nước trong mát, đầy đủ hương vị, có kẻ lén dùng chất độc bỏ vào trong nước. Tháng nắng mùa xuân, người đi đường bị gió nóng làm bức khát, tranh nhau muốn đến uống nước. Có người nói rằng: "Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị sắc màu, nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống; nếu uống vào các anh sẽ chết, hoặc sẽ bị khổ như sắp chết." Những người kia nghĩ thầm: "Nước này có chất độc, nếu ta uống vào thì sẽ chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Thôi ta cố chịu khát, ăn đỡ cơm khô, không dám uống nước."

– Cũng như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà quán sát như

bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, cho đến… sẽ giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

– Vì vậy, này A-nan, đối với pháp này thấy như vậy, nghe như vậy, cảm nhận như vậy, nhận thức như vậy; đối với quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng theo như đạo lý này nên quán sát như vậy.

(Tạp A-hàm I – 5. Tương Ưng Nhân Duyên – Kinh 329. Xúc[17] – Tr.624)

15. TU TẬP TƯỞNG VÔ THƯỜNG

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điệu mạn, vô minh.

– Giống như người làm ruộng, cuối hạ đầu thu, cày đất cho sâu, làm sạch hết cỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Tỳ-kheo, như người cắt cỏ, tay cầm ngọn cỏ, đưa lên và giũ sạch, tất cả cỏ khô héo đều rơi rớt hết và lấy được những cọng cỏ dài. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái,

---

[17] Đại Chánh, Kinh 291. Tham chiếu Pāli (SN 12.66): Chương 12: Tương Ưng Nhân Duyên – VII: Đại Phẩm: Mahāvagga – 66. Xúc Chạm, Biết Rõ: Sammasa.

vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Giống như trái Am-la[18] bám lơ lửng trên cây; một cơn gió mạnh thổi qua cành, quả rụng xuống. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Giống như bên trong lầu gác là nơi chứa các loại gỗ ván quý, bền chắc, để gìn giữ không cho thất lạc. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Giống như trong tất cả dấu chân của chúng sinh, dấu chân voi là lớn hơn, vì nó có thể chứa nhiều dấu chân khác. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Giống như tất cả các sông ngòi ở thế gian này đều đổ vào biển cả. Biển cả là hơn hết, vì nó dung nạp tất cả. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Giống như mặt trời xuất hiện, có thể phá tan mọi sự tối tăm của thế gian. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Giống như Chuyển luân Thánh vương, so với các tiểu vương là tối thượng, tối thắng. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô

[18] Am-la: quả xoài.

sắc ái, điệu mạn, vô minh.

– Tỳ-kheo, làm thế nào để tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh?

– Nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống hay ở trong rừng cây, mà khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh. Vì sao? Vì nếu người nào tu tập được tưởng vô thường, thì có thể tu tập được tưởng vô ngã. Thánh đệ tử an trú ở tưởng vô ngã, tâm lìa ngã mạn, tùy thuận chứng đắc Niết-bàn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tạp A-hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 47. Thọ[19] – Tr.116)

16. ĐỨC PHẬT KHÔNG TRẢ LỜI BÀ-SA LÀ CÓ NGÃ HAY KHÔNG CÓ NGÃ

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

– Thế nào, thưa Cù-đàm, có ngã không?

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ba lần hỏi như

---

[19] Đại Chánh, Kinh 270. Tham chiếu Pāli (SN 22.102): Chương 22: Tương Ưng Uẩn – V: Phẩm Hoa – 102. Vô Thường Tánh (Hay Tưởng).

vậy, Thế Tôn cũng ba lần không đáp.

Lúc này, Bà-sa xuất gia thầm nghĩ: "Ta đã ba lần hỏi Sa-môn Cù-đàm, mà không thấy trả lời, thôi ta nên trở về."

Lúc ấy, Tôn giả A-nan, đang cầm quạt đứng hầu sau Phật.

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Bà-sa xuất gia kia ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không đáp? Há không làm tăng ác tà kiến cho Bà-sa xuất gia kia, rằng Sa-môn không khả năng để giải đáp những gì được hỏi?

Phật bảo A-nan:

– Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của người kia. Nếu đáp rằng không ngã, mà trước kia người ấy đã hoài nghi, nay há không tăng thêm nghi hoặc, rằng trước ta hiện hữu, mà từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu từ trước đến nay, ta hiện hữu, đó là thường kiến; mà từ nay lại đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai lìa hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: "Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sinh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... *cho đến* sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, não, khổ diệt."

(Tạp A-hàm III – 46. Tương Ưng Bà-Sa – Kinh 1342. Hữu Ngã[20] – Tr.2316)

---

[20] Đại Chánh, Kinh 961. Tham chiếu Pāli (SN 44.10): Chương 44: Tương Ưng Không Thuyết – 10. Ānanda (hay Sự có mặt của ngã).

17. THÂN PHẬT DA NHĂN

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Sau đó không lâu lại lấy hai tay sờ chân Như Lai, rồi dùng miệng hôn lên chân Như Lai, mà nói như vầy:

– Thân thể của đấng Thiên Tôn vì sao thế này? Thân nhăn quá vậy! Thân Như Lai không như xưa.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, A-nan, như những gì ông nói. Nay thân Như Lai, da thịt đã nhăn, thân thể hiện tại không như xưa. Sở dĩ như vậy là vì, phàm có thân thể là bị bệnh thúc ép. Đáng bệnh, chúng sinh bị bệnh vây khốn; đáng chết, chúng sinh bị chết bức bách. Nay Như Lai tuổi đã suy vi, đã hơn tám mươi.

A-nan nghe những lời này, buồn khóc nghẹn ngào, không tự nén được, liền nói lời này:

– Than ôi! Sự già đã đến đây rồi!

Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thế Tôn đi khất thực, lần hồi đến cung vua Ba-tư-nặc. Trong lúc đó, trước cửa của vua Ba-tư-nặc có vài mươi chiếc xe hư cũ bị bỏ một bên. Tôn giả A-nan thấy những cỗ xe bị vất ở một bên như vậy, liền bạch Thế Tôn:

– Đây là những chiếc xe của vua Ba-tư-nặc. Ngày xưa,

lúc mới làm thật là tinh xảo, nhưng ngày nay trông chúng cũng như màu gạch đá.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, A-nan, như những gì ngươi đã nói. Những chiếc xe như đang được thấy đây, xưa kia thật là tinh xảo, làm bằng vàng bạc. Ngày nay đã hư hỏng, không thể dùng được nữa. Vật bên ngoài còn hư hoại như vậy, huống chi là bên trong.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Ôi! Già, bệnh, chết này,
Hoại người sắc cực thịnh.
Lúc đầu tâm hoan lạc,
Nay bị chết bức bách.

Dù tuổi thọ trăm năm
Đều quy về cái chết.
Không ai thoát khổ này;
Hết thảy về đường này.

Những gì có trong thân,
Bị chết rượt đuổi đi.
Bốn đại ở bên ngoài
Đều quay về gốc không.

Cho nên cầu không chết,
Chỉ có về Niết-bàn;
Nơi không chết không sinh

Đều không các hành này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tới chỗ vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc bày biện đồ ăn thức uống cúng dường Thế Tôn. Thấy Thế Tôn đã ăn xong, vua liền lấy một ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

– Sao vậy, Thế Tôn, hình thể của chư Phật đều là kim cương, mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Đại vương, như lời Đại vương. Như Lai cũng phải có sinh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma-da, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật hiện giữa loài người,
Cha tên là Chân Tịnh,
Mẹ tên Cực Thanh Diệu,
Dòng sát-lợi quyền quý.

Đường chết thật là khốn
Đều không xét tôn ti.
Chư Phật còn không khỏi,
Huống chi lại phàm phu.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

Tế tự: tế lửa nhất;
Thi thư: tụng tối tôn;

Nhân gian: vua là quý;
Các sông: biển là đầu;
Các sao: trăng trên hết;
Ánh sáng: mặt trời nhất.
Tám phương, trên, dưới, giữa
Nơi thế giới vận hành,
Trời cùng người thế gian:
Như Lai là tối tôn
Muốn cầu phước lộc kia
Hãy cúng dường Tam-Phật[21].

Thế Tôn nói kệ này rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ ngồi mà ngồi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn pháp được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tuổi trẻ tráng niên được người thế gian ái kính; không có bệnh đau được người ái kính; tuổi thọ được người ái kính; ân ái tụ hợp được người ái kính. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp được mọi người thế gian ái kính.

– Lại nữa Tỳ-kheo, lại có bốn pháp không được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo nên biết, tuổi trẻ tráng niên đến lúc già bệnh, người đời không thích; người không bệnh sau lại mắc bệnh, người đời không thích; được tuổi thọ mà sau lại mạng chung, người đời không thích; ân ái hội hợp sau lại chia lìa. Đó là những

[21] Tam-Phật: phiên âm, Pāli: Sambuddha (bậc Chánh giác).

điều người đời không thích. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp cùng đời xoay chuyển. Chư thiên, người đời cho đến Chuyển luân Thánh vương, chư Phật, Thế Tôn cùng có pháp này. Tỳ-kheo, đó là thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, phải chịu lưu chuyển trong sinh tử, xoay tròn trong năm đường. Thế nào là bốn? Giới Thánh hiền, tam-muội Thánh hiền, trí tuệ Thánh hiền, giải thoát Thánh hiền. Tỳ-kheo, đó là có bốn pháp này mà ai không giác tri, thì phải thụ nhận bốn pháp trên. Nay Ta cùng các ngươi nhờ giác tri bốn pháp Thánh hiền này mà đoạn gốc sinh tử không còn tái sinh đời sau. Như nay thân thể Như Lai suy già, phải chịu báo suy hao này. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu Niết-bàn vĩnh tịch này, không sinh, không già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly, thường niệm tưởng biến dịch vô thường. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 26. Phẩm Bốn Ý Đoạn – Kinh số 6 – Tr.44)

18. MẸ VUA BA-TƯ-NẶC MẤT

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quan phụ tá sửa soạn xe lông chim. Vua muốn ra xem đất, giảng đường, ngoài thành Xá-vệ. Trong lúc đó, mẹ vua Ba-tư-nặc vừa qua đời. Bà sống đến một trăm tuổi, rất là suy yếu, vua rất tôn kính nhớ thương chưa từng rời mắt. Lúc đó, bên cạnh vua Ba-tư-nặc có đại thần tên

Bất-xà-mật, tài cao cái thế, được mọi người tôn trọng. Đại thần suy nghĩ: "Mẹ của vua Ba-tư-nặc này vừa đúng tuổi trăm, hôm nay mạng chung. Nếu nghe được vua rất lo sầu, quên ăn bỏ uống mà bị bệnh nặng. Nay ta phải tìm cách nào khiến vua không lo sầu cũng không bị bệnh."

Bấy giờ, đại thần chuẩn bị năm trăm voi trắng, năm trăm ngựa tốt; lại cách đặt năm trăm lính bộ, năm trăm kỹ nữ, năm trăm lão mẫu, năm trăm Bà-la-môn, và có năm trăm Sa-môn; lại chuẩn bị năm trăm bộ y phục, năm trăm thứ trân bảo làm cỗ quan tài lớn đẹp cho người chết, vẽ vời thật là tinh xảo; treo phướn lọng, trỗi kỹ nhạc, không thể kể hết được, rồi đưa ra khỏi thành Xá-vệ. Lúc đó, vì có chút việc, vua Ba-tư-nặc trở vào lại trong thành. Từ xa, vua nhìn thấy có người chết, hỏi tả hữu:

– Đây là ai mà cúng dường đến thế?

Bất-xà-mật tâu:

– Trong thành Xá-vệ này có mẹ Trưởng giả vô thường. Đó là vật dụng của họ.

Vua lại hỏi:

– Những voi, ngựa, xe cộ này lại dùng để làm gì?

Đại thần tâu:

– Năm trăm lão mẫu này, dùng để dâng lên vua Diêm-la để chuộc mạng.

Vua liền cười và nói:

– Đây là cách của người ngu. Mạng cũng khó mà giữ, làm sao có thể đổi được? Như có người rơi vào miệng cá ma-kiệt, muốn mong thoát ra lại thật khó được. Ở đây cũng vậy, đã rơi vào chỗ vua Diêm-la, muốn cầu ra khỏi thì thật khó có thể được.

– Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để chuộc mạng.

Vua bảo:

Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

– Nếu những kỹ nữ này không thể được, thì sẽ dùng cách khác để chuộc.

Vua bảo:

– Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

– Nếu điều này không thể được, thì phải dùng năm trăm trân bảo để chuộc.

Vua bảo:

– Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

– Nếu điều này không thể được, thì dùng năm trăm y phục để chuộc.

Vua bảo:

– Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

– Nếu y phục này không thể được, thì phải dùng chú thuật của năm trăm Bà-la-môn này, dùng chú thuật để lấy lại.

Vua bảo:

– Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

– Nếu năm trăm Bà-la-môn này không thể được, thì lại phải đem những vị Sa-môn tài cao thuyết pháp này để chuộc.

Vua bảo:

– Điều này cũng không thể được.

Đại thần tâu:

– Nếu thuyết pháp không thể được, thì sẽ tập họp binh chúng gây trận đánh lớn để chiếm lại.

Lúc này, vua Ba-tư-nặc cười lớn mà nói:

– Đây là cách của người ngu, vì đã rơi vào miệng cá ma-kiệt, thì quyết không thoát được.

Vua nói tiếp:

– Ngươi nên biết, có gì sinh mà không chết ư?

Đại thần tâu:

– Điều này thật không thể được.

Vua bảo:

– Thật không thể được, chư Phật cũng dạy: "Phàm có sinh thì có chết, mạng cũng khó được."

Lúc đó, Bất-xà-mật quỳ tâu vua:

– Cho nên, Đại vương chớ quá sầu lo. Tất cả chúng sinh đều quy về cái chết.

Vua bảo:

– Sao ta phải sầu lo?

Đại thần tâu vua:

– Vua nên biết, hôm nay, mẹ Đại vương đã mất.

Cho nên, vua Ba-tư-nặc nghe những lời này xong, thở dài tám chín lần, rồi bảo đại thần:

– Lành thay, như những gì ông nói, là hay biết dùng phương tiện khéo léo.

Sau đó, vua Ba-tư-nặc trở vào thành, sắm sửa các thứ hương hoa cúng dường vong mẫu. Cúng dường vong mẫu xong, liền trở lại xe, đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi:

– Đại vương, vì sao người dính đầy bụi bặm?

Vua bạch Thế Tôn:

– Mẹ con qua đời, vừa đưa ra ngoài thành. Nay con đến chỗ Thế Tôn để hỏi lý do ấy. Lúc còn sống, mẹ con trì giới tinh tấn, thường tu pháp thiện, tuổi vừa một trăm, nay đã

qua đời, nên đến chỗ Thế Tôn. Nếu con phải đem voi để mua mạng được, con cũng sẽ dùng voi để mua. Nếu phải dùng ngựa để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng ngựa để chuộc. Nếu phải dùng xe cộ để chuộc mạng được, con sẽ dùng xe cộ để chuộc. Nếu phải dùng vàng bạc trân bảo để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng vàng bạc trân bảo để chuộc. Nếu phải dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc mạng được, thì con cũng sẽ dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc. Nếu phải dùng nhân dân đất nước Ca-thi để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng nhân dân đất nước Ca-thi để chuộc, không để cho mạng mẹ con mất".

Thế Tôn bảo:

– Đại vương, chớ quá lo sầu, vì tất cả chúng sinh đều quy về cái chết. Tất cả mọi pháp đều biến dịch. Cho nên, nếu muốn không biến dịch, quyết không có việc này. Đại vương nên biết, pháp của thân người giống như nắm tuyết, tất sẽ tan chảy. Cũng như nắm đất, rồi cũng vỡ vụn, không thể giữ lâu; cũng như quáng nắng, huyễn hóa, hư ngụy không thật; cũng như nắm tay không, dùng để gạt con nít. Cho nên, Đại vương, chớ mang sầu lo, trông cậy vào thân này. Đại vương nên biết, có bốn điều rất sợ hãi này, sẽ mang đến thân này không thể ngăn che được, cũng không thể dùng ngôn ngữ, chú thuật, thuốc men, phù thư để có thể trừ khử. Những gì là bốn? Một là già làm bại hoại tráng niên khiến không nhan sắc. Hai

là bệnh làm bại hoại hết người không bệnh. Ba là chết làm bại hoại hết mạng căn. Bốn là vật hữu thường trở về vô thường.

– Đại vương, có bốn pháp này không thể ngăn che được, không dùng sức để hàng phục. Đại vương nên biết, giống như bốn hướng có bốn núi lớn, từ bốn hướng dồn ép đến chúng sinh, chẳng phải sức để loại bỏ. Cho nên, này Đại vương, chẳng phải vật kiên cố, không thể nương tựa. Do đó, Đại vương nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Vua cũng không còn bao lâu sẽ đến biển sinh tử. Vua cũng nên biết những người dùng pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh về nơi thiện, trên trời. Nếu người nào dùng phi pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Cho nên, này Đại vương, nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, bạch Thế Tôn:

– Pháp này có tên là gì? Nên phụng hành thế nào?

Thế Tôn bảo:

– Pháp này tên là trừ sầu ưu.

Vua bạch Phật:

– Thật vậy, Thế Tôn, sở dĩ như vậy, vì con nghe pháp này rồi, mọi sầu lo có được hôm nay đã trừ. Thế Tôn, việc đất nước bề bộn, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

– Nên biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui đi.

(Tăng Nhất A-hàm II – 26. Phẩm Bốn Ý Đoạn – Kinh số 7 – Tr.48)

19. VỢ VUA VĂN-TRÀ MẤT

Một thời, Tôn giả Na-la-đà ở trong vườn trúc của một trưởng giả, nước Ba-la-lê. Bấy giờ, đệ nhất phu nhân vua Văn-trà qua đời. Bà rất được vua yêu kính, luôn luôn nhớ tưởng trong lòng. Lúc đó, có một người đến chỗ vua tâu rằng:

– Đại vương nên biết, nay đệ nhất phu nhân đã qua đời.

Lúc vua nghe phu nhân vô thường, trong lòng sầu ưu, bảo người vừa đến rằng:

– Ngươi mau chóng khiêng tử thi phu nhân tẩm trong dầu mè cho ta thấy.

Lúc đó, người kia vâng lệnh vua, liền đem xác phu nhân tẩm trong dầu mè.

Sau khi nghe phu nhân mất, vua trong lòng sầu não cực kỳ, không ăn uống, không trị theo vương pháp, không xử lý việc triều đình. Khi ấy, tả hữu có một người tên Thiện Niệm, thường cầm kiếm hầu Đại vương. Ông tâu Đại vương:

– Đại vương nên biết, trong nước này có Sa-môn tên là

Na-la-đà đã đắc A-la-hán, có thần túc lớn, hiểu rộng, biết nhiều, không việc gì không rành rẽ, biện tài dũng tuệ, nói chuyện thường hàm tiếu. Xin vua hãy đi đến đó nghe vị ấy thuyết Pháp. Nếu vua nghe Pháp, sẽ không còn ưu sầu khổ não nữa.

Vua đáp:

– Lành thay, lành thay, khanh khéo nói những lời này. Thiện Niệm, nay khanh đến đó báo trước Sa-môn kia. Vì sao vậy? Vì phàm Chuyển luân Thánh vương muốn đến chỗ nào thì phải sai người đi trước. Nếu không sai người báo trước mà đến, điều này không thể.

Thiện Niệm đáp:

– Tuân lệnh Đại vương.

Rồi ông tuân lệnh của vua, đi vào trong vườn trúc trưởng giả, đến chỗ Na-la-đà. Đến nơi, ông đảnh lễ sát chân ngài, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Thiện Niệm bạch Tôn giả Na-la-đà:

– Ngài biết cho, phu nhân Đại vương đã qua đời. Nhân khổ não này, vua không ăn, không uống, cũng lại không trị vương pháp, không xử quốc sự. Nay vua muốn đến hầu thăm tôn nhan. Cúi xin ngài khéo vì vua mà thuyết pháp, khiến vua không còn sầu khổ.

Na-la-đà nói:

– Muốn đến thì nay là lúc thích hợp.

Thiện Niệm nghe dạy rồi, liền đảnh lễ sát chân mà lui đi. Về đến chỗ vua, ông tâu rằng:

– Tôi đã báo cho Sa-môn rồi, xin vua biết cho.

Vua liền sai Thiện Niệm:

– Hãy nhanh chuẩn bị xe gắn lông chim báu. Nay ta muốn tương kiến cùng Sa-môn.

Thiện Niệm liền chuẩn bị xe gắn lông chim báu. Rồi đến trước tâu vua:

– Xe đã chuẩn bị xong, vua biết cho, đã đúng giờ.

Bấy giờ, vua lên xe gắn lông chim ra khỏi thành, đến chỗ Na-la-đà, đi bộ vào trong vườn trúc trưởng giả. Theo phép Nhân vương, vua phải cởi năm thứ nghi trượng bỏ sang một bên, rồi đến chỗ Na-la-đà, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, Na-la-đà nói với vua:

– Đại vương nên biết, đừng vì pháp mộng huyễn khởi sầu ưu, đừng vì pháp bọt nổi cùng vốc tuyết mà khởi sầu ưu, lại cũng không thể vì tưởng pháp như hoa mà khởi sầu ưu. Vì sao vậy? Nay có năm việc thật không thể được, đó là những điều Như Lai đã nói. Những gì là năm? Phàm vật phải tận, muốn cho không tận, điều này không thể được. Phàm vật phải diệt, muốn cho không diệt, điều này không thể được. Phàm pháp phải già, muốn cho không già, điều này không thể được. Lại nữa, phàm pháp phải bệnh, muốn cho không bệnh, điều này không thể được. Lại nữa, phàm

pháp phải chết, muốn cho không chết, điều này không thể được. Này Đại vương, đó gọi là có năm việc thật không thể được này, đó là những điều Như Lai đã nói.

Bấy giờ, Na-la-đà liền nói kệ này:

Không phải do sầu lo,
Mà được phước lành này.
Nếu trong lòng sầu ưu,
Bị ngoại cảnh chi phối.

Nếu như người có trí
Quyết không tư duy vậy,
Nên ngoại địch phải sầu,
Vì không chi phối được.

Đủ oai nghi lễ tiết;
Ham thí không tâm tiếc;
Nên cầu phương tiện này,
Khiến được lợi lớn kia.

Giả sử không thể được,
Ta và những người ấy
Không sầu cũng không hoạn:
Hành báo biết thế nào?

– Đại vương nên biết, vật phải bị mất, nó sẽ mất. Khi nó đã mất, khiến cho sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Người yêu của ta ngày nay đã mất." Đó gọi là cái gì phải bị mất, thì nó mất, ở đó mà khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Này Đại vương, đó gọi là gai sầu

thứ nhất đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

– Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị mất, khi nó mất, vị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: "Nay cái mà ta bị mất, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu ưu, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bứt rứt phiền muộn. Do gốc duyên này, đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

– Lại nữa Đại vương, vật phải bị diệt, nó sẽ diệt. Khi nó đã diệt, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã diệt." Đó gọi là vật phải bị diệt, thì nó diệt, ở đó mà khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Này Đại vương, đó gọi là gai sầu thứ hai đâm dính tâm ý thứ hai. Người phàm phu có pháp này, không biết xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

– Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị diệt, khi nó diệt, vị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: "Nay cái mà ta bị diệt, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bứt rứt phiền muộn. Do gốc

duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

– Lại nữa Đại vương, vật phải bị già, nó sẽ già. Khi nó đã già, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã già." Đó gọi là phải bị già, thì nó già, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Này Đại vương! Đó gọi là gai sầu thứ ba đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

– Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị già, nó liền già, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: "Nay cái mà ta bị già chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rứt phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

– Lại nữa Đại vương, vật phải bị bệnh, nó sẽ bệnh. Khi nó đã bệnh, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã bệnh." Đó gọi là vật phải bị bệnh thì nó bệnh, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Này Đại vương! Đó gọi là gai sầu thứ tư đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không

biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

– Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị bệnh, nó liền bệnh, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: "Nay cái mà ta bị bệnh chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rứt phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

– Lại nữa, Đại vương, vật phải bị chết, nó sẽ chết. Khi nó đã chết, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã chết." Đó gọi là vật phải bị chết, nó liền chết, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Này Đại vương! Đó gọi là gai sầu thứ năm đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

– Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị chết, nó liền chết, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: "Nay cái mà ta bị chết chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bứt rứt phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng

chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lúc ấy, Đại vương bạch Tôn giả Na-la-đà:

– Đó gọi là pháp gì và nên phụng hành thế nào?

Na-la-đà nói:

– Kinh này gọi là trừ mối hoạn ưu sầu, nên ghi nhớ phụng hành.

Thời Đại vương nói:

– Đúng như lời ngài nói, trừ bỏ sầu ưu. Vì sao vậy? Vì sau khi nghe pháp này rồi, những gì là sầu khổ nơi tôi, hôm nay đã được trừ hẳn. Nếu Tôn giả có điều gì chỉ dạy, mong hãy thường vào cung, tôi sẽ cung cấp cho, khiến cho đất nước nhân dân hưởng mãi phước không cùng. Cúi xin Tôn giả diễn rộng pháp này còn mãi mãi ở thế gian, cho chúng bốn bộ được an ổn lâu dài. Nay, con xin quy y Tôn giả Na-la-đà.

Na-la-đà nói:

– Đại vương, chớ quy y tôi, hãy quy y nơi Phật.

Khi ấy vua hỏi:

– Nay Phật ở nơi nào?

Na-la-đà nói:

– Đại vương nên biết, vua nước Ca-tỳ-la-vệ, xuất xứ từ họ Thích, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương; Vua này có con tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, nay tự thành

Phật hiệu Thích-ca Văn. Hãy tự quy y với vị ấy.

Đại vương lại hỏi:

– Nay Phật ở phương nào?

Na-la-đà nói:

– Như Lai đã nhập Niết-bàn.

Đại vương nói:

– Như Lai diệt độ sao nhanh chóng vậy! Nếu Ngài còn tại thế, dù trải qua hàng ngàn vạn do-tuần, tôi cũng sẽ đến hầu thăm.

Rồi vua rời chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chắp tay thưa rằng:

– Con tự quy y Như Lai, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, trọn đời cho phép con làm ưu-bà-tắc, không sát sinh. Vì việc nước đa đoan, giờ con muốn trở về cung.

Na-la-đà nói:

– Nay đã đúng lúc.

Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi.

Vua Văn-trà sau khi nghe những gì Na-la-đà dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm II – 32. Phẩm Thiện Tụ – Kinh số 7[22] – Tr.268)

---

[22] Tham chiếu Pāli (AN 5.50): V. Phẩm Vua Munda – (X) (50) Tôn Giả Nārada.

CHƯƠNG 9

TỨ ĐẾ

1. TỨ ĐẾ

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nên tu tập pháp bốn đế. Những gì là bốn? Thứ nhất là Khổ đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ hai là Khổ tập đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ ba là Khổ tận đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ tư là Khổ xuất yếu đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

– Thế nào là Khổ đế? Khổ đế, là khổ bởi sinh, khổ bởi già, khổ bởi bệnh, khổ bởi chết, khổ bởi buồn lo phiền não, khổ bởi oán ghét gặp nhau, khổ bởi ân ái bị chia lìa, khổ bởi những gì cầu mà không được, nói tóm lại là khổ bởi năm thủ uẩn. Đó gọi là sự thật về khổ.

– Thế nào là Khổ tập đế? Tập đế, là ái tương ưng với dục, tâm thường nhiễm đắm. Đó gọi là khổ tập đế.

– Thế nào là Khổ tận đế? Tận đế, là dục ái bị diệt tận

không còn tàn dư, không tái sinh khởi. Đó gọi là Khổ tận đế.

– Thế nào là Khổ xuất yếu đế? Khổ xuất yếu, là tám phẩm đạo Hiền thánh. Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tam-muội. Đó gọi là Khổ xuất yếu đế.

– Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn đế này là thật hữu, không hư dối, là điều mà Thế Tôn nói, cho nên gọi là đế. Trong các loài chúng sinh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu bốn đế này, nên gọi là bốn đế.

– Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, có bốn đế mà do không giác tri nên sống chết xoay vần mãi trong năm nẻo. Nay Ta do đạt được bốn đế này, từ bờ này đến bờ kia, thành tựu nghĩa này, đoạn trừ cội gốc sinh tử, như thực biết rằng không còn tái sinh nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nay có pháp bốn đế,
Nếu không như thật biết,
Luân hồi trong sinh tử,
Quyết không được giải thoát.

Như nay có tứ đế,
Đã giác, đã hiểu rõ,
Nên đoạn gốc sinh tử,
Cũng không còn tái sinh.

– Nếu có chúng bốn bộ nào không được đế này, không giác, không tri, sẽ đọa vào năm nẻo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn đế này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 25. Phẩm Tứ Đế – Kinh số 1[1] – Tr.11)

2. LƯƠNG Y GIỎI

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc Dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Có bốn pháp, nếu thành tựu thì được gọi là bậc Đại y vương, đầy đủ các chi phần cần phải có. Những gì là bốn? Một là khéo biết bệnh; hai là khéo biết nguyên nhân của bệnh; ba là khéo biết cách đối trị bệnh; bốn là khéo biết trị bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa.

– Thế nào gọi là lương y khéo biết bệnh? Lương y biết rành các chủng loại bệnh như vậy, như vậy; đó gọi là lương y khéo biết bệnh.

– Thế nào là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh? Lương y biết rành bệnh này do gió gây nên, do đàm ấm gây nên, nước nhớt nước dãi gây nên, khí lạnh gây nên, do các sự việc hiện tại gây nên, do thời tiết gây nên; đó gọi là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh.

– Thế nào là lương y khéo biết cách đối trị bệnh? Lương y biết rành các loại bệnh, nên thoa thuốc, nên cho mửa,

[1] Tham chiếu Pāli (SN 56.21): Chương 56: Tương Ưng Sự Thật – III: Phẩm Kotigāma – 21. Minh (1).

cho xổ, nên nhỏ mũi, nên xông, nên cho ra mồ hôi; và những cách đối trị đại loại như vậy; đó gọi là lương y khéo biết cách đối trị.

– Thế nào là lương y khéo biết trị bệnh rồi về sau bệnh không còn tái phát nữa? Lương y khéo trị tất cả các chứng bệnh, khiến dứt trừ hoàn toàn, vĩnh viễn không tái phát trở lại sau này nữa; đó gọi là lương y khéo biết trị bệnh không còn tái phát nữa.

– Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác là Bậc Đại Y vương đã thành tựu bốn đức, chữa lành bệnh chúng sinh cũng lại như vậy. Bốn đức là gì? Là Như Lai biết như thật đây là Khổ Thánh đế; biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế; đã biết như thật đây là Khổ diệt Thánh đế, biết như thật đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

– Này các Tỳ-kheo, các lương y thế gian không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sinh, không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Còn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là vị Đại Y vương, biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sinh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Vì thế nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác được gọi là Đại Y vương.

(Tạp A-hàm I – 6. Tương Ưng Tứ Đế – Kinh số 388. Lương Y[2] – Tr.734)

3. KHÔNG CÓ TỨ ĐẾ THẾ GIỚI TỐI TĂM

Khi Đức Phật ở trong vườn Nai, chỗ ở của Tiên nhân,

---

[2] Đại Chánh, Kinh 389.

nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu mặt trời, mặt trăng không xuất hiện giữa thế gian, tất cả các vì tinh tú cũng không xuất hiện giữa thế gian này, ngày và đêm, tháng nửa phần, tháng toàn phần, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều không xuất hiện. Như thế, thế gian sẽ luôn luôn tối tăm, không có ánh sáng, chỉ có đêm dài, thuần là một khối mù tối lớn hiện ra ở thế gian.

– Nếu Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian, không nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thế gian này sẽ mù tối, không có ánh sáng chiếu rọi, như thế đêm dài thuần là bóng tối trùm khắp thế gian.

– Nếu mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, các tinh tú cũng xuất hiện, ngày và đêm nửa phần, tháng toàn phần, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều xuất hiện ở thế gian. Cũng thế, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian nói Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì thế gian không còn tối tăm và đêm dài được soi sáng, thuần nhất, trí tuệ sẽ hiện ra ở thế gian.

(Tạp A-hàm I – 6. Tương Ưng Tứ Đế – Kinh số 394. Nhật Nguyệt (2)[3] – Tr.743)

---

[3] Đại Chánh, Kinh 395. Tham chiếu Pāli (SN 56.38): Chương 56: Tương Ưng Sự Thật – IV: Phẩm Rừng – 38. Ví Dụ Mặt Trời (2).

4. SA-MÔN KHÔNG BIẾT TỨ ĐẾ KHÔNG THOÁT KHỔ

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông hãy cùng Ta đi đến vách núi sâu nguy hiểm.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đến vách núi sâu nguy hiểm, trải tòa ngồi, sau khi đi quan sát chung quanh hang núi sâu hiểm trở xong, rồi bảo các Tỳ-kheo:

– Hang núi này thật là sâu và nguy hiểm.

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vách núi này thật là sâu hiểm, nhưng còn có thứ gì sâu hiểm cùng cực và đáng sợ hơn nó không?

Phật biết ý của Tỳ-kheo này nên đáp liền:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, vách núi này rất sâu hiểm, nhưng đối với nó còn có thứ sâu hiểm đáng sợ hơn nữa, đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Những vị này hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự sinh; hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, mà tạo tác các hành này, khiến cho các hành

lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não càng ngày càng tăng trưởng, để rơi vào chỗ sâu hiểm của lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như vậy, Tỳ-kheo, cái này rất sâu hiểm; nguy hiểm hơn cả cái kia. Cho nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.

(Tạp A-hàm I – 6. Tương Ưng Tứ Đế – Kinh số 420. Thâm Hiểm[4] – Tr.772)

5. ĐỨC PHẬT KHÔNG TRẢ LỜI NHỮNG CÂU HỎI KHÔNG CÓ LỢI ÍCH CHO SỰ GIẢI THOÁT, GIÁC NGỘ

Rồi Tôn giả Man Đồng tử vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý nghĩ rằng: Sự kiện như vầy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, "Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải

[4] Đại Chánh, Kinh 421. Tham chiếu Pāli (SN 56.42): Chương 56: Tương Ưng Sự Thật – V: Phẩm Vực Thẳm – 42. Vực Thẳm.

tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?" Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng, "Thế giới hữu thường", Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng "Thế giới hữu thường" thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?" Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng "Điều này chân thật, ngoài ra là hư vọng". Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng "Điều này là chân thật, ngoài ra là hư vọng", thì Ngài hãy nói thẳng là không biết.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Này Man Đồng tử, "Thế giới hữu thường". Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh?

Man Đồng tử đáp:

– Bạch Thế Tôn, không.

– Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không

tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Trước kia Ta có nói với ngươi như vầy chăng, rằng: Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối. Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh?

Man Đồng tử đáp:

– Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Man Đồng tử, trước kia ngươi có nói với Ta rằng, "Nếu Thế Tôn xác quyết nói cho con biết rằng "Thế giới hữu thường" thì con sẽ theo Thế Tôn học phạm hạnh" chăng?

Man Đồng tử đáp:

– Bạch Thế Tôn, không.

– Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Man Đồng tử, trước đây ngươi có nói với Ta rằng, "Nếu Thế Tôn xác quyết cho con rằng đây là sự thật, ngoài ra là hư dối, con sẽ theo Thế Tôn tu học phạm hạnh chăng?"

Man Đồng tử đáp:

– Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Man Đồng tử, trước kia Ta không nói với ngươi như vậy, và ngươi cũng không nói với Ta như vậy. Ngươi quả là kẻ ngu si. Vì sao lại xuyên tạc Ta một cách hư dối?

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đồng tử, rồi nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Nếu có người ngu si nghĩ như vầy, "Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng "Thế giới hữu thường" thì ta không theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh." Những người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng mạng chung.

– Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Nếu có người ngu si nghĩ như "Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng: "Điều này là chân thật, ngoài ra là hư vọng" thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh." Những người ngu si ấy chưa

biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

– Ví như một người bị trúng tên độc. Do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc đồng tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng nó lại nói rằng, "Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi đó, họ gì, tên gì, sinh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ hay Công sư, là người ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chá, bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ, hay bằng sừng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cần cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu, nai hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vàng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng vỏ gai? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai, hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi tên này kết bằng lông phiêu lăng, lông kên kên, lông gà trống, hay lông hạc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên này thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn, hay mũi bình

phi đao? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gì, tên gì, sinh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc?" Nhưng nó chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

– Cũng vậy, người ngu si nghĩ như vầy, "Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng "Thế giới hữu thường" thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh." Nhưng người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

– Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Người ngu si nghĩ như vầy "Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: Điều này là chân thật, ngoài ra là hư vọng thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh." Nhưng người ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

– "Thế giới hữu thường", nhân nơi quan điểm này mà theo ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân

khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Nhân nơi những quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

– "Thế giới hữu thường", vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

– "Thế giới hữu thường", vì không có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Vì không có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

– "Thế giới hữu thường", vì không có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Vì không có những quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy.

– Dù "Thế giới hữu thường" hay không, thì vẫn có sinh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sinh. Cũng vậy, dù "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết" hay không thì vẫn có sinh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sinh.

– "Thế giới hữu thường", Ta không xác quyết điều này. Vì điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn.

Cho nên Ta không xác quyết điều này. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết." Ta không xác quyết điều này. Vì lý do gì mà Ta không xác quyết những điều này? Vì những điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải là căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết những điều này.

– Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến? "Đây là khổ", Ta xác quyết nói "Đây là khổ", "Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích" Ta xác quyết nói. Vì những lý do gì mà Ta xác quyết nói những điều này? Vì những điều này tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn, cho nên Ta xác quyết nói những điều này.

– Đó là, những gì không thể nói thì Ta không nói, những gì có thể nói thì Ta nói, hãy thọ trì như vậy. Hãy học tập như vậy.

(Trung A-hàm IV – 221. Kinh Tiễn Dụ[5] – Tr.2425)

---

[5] Tham chiếu Pāli (MN 63): 63. Tiểu Kinh Mālunkyā.

6. DẤU CHÂN VOI

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Này chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là, trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.

– Này chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy. Cũng vậy, này chư Hiền, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất.

– Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo Thánh đế.

– Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là, sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét mà tụ hội là khổ, thương yêu mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ, nói tóm lược năm thủ uẩn là khổ.

(Trung A-hàm I – 30. Kinh Tượng Tích Dụ[6] – Tr.298)

---

[6] Tham chiếu Pāli (MN 28): 28. Đại Kinh Dụ Dấu Chân Voi.

7. BÁT CHÁNH ĐẠO

Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-lâu-lấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, đô ấp Câu-lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

– Có một con đường khiến chúng sinh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có cận tập, có trợ bạn và cũng có tư cụ, bao gồm bảy chi.

Chánh định

– Thế nào nói là Thánh chánh định có cận tập, có trợ bạn và có tư cụ gồm bảy chi? Đó là, chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ,[7] khéo hướng đến tâm chuyên nhất, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sinh chánh tư duy, chánh tư duy sinh chánh ngữ, chánh ngữ sinh chánh nghiệp, chánh nghiệp sinh chánh mạng, chánh mạng sinh chánh tinh tấn, chánh tinh tấn sinh chánh niệm, chánh niệm sinh chánh định. Hiền Thánh đệ tử với tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền Thánh đệ tử với chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa."

---

[7] Nhờ bảy chi này làm phương tiện và hỗ trợ cho chánh định.

Chánh kiến

– Trong các chi ấy, chánh kiến đứng ngay hàng đầu.[8] Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

– Thế nào là tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, ác, không có quả báo của nghiệp thiện, ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

– Thế nào gọi là chánh kiến? Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là chánh kiến.

– Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là chánh

---

[8] Có hai loại chánh kiến: 1. Hữu lậu, dẫn đến phước báo, dị thục hữu dư y (sāsavā puññabhāgiyā upadhivepakkā), tức là có quan điểm: có bố thí, có nghiệp thiện ác v.v... 2. Thánh đạo vô lậu, xuất thế, thuộc đạo chi (ariyā anāsavā lokuttarā maggaṇgā), đó là tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, v.v...

kiến. Thấy chánh kiến là chánh kiến; đó cũng gọi là chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học để đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh kiến, tùy tùng phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.

Chánh tư duy

– Nếu thấy tà tư duy là tà tư duy, thì đó là chánh tư duy. Nếu thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy.

– Thế nào gọi là tà tư duy? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà tư duy[9].

– Thế nào gọi là chánh tư duy? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là chánh tư duy.

– Thấy rõ tà tư duy là tà tư duy, thì đó là chánh tư duy. Thấy rõ chánh tư duy là chánh tư duy, thì đó cũng là chánh tư duy. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy. Đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà tư duy, thành tựu chánh tư duy. Đó gọi là chánh niệm.

– Tất cả ba chi này đi theo chánh tư duy, tùy tùng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

---

[9] Tư duy dục, tư duy sân, tư duy hại.

Chánh ngữ

– Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ, thì đó là chánh ngữ. Nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ, thì đó cũng chính là chánh ngữ.

– Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ.

– Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ, cũng gọi là chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ. Đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

Chánh nghiệp

– Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, thì đó cũng chính là chánh nghiệp.

– Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, gọi là chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học để đoạn trừ

tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, tùy tùng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

Chánh mạng

– Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng, thì cũng gọi là chánh mạng.

– Thế nào là tà mạng? Có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sinh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sinh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng. Thế nào là chánh mạng? Không có sự mong cầu không mãn ý; không dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sinh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng, cũng gọi là chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, tùy tùng

phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

Chánh tinh tấn

– Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sinh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần, dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sinh thì không sinh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sinh thì sinh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sinh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh tinh tấn.

Chánh niệm

– Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán, cho đến, thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là chánh niệm.

– Thế nào là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ; đó gọi là chánh định.

– Thế nào là chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là chánh trí.

– Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-

hán thành tựu mười chi.

– Thế nào là hữu học thành tựu tám chi? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

Vô học mười chi

– Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sinh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy cần phải đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sinh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sinh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sinh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

– Đó là hai mươi phẩm thiện[10] và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.

– Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và Ma,

[10] Hai mươi phẩm thiện: chánh kiến và các thiện pháp phát sinh theo chánh kiến (chánh tinh tấn, chánh niệm); cho đến chánh giải thoát.

Phạm, và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

Mười trường hợp chỉ trích

– Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

– Hoặc chê bai, cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

– Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và các hạng

thế gian khác ấy, mà phi bác; thì người ấy đối với như pháp có mười điều bị chỉ trích.

– Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn khác sống ngồi chồm hổm, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm; sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.

(Trung A-hàm IV – 189. Kinh Thánh Đạo[11] – Tr.1995)

8. BÀN VỀ BÁT CHÁNH ĐẠO (1)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói. Những gì là tà? Là tà kiến… *cho đến* tà định. Những gì là chánh? Là chánh kiến… *cho đến* chánh định.

– Thế nào là chánh kiến? Là nói: Có bố thí, có chú thuyết, có trai tự, có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có

[11] Tham chiếu Pāli (MN 117): 117. Đại Kinh Bốn Mươi.

chúng sinh hóa sinh, có A-la-hán thiện đáo, thiện hướng, tự tri tự tác chứng đời này và đời khác, thành tựu và an trú, tự biết "Ta, sự sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không tái sinh đời sau."

– Thế nào là chánh tư duy? Tư duy xuất yếu, tư duy vô nhuế, tư duy bất hại.[12]

– Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời phù phiếm.

– Thế nào là chánh nghiệp? Lìa sát, đạo, dâm.

– Thế nào là chánh mạng? Cầu y phục, ẩm thực, ngọa cụ thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp.

– Thế nào là chánh tinh tấn? Dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham năng, luôn thực hành không lùi bước.

– Thế nào là chánh niệm? Nhớ nghĩ không dối không hư, luôn tùy thuận.

– Thế nào là chánh định? Trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định.

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 752. Tà Chánh[13] – Tr.1243)

---

[12] Pāli: nekkammasaṅkappo avyāpādadsaṅkappo avihiṃsāsaṅkappo, Tư duy về xuất ly, tư duy về không vô sân, tư duy bất hại.

[13] Đại Chánh, Kinh 784. Tham chiếu Pāli (SN 45.21): Chương 45: Tương Ưng Đạo – III: Phẩm Tà Tánh – 21. Tà Tánh.

9. BÀN VỀ BÁT CHÁNH ĐẠO (2)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

– Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Thấy rằng: Có bố thí, có chú thuyết… *cho đến* biết thế gian có A-la-hán, không tái sinh đời sau. Đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

– Thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt huệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: có chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh tư duy thuộc về xuất thế gian

của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Chánh tư duy với tư duy xuất yếu, tư duy vô nhuế, tư duy bất hại; đó gọi là chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

– Thế nào là chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, phân biệt, tự quyết, ý giải, suy tính, lập y. Đó gọi là chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Có chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói phù phiếm. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

– Thế nào là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, trừ tà mạng, niệm tưởng xa lìa bốn ác hành của miệng và các ác hành khác của miệng, xa lìa các ác hành ấy; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Có chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Xa lìa sát, đạo, dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

– Thế nào là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, trừ tà mạng, nhớ đến ba ác hành nơi thân, và các thứ ác hành khác nơi thân; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn

Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: Có chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh mạng thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

– Thế nào là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; đối với các tà mạng, vô lậu không thích đắm trước cố thủ, giữ gìn không phạm, không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là Chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: Có chánh tinh tấn thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh tinh tấn thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh

đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh tinh tấn thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác tinh tấn; nhiếp thọ tâm pháp, luôn luôn không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

– Thế nào là chánh tinh tấn thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với ức niệm vô lậu, dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác tinh tấn; nhiếp thọ tâm pháp, luôn luôn không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là Chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Có chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh niệm thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu

thủ, hướng đến đường lành.

– Thế nào là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh định? Chánh định có hai: Có chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh định thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

– Thế nào là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

– Thế nào là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không loạn không tán, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định

thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 753. Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo[14] – Tr.1244)

10. CON ĐƯỜNG CẮT ĐỨT THAM, SÂN, SI

Một thời, Phật ở trong vườn Cù-sư-la tại Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Lúc ấy có Bà-la-môn đi đến chỗ Tôn giả cùng thăm hỏi và khích lệ nhau. Sau khi thăm hỏi và khích lệ nhau xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Tôn giả A-nan:

– Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để ký thuyết cho không?

A-nan đáp rằng:

– Theo những gì ông hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.

Bà-la-môn hỏi:

– Vì sao xuất gia tu phạm hạnh ở chỗ Sa-môn Cù-đàm?

A-nan đáp:

– Này Bà-la-môn, vì muốn cắt đứt.

Lại hỏi:

– Cắt đứt những gì?

Đáp rằng:

---

[14] Đại Chánh, Kinh 785. Tham chiếu Pāli (MN 117): 117. Đại Kinh Bốn Mươi.

– Cắt đứt tham dục, cắt đứt sân nhuế, ngu si.

Lại hỏi:

– Tôn giả A-nan, có đạo lộ nào, có hành trì nào có thể dẫn đến cắt đứt tham dục, sân nhuế, ngu si không?

A-nan đáp rằng:

– Có, đó là tám chi Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Bà-la-môn nói:

– Tôn giả A-nan, tốt đẹp thay đạo lộ này, tốt đẹp thay hành trì, khi tu tập, tu tập nhiều có thể cắt đứt những thứ tham dục, nhuế, si ấy.

Tôn giả A-nan nói pháp này, Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.[15]

Như cắt đứt tham, nhuế, si; *cũng vậy*, điều phục tham, nhuế, si và đắc Niết-bàn, *cùng* yểm ly và thẳng đến Niết-bàn, *cùng nghĩa* Sa-môn và nghĩa Bà-la-môn, cùng giải thoát và cắt đứt khổ, cùng cứu cánh khổ biên và chánh thức hết khổ, *kinh nào cũng đều nói như trên.*

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 751. Đoạn Tham[16] – Tr.1241)

---

[15] Tham chiếu Pāli (SN 45.5): Chương 45: Tương Ưng Đạo – I: Phẩm Vô Minh – 5. Với Mục Đích Gì?

[16] Đại Chánh, Kinh 783.

11. BÁT CHÁNH ĐẠO LÀ PHƯƠNG TIỆN VƯỢT THOÁT SINH TỬ

Một thời, Đức Phật trú tại miếu thần, bên bờ sông Hằng, nước Ma-kiệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Cũng như người chăn bò Ma-kiệt ngu si ít trí, muốn đưa đàn bò từ bờ này sông Hằng sang bờ kia, nhưng không chịu dò xem chỗ cạn sâu bờ bên này, bên kia, mà lùa bò xuống nước. Trước tiên, cho qua những con bò gầy, và những con bê còn nhỏ. Ở giữa dòng nước, chúng hết sức yếu đuối không thể đến bờ kia được. Tiếp lại cho qua những con bò trung bình không mập không gầy. Chúng cũng không qua được, mà ở giữa dòng chịu khổ não. Cuối cùng cho qua những con bò khỏe mạnh nhất, cũng bị mắc khốn ở giữa dòng.

– Nay, Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại như vậy. Tâm ý ám độn không có trí sáng, không phân biệt đường đi sinh tử, không phân biệt cầu, thuyền của Ma. Muốn vượt qua dòng sinh tử mà không tập tu pháp cấm giới, liền bị Ma Ba-tuần chi phối. Tìm cầu Niết-bàn mà theo tà đạo để mong được diệt độ, rốt cuộc không được kết quả, tự tạo tội nghiệp, lại đẩy người khác sa đọa vào tội lỗi.

– Cũng như người chăn bò Ma-kiệt thông tuệ nhiều trí, ý muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết thăm dò nơi sâu, cạn, rồi đưa những con bò khỏe mạnh nhất đến bờ

kia trước. Kế đó đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng sang được đến bờ bên kia. Kế đến đưa những con gầy nhất cũng vượt qua không xảy ra việc gì. Những con bê còn nhỏ theo sau cùng mà được qua an ổn.

– Tỳ-kheo, ở đây cũng vậy, Như Lai khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sinh tử, con đường đi của Ma. Tự mình bằng bát chánh đạo mà vượt qua hiểm nạn sinh tử, lại bằng đường này để độ người chưa được độ.

– Cũng như con bò chính dẫn đầu, một con đi đúng thì những con khác đều đi theo. Đệ tử của Ta cũng như vậy, sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng mà tự an trú, vượt cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

– Cũng như con bò khỏe mạnh kia vượt qua sông Hằng đến được bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng như vậy, đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, ở trên kia mà vào Bát-niết-bàn, không còn trở lại cõi này nữa, rồi tận cùng mé khổ, qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

– Cũng như những con bò trung bình không mập không ốm, qua được sông Hằng không có gì trở ngại. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần nữa, rồi tận cùng mé khổ, qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

– Cũng như những con bò gầy kia dẫn theo những con bê qua được dòng sông Hằng kia. Đệ tử của Ta cũng lại

như vậy, đoạn trừ ba kết, thành Tu-đà-hoàn, tất đến chỗ được độ, qua cảnh giới Ma, thoát khỏi nạn sinh tử.

– Cũng như những con bê nhỏ kia theo mẹ lội qua được. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, tùy tín hành[17], tùy pháp hành[18], đoạn trừ các sự trói buộc của Ma, đến chỗ vô vi.[19]

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị Ma vương bắt giữ
Không vượt bờ sinh tử.
Như Lai đã suốt cùng,
Trí soi tỏ thế gian.

Điều chư Phật tỏ ngộ,
Bà-la-môn không hiểu.
Còn trong bờ sinh tử,
Lại độ người chưa độ.

Nay năm hạng người này,[20]
Còn lại không thể kể,
Muốn thoát nạn sinh tử,
Thảy nhờ oai lực Phật.

---

[17] Trì tín, đây chỉ hạng tùy tín hành, hàng Dự lưu độn căn. Pāli: saddhānusārino.
[18] Phụng pháp; đây chỉ hạng tùy pháp hành, hàng Dự lưu lợi căn. Pāli: dhammānusārino.
[19] Pāli: tepi tiriyaṃ mārassa sotaṃ chetvā sotthinā pāraṃ gamissanti, cắt ngang dòng nước của Ma, qua bờ bên kia an toàn.
[20] Năm hạng người, năm bậc Thánh kể trên: A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Tùy tín hành và tùy pháp hành; dụ với đàn bò gồm năm hạng của người chăn bò.

– Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên tâm mình, sống không phóng dật, tìm cầu phương tiện thành tựu tám đạo phẩm Hiền thánh. Nương vào đạo Hiền thánh sẽ có thể vượt khỏi biển sinh tử. Vì sao vậy? Như người chăn bò ngu si kia, chính là Bà-la-môn ngoại đạo, tự dìm trong dòng sinh tử, lại đẩy người khác đắm vào trong tội. Nước sông Hằng kia tức là biển sinh tử. Người chăn bò thông tuệ kia chính là Như Lai, đã vượt hiểm nạn sinh tử do tám đạo phẩm của Hiền thánh. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu Bát Thánh Đạo.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 43. Phẩm Thiên Tử Mã Huyết – Kinh số 6[21] – Tr.191)

12. PHÁP VÀ QUẢ SA-MÔN

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói:

– Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, *từ* chánh kiến… *cho đến* chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

– Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào

[21] Tham chiếu Pāli (MN 34): Tiểu Kinh Người Chăn Bò.

là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não.

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 765. Sa-môn Pháp Sa-môn Quả[22] – Tr.1259)

13. HỮU DƯ NIẾT-BÀN VÀ VÔ DƯ NIẾT-BÀN

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai Niết-bàn giới này. Những gì là hai? Hữu dư Niết-bàn giới, vô dư Niết-bàn giới. Kia sao gọi là hữu dư Niết-bàn giới? Ở đây, Tỳ-kheo đã diệt năm hạ phần kết, rồi Bát-niết-bàn ở kia,[23] không còn trở lại thế gian này nữa. Đó gọi là hữu dư Niết-bàn giới.[24] Kia, sao gọi là vô dư Niết-bàn giới? Cũng vậy, Tỳ-kheo đã diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng, "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Đó gọi là vô dư Niết-bàn

---

[22] Đại Chánh, Kinh 797. Tham chiếu Pāli (SN 45.35): Chương 45: Tương Ưng Đạo – IV: Phẩm Về Hạnh (Patipattivagga) – 35. Sa-Môn Hạnh (1).

[23] Thánh A-na-hàm nhập niết-bàn tại một trong năm cõi trời Tịnh cư.

[24] Pāli nói khác: A-la-hán lậu tận (arahaṃ hoti khīṇāsavo), nhưng các căn còn tồn tại (tiṭṭhanteva pañcidriyāni), vị ấy còn có cảm thọ lạc và khổ (sukhadukkhaṃ paṭiaṃvedeti).

giới. Đây là hai Niết-bàn giới.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để đến vô dư Niết-bàn giới. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 16. Phẩm Hỏa Diệt – Kinh số 2 – Tr.218)

CHƯƠNG 10

NGŨ DỤC

1. VỊ NGỌT, TAI HẠI CỦA DỤC, SẮC VÀ THỌ (1)

Vị ngọt

– Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là, nhân bởi năm công đức của dục mà phát sinh lạc và hỷ. Vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.

Tai họa

1. – Thế nào là tai họa của dục? Một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng "Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà

những điều mong cầu không có kết quả." Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sinh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: "Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu." Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: "Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn." Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

2. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dưng. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

3. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi,

ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

4. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

5. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

6. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho,

cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng dao bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

7. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất. Cũng vậy, kẻ ấy bị những ác hành của

thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: "Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sinh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó." Do đó, sinh hối hận, rồi do hối hận mà chết không an, chết không được phước. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

8. – Lại nữa, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Đó là khối khổ uẩn trong đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Như vậy là tai họa của dục.

Xuất ly

– Thế nào là sự xuất yếu của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt tận dục, vượt qua khỏi dục mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất yếu của dục.

– Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn dục, huống nữa là đoạn dục cho kẻ khác.

– Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục, thì không những có thể tự mình đoạn dục mà có thể đoạn dục cho kẻ khác.

Vị ngọt

– Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ hay Công sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mỹ miều. Nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sinh lạc, sinh hỷ; vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa. Nhưng tai hại của sắc thì rất nhiều.

Tai họa

1.– Thế nào là tai hại của sắc? Nếu thấy nàng ấy về sau trở nên hết sức già yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, chống gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và sinh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

2. – Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bệnh tật liệt giường, ngồi nằm trên đất, vì khổ bức thân, chịu khổ cùng cực, ý các ngươi nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước kia biến mất, sinh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. – Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy đã chết từ một, hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang

cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước đã biến mất và tai họa sinh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy?

4. – Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sinh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

5. – Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi, ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sinh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

6. – Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hoại, mục nát. Ý các ngươi nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sinh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như vậy gọi là tai họa của sắc.

Xuất ly

– Thế nào là sự xuất yếu của sắc? Nếu đoạn trừ sắc, xả

ly sắc, diệt tận sắc, vượt qua khỏi sắc mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất yếu của sắc.

– Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn sắc, huống nữa là đoạn sắc cho kẻ khác.

– Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì không những tự mình đoạn sắc, mà còn có thể đoạn sắc cho kẻ khác.

Vị ngọt

– Thế nào là vị ngọt của thọ? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến, thành tựu và an trụ nơi Tứ thiền. Bấy giờ, vị đó không nghĩ đến việc tự hại, cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại, đó là vị ngọt của cảm giác lạc. Vì sao vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được cảm giác lạc ấy. Như vậy gọi là vị ngọt của thọ.

Tai họa & xuất ly

– Thế nào là tai họa của thọ? Thọ là pháp vô thường, pháp diệt. Như vậy gọi là tai họa của thọ.

– Thế nào là sự xuất yếu của thọ? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt tận thọ, vượt qua thọ mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất ly của thọ.

– Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết đúng

như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, xuất yếu của thọ thì không bao giờ có thể tự mình đoạn thọ, huống nữa là đoạn thọ cho kẻ khác.

– Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, xuất yếu của thọ thì không những tự mình có thể đoạn thọ, mà còn có thể đoạn thọ cho kẻ khác.

(Trung A-hàm II – Phẩm 10 – 99. Kinh Khổ Ấm[1] – Tr.1030)

2. VỊ NGỌT VÀ TÁC HẠI CỦA DỤC (2)

Vị ngọt

– Ma-ha-nam, có năm công đức của dục, đáng yêu, đáng mơ tưởng, đáng vui thích, có liên hệ đến dục, khiến cho người khoái lạc. Những gì là năm? Đó là, sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Do đây mà vua và quyến thuộc của vua được an lạc hoan hỷ. Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều.

Tai họa

1. – Ma-ha-nam, thế nào là tai họa của dục? Ma-ha-nam, một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn

[1] Tham chiếu Pāli (MN 13): Đại Kinh Khổ Uẩn.

chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng "Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả." Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sinh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: "Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu." Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: "Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn." Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

2. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em,

chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dưng. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

3. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

4. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

5. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự

lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

6. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng dao bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu.

Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

7. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất. Cũng vậy, kẻ ấy bị những ác hành của thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: "Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sinh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó." Do đó, sinh hối hận, rồi do hối hận mà chết không an, chết không được phước. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

8. – Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải

đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

– Ma-ha-nam, vì vậy nên biết, dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có vô lượng khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục phủ kín, không đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, Đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

– Ma-ha-nam, Ta biết là dục không có lạc mà chỉ là vô lượng khổ hoạn. Biết như thật rồi, Ma-ha-nam, Ta không bị dục phủ kín, cũng không bị pháp ác quấn chặt. Vì vậy đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

Khổ hành Ni-kiền tử

– Ma-ha-nam, một thời, Ta sống tại thành Vương Xá, trú trong động Tiên nhân Thất diệp, ở trên núi Tì-đa-la.

– Ma-ha-nam, lúc bấy giờ vào lúc xế trưa, Ta rời chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Quảng Sơn, Ta thấy ở đó có nhiều người Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng mà không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi: "Này các Ni-kiền! Vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng không ngồi, chịu khổ như vậy?" Họ trả lời như vầy, "Này Cù-đàm, tôi có tôn sư Ni-kiền tên là Thân tử. Ngài dạy tôi rằng: "Này các Ni-kiền, đời trước ngươi nếu có nghiệp bất thiện, thì nhờ khổ hạnh này ngươi sẽ được

hết. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của khẩu, của ý, thì sẽ do nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, tạo nghiệp bất thiện"".

– Ma-ha-nam, Ta hỏi lại rằng: "Này các Ni-kiền, các ông tin tưởng Tôn sư, không chút hoài nghi gì cả chăng?" Họ trả lời Ta, "Đúng vậy, Cù-đàm, chúng tôi tin tưởng các đức Tôn sư, không chút hoài nghi gì cả." Ma-ha-nam, Ta lại hỏi: "Này Ni-kiền, nếu quả như vậy thì Tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các nghiệp ác bất thiện rất nặng, vị ấy vốn trước kia là Ni-kiền rồi chết đi, nay sinh vào nhân gian, xuất gia làm Ni-kiền, tu hạnh không ngồi, thường đứng không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như bọn các ông và đệ tử các ông vậy."

– Họ lại nói với Ta: "Này Cù-đàm, lạc không nhân nơi lạc, nhưng nhân nơi khổ mới có. Như sự lạc của vua Tần-tì-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được."

– Ta lại nói: "Các ông si cuồng, nói điều vô nghĩa. Tại sao? Các ông không khéo léo, không hiểu biết gì cả. Mà khi không biết, nên các ông nói, "Như sự lạc của vua Tần-tì-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được." Này Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: "Tần-tì-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai sung sướng hơn?" Này Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng: "Sự lạc của Ta hơn, vua Tần-tì-sa-la không bằng," thì này Ni-kiền, các ông có thể nói như vầy, "Sự lạc của vua Tần-tì-sa-la, Sa-môn Cù-đàm không bằng"".

– Các Ni-kiền đó liền nói như vầy, "Thưa Cù-đàm, nay chúng tôi muốn hỏi Cù-đàm, giữa vua Tần-tì-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai sung sướng hơn?"

– Ta lại nói, "Này Ni-kiền, Ta nay hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ni-kiền, ý ông nghĩ sao, vua Tần-tì-sa-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong bảy ngày bảy đêm không?"

– Ni-kiền đáp, "Không, thưa Cù-đàm."

– Ta hỏi, "Thế có được hoan hỷ, khoái lạc trong vòng sáu, năm, bốn, ba, hai hay một ngày một đêm không?"

– Ni-kiền đáp: "Không, thưa Cù-đàm." Ta lại hỏi, "Này Ni-kiền, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm không?"

– Ni-kiền đáp, "Được, thưa Cù-đàm."

– Ta hỏi, "Thế Ta có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu, cho đến bảy ngày bảy đêm không?". "Được, thưa Cù-đàm."

– Ta lại hỏi tiếp, "Này Ni-kiền, ý các ông nghĩ sao, ai sung sướng hơn, vua Tần-tì-sa-la hay là Ta?"

– Ni-kiền đáp, "Thưa Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-tì-sa-la không bằng."

– Ma-ha-nam, vì vậy nên biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Nếu Đa văn Thánh đệ tử không thấy

như thật, như vậy sẽ bị bao phủ bởi dục, bị quấn chặt bởi pháp ác bất thiện, nên không đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, như vậy Đa văn Thánh đệ tử kia nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

– Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là vô lượng khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị quấn chặt bởi pháp ác bất thiện. Vì vậy đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh.

– Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

(Trung A-hàm II – Phẩm 10 – 100. Kinh Khổ Ấm (II)[2] – Tr.1040)

3. VỊ NGỌT, TAI HẠI CỦA DỤC, SẮC VÀ THỌ (3)

– Dục có vị ngọt gì? Đó chính là năm dục. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt làm khởi nhãn thức, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn láng được xúc bởi thân, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Khổ, lạc phát sinh từ trong năm dục này, đó gọi là vị ngọt của dục.

– Dục có tai họa gì? Ở đây, một thiện gia nam tử học các kỹ thuật để tự kinh doanh cho mình; hoặc học làm ruộng, hoặc học thư sớ, hoặc học làm thuê, hoặc học toán số, hoặc học cân dối, hoặc học chạm khắc, hoặc học thông

[2] Tham chiếu Pāli (MN 14):Tiểu Kinh Khổ Uẩn.

tin qua lại, hoặc học hầu hạ vua, thân không lánh nắng mưa, mệt nhọc cần khổ, không được tự do. Làm những việc khổ cay này để thu hoạch sản nghiệp. Đó là tai họa lớn của dục. Khổ não trong đời này do ân ái này, đều do tham dục. Nhưng thiện gia nam tử kia lại làm việc cực khổ vậy mà không được của cải, trong lòng sầu lo khổ não không thể tính kể, tự suy nghĩ rằng, ta làm công lao này, bày các phương kế, mà không được tiền của. Các trường hợp như vậy, nên nghĩ đến lìa bỏ. Đó là nên lìa bỏ dục.

– Lại nữa, khi thiện gia nam tử kia, hoặc khi bày phương kế vậy mà được tiền của. Do được tiền của nên tìm đủ mọi cách thích hợp để luôn tự giữ gìn, sợ vua chiếm đoạt, bị giặc cướp giật, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt. Lại nghĩ như vầy: Ta muốn chôn dấu, nhưng sợ sau quên mất. Ta muốn xuất ra sinh lời lại sợ không thể giữ. Hay nhà sinh con xấu, tiêu phá tài sản của ta. Đại loại như vậy, dục là tai hoạn lớn, do bởi gốc dục này đưa đến tai biến này.

– Lại nữa, thiện gia nam tử kia thường sinh tâm này, là muốn gìn giữ tài sản, sau đó vẫn bị quốc vương chiếm đoạt, bị giặc cướp giật, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt; những thứ chôn dấu cũng lại không thể giữ. Ngay khi muốn xuất vốn kiếm lời cũng thu không được. Ở nhà sinh con xấu, tiêu phá tài sản. Tiền vạn không thu được một. Trong lòng sầu ưu, khổ não, đấm ngực kêu la: Tiền của ta có trước kia nay mất tất cả! Người ấy trở nên ngu

hoặc, tâm ý thác loạn. Cho nên, gọi dục là tai hoạn lớn, do bởi gốc dục này không đến vô vi được.

– Lại nữa, do bởi gốc dục này, mà con người mặc giáp, cầm dao gậy, công phạt lẫn nhau. Chúng đánh nhau, hoặc ở trước bầy voi, hoặc ở trước bầy ngựa, hoặc ở trước bộ binh, hoặc ở trước xa binh; cho ngựa đấu ngựa, cho voi đấu voi, cho xe đấu xe, cho bộ binh đấu bộ binh; hoặc chém nhau, bắn nhau, hoặc đâm nhau. Đại loại như vậy, dục là tai hoạn lớn, vì dục là nguồn gốc đưa đến tai biến này.

– Lại nữa, do bởi gốc dục này, mà con người mặc giáp, cầm gậy, hoặc ở cửa thành, hoặc ở trên thành, chém nhau, bắn nhau, hoặc dùng giáo đâm, hoặc dùng bánh xe sắt nghiến đầu, hoặc tưới sắt nấu chảy, chịu đau đớn như vậy mà chết rất nhiều.

– Lại nữa, dục cũng không có thường, tất cả thay nhau biến đổi không ngừng. Không hiểu rõ dục này biến đổi vô thường, thì đây gọi dục là tai hoạn lớn.

– Sao phải lìa bỏ dục? Nếu ai hay tu hành trừ tham dục; đó gọi là bỏ dục.

–Các Sa-môn, Bà-la-môn mà không như thật biết tai hoạn lớn của dục, cũng lại không biết nguyên do xả ly dục; không biết Sa-môn, oai nghi của Sa-môn, không biết Bà-la-môn, oai nghi của Bà-la-môn, những người ấy chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, cũng lại không thể tự thân tác chứng mà tự an trú. Nghĩa là các

Sa-môn, Bà-la-môn mà xét biết dục là tai hoạn lớn, xa lìa dục, như thật không hư dối, biết Sa-môn có oai nghi của Sa-môn, biết Bà-la-môn có oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú. Đó là lìa bỏ dục.

– Sao gọi là vị ngọt của sắc? Khi nó thấy con gái dòng sát-lợi, con gái dòng Bà-la-môn, con gái dòng trưởng giả, tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, không cao, không thấp, không mập, không ốm, không trắng, không đen, xinh đẹp vô song, hiếm có ở đời; vừa mới thấy nhan sắc ấy, nó liền khởi tưởng yêu thích. Đó gọi là vị ngọt của sắc.

– Sao gọi sắc là tai hoạn lớn? Lại nữa, sau nếu lại thấy người con gái kia, tuổi đã tám mươi, chín mươi, cho đến trăm tuổi, nhan sắc đổi khác, qua tuổi thiếu niên, tráng niên, răng rụng, tóc bạc, thân thể cáu ghét, da dùn, mặt nhăn, lưng khòm, rên rỉ, thân như xe cũ, hình dáng run rẩy, chống gậy mà đi. Thế nào, các Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy ban đầu, sau lại thấy đổi khác, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, ở đây nếu thấy người con gái kia thân mang trọng bệnh, nằm trên giường, đại tiểu tiện không thể đứng dậy. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy trước kia,

nay trở nên bệnh này; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Các Tỳ-kheo, đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lại thấy người con gái kia, thân hoại mạng chung, được đem đến gò mả. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp trước kia đã thấy, nay đã biến đổi; ở trong đó mà tưởng khổ lạc; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp rằng:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, chết qua một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, cho đến bảy ngày; thân thể sình chướng, rữa thối, tan rã, rơi vãi một nơi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp có trước kia, đến nay thay đổi đến như vậy; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, bị quạ, chim khách, kên kên, tranh nhau đến ăn thịt; hoặc bị beo, chó, sói, hổ, thấy mà ăn thịt; hoặc các loài trùng ngọ nguậy rất nhỏ, biết bò, bay, động đậy, thấy mà ăn thịt. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia vốn có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, thân bị trùng quạ đã ăn nửa, ruột, dạ dày, thịt, máu, ô uế bất tịnh. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp mà trước kia cô ấy có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ còn hài cốt liền nhau. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ có gân quấn ràng như bó củi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt tan rã mỗi nơi, hoặc xương chân một chỗ, hoặc xương tay một chỗ, hoặc xương đùi một chỗ, hoặc xương hông một chỗ, hoặc xương sườn một chỗ, hoặc xương bả vai một chỗ, hoặc xương cổ một chỗ, hoặc đầu lâu một chỗ. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, xương cốt bạc trắng, hoặc giống sắc bồ câu. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt trải qua nhiều năm, hoặc bị mục nát, tan rã, giống như màu đất. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

– Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không được bền vững. Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

– Sao gọi sắc là xuất yếu? Nếu hay lìa nơi bỏ sắc, trừ các loạn tưởng. Đó là lìa bỏ nơi sắc. Những Sa-môn, Bà-la-môn mà đắm trước sắc nơi sắc, không như thật biết

tai hoạn lớn, cũng không biết xả ly, đó không phải là Sa-môn, Bà-la-môn; đối với Sa-môn mà không biết oai nghi của Sa-môn, đối với Bà-la-môn mà không biết oai nghi của Bà-la-môn, không thể tự thân tác chứng mà tự an trú. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn mà không đắm trước sắc ở nơi sắc; biết rõ sâu xa đại hoạn, biết xả ly, những người ấy ở nơi Sa-môn mà biết oai nghi của Sa-môn, ở nơi Bà-la-môn biết oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú. Đó gọi là lìa bỏ đối sắc.

– Sao gọi là vị của thọ? Ở đây, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, biết rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, biết rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không khổ không lạc, biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc. Khi có cảm thọ lạc vật dục, biết rằng ta có cảm thọ lạc vật dục. Khi có cảm thọ khổ vật dục, biết rằng ta có cảm thọ khổ do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc do ăn, biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc do ăn. Khi có cảm thọ khổ phi vật dục, biết rằng ta có cảm thọ khổ phi vật dục. Khi có cảm thọ lạc phi vật dục, biết rằng ta có cảm thọ lạc không do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục, biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, khi ấy không có cảm thọ khổ, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc; bấy giờ ta chỉ có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, khi ấy không có cảm thọ lạc, cũng lại không có cảm

thọ không khổ không lạc, chỉ có cảm thọ khổ.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ không khổ không lạc, khi ấy không có cảm thọ lạc và cảm thọ khổ, mà chỉ có cảm thọ không khổ không lạc.

– Lại nữa, thọ là pháp vô thường biến đổi. Vì biết thọ là pháp vô thường biến đổi, cho nên gọi thọ là tai hoạn lớn.

– Sao gọi thọ là xuất yếu? Nếu hay xả ly thọ nơi thọ, trừ các loạn tưởng. Đó gọi là lìa bỏ đối cảm giác. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà đắm trước thọ nơi thọ, không biết tai hoạn lớn, cũng không lìa bỏ, không như thật biết; những người ấy chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn. Ở nơi Sa-môn không biết oai nghi của Sa-môn. Ở nơi Bà-la-môn không biết oai nghi của Bà-la-môn. Không thể tự thân chứng, mà tự an trú. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không đắm trước thọ nơi thọ, biết rõ sâu xa là tai hoạn lớn, hay biết xả ly, những người ấy ở nơi Sa-môn mà biết oai nghi của Sa-môn; ở nơi Bà-la-môn mà biết oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú. Đó gọi là xả ly thọ.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc; không như thật biết, nhưng lại giảng dạy người khác khiến thực hành. Điều này không xảy ra. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể xả ly thọ, như thật biết, lại khuyên dạy người xả ly. Điều này có xảy ra. Đó gọi là

xả ly nơi thọ.

– Các Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về sự đắm trước dục, vị của dục, dục là tai hoạn lớn, lại có thể xả ly; cũng nói về đắm trước sắc, vị của sắc, sắc là tai hoạn lớn, có thể xả ly sắc. Đã nói về sự đắm trước thọ, vị của thọ, thọ là tai hoạn lớn, có thể xả ly thọ.

– Những gì các Như Lai cần làm, những gì cần thi thiết, nay Ta đều đã chu tất. Các ngươi hãy thường suy niệm ở dưới gốc cây, trong rừng vắng, thiền tọa tư duy, chớ có giải đãi. Đó là giáo sắc của Ta.

(Tăng Nhất A-hàm I – 21. Phẩm Tam Bảo – Kinh số 9[3] – Tr.370)

4. THAM DỤC MUỐN HOÀN TỤC

Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở về làm bạch y. Khi ấy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

– Nay con không thích tu hành trong phạm hạnh này. Con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y.

Thế Tôn bảo:

– Nay ngươi vì sao không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y?

Tỳ-kheo đáp:

---

[3] Tham chiếu Pāli (MN 13): Đại Kinh Khổ Uẩn.

– Nay tâm ý con hừng hực, trong thân bừng lửa. Nếu khi con thấy người nữ xinh đẹp vô song, bấy giờ con nghĩ thầm: "Mong sao người nữ này cùng ta giao hội nhau." Rồi con lại nghĩ: "Đây chẳng phải Chánh pháp. Nếu ta theo tâm này thì chẳng phải chánh lý." Bấy giờ, con lại nghĩ thầm: "Đây là mục đích xấu, chẳng phải là mục đích tốt. Đây là pháp ác chẳng phải là pháp thiện." Nay con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y. Giới cấm của Sa-môn thật sự không thể phạm. Ở trong thế tục, con có thể bố thí vật thực.

Thế Tôn bảo:

– Phàm người nữ có năm điều bất thiện. Những gì là năm? Một là bất thiện bởi ô uế, hai là nói hai lưỡi, ba là ganh ghét, bốn là sân nhuế, năm là không biết báo đáp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Buồn vui vì của cải,
Ngoài thiện trong lòng ác;
Phá nẻo thiện của người;
Chim ưng bỏ đầm nhơ.

– Cho nên, Tỳ-kheo hãy từ bỏ tưởng tịnh, tư duy quán bất tịnh. Sau khi tư duy quán bất tịnh, Tỳ-kheo sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái và vô sắc ái; đoạn tận vô minh, kiêu mạn. Nay, Tỳ-kheo, dục của ngươi từ đâu sinh? Từ tóc sinh? Nhưng tóc hiện nhơ không sạch, đều do huyễn hóa, lừa gạt người đời. Móng, răng... thuộc về thân thể đều là

không sạch. Cái gì là chân, cái nào là thật? Từ đầu đến chân, thảy đều như vậy. Những vật hữu hình như gan, mật, năm tạng, không một vật đáng ham. Cái gì là chân? Nay, Tỳ-kheo, dục của ngươi từ đâu sinh? Nay ngươi khéo tu phạm hạnh, Chánh pháp của Như Lai, tất sẽ hết khổ. Mạng người rất ngắn, không lâu ở đời. Tuy có rất thọ, không qua trăm tuổi.

– Tỳ-kheo nên biết, Như Lai xuất thế, rất là khó. Được gặp, nghe pháp cũng khó. Thọ nhận thân hình tứ đại cũng lại việc khó được. Các căn đầy đủ cũng lại khó được. Được sinh vào chốn trung ương, cũng lại khó gặp. Gặp gỡ thiện tri thức, cũng lại khó được. Nghe pháp cũng khó, phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được. Thành tựu pháp tùy pháp, việc này cũng khó. Nay, Tỳ-kheo, ngươi nếu thân cận thiện tri thức, thì có thể phân biệt các pháp, cũng có thể giảng rộng nghĩa này cho người khác. Nếu đã nghe pháp thì có thể phân biệt. Đã phân biệt pháp rồi thì có thể giảng nói nghĩa của nó. Không có tưởng dục, tưởng sân nhuế, tưởng ngu si; đã lìa ba độc nên thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Nay ta đã nói sơ nghĩa ấy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhận lãnh lời dạy từ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Tỳ-kheo kia ở nơi vắng vẻ, tư duy về pháp này, sở dĩ mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là muốn tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã

làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, biết như thật. Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

(Tăng Nhất A-hàm II – 35. Phẩm Tà Tụ – Kinh số 8 – Tr.384)

5. MA-HA-NAM GIÀU MÀ KEO KIỆT KHÔNG DÁM XÀI TIỀN

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nước Xá-vệ này có gia chủ Ma-ha-nam[4], giàu có nhiều của cải, kho chứa vàng ròng có đến trăm ngàn ức, huống là những của khác. Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam giàu có như vậy, nhưng đồ ăn chỉ dùng những thứ như: ăn gạo tấm thô sơ, canh đậu, gừng cũ nát; còn mặc thì áo vải thô, mang giày da đơn; đi thì xe cũ kỹ, đội nón lá cây. Chưa từng nghe ông ta cúng dường, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, hay thấy ông ấy cung cấp giúp đỡ cho những người nghèo khổ, những người lỡ đường thiếu thốn, những người ăn xin. Khi ăn thì đóng cửa, không để cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào hay những người bần cùng, những người lỡ đường, những người ăn xin, trông thấy.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

---

[4] Một gia chủ giàu có ở Sāvatthi đã chết.

– Đại vương, gia chủ này không phải là chánh sĩ, được tài lợi thắng diệu mà không tự thọ dụng, không biết phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, đoái nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ cho người quen biết, không biết tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, để gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, hưởng thụ an lạc lâu dài, đời sau sinh về cõi trời. Được những tài vật thù thắng mà không biết cách dùng rộng rãi để thâu lợi lớn.

– Đại vương, thí như nước được tích chứa trong ao hồ ở giữa đồng hoang, mà không có người dùng đến để uống ăn, tắm rửa, nước ngay trong đầm bị nung khô tiêu hết. Cũng vậy, kẻ sĩ bất thiện được tài vật thắng diệu,... *cho đến* không chịu dùng rộng rãi để thâu lợi lớn, thì cũng giống như hồ nước kia vậy.

– Đại vương, có thiện nam tử được tài lợi thắng diệu, sung sướng mà thọ dùng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con bà con quyến thuộc, nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ người quen biết, thường xuyên cũng cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, đời sau sinh về cõi trời; được tiền của thù thắng, biết cách thọ dụng rộng rãi để thu lợi lớn gấp bội. Đại vương, giống như bên cạnh thành ấp, làng xóm, có ao nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát, khiến mọi người yêu thích, nhiều người chịu dùng, cho đến loài cầm thú. Cũng vậy, thiện nam

tử kia được tài lợi thắng diệu, tự cúng dường tùy thích, phụng dưỡng cha mẹ,... *cho đến* gieo trồng ruộng phước thù thắng, thu lợi rộng lớn.

(Tạp A-hàm III – 33. Tương Ưng Câu-tát-la – Kinh 1036. Xan Lẩn[5] – Tr.1717)

6. TRƯỞNG GIẢ SA-ĐỀ GIÀU CÓ NHƯNG KHÔNG HƯỞNG

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở trong thành Xá-vệ, trưởng giả Sa-đề[6] mắc bệnh, mạng chung. Nhưng trưởng giả đó không có con cái, nên mọi tài bảo đều nhập hết vào cung.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc người dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

– Đại vương, vì sao đi đến Ta với thân hình đầy bụi bặm?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Sa-đề, hôm nay mạng chung. Ông không có con cái. Con tự thân đến trưng thâu tài sản, xử lý nhập cung. Riêng vàng ròng tám vạn cân, huống chi những tạp vật khác. Nhưng trưởng giả kia ngày còn sống, ăn những đồ ăn rất là tệ dở,

---

[5] Đại Chánh, Kinh 1232. Tham chiếu Pāli (SN 3.19): Chương 3: Tương Ưng Kosala – II: Phẩm Thứ Hai – 19. Không Con.

[6] Pāli: Seṭṭhi-gahapati. Tạp: trưởng giả tên Ma-ha-nam.

không ăn thứ ngon. Những y phục ông mặc thì cáu bẩn, không sạch. Con ngựa kéo xe cho ông thật gầy yếu.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Đại vương, như vua vừa nói. Phàm người tham lam keo kiết được tiền của này không dám ăn, không cho cha mẹ, vợ con, tớ hầu, nô tỳ. Cũng lại không cho bằng hữu quen biết. Cũng không cho Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng. Nếu người có trí có được tài bảo này, thì hay huệ thí, cứu giúp rộng rãi, tất cả không chút gì luyến tiếc, cung cấp Sa-môn, Bà-la-môn và các vị cao đức.

Khi đó vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Trưởng giả Sa-đề này mạng chung bị sinh vào chốn nào?

Thế Tôn bảo:

– Trưởng giả Sa-đề này mạng chung sẽ sinh vào trong đại địa ngục Thế Khốc. Vì sao vậy? Vì người này đoạn mất thiện căn, nên thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế Khốc.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Trưởng giả Sa-đề đoạn thiện căn sao?

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Đại vương, như vua đã nói, trưởng giả kia đã đoạn mất thiện căn. Song trưởng giả kia phước cũ đã

hết không tạo lại cái mới.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Trưởng giả kia còn sót lại phước nào không?

Thế Tôn bảo:

– Không, Đại vương, không còn sót mảy may nào tồn tại. Như người nhà nông kia chỉ thu mà không trồng, nên sau lại bị khốn cùng, dần dà cho đến chết. Vì sao vậy? Vì chỉ tiêu dùng sản nghiệp cũ mà không tạo mới. Trưởng giả này cũng như thế, chỉ hưởng phước cũ lại không tạo của mới. Đêm nay, trưởng giả này sẽ vào trong địa ngục Thế Khốc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, trong lòng lo sợ, lau nước mắt mà thưa:

– Trưởng giả này ngày trước đã tạo ra công đức phước nghiệp gì mà được sinh vào nhà giàu có, lại đã tạo ra gốc rễ bất thiện nào mà không hưởng được của cải cực giàu này, cũng không an trú trong ngũ dục?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

– Vào quá khứ xa xưa, thời Phật Ca-diếp, trưởng giả này ở trong thành Xá-vệ, là con nhà nông. Sau khi Đức Phật nhập diệt, có Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, đến nhà của trưởng giả này. Khi trưởng giả này thấy Bích-chi-phật đứng ở trước cửa, liền nghĩ thầm: "Như Tôn giả này xuất hiện ở đời rất khó. Nay ta hãy đem đồ ăn thức uống đến bố thí người này."

– Bấy giờ trưởng giả bố thí cho vị Bích-chi-phật kia. Vị Bích-chi-phật này ăn xong, liền bay lên hư không mà đi.

– Khi trưởng giả đó thấy vị Bích-chi-phật hiện thần túc, liền phát thệ nguyện như vầy: "Nguyện đem gốc thiện này, khiến cho đời đời sinh ở chỗ nào cũng không đọa vào ba đường dữ, thường nhiều của báu." Sau đó lại có tâm hối tiếc: "Những thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho nô bộc chứ không cho đạo nhân đầu trọc này ăn." Trưởng giả nhà nông lúc đó há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ vậy. Trưởng giả nhà nông lúc đó, nay chính là trưởng giả Sa-đề này.

– Khi đó thí xong, phát thệ nguyện này, do công đức này, ông sinh ra nơi nào cũng không đọa đường dữ, thường nhiều của, lắm báu, sinh nhà phú quý, không thiếu thốn một thứ gì. Nhưng sau khi đã bố thí, lại sinh tâm hối, "Đáng lẽ ta cho nô bộc ăn, chứ không cho đạo nhân trọc đầu này ăn."

– Vì do nguyên nhân này, nên ông không hưởng được của cực giàu này, cũng không thích sống trong năm dục. Tự mình không cúng dường, lại không cho cha mẹ, anh em, vợ con, tớ hầu, bạn bè quen biết; không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các vị tôn trưởng. Chỉ hưởng nghiệp cũ mà không tạo cái mới. Đại vương, cho nên kẻ có trí được của cải này nên ban thí khắp, đừng có tiếc nuối, rồi sẽ được của cải vô số. Đại vương, hãy học điều

này như vậy.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

– Từ nay về sau, con sẽ bố thí khắp cho Sa-môn, Bà-la-môn, chúng bốn bộ. Nhưng các dị học ngoại đạo đến cầu thực, con không thể cho.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương, chớ nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại. Nếu không ăn thì sẽ bị chết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ như vầy:

Nên niệm bố thí khắp;
Mãi chẳng dứt tâm thí.
Ắt sẽ gặp Hiền thánh,
Độ nguồn sinh tử này.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Nay con lại càng rất hoan hỷ hướng về Như Lai. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc nói:

– Từ nay về sau con sẽ bố thí khắp, không có gì hối tiếc.

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tư-nặc xong, vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui về.

Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật nói, hoan

hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm I – 23. Phẩm Địa Chủ – Kinh số 4[7] – Tr.413)

7. ÁI DỤC LÀ NGUỒN GỐC CỦA KHỔ

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bà-la-môn mất con

Bấy giờ có một người Bà-la-môn, độc nhất chỉ có một đứa con, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên đứa con mạng chung. Sau khi đứa con mạng chung, người Bà-la-môn ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc, nhớ tưởng chỗ con nằm.

Rồi Bà-la-môn lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

– Ông nay vì sao mà các căn không trụ nơi tâm mình?

Bà-la-môn đáp rằng:

– Tôi làm sao các căn có thể an trụ nơi tâm mình được? Vì sao vậy? Chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu không thể ăn uống được, không

[7] Tham chiếu Pāli (SN 3.20): Chương 3: Tương Ưng Kosala – II: Phẩm Thứ Hai – 20. Không Có Con.

mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Luyến ái sinh sầu bi

Thế Tôn nói:

– Thật vậy, Bà-la-môn! Thật vậy, Bà-la-môn! Nếu khi ái sinh thì phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Bà-la-môn nói:

– Cù-đàm, sao lại nói khi ái sinh, thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sinh thì hỷ cũng sinh, tâm hoan lạc.

Thế Tôn đến ba lần nói như vậy:

– Thật vậy, Bà-la-môn! Thật vậy, Bà-la-môn! Khi ái sinh thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Bà-la-môn cũng ba lần hỏi rằng:

– Cù-đàm, sao lại nói khi ái sinh thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sinh thì hỷ cũng sinh, tâm hoan lạc.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn nghe những lời Phật nói, không cho là phải, mà chỉ bác bỏ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy, lắc đầu bỏ đi.

Bấy giờ ở trước cổng Thắng lâm, có một số thị dân đang đánh bạc. Bà-la-môn từ xa trông thấy, bèn nghĩ

rằng, "Trong đời nếu có những người thông minh trí tuệ, cũng không thể hơn được những kẻ đánh bạc. Ta hãy đến đó. Những gì vừa được thảo luận với Cù-đàm ta sẽ kể lại hết cho họ nghe." Rồi Bà-la-môn đi đến số đông những người đánh bạc ấy, và đem những gì vừa được thảo luận với Thế Tôn kể lại cho họ nghe. Những thị dân đang đánh bạc này nghe xong nói rằng:

– Này Bà-la-môn, sao lại nói khi ái sinh thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Bà-la-môn nên biết khi ái sinh, thì hỷ cũng sinh, tâm hoan lạc.

Bà-la-môn nghe xong, bèn nghĩ rằng, "Điều mà con bạc nói thật hết sức phù hợp với ta." Rồi gật đầu mà đi.

Ba-tư-nặc và Mạt-lỵ

Rồi thì vấn đề này lần lượt truyền rộng ra, cho đến lọt vào Vương cung. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, "Nếu khi ái sinh, thì cũng phát sinh những sầu bi khóc than, ưu khổ, phiền muộn ảo não." Vua bèn nói với hoàng hậu Mạt-lỵ[8] rằng:

– Tôi nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, "Nếu khi ái sinh thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Hoàng hậu nghe xong, thưa rằng:

---

[8] Mạt ly. Palī: Mallikā.

– Thật vậy, Đại vương! Thật vậy, Đại vương! Nếu khi ái sinh thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói với hoàng hậu Mạt-lỵ rằng:

– Nghe Tôn sư nói gì thì đệ tử nhất định đồng ý. Sa-môn Cù-đàm là Tôn sư của bà cho nên bà nói như vậy. Bà là đệ tử của Ngài cho nên bà nói như vậy, "Nếu khi ái sinh thì cũng phát sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Hoàng hậu Mạt-lỵ thưa rằng:

– Đại vương, nếu không tin, hãy đích thân đến mà hỏi, hay hãy sai sứ đi.

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn gọi Bà-la-môn Na-lị-ương-già[9] đến bảo rằng:

– Ngươi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà hỏi Sa-môn Cù-đàm Thánh thể, khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Rồi nói như vầy, "Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh thể khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói rằng, "Nếu khi ái sinh thì cũng sinh những

---

[9] Na-lị-ương-già. No 91: Na-lê-ương-già. M. 87: Nālijaṅgha, không phải Ba-tư-nặc đích thân sai đi, mà chính Mạt-lỵ (hình như lén?) sai đi, để được hiểu rõ vấn đề. Hai bản Hán giống nhau.

sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não" chăng?" Này Na-lị-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm có nói những gì, ngươi hãy khéo ghi nhớ và thuộc kỹ. Vì sao? Vì những người như vậy không bao giờ nói dối.

Bà-la-môn Na-lị-ương-già vâng lời vua, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

– Bạch Cù-đàm, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có lời hỏi thăm Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói như vầy, "Nếu khi ái sinh, thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não chăng?"

Phật khai thị

Thế Tôn nói rằng:

1. – Này Na-lị-ương-già, Ta nay hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Na-lị-ương-già, ý ông nghĩ sao? Giả sử có một người đàn bà đã chết. Người con phát cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường, nói như vầy, "Này các người, có thấy mẹ tôi chăng? Này các người có thấy mẹ tôi chăng?" Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, "Nếu khi ái sinh, thì cũng sinh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

– Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chị, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát sinh cuồng, loạn trí, cởi áo

cởi quần, trần truồng chạy rong khắp cả ngõ đường, nói rằng, "Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng? Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng?" Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, "Nếu ái sinh thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

2. – Này Na-lị-ương-già, thuở xưa có một người đàn bà về thăm gia đình. Các thân tộc của người này muốn cưỡng bức cải giá. Người đàn bà ấy tức tốc trở về nhà chồng, nói với chồng rằng, "Này ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp vợ của ông để gả cho người khác. Ông có mưu kế gì chăng?" Người ấy bèn nắm cánh tay của bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng, "Chết chung, sang đời khác với nhau! Chết chung, sang đời khác với nhau!" Rồi lấy con dao bén chém chết vợ và mình cũng tự sát luôn. Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, "Nếu ái sinh thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Bà-la-môn Na-lị-ương-già sau khi nghe những điều Phật nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng, rồi trở về.

Về đến Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

– Tâu Thiên vương, Sa-môn Cù-đàm quả thực có nói rằng, "Nếu khi ái sinh, thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-lỵ giải thích

Hoàng hậu Mạt-lỵ tâu rằng:

1. – Đại vương, tôi hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý Đại vương nghĩ sao? Đại vương có thương yêu Đại tướng Tì-lưu-la[10] chăng?

Vua đáp:

– Thật sự có yêu thương.

Mạt-lỵ lại hỏi:

– Nếu Đại tướng Tì-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, Đại vương sẽ như thế nào?

Vua đáp:

– Mạt-lỵ, nếu Đại tướng Tì-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sinh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-lỵ tâu rằng:

– Do sự kiện này mà biết rằng, "Nếu khi ái sinh thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-lỵ lại hỏi:

2. – Vương có yêu Đại thần Thi-lị-a-đà[11], yêu con voi Nhất-bôn-đà-lị[12], yêu đồng nữ Bà-di-lị[13], yêu Vũ Nhật

---

[10] Tì-lưu-la, Palī: Viḍūḍabha.

[11] Thi-lị-a-trà; No 91: Hiền Thủ đại tướng. Palī: Sirivaḍḍha.

[12] Nhất-bôn-đà-lị, Palī: Ekapundirika.

[13] Bà-di-lị đồng nữ. No 91: Bà-di-đề nữ. Palī: Vajirī-kumāri, công chúa, con gái độc nhất của Ba-tư-nặc và Mạt-ly, sau được gả cho vua A-xà-thế.

Cái[14], yêu nước Ca-thi và yêu Câu-tát-la chăng?

Vua đáp:

– Thật sự có yêu thương.

Mạt-lỵ lại hỏi:

– Nước Ca-thi và Câu-tát-la bị biến dịch, đổi khác, Vương sẽ ra sao?

Vua đáp:

– Mạt-lỵ, tôi được hưởng thụ thỏa mãn năm thứ công đức của dục là do ở hai nước này. Nếu Ca-thi và Câu-tát-la mà bị biến dịch, đổi khác, mạng sống của tôi cũng không còn, nói gì đến những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não?

Mạt-lỵ tâu rằng:

– Do sự kiện này mà biết rằng, "Nếu khi ái sinh, thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-lỵ lại hỏi:

3. – Ý Đại vương nghĩ sao? Có yêu thương tôi chăng?

Vua đáp:

– Thật sự tôi yêu thương bà.

---

[14] Vũ Nhật Cái. No 91: Bà-sa sát-đế-lị phu nhân. Palī: Vāsabhā (Khattiyā), một nữ tỳ dòng họ Thích, được giả làm con gái của Ma-ha-nam và được gả cho Pasenadi, về sau sinh Tỳ-lưu-ly (Viḍūḍabha).

Mạt-lỵ lại hỏi:

– Nếu một khi tôi bị biến dịch, đổi khác, Vương sẽ ra sao?

Vua đáp:

– Mạt-lỵ, nếu một khi bà bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sinh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-lỵ tâu rằng:

– Do sự kiện này mà biết rằng, "Nếu khi ái sinh thì cũng sinh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

– Này Mạt-lỵ, kể từ hôm nay, Sa-môn Cù-đàm, do sự kiện này là Thầy của tôi, tôi là đệ tử của Ngài. Này Mạt-lỵ, tôi nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy y cho đến tận mạng.

(Trung A-hàm IV – 216. Kinh Ái Sinh[15] – Tr.2400)

8. DỤC LÀ GỐC CỦA KHỔ

Một thời, Phật du hành giữa những người Lực sỹ[16], đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù[17], trú xứ của Uất-tì-la. Bấy

[15] Tham chiếu pāli (MN 87): Kinh Ái sinh.
[16] Palī: Mallesu, giữa những người Malla.
[17] Uất-tì-la trú xứ Anh vũ diêm-phù lâm. No 100(128): tụ lạc Ưu-lâu-tần-loa; rừng Anh vũ diêm vô quả. Palī: Uruvelakappa, một thị trấn của người Malla.

giờ có thôn chủ Kiệt-đàm[18] nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hành giữa những người Lực sỹ, đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù, trú xứ của Uất-tì-la. Ngài nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại[19]. Ông nghĩ, "Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu ta đến thì chắc Sa-môn Cù-đàm sẽ vì ta mà nói về sự tập khởi của khổ, và sự tiêu diệt của khổ hiện tại." Sau đó ông liền đến thôn Uất-tì-la và đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, tôi nghe Thế Tôn thường vì người nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại. Lành thay! Thế Tôn vì tôi nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.

Phật nói với thôn trưởng:

– Nếu Ta nói về sự tập khởi của khổ, và sự tiêu diệt thuộc khổ quá khứ; ông có thể hoài nghi điều đó, hoặc tin hoặc không tin, đồng ý hoặc không đồng ý, vừa ý hay không vừa ý, hoặc thích hay chẳng thích: Nay ông có khổ chăng? Nếu Ta nói về khổ vị lai, ông có thể hoài nghi điều đó, hoặc tin hoặc không tin, đồng ý hoặc không đồng ý, vừa ý hay không vừa ý, hoặc thích hay chẳng thích: Nay ông có khổ chăng? Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của khổ, và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.

---

[18] Palī: Bhadro gāmaṇi.

[19] Hiện pháp khổ tập khổ một. Palī: dukkhassa samudayañca atthaṇgamañca.

– Này thôn trưởng, tất cả những khổ phát sinh mà chúng sinh có, thảy đều do dục làm gốc: Dục phát sinh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục làm nhân, dục làm duyên mà khổ phát sinh.

Thôn trưởng bạch Phật:

– Thế Tôn nói pháp quá sơ lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi có chỗ không hiểu. Lành thay, Thế Tôn! Xin trình bày đầy đủ hơn cho chúng tôi được hiểu.

Phật nói với thôn trưởng:

– Bây giờ Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Này thôn trưởng, ý ông thế nào, nếu chúng sinh ở thôn Uất-tì-la này hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị khiển trách, hoặc bị giết, tâm ông có khởi buồn thương khổ não không?

Thôn trưởng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, cũng không nhất thiết là vậy! Nếu mọi người sống ở thôn Uất-tì-la này đối với họ mà tôi có dục, có tham, có ái, có niệm, thân cận nhau; gặp khi họ hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị trách, hoặc bị giết, tôi sẽ cảm thấy buồn thương khổ não. Còn nếu những người kia đối với họ mà tôi không có dục, không có tham, không có ái, không có niệm, không thân cận gần gũi nhau; khi gặp họ bị trói, đánh, trách, giết, làm sao tôi có thể sinh lòng buồn thương khổ não được?

Phật nói với thôn trưởng:

– Cho nên, ông phải biết, mọi cái khổ của chúng sinh

được phát sinh, tất cả chúng đều do từ dục làm gốc: dục phát sinh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sinh ra các thứ khổ.

– Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu ông cùng cha mẹ nuôi[20] mà không gặp[21] nhau, có sinh lòng tham dục thương nhớ không?

Thôn trưởng nói:

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu hoặc thấy, hoặc nghe cha mẹ nuôi, ông có sinh lòng dục thương nhớ không?

Thôn trưởng nói:

– Bạch Thế Tôn, có vậy!

Lại hỏi:

– Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu cha mẹ nuôi kia bị vô thường biến khác, ông có sinh lòng buồn thương khổ não không?

Thôn trưởng nói:

– Bạch Thế Tôn, có vậy! Nếu cha mẹ nuôi bị vô thường

---

[20] Hán: y phụ mẫu; nghĩa không rõ. Ngộ Từ Pháp sư giải, y phụ mẫu: chỉ người con; sau khi sinh được đưa cho người khác nuôi. Bản Palī, Bhadra có người con trai tên Ciravāsi (Ciravāsimātā) nếu chưa thấy nhau…?" Hình như trong bản Hán, từ "y phụ mẫu", chép dư chữ "phụ." "Y Mẫu" có thể là tên người, dịch từ tương đương Palī Ciravāsimātā. Hiểu như vậy, đoạn văn này sẽ rõ ràng hơn.

[21] Có thể hiểu chưa hề biết nhau.

biến khác, tôi sẽ khổ đến gần chết được, đâu phải chỉ buồn thương khổ não!

Phật nói với thôn trưởng:

– Cho nên ông phải biết, nếu các chúng sinh có được cái khổ phát sinh, tất cả đều do ái dục làm gốc: Dục phát sinh, dục tập khởi, dục nổi dậy, dục là nhân, dục là duyên mà sinh ra các thứ khổ.

Thôn trưởng nói:

– Kỳ diệu thay! Thế Tôn đã khéo nói thí dụ về cha mẹ nuôi như vậy. Tôi có cha mẹ nuôi, nhưng sống tại nơi khác[22]. Hằng ngày tôi sai người thăm hỏi, vấn an sức khỏe thế nào. Khi họ đi chưa về tôi đã lấy làm lo lắng khổ sở, huống chi là lại bị vô thường mà không lo lắng khổ đau sao được!

Phật nói với thôn trưởng:

– Cho nên, Ta nói mọi lo khổ của chúng sinh, tất cả đều do dục làm gốc rễ: Dục phát sinh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sinh ra lo khổ.

Phật nói với thôn trưởng tiếp:

– Nếu có bốn ái niệm[23], mà bị vô thường biến khác, sẽ phát sinh ra bốn ưu khổ. Nếu có một hoặc hai, ba ái niệm bị vô thường biến khác, sẽ phát sinh một hoặc hai, ba ưu khổ.

---

[22] Bản Palī: có con trai tên là Ciravāsi sống tại một nơi khác.
[23] Bốn hạng người thân yêu.

– Này thôn trưởng, nếu tất cả đều không có ái niệm thì sẽ không có trần lao ưu khổ.

Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu không có ái niệm thế gian,
Thì không lo trần lao ưu khổ;
Tiêu diệt hết tất cả ưu khổ,
Giống như hoa sen không dính nước.

Trong khi Phật nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập vào pháp, thoát khỏi mọi nghi hoặc, không nhờ vào người khác, không do người khác độ, được vô sở úy ở trong chánh pháp luật; từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

– Con đã được độ, đã siêu việt, bạch Thế Tôn! Từ hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo; suốt đời con làm Ưu-bà-tắc. Xin Ngài nhớ nghĩ gia hộ con.

(Tạp A-hàm III – 42. Tương Ưng Tụ Lạc Chủ
– Kinh 1294. Kiệt Đàm[24] – Tr.2216)

9. HỌC ĐẠO TÁM MƯƠI NĂM CHƯA MỘT LẦN KHỞI DỤC

1. – Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học trong Chánh

[24] Đại Chánh, Kinh 913. Tham chiếu pāli (SN 42.11): Chương 42: Tương Ưng Thôn Trưởng – 11. Bhadraka.

pháp luật này đến nay là tám mươi năm; ngài nhớ có lần nào ngài làm việc dâm dục chăng?

Tôn giả Bạc-câu-la bảo dị học[25] rằng:

– Ông đừng hỏi như vậy, mà hãy hỏi một cách khác: "Hiền giả Bạc-câu-la, ngài học đạo trong Chánh pháp luật này được tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng[26] chăng?" Ông nên hỏi như vậy.

Bấy giờ dị học liền nói như vầy:

– Tôi nay lại hỏi rằng: "Hiền giả Bạc-câu-la, ngài học đạo trong Chánh pháp luật này được tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng chăng?"

Bấy giờ Tôn giả Bạc-câu-la nhân người dị học hỏi như vậy, liền nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong Chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, nếu nhân đó khởi cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong Chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng khởi dục tưởng.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu

---

[25] Pāli: acela-Kassapa, một tu sĩ lõa thể tên là Kassapa.
[26] Hán: dục tưởng. Pāli: kāmasaññā.

của Tôn giả Bạc-câu-la.

2. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi thọ trì y phấn tảo[27] đến nay là tám mươi năm. Nếu tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

3. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi thọ trì y phấn tảo đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ y của người cư sĩ[28], chưa từng cắt may y, chưa từng nhờ người khác may hộ y, chưa từng dùng kim khâu y, chưa từng dùng kim khâu túi, dù là một sợi chỉ.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

4. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi khất thực đến nay là tám mươi năm; nếu tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

5. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

---

[27] Pāli: paṃsu, y may bằng vải lượm từ các đống rác.
[28] Tức nhận vải từ cư sĩ để may y.

– Này chư Hiền, tôi khất thực đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ, chưa hề nhận lời mời của cư sĩ, chưa hề khất thực vượt thứ tự[29], chưa hề khất thực nơi các nhà lớn để nhận các thứ đồ ăn loại cứng, loại mềm[30] rất dồi dào, rất tinh khiết và mỹ vị; chưa hề nhìn ngắm người nữ; chưa hề vào khu vực Tỳ-kheo-ni, chưa hề cùng Tỳ-kheo-ni hỏi chuyện, cho đến cũng chưa hề nói chuyện giữa đường.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

6. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi ở trong Chánh pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề nuôi Sa-di, chưa hề thuyết pháp cho bạch y; cho đến chưa hề nói cho họ chỉ bốn câu tụng.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

7. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi ở trong Chánh pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề có bệnh, cho đến dù chỉ nhức đầu trong khoảng búng ngón tay; chưa hề uống thuốc, cho đến dù chỉ một quả ha-lê-lặc[31].

---

[29] Theo phép, khất thực phải đi lần lượt từng nhà, bất luận giàu hay nghèo.
[30] Hán: thực đạm hàm tiêu; thức ăn cần phải nhai, và loại chỉ ngậm cho tiêu.
[31] Ha-lê-lặc. Pāli: harītaka, loại quả dùng làm thuốc (Terminalia citrina).

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

8. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi tôi ngồi kiết già, chưa từng dựa vào vách hay dựa vào cây.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

9. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, trong vòng ba ngày ba đêm, tôi chứng đắc ba minh đạt.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

10. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy:

– Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết già để vào Niết-bàn.

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Tôn giả Bạc-câu-la thuyết như vầy. Các Tỳ-kheo và người dị học sau khi nghe Tôn giả Bạc-câu-la thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(Trung A-hàm I – 34. Kinh Bạc-câu-la[32] – Tr.365)

10. TÁM VÍ DỤ VỀ DỤC

1. – Này cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt

[32] Tham chiếu pāli (MN 124): Kinh Bạc-câu-la.

mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như bộ xương khô. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi sự vật dục của thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều đó.

2. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ diều khác đuổi theo để tranh giành. Ý cư sĩ nghĩ sao? Nếu quạ diều ấy không vội xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác vẫn đuổi theo để giành giựt chăng?

Cư sĩ đáp:

– Thật sự như vậy, Cù-đàm.

– Ý cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ diều ấy xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác có còn đuổi theo để giành giựt chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không vậy, Cù-đàm.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy nên tu tập điều này.

3. – Này cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp:

– Thật sự như vậy, Cù-đàm.

– Ý cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc, sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không vậy Cù-đàm.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như bó đuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi dục vọng thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

4. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không

si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chớ không muốn đau đớn, rất ghét sự đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người ấy lại nhảy vào hầm lửa này chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng, "Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chớ không hoài nghi. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng." Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, "Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

5. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc, chớ không muốn đau đớn, rất ghét đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao, người ấy há lại thò tay cho con rắn cắn, hay các chi thể khác và nói rằng, "Này, mổ đi! Này mổ đi!" Như vậy chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ rằng, "Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chớ không hoài nghi. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng." Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, "Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi dục vọng thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

6. – Này cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, năm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

7. – Này cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chăn gấm mùng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi

nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng, "Như vậy, tốt lành thay! Như vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy." Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Rồi chủ nhân tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt. Những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng, "Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chớ không phải vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi chủ nhân đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt." Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, "Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

8. – Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng, "Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?" Nghĩ xong, bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ

rằng: "Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây này chăng?" Y bèn đốn ngã cây ấy. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp:

– Thật sự như vậy, Cù-đàm.

– Ý cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp:

– Không vậy, Cù-đàm.

– Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, "Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy lánh xa đi." Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập sự kiện này.

(Trung A-hàm IV – Phẩm 19 – 203. Kinh Bô-đa-lị[33] – Tr.2232)

---

[33] Tham chiếu pāli (MN 54): Kinh Potaliya.

11. ĐỜI SỐNG HƯỞNG THỤ VÀ KHẮC KHỔ

Một thời, Phật ở bên ao Yết-già tại nước Chiêm-bà[34]. Bấy giờ có thôn trưởng Vương Đảnh[35] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với thôn trưởng Vương Đảnh:

– Hiện nay chúng sinh chạy theo hai khuynh hướng. Những gì là hai? Một là thích đắm vào năm dục, thuộc dạng phàm phu, thấp kém, hèn hạ[36]. Hai là tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

– Này thôn trưởng, có ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, người thường, thấp kém, hèn hạ. Cũng có ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

– Này thôn trưởng, những gì là ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, người thường, thấp kém, hèn hạ? Có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách gom chứa tài vật một cách phi pháp, không mang lại an vui cho chính mình, cũng chẳng phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè thân thuộc; cũng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời. Đó gọi là hạng

---

[34] Yết-già trì. No 100(127): Kiệt thành Kì trì ngạn. Pāli: Gaggarā.

[35] Vương Đảnh tụ lạc chủ. No 100(127): Vương Đảnh Phát. Pāli: Rāsiyo gāmaṇi.

[36] Hán: ti hạ điền xá, nghĩa đen: thấp kém, thuộc về ruộng vườn. Tương đương Pāli: hīno gammo.

người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian.

– Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp chứ không phải phi pháp, gom chứa tài vật để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, phụng dưỡng cho cha mẹ, và cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ làm, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc.

– Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp tìm cầu tài vật chứ không phi pháp, để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, cung phụng cho cha mẹ, và cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời, đó gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

– Này thôn trưởng, Ta không nói một chiều rằng mọi hưởng thụ dục lạc đều bằng như nhau, mà Ta nói trong những người hưởng thụ dục lạc có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

– Thế nào là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc? Là loại lạm chiếm bất hợp pháp,… *cho đến* chẳng cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời. Ta gọi đó là

hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc.

– Thế nào là hạng trung bình hưởng thụ dục lạc? Là loại người hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp chứ không phải phi pháp mà tìm cầu tài vật,… *cho đến* chẳng mong đời sau sinh lên cõi trời. Ta gọi đó là hạng trung bình thứ hai hưởng thụ dục lạc.

– Thế nào là hạng người, Ta nói hơn người, trong hưởng thụ dục lạc? Là loại người đúng pháp tìm cầu tài vật,… *cho đến* đời sau sinh lên cõi trời. Ta gọi đó là hạng hơn người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

– Thế nào là ba hạng người tự làm khổ chính mình? Đó là khổ phi pháp, bất chính, phi nghĩa lợi, vô ích. Có một hạng người tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu mới phạm giới, ô nhiễm giới, họ tu đủ cách khổ hạnh, nỗ lực tinh tấn trụ ở một chỗ, nhưng trong đời hiện tại họ chẳng thể xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Này thôn trưởng, đó gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

– Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh cũng chẳng nhờ vậy mà ngay trong hiện tại xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

– Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh tinh tấn, mà ngay trong hiện tại chỉ chút ít[37] xa lìa được nhiệt não bức bách, được pháp hơn người, trụ vào an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

– Này thôn trưởng, Ta không nói tất cả những người tự mình làm khổ bằng cách sống khắc khổ đều giống nhau, mà Ta đã nói trong những kẻ tự làm khổ, có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

– Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng thua kém? Tự làm khổ, ban đầu mới phạm giới, mới làm ô nhiễm giới,… *cho đến* chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ an lạc. Ta nói đó là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém.

– Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng trung bình? Tự làm khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,… *cho đến* chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng trung.

– Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng hơn người? Tự làm khổ, bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chẳng phạm

---

[37] Nguyên bản: bất đắc, trùng với loại tự khổ thứ hai. Theo văn ý, nên sửa lại là thiểu đắc, có thể đạt được một ít. Bản Pāli, có ba hạng khổ hành, sống khắc khổ (tapassī lūkhajīvī): 1. Tự hành khổ nhưng không chứng thiện pháp, không đắc pháp thượng nhân, không nhập Thánh trí thù thắng. 2. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, nhưng không đắc pháp thượng nhân và Thánh trí. 3. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, đắc pháp thượng nhân và Thánh trí thù thắng.

giới, chẳng ô nhiễm giới,… *cho đến* được chút ít tri kiến thắng diệu, trụ an lạc. Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng hơn người.

– Này thôn trưởng, đó là ba hạng người tự làm khổ mình. Sự khổ này phi pháp, không chân chánh, không nghĩa lợi, không hữu ích gì.

– Này thôn trưởng, có đạo lộ, có sự thực hành đưa[38] đến ba hạng phương tiện tùy thuộc hưởng thụ dục lạc, của hàng phàm phu dung thường, thấp kém hèn hạ; đưa đến phương tiện tự làm khổ chính mình; mà sự khổ này phi pháp, không chân chánh, không nghĩa lợi, không hữu ích gì.

– Thế nào là đạo lộ, sự thực hành đưa đến phương tiện hưởng thọ dục lạc, tự làm khổ chính mình?

– Này thôn trưởng, do bị dục tham làm chướng ngại, hoặc tự muốn hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Vì bị sân nhuế, ngu si làm chướng ngại, hoặc tự muốn hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Nếu xa lìa chướng ngại của dục tham, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn thọ hỷ lạc. Cũng vậy nếu xa lìa chướng ngại của sân nhuế, ngu

---

[38] Bản Cao ly: bất, chẳng đưa đến. Tống-Nguyên-Minh: thị, đưa đến.

si, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn hưởng hỷ lạc. Ở trong ngay hiện tại xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.

– Này thôn trưởng, như pháp hiện tại này vĩnh viễn xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này duyên tự mình giác tri, đó là tám chi Thánh đạo: Chánh kiến,… *cho đến* chánh định.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Thôn trưởng Vương Đảnh sau khi thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập vào pháp, thoát nghi không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp luật mà được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nay con đã được độ, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay đến hết đời con xin làm Ưu-bà-tắc.

(Tạp A-hàm – 42. Tương Ưng Tụ Lạc Chủ – Kinh 1293. Vương Đảnh[39] – Tr.2211)

---

[39] Đại Chánh, Kinh 912. Tham chiếu pāli (SN 42.12): Chương 42: Tương Ưng Thôn Trưởng – 12. Rāsiya.

12. THAM DỤC LẠI BẦN CÙNG LÀ BẤT HẠNH LỚN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở đời, người có tham dục mà lại bần cùng, phải chăng là sự bất hạnh lớn?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu một người có tham dục, lại bần cùng, lại mang nợ tài vật của người khác. Ở đời, người mang nợ tài vật của người khác, phải chăng là đại bất hạnh?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Nếu một người có tham dục, mang nợ tài vật của người khác mà không trả đúng hạn được, cứ hẹn rày, hẹn mai. Ở đời, cứ khất nợ mãi, phải chăng là đại bất hạnh?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu một người có tham dục, cứ khất nợ mãi không trả được, chủ nợ đến đòi, Ở đời bị chủ nợ đòi, phải chăng là đại bất hạnh?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Nếu chủ nợ đến đòi, mà người có tham dục kia không thể trả được, chủ nợ cứ đến đòi mãi. Ở đời bị chủ nợ đòi mãi, phải chăng là đại bất hạnh?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Nếu chủ nợ cứ đòi mãi, nhưng kẻ tham dục kia vẫn không thể trả được, liền bị chủ nợ bắt trói lại. Ở đời bị chủ nợ bắt trói lại, phải chăng là đại bất hạnh".

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Đó là, ở đời, người có tham dục lại bần cùng là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác mà khất mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ bắt trói là đại bất hạnh. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có

nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi đó là sự bần cùng, bất thiện.

– Kẻ ấy thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện.

– Kẻ ấy muốn che giấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải. Muốn che giấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khất nợ bất thiện.

– Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các đồng phạm hạnh thấy được bèn nói như thế này: "Này chư Hiền, người này làm như thế, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế. Đó là cái gai của thôn ấp." Kẻ ấy liền bào chữa, "Này chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp." Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện.

– Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ vắng vẻ, nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: dục, nhuế, hại. Như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không ngớt đòi nợ bất thiện.

– Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sinh vào chỗ ác, sinh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện.

– Ta không thấy có sự trói buộc nào đau khổ bằng, nặng nề bằng, tàn khốc bằng, khó yêu nổi bằng sự trói buộc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhổ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sinh.

(Trung A-hàm III – 125. Kinh Bần Cùng[40] – Tr.1232)

13. THẾ NÀO LÀ BIẾT DỤC? (1)

Thế nào là biết dục? Biết dục có năm công đức của dục, khả ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục, rất khả lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý. Thế nào là biết nhân sinh của dục? Biết từ xúc, do xúc nên có dục. Đó là biết nhân sinh của dục từ đâu sinh. Thế nào là biết hữu báo của dục? Tùy theo chủng loại dục mà sinh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đến chỗ có phước, đến chỗ phi phước hay chỗ bất động. Đó là biết hữu báo của dục. Thế nào là biết sự thắng

[40] Tham chiếu pāli (AN 6.45): V. Phẩm Dhammika – (III) (45) Nghèo Khổ.

liệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc, hoặc có dục ham muốn tiếng, hoặc có dục ham muốn hương, hoặc có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc. Đó là biết sự thắng liệt của dục. Thế nào là biết sự diệt tận của dục? Biết xúc diệt, dục liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của dục. Thế nào là biết dục diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết dục diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sinh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo là như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục.

Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp và nghiệp đã tư[41]. Đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sinh của nghiệp? Biết do xúc nên có nghiệp. Đó là biết nhân sinh của nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp? Biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận. Đó là biết nghiệp có quả báo. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp khiến sinh vào địa ngục, có nghiệp khiến sinh vào súc sinh, có nghiệp khiến sinh vào ngạ quỷ, có nghiệp khiến sinh vào cõi trời, hoặc có nghiệp khiến sinh vào cõi người. Đó là

---

[41] Tư nghiệp dĩ tư nghiệp. Pāli: cetanaṃ kamammṃ… crtayitvā kamaṃ katori kāyena vācāya mananā: Nghiệp được tư duy, và nghiệp sau khi tư duy rồi hành động bởi thân, miệng.

biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết nghiệp, biết nhân sinh của nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.

(Trung A-hàm II – 111. Kinh Đạt Phạm Hạnh[42] – Tr.1126)

14. THẾ NÀO LÀ BIẾT DỤC? (2)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tỳ-kheo Ca-ma[43] đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, gọi là dục; thế nào là dục?

Phật bảo Ca-ma:

– Dục là năm công năng của dục. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt, đáng yêu, đáng thích ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi xúc biết (đối tượng) đáng yêu, vừa ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là dục. Nhưng chúng không phải

---

[42] Tham chiếu pāli (AN 6.63): VI. Đại Phẩm – (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch.
[43] Ca-ma. Bản Pāli: Uttiyo.

là dục. Được tham đắm bởi người kia, nó mới được gọi là dục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Năm sắc tạp thế gian,
Tự chúng phi ái dục.
Cái giác tưởng tham dục,
Là dục của con người.
Các sắc thường ở đời,
Hành giả đoạn tâm dục.

Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, có con đường đưa đến đoạn trừ ái dục này không?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Có tám Chánh đạo, có thể đoạn trừ ái dục, đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

(Tạp A-hàm II – 19. Tương Ưng Thánh Đạo – Kinh 720. Ca-ma[44] – Tr.1217)

15. NGŨ DỤC NHƯ BỆNH CÙI

– Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, với con mắt, vị ấy biết sắc khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Một thời

[44] Đại Chánh, Kinh 752. Tham chiếu Pāli (SN 45.30): Chương 45: Tương Ưng Đạo – III: Phẩm Tà Tánh – 30. Uttiya hay Uttika.

gian sau, vị ấy xả bỏ sắc được biết bởi mắt, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Vị ấy thấy, biết như thật về sự tập khởi của sắc được biết bởi mắt, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của sắc ấy, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly sắc dục, bị sự ham muốn sắc nhai nuốt, bị hơi nóng của sắc thiêu đốt; đối với sắc, được biết bởi mắt khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú, do ái, do sắc, mà khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn, cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chăng?

– Dạ không, thưa Cù-đàm.

– Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia cũng vậy đối với tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ xúc được biết bởi thân, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy biết và thấy như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu của xúc, an trú nơi nội tâm tịch tĩnh; vị ấy thấy những người chưa ly xúc, dục, bị sự ham muốn

xúc nhai nuốt, bị hơi nóng của xúc thiêu đốt; đối với xúc được biết bởi thân khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục; sau khi an trụ mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, nếu có lạc thú do ái, do xúc này, thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề đối với người này, ông có nói gì chăng?

– Dạ không, thưa Cù-đàm.

Đức Thế Tôn bảo:

– Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, thấy năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, người ấy xả bỏ năm công đức của dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của năm công đức của dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không

ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chăng?

– Dạ không, thưa Cù-đàm.

– Này Man-nhàn-đề, Ta khi chưa xuất gia học đạo, hưởng thụ năm công đức của dục, dễ được, không khó, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Sau đó Ta xả bỏ năm công đức của dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ta thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất yếu của năm công đức của dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ mà thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với Ta, ông có nói gì chăng?

– Dạ không, thưa Cù-đàm.

Đức Thế Tôn bảo:

– Này Man-nhàn-đề, cũng như cư sĩ, hay con của cư sĩ, rất giàu, của cải vô lượng, nuôi nhiều súc vật, phong

hộ, thực ấp đầy đủ các thứ cần cho sự sống; người ấy hưởng năm công đức của dục, dễ được không khó, lại thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành; lúc chết, không muốn xả bỏ năm công đức của dục; sau khi thân hoại mạng chung, đi đến chỗ thiện; sinh lên cõi trời, hưởng đầy đủ năm công đức của dục. Này Man-nhàn-đề, Thiên vương hoặc Thiên tử ấy có thể xả bỏ năm công đức của dục ở cõi trời mà hoan hỷ hướng đến dục lạc ở nhân gian chăng?

Man-nhàn-đề đáp:

– Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì dục lạc ở nhân gian vốn xú uế, bất tịnh, rất đáng ghê tởm, không thể tưởng tới, vốn não hại, cực khổ. Thưa Cù-đàm, so với dục lạc ở thế gian, dục lạc cõi Trời là tối diệu, tối thắng. Thiên vương hay Thiên tử kia mà xả bỏ năm công đức của dục ở cõi trời để hoan hỷ tưởng đến dục lạc ở thế gian; điều đó không thể xảy ra được.

– Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta đoạn tuyệt dục lạc nhân gian, vượt khỏi dục lạc cõi trời, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục ấy, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, cùng sự xuất yếu của chúng, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với

dục, sau khi an trụ, thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ý ông nghĩ sao, nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, trong khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không thỏa mãn chúng; vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với Ta, ông có nói gì chăng?

– Dạ không, thưa Cù-đàm.

– Này Man-nhàn-đề, cũng như người bị bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụt ghẻ, hơ lên bếp lửa. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu người bị bệnh cùi thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi các mụt, cào rách, rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu trừ bệnh có kết quả, không làm hại các căn, thoát khỏi cùi hủi, thân thể lành mạnh, bình phục như cũ được chăng?

Man-nhàn-đề đáp:

– Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt lở lói hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú.

– Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụt rồi hơ lên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt lở

lói hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú. Này Man-nhàn-đề, cũng như thế, chúng sinh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, chúng sinh ấy, vì chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục, thì chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sinh ấy thì lại lấy ái dục làm sự khoái lạc. Nếu chúng sinh đó không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái, mà là chạy theo dục.

– Này Man-nhàn-đề, cũng như vua và đại thần hưởng năm công đức của dục, dễ được, không khó. Nếu các vị ấy không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể có được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sinh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà chạy theo dục, thì Này Man-nhàn-đề, chúng sinh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho dục ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sinh ấy thì lại lấy dục ái làm sự hoan lạc. Nếu chúng sinh không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, đang an trụ và sẽ an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì

điều ấy không thể xảy ra được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục.

– Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa; có người xót thương, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc nên cho một thứ thuốc hay nào đó. Khi được cho thứ thuốc hay nào đó, trị bệnh có hiệu quả, không làm hư hoại các căn, người bệnh khỏi được bệnh cùi, thân thể tráng kiện, bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nếu thấy ai mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa, này Man-nhàn-đề, thấy vậy, người ấy có hoan hỷ ngợi khen chăng?

Man-nhàn-đề đáp:

– Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì có bệnh mới cần thuốc, chứ không bệnh thì không cần.

– Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người mắc bệnh cùi ấy chữa bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ. Có hai người lực sĩ bắt người ấy hơ lên bếp lửa, người ấy hoảng hốt né tránh vì cảm thấy quá nóng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, bếp lửa bây giờ lại nóng hơn, khiến cho rất khổ, nguy hiểm hơn trước nhiều lắm chăng?

– Dạ không, thưa Cù-đàm. Trước kia, còn mắc bệnh

cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa. Đối với sự khổ bức nóng của lửa, bệnh nhân lại cảm thấy hoan lạc; ấy là do tâm mê loạn mà có ý tưởng điên đảo. Thưa Cù-đàm, trái lại bây giờ trị bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn bình phục như cũ, người ấy đối với sự khổ bức của lửa lại cảm thấy khổ sở, như vậy là do tâm sáng suốt, không có ý tưởng điên đảo.

– Này Man-nhàn-đề, cũng người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa; đối với sự khổ bức của lửa, bệnh nhân lại thấy khoan khoái; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sinh không ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt mà chạy theo dục; những kẻ ấy đối với khổ dục lại có ý tưởng dục lạc; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo.

– Này Man-nhàn-đề, người trị bệnh đã có kết quả, không hư hoại các căn, đã khỏi bệnh ghẻ cùi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ; người ấy đối với sự khổ bức của lửa thì cảm thấy đau khổ; ấy là do tâm yên ổn, không có ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta đối với khổ dục, thì có ý tưởng về khổ dục như thật, không có ý tưởng điên đảo. Vì sao? Này Man-nhàn-đề, vì dục quá khứ là bất tịnh, xấu xa, rất đáng

ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, gây đau khổ; dục vị lai và hiện tại cũng bất tịnh, xấu xa rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, cảm thọ khổ. Cho nên, này Man-nhàn-đề, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là an lạc tối thượng.

Dị học Man-nhàn-đề thưa:

– Thưa Cù-đàm, tôi cũng đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn đức trưởng lão, học Phạm hạnh đã lâu, nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là an lạc tối thượng.

Đức Thế tôn hỏi:

– Nếu ông đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn đức trưởng lão, học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng; thì Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn?

Bấy giờ, Man-nhàn-đề Dị học, đối với thân là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là chẳng phải tự ngã, nhưng lại dùng hai tay xoa bóp mà nói rằng:

– Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn bảo:

– Này Man-nhàn-đề, cũng như người mù bẩm sinh, nghe người có mắt nói rằng: "Trắng tinh, không bẩn!

Trắng tinh, không bẩn!" Nghe như vậy, người mù đi tìm cái trắng tinh. Có người lừa dối, không mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn khoái lạc cho người mù, nên đem chiếc áo cáu ghét nhơ bẩn, đến nói với người mù rằng: "Ông nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không bẩn. Ông hãy cung kính đưa hai tay nhận lấy mà khoác lên thân." Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính thọ nhận, khoác lên thân mà nói rằng: "Trắng tinh, không bẩn! Trắng tinh không bẩn!" Này Man-nhàn-đề, người mù ấy tự mình biết mà nói lên như thế, hay không tự mình biết mà nói lên như thế? Tự mình thấy mà nói lên như thế, hay không tự mình thấy mà nói lên như thế?

Man-nhàn-đề dị đạo đáp:

– Thưa Cù-đàm, người ấy nói như vậy nhưng quả thật không biết, không thấy gì cả.

Đức Thế Tôn nói:

– Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã. Thế mà ông dùng hai tay xoa bóp và nói rằng: "Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn." Này Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, ông còn không biết, há lại thấy biết Niết-bàn, được Niết-bàn chăng? Nói rằng thấy Niết-bàn thì quả không thể được. Này Man-nhàn-đề, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng:

Không bệnh, lợi bậc nhất,
Niết-bàn, lạc tối thượng,
Chỉ con đường Bát chánh,
Đến an ổn cam lồ[45].

– Trong chúng đó nhiều người được nghe bài kệ này. Sau khi số đông những người dị học nghe bài kệ này, liền truyền lại cho nhau, nhưng không hiểu rõ nghĩa lý. Họ đã nghe và muốn tìm cầu giáo nghĩa, họ đều là kẻ ngu si, trở lại tự lừa dối lẫn nhau. Thân bốn đại hiện tại của họ là do cha mẹ sinh ra, được nuôi lớn nhờ ăn uống, che đậy của y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, đó là pháp hủy hoại, là pháp tan rã, nhưng họ thấy là ngã, chấp thủ là ngã, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sinh, duyên nơi sinh nên có già, chết, duyên nơi già, chết nên có buồn rầu, khóc than, lo lắng, khổ sở, áo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sinh.

Khi ấy, Man-nhàn-đề Dị học liền đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn và bạch:

– Bạch Cù-đàm, nay con hoàn toàn tin tưởng Sa-môn Cù-đàm. Mong Cù-đàm thuyết pháp cho con nghe, để con được biết: Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho nghe

---

[45] Hán: cam lồ (lộ). Pāli: amata, cõi bất tử. Cf. Pháp cú 204.

về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công cho Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, ví như người sinh ra đã bị mù, nghe người khác đến nói rằng: "Ông nên biết, đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng." Này Man-nhàn-đề, người mù ấy chỉ nghe người khác nói, có biết đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng chăng?

Man-nhàn-đề đáp:

– Dạ không, thưa Cù-đàm.

– Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho ông nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược thích hợp khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tịnh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: "Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn." Này Man-nhàn-đề, ví như người mù bẩm sinh, có thân nhân mong muốn cho được an ổn, khoái lạc nên tìm cầu thầy chữa mắt. Thầy chữa mắt trị liệu bằng mọi cách, hoặc khiến nôn ra ở trên, hoặc khiến bài tiết ở dưới, hoặc nhỏ thuốc vào lỗ mũi, hoặc rửa ở dưới, hoặc chích ở mạch[46], hoặc khiến chảy nước mắt ra. Này Man-nhàn-đề, giả sử trúng

[46] Mạch, có bản chép là nhãn.

thuốc thì hai mắt được trong sáng. Này Man-nhàn-đề, nếu người ấy hai mắt được trong sáng thì tự mình thấy đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng. Người ấy thấy cái áo cáu ghét dơ bẩn, nên nghĩ rằng: "Người kia là oan gia, từ lâu nó đã đem cái áo cáu ghét mà dối gạt ta." Rồi nó sinh tâm oán ghét. Này Man-nhàn-đề, người ấy có thể sát hại người kia. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược thích hợp, khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: "Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn."

– Này Man-nhàn-đề, có bốn pháp khiến người Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Những gì là bốn? Là thân cận thiện tri thức mà cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành pháp tùy pháp.[47] Này Man-nhàn-đề, ông nên học như vậy. Thân cận thiện tri thức mà cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành pháp tùy pháp. Này Man-nhàn-đề nên học như vậy.

– Này Man-nhàn-đề, ông đã thân cận thiện tri thức mà cung kính thừa sự rồi, liền được nghe thiện pháp; sau khi nghe được thiện pháp sẽ khéo tư duy; sau khi khéo

---

[47] Tham chiếu Pháp uẩn 2, bốn Dự lưu chi: thân cận thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Pāli, D.333 Saṅgīti: cattāri sotāpattiyaṅgāni - suppurisa-saṃsevo, saddhammasavanaṃ, yonisomanasikāro, dhammānudhammapaṭipatti.

tư duy, sẽ thực hành pháp tùy pháp; sau khi thực hành theo pháp tùy pháp rồi, liền biết như thật rằng: Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo.

– Thế nào là biết Khổ như thật? Là biết khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tắng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là biết khổ như thật.

– Thế nào là biết Khổ tập như thật? Biết rằng đây là tham ái dẫn đến tiếp thọ sự hữu trong tương lai, tương ưng với hỷ dục, ước mong đời sống như thế này hay như thế kia. Đó gọi là biết Khổ tập như thật.

– Thế nào là biết Khổ diệt như thật? Biết rằng đây là tham ái dẫn đến tiếp thọ sự hữu trong tương lai, đi đôi với hỷ dục ước mong đời sống như thế này hay như thế kia; tham ái ấy đã diệt tận không còn dư tàn, đã bị đoạn trừ, đã bị xả ly, đã nôn ra hết, không còn tham dục, đã thanh tịnh, đoạn trừ, tĩnh chỉ. Đó gọi là biết Khổ diệt như thật.

– Thế nào là biết Khổ diệt đạo như thật? Là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là biết Khổ diệt đạo như thật.

Sau khi nghe nói pháp này, Dị học Man-nhàn-đề xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sinh. Lúc bấy giờ, Dị học Man-nhàn-đề thấy pháp, đắc pháp, giác chứng

bạch tịnh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn phục tùng ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cho con xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo.

Đức Thế Tôn nói:

– Lành thay! Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy tu hành Phạm hạnh!

Man-nhàn-đề Dị đạo liền xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi Dị học Man-nhàn-đề xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Man-nhàn-đề sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.[48]

(Trung A-hàm III – 153. Kinh Man-nhàn-đề[49] – Tr.1592)

16. SỨC MẠNH CỦA ÁI DỤC

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Ương-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay thông minh, trí huệ, mặt mày xinh đẹp hiếm có trên

---

[48] Hán có lẽ sót một đoạn: Dị đạo hành bốn tháng biệt trú (cattāro māse parivasati) rồi mới cho thọ cụ túc (upasaṃpādeti). Nhưng cũng có trường hợp được miễn (api ca mettha puggalavemattatā viditā).

[49] Tham chiếu pāli (MN 75): Kinh Māgandiya.

đời? Lại tạo hành vi bất thiện gì mà hiện thân này, sát hại chúng sinh vô số kể? Lại tạo công đức gì mà nay gặp Như Lai, đắc quả A-la-hán?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Vào thời quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này,[50] có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Sau khi Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có vua tên Đại Quả thống lĩnh trong nước, cai trị Diêm-phù-đề. Vua ấy có tám vạn bốn ngàn cung nhân thể nữ, nhưng không có con cái. Bấy giờ, vua Đại Quả liền hướng về thần cây, thần núi, mặt trời, mặt trăng, tinh tú không nơi nào là không cầu xin con cái. Sau đó đệ nhất phu nhân của vua mang thai, trải qua tám, chín tháng, sinh được một con trai, tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Lúc ấy, vị vua kia liền tự nghĩ: "Ta trước kia không có con cái, suốt một thời gian như vậy nay mới sinh hài nhi, cần phải đặt tên, để cho nó ở trong ngũ dục mà thụ hưởng."

Vua bèn triệu tập quần thần, những người có thể xem tướng, bảo rằng:

– Nay ta đã sinh hài nhi này, các khanh hãy đặt tên cho.

Những người này nghe vua dạy rồi, liền tâu vua:

– Nay Thái tử này rất kì diệu, xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, ắt sẽ có thế lực lớn, nay nên đặt

[50] Truyện tiền thân của Aṅgulimāla, Pāli, Jataka 537: Mahā-Sutasoma.

tên là Đại Lực.

Sau khi thầy tướng đặt tên cho thái tử rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, quốc vương yêu thương thái tử này, chưa từng rời mắt.

Khi thái tử vừa lên tám tuổi, dẫn theo các người hầu cận đến chỗ phụ vương, hầu hạ thăm hỏi. Vua cha tự nghĩ: "Thái tử này, tự thật là kỳ lạ!" Vua liền bảo thái tử:

– Thế nào, nay ta cưới vợ cho con?

Thái tử tâu vua:

– Nay con còn nhỏ tuổi, cần gì cưới vợ?

Lúc ấy, vua cha tạm đình chỉ không cưới vợ cho. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại nói:

– Ta muốn cưới vợ cho con.

Thái tử tâu vua:

– Con không cần cưới vợ.

Lúc ấy, vua bảo quần thần, nhân dân:

– Ta trước kia không có con cái, qua thời gian rất lâu mới sinh được một đứa con. Nay nó không chịu lấy vợ, thanh tịnh không một tì vết.

Bấy giờ, vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

Khi thái tử Thanh Tịnh đã gần ba mươi tuổi, vua lại bảo quần thần:

–Hiện nay tuổi ta đã suy yếu, không con nào khác; hiện

chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay vương vị cao phải truyền cho thái tử. Nhưng thái tử không thích sống trong năm dục, làm sao xử lí việc nước?

Quần thần đáp:

– Phải tìm cách làm cho thái tử ưa thích năm dục.

Lúc ấy, vua liền cho đánh chuông, kích trống, thông báo với nhân dân trong nước:

– Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.

Bấy giờ, có người nữ tên Dâm Chủng, hiểu rõ sáu mươi bốn biến. Người nữ kia nghe vua có sắc lệnh: "Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu." Cô liền đến chỗ vua cha và tâu:

– Hãy cho tôi ngàn vàng và các vật báu, tôi có thể khiến cho thái tử của vua quen với năm dục.

Vua cha bảo:

– Nếu làm được việc ấy, ta sẽ ban cho gấp đôi; không phụ lời hứa.

Dâm nữ tâu vua:

– Thái tử ngủ ở đâu vậy?

Vua bảo:

– Ở tòa nhà phía Đông, không có nữ nhân. Chỉ có một

người nam làm thị vệ ở đó.

Người nữ tâu:

– Cúi xin Đại vương ra lệnh trong cung cho tôi tùy ý ra vào, không được ngăn cản.

Ngay đêm đó, vào canh hai, dâm nữ ở cạnh cửa phòng thái tử giả bộ cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng khóc người nữ, liền hỏi người hầu:

– Đây là người nào đến đây mà khóc?

Người hầu đáp:

– Đó là người nữ, đang khóc ở cạnh cửa.

Thái tử nói:

– Khanh mau đến chỗ đó, hỏi vì sao khóc?

Người hầu kia liền đến chỗ đó hỏi vì sao khóc. Dâm nữ đáp:

– Bị chồng bỏ, cho nên khóc!

Người hầu trở vào tâu thái tử:

– Người nữ này bị chồng bỏ, lại sợ trộm cướp, cho nên khóc!

Thái tử bảo:

– Dẫn người nữ này để trong chuồng voi.

Đến đó, cô lại vẫn khóc. Thái tử bảo dẫn vào chuồng ngựa, cô lại khóc.

Thái tử lại bảo quan hầu:

– Dẫn đến đây!

Cô liền được dẫn vào nhà. Ở đây cô lại vẫn khóc.

Thái tử đích thân tự hỏi:

– Vì sao lại khóc?

Dâm nữ đáp:

– Thưa thái tử, người nữ một mình yếu đuối, rất là sợ hãi, cho nên khóc.

Thái tử bảo:

– Lên trên giường ta thì không còn sợ nữa.

Lúc ấy, người nữ im lặng không đáp, cũng không còn khóc. Rồi thì, người nữ liền cởi y phục, tới trước nắm tay thái tử đặt lên ngực mình. Cảm giác kinh sợ chỉ trong chốc lát, nhưng rồi dần dần khởi dục tưởng. Khi dục tâm đã khởi thì thân thể đến với nhau.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua cha. Lúc ấy, vua cha từ xa trông thấy nhan sắc thái tử khác với ngày thường, liền nói:

– Những điều mà con muốn, đã kết quả rồi sao?

Thái tử đáp:

– Đúng như Đại vương nói.

Lúc này, vua cha vui mừng hớn hở, không xiết kể, bèn nói:

– Con muốn cầu mong gì, ta sẽ ban cho?

Thái tử nói:

– Những gì cha đã muốn ban, đừng có hối tiếc lại, thì con sẽ xin theo ước nguyện của mình!

Thời vua bảo:

– Như những gì con đã nói, cha quyết không hối tiếc. Con muốn cầu ước nguyện gì?

Thái tử tâu vua:

– Ngày nay, Phụ vương thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề, tự do với mọi thứ. Vậy xin hãy đem hết tất cả những cô gái chưa chồng trong cõi Diêm-phù-đề, trước về nhà ta, sau đó cho lấy chồng.

Lúc ấy, vua bảo:

– Ta sẽ làm theo lời con.

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

– Ai có con gái chưa gả chồng, trước đưa đến cho thái tử Thanh Tịnh, rồi sau đó mới gả chồng.

Bấy giờ, trong thành kia có một người nữ tên Tu-man, đến lượt phải đến chỗ vua. Lúc ấy, con gái trưởng giả Tu-man, để thân thể trần truồng, đi chân không giữa đám đông người, cũng không hề hổ thẹn. Mọi người thấy vậy, nói với nhau:

– Đây là con gái trưởng giả, tiếng đồn khắp nơi, vì sao lại trần truồng đi giữa chốn đông người như con lừa không khác?

Người nữ nói với mọi người:

– Tôi chẳng phải là con lừa. Những người các ngươi mới là con lừa. Các người có thấy người nữ nào gặp người nữ mà lại mắc cỡ? Mọi người trong thành đều là người nữ, chỉ có thái tử Thanh tịnh là người nam thôi. Nếu tôi đến cửa thái tử Thanh Tịnh thì tôi mới mặc quần áo.

Lúc này, nhân dân trong thành cùng bàn nhau:

– Những điều cô này nói thật đúng ý chúng ta. Chúng ta đúng là nữ, chẳng phải nam. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là nam. Hôm nay chúng ta phải thực hiện pháp người nam.

Rồi nhân dân trong thành sắm sửa vũ khí, mặc giáp, mang gậy, đến chỗ vua cha, tâu với vua cha:

– Chúng tôi có hai lời nguyện, xin vua chấp nhận.

Vua hỏi:

– Hai lời nguyện gì?

Nhân dân tâu vua:

– Vua muốn sống thì hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Muốn thái tử sống thì chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không chịu phụng sự thái tử Thanh Tịnh, vì nhục cho phép thường của nước.

Lúc ấy, vua cha liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người.
Vì thôn, mất một nhà.
Vì nước, mất một thôn.
Vì thân, mất thế gian.

Vua nói bài kệ này rồi, bảo nhân dân:

– Nay chính đã đúng lúc! Tùy ý các khanh.

Bấy giờ, mọi người liền bắt trói hai tay thái tử Thanh Tịnh, dẫn ra bên ngoài thành, họ nói với nhau rằng:

– Chúng ta tất cả đều cùng dùng gạch đá đập chết. Cần gì một người giết!

Khi thái tử Thanh Tịnh sắp chết, tự nói lên lời thề nguyền: "Những người dân này bắt ta giết uổng. Nhưng vua cha đã tự cho ta nguyện này. Nay ta chịu chết cũng không dám từ. Mong đời tương lai, ta sẽ báo oán này, và lại mong gặp A-la-hán chân nhân để sớm được giải thoát."

Nhân dân bắt giết thái tử rồi, tự giải tán.

– Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ nghĩ vua Đại Quả lúc ấy há người nào khác, mà nay chính là thầy của Ương-quật-ma. Dâm nữ lúc ấy nay chính là vợ của ông thầy ấy. Nhân dân lúc ấy nay là tám vạn người bị giết chết. Thái tử Thanh Tịnh lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Khi sắp chết, đã phát thệ nguyện này, nên nay báo oán hoàn trả không thoát được. Vì nhân duyên này, nên giết hại vô số. Sau đó, nguyện gặp Phật, nên nay được giải

thoát, thành A-la-hán. Đó là ý nghĩa của việc này, hãy nhớ mà phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm II – 38. Phẩm Lực – Kinh số 6[51] – Tr.503)

17. LÌA DỤC THOÁT KHỎI GIÀ, BỆNH, CHẾT

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Đối với mắt mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể vượt qua khổ của sinh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể vượt qua khổ của sinh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua cái khổ của sinh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua cái khổ của sinh, già, bệnh, chết.

(Tạp A-hàm I – 4. Tương Ưng Sáu Xứ – 195. Bất Ly Dục (2)[52] – Tr.379)

18. BÁT MẬT VÀ SẮC ĐẸP

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên Nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các sắc đẹp thế gian; người có sắc đẹp thế gian có thể khiến cho mọi người tụ tập lại để ngắm nhìn chăng?

---

[51] Tham chiếu pāli (MN 86): Kinh Aṅgulimāla.
[52] Đại Chánh, Kinh 193.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian, lại có thể múa hát ca nhạc, có càng làm cho mọi người tụ tập lại để xem không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, có vậy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hoặc có sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian mà ở một chỗ múa hát, ca nhạc, diễn trò, lại có đám đông tụ tập lại một nơi. Nếu có người không ngu, không si, ham vui, chán khổ, tham sống, sợ chết. Có người khác bảo nó rằng: "Người đàn ông kia, ngươi hãy bưng bát dầu đầy này, đi qua giữa người đẹp thế gian và đám đông. Ta sai một kẻ giỏi giết người cầm đao theo sau. Nếu ngươi làm rơi đi một giọt dầu, sẽ bị chém chết liền." Thế nào, Tỳ-kheo, người bưng bát dầu này có thể không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ giết người mà chỉ nhìn xem kỹ nữ và mọi người kia chăng?

Các Tỳ-kheo, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, không thể! Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người này tự thấy ở sau mình có người cầm đao, nên lúc nào cũng nghĩ rằng: "Nếu ta làm rơi đi một giọt dầu, tên

đao phủ kia sẽ chém đầu ta." Nên chỉ để hết tâm chú ý vào bát dầu, bước đi chậm rãi giữa mọi người và sắc đẹp thế gian mà không dám liếc ngó quay nhìn.

– Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn và Bà-la-môn nào thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp,[53] trụ nơi thân niệm xứ, đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy.

– Thế nào là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng lại như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Chuyên tâm chánh niệm,
Giữ gìn bát dầu;
Tự tâm theo giữ,
Chưa từng tới đó.

---

[53] Hán: chánh thân tự trọng. Pāli: bahūlikatā yānikatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā susamāraddhā, (bốn niệm xứ) được tu tập nhiều, được làm thành như cỗ xe, làm thành như nền đất, được thể nghiệm, được tích lũy, được khéo sách tiến.

Rất khó vượt qua,
Vi tế thắng diệu;
Những gì Phật dạy,
Là lời gươm bén.
Hãy chuyên nhất tâm,
Chuyên tinh gìn giữ;
Không phải là việc;
Buông lung người đời.
Như vậy thâm nhập,
Giáo không buông lung.

(Tạp A-hàm II – 15. Tương Ưng Niệm Xứ – Kinh 593. Thế Gian[54] – Tr.1087)

19. QUÁN SÁT TÂM CÓ DỤC TƯỞNG HAY KHÔNG?

Một thời, Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà trong thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo a-lan-nhã[55], hoặc ở giữa đất trống, trong rừng, dưới bóng cây, nên học như vầy: Quay vào bên trong mà tư duy, quán sát, tự biết trong tâm còn có dục tưởng không? Nếu không tự biết được, ở nơi cảnh giới hoặc ở nơi tịnh tướng, ở đó sẽ có ái dục khởi lên, trái với hạnh

---

[54] Đại Chánh, Kinh 623. Tham chiếu pāli (SN 47.20): Chương 47: Tương Ưng Niệm Xứ – II: Phẩm Nālanda – Kinh Cô Gái Hoa Hậu Của Quốc Độ.
[55] Pāli: araññaka-bhikkhu, Tỳ-kheo sống trong rừng.

viễn ly. Giống như người dùng sức chèo thuyền nghịch dòng đi lên, thân nếu hơi mệt mỏi, biếng nhác, thuyền quay trở lại, xuôi dòng đi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tư duy tịnh tướng, trở lại sinh ra ái dục, trái với hạnh viễn ly. Tỳ-kheo này tu học, tu phương tiện thấp kém, hành không thuần tịnh. Vì vậy lại bị ái dục cuốn trôi, không được pháp lực, tâm không tĩnh lặng, tâm không chuyên nhất; đối với tịnh tướng kia theo đó mà sinh ái dục, trôi nổi lăn lóc, trái với hạnh viễn ly. Nên biết, Tỳ-kheo này, không dám tự xác nhận là đối với năm phẩm chất của dục mà ly dục, giải thoát.

– Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi đất trống, trong rừng hoặc dưới bóng cây, tư duy như vầy: "Trong nội tâm ta đã ly dục chưa?" Tỳ-kheo này sẽ ở nơi cảnh giới hoặc tiếp nhận tịnh tướng, mà biết tâm mình đã xa lìa tướng ấy, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy. Giống như lông chim vào lửa thì bị quắn lại, không giãn nở ra. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào, hoặc tiếp nhận tịnh tướng mà tùy thuận viễn ly, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy.

– Tỳ-kheo, nên biết như vầy, đối với phương tiện thực hành tâm không biếng nhác, chứng đắc pháp, tịch tĩnh, tĩnh chỉ, an ổn, khoái lạc, thuần tịnh nhất tâm, và tự nói: "Ta sau khi tư duy, đối với tịnh tướng mà tùy thuận viễn ly, tùy thuận tu đạo, có thể tự xác nhận, đối với năm phẩm chất của dục, đã ly dục giải thoát."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo

sau khi nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ, phụng hành.

(Tạp A-hàm II – 9. Tương Ưng Xá-lợi-phất – Kinh 492. Thừa Thuyền Nghịch Lưu[56] – Tr.908)

[56] Đại Chánh, Kinh 493.

CHƯƠNG 11

CÁC HẠNG NGƯỜI

1. BỐN HẠNG NGƯỜI OAN GIA

– Có bốn hạng kẻ thù mà như người thân, ngươi nên biết. Bốn kẻ ấy là những ai? Một, hạng úy phục; hai, hạng mỹ ngôn; ba, hạng kính thuận; bốn, hạng ác hữu.

1. – Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc: một, cho trước đoạt lại sau; hai, cho ít mong trả nhiều; ba, vì sợ gượng làm thân; bốn, vì lợi gượng làm thân.

2. – Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc: một, lành dữ đều chiều theo; hai, gặp hoạn nạn thì xa lánh; ba, ngăn cản những điều hay; bốn, thấy gặp nguy tìm cách đun đẩy.

3. – Hạng kính thuận thì thường làm bốn việc: một, việc trước dối trá; hai, việc sau dối trá; ba, việc hiện dối trá; bốn, thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt.

4. – Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc: một, bạn lúc uống rượu; hai, bạn lúc đánh bạc; ba, bạn lúc dâm dật; bốn, bạn lúc ca vũ.

(Trường A-hàm I – 16. Kinh Thiện Sinh – Tr.480)

2. BỐN HẠNG NGƯỜI THÂN ĐÁNG THÂN

– Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn? Một, ngăn làm việc quấy; hai, thương yêu; ba, giúp đỡ; bốn, đồng sự. Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận.

1. – Này Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở: thấy người làm ác thì hay ngăn cản, chỉ bày điều chánh trực, có lòng thương tưởng, chỉ đường sinh Thiên. Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

2. – Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc: Mừng khi mình được lợi, lo khi mình gặp hại, ngợi khen đức tốt mình, thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản. Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

3. – Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là: che chở mình khỏi buông lung, che chở mình khỏi hao tài vì buông lung, che chở mình khỏi sợ hãi, khuyên bảo mình trong chỗ vắng người.

4. – Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc: không tiếc thân mạng với bạn, không tiếc của cải với bạn, cứu giúp bạn khỏi sợ hãi, khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người.

(Trường A-hàm I – 16. Kinh Thiện Sinh – Tr.481)

3. BỐN LOẠI XOÀI GIỐNG BỐN LOẠI NGƯỜI

1. – Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát

sinh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Ấy là, nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sinh về nơi đó[1]. Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhân này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải được thọ báo ở chốn lành; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện[2] tương ưng với chánh kiến; kia nhờ nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

2. – Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. Người ấy do trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, sinh về

[1] Tức sinh về cõi lành.
[2] Tức khi chết với tâm thiện và tâm sở thiện.

nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhân này, duyên này mà thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. Hoặc khi chết sinh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

3. – Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sinh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. Kia do chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. Hoặc khi chết sinh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sinh về nẻo ác, sinh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

4. – Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sinh, từ bỏ

lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Kia nhờ chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sinh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với chánh kiến, kia do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sinh về chốn lành, sinh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

– Lại nữa, có bốn hạng người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có.

– Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài. Hoặc xoài không chín mà giống như chín. Hoặc chín giống như không chín. Hoặc không chín giống như không chín. Hoặc chín giống như chín.

– Cũng vậy A-nan, bốn thứ xoài được thí dụ với người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có.

(Trung A-hàm III – 171. Kinh Đại Nghiệp Phân Biệt[3] – Tr.1814)

---

[3] Tham chiếu Pāli (MN 136): Đại Kinh Nghiệp Phân Biệt.

4. SỨC MẠNH CỦA SÁU HẠNG NGƯỜI

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại sức mạnh phàm thường[4]. Những gì là sáu? Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói. Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày. Quốc vương dùng kiêu ngạo[5] làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện. Song A-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, dùng đại bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sinh.[6]

– Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm II – 38. Phẩm Lực[7] – Kinh số 1 – Tr.481)

---

[4] Pāli: tám loại sức mạnh.

[5] Quyền năng tự tại là sức mạnh của vua chúa (issariyabalā rājāno).

[6] Hai sức mạnh sau Pāli thay bằng: vũ khí là sức mạnh của đạo tặc (āvuddhabalā corā), chê bai là sức mạnh của kẻ ngu (ujjhattibalā bālā), thẩm sát là sức mạnh của kẻ trí (nijjhattibā oaṇḍitā), tư trạch là sức mạnh của đa văn (paṭisaṅkhānabalā bahussutā).

[7] Tham chiếu Pāli (AN 8.27): III. Phẩm Gia Chủ – (VII) (27) Sức Mạnh (1).

5. BỐN HẠNG NGƯỜI KHỔ VUI KHÁC NHAU

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Hoặc có người trước khổ, sau vui; hoặc có người trước vui sau khổ; hoặc có người trước khổ sau khổ; hoặc có người trước vui, sau vui.

– Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có một người sinh nhà ti tiện, hoặc dòng sát nhân[8], hoặc giới thợ thuyền, hoặc sinh nhà tà đạo, cùng các giới bần khổ khác, áo cơm không đủ. Tuy họ sinh vào những nhà đó, nhưng người kia lại không có tà kiến, thấy rằng "Có bố thí, có người nhận, có đời này, có đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cha, có mẹ, đời có A-la-hán, người lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác." Nếu thấy có nhà nào rất giàu, thì họ biết đó nhờ báo đức bố thí, báo không phóng dật ngày xưa. Hoặc họ lại thấy nhà không áo cơm, biết những người này không tạo đức bố thí thường gặp bần tiện. "Nay ta lại gặp bần tiện, không có áo cơm, đều do ngày xưa không tạo phước, mê hoặc người đời, hành pháp phóng dật. Duyên báo ác hạnh này, nay gặp nghèo hèn áo cơm không đủ." Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hướng về sám hối, sửa đổi những việc làm xưa. Nếu có của dư, đem chia cho người.

---

[8] Nên hiểu là sát sinh, đây chỉ lớp tiện dân chiên-đà-la (Pāli, Skt. caṇḍāla), phần lớn làm nghề giết chó, được xem là hung dữ.

Người này sau khi qua đời sinh về xứ thiện, lên trời. Nếu sinh cõi người thì lắm tiền nhiều của báu, không thiếu hụt. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.

– Hạng người nào trước vui sau khổ? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà hào tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng trưởng giả, hoặc nhà dòng họ lớn; hoặc sinh vào các nhà giàu sang, áo cơm đầy đủ. Nhưng người đó thường ôm lòng tà kiến tương ưng cùng biên kiến. Họ thấy như vầy, "Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không có A-la-hán, cũng không có người tác chứng, lại cũng không có báo thiện ác." Người đó có những tà kiến như vậy. Khi thấy nhà giàu sang, họ nghĩ, "Người này lâu nay vẫn có của báu này; người nam đã lâu vẫn là người nam, người nữ đã lâu vẫn là người nữ, súc sinh đã lâu vẫn là súc sinh." Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn vâng giữ giới, người này nổi sân nhuế nghĩ: "Người ấy hư ngụy, nơi nào sẽ có phước báo ứng?" Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, không có áo cơm, thân thể loã lồ, cơm áo thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

– Hạng người nào trước khổ sau khổ? Ở đây, có người sinh vào gia đình bần tiện, hoặc dòng sát nhân, hoặc giới thợ thuyền; hoặc sinh vào những gia đình hạ liệt, không có áo cơm. Nhưng người này thân ôm tà kiến, cùng tương

ưng với biên kiến, nên họ thấy như vầy: "Không bố thí, không có người nhận, cũng không có báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không A-la-hán." Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn, người ấy liền nổi sân nhuế đối với các bậc Hiền thánh. Người này thấy người nghèo thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy người giàu thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy cha, xưa đã là cha; thấy mẹ, xưa đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu sinh cõi người thì rất là nghèo hèn, áo cơm không đủ. Hạng người này gọi là trước khổ sau khổ.

– Thế nào là hạng người trước vui sau vui? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà giàu sang, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng Bà-la-môn, hoặc sinh vào dòng quốc vương, hoặc sinh dòng trưởng giả, cùng sinh vào gia đình lắm tiền nhiều của. Nơi sinh ra không bị thiếu hụt. Người này sinh vào những nhà như vậy, nhưng người này lại có chánh kiến không có tà kiến. Họ có cái thấy này: "Có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng có báo thiện ác, có cha có mẹ, đời có A-la-hán." Người này khi thấy gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của, liền nghĩ thầm: "Người này có được là nhờ ngày xưa bố thí." Hoặc lại thấy nhà nghèo hèn thì nghĩ: "Người này trước kia do không bố thí. Nay ta nên tùy thời bố thí, chớ để sau này sinh nhà nghèo hèn." Vì vậy nên người này thường thích bố thí cho người. Người này nếu

thấy Sa-môn đạo sĩ thì tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh; thảy đều bố thí hết. Nếu sau khi mạng chung tất sinh xứ thiện lên trời. Nếu cõi người tất sinh vào nhà giàu sang, lắm tiền nhiều của. Hạng người này gọi là trước vui sau vui.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Con thấy chúng sinh đời này trước khổ sau vui; hoặc ở đời này có chúng sinh trước vui sau khổ; hoặc ở đời này có chúng sinh trước khổ sau khổ; hoặc có chúng sinh trước vui sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

– Có nhân duyên này, khiến loài chúng sinh trước khổ sau vui; lại cũng có chúng sinh này trước vui sau khổ; lại cũng có chúng sinh này trước khổ sau khổ; lại cũng có chúng sinh này trước vui sau vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lại vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau vui? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước vui sau vui?

Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo nên biết, nếu người sống trăm tuổi. Giả sử đúng mười lần mười như vậy, người ấy sống thọ hết đông, hạ, xuân, thu. Này Tỳ-kheo, người ấy trong một trăm năm tạo các công đức, rồi một trăm năm tạo các ác nghiệp, tạo

các tà kiến. Một thời gian sau, người ấy mùa đông được vui, mùa hạ chịu khổ. Nếu trăm năm công đức đầy đủ chưa từng bị thiếu; rồi ở trong vòng trăm năm nữa, người ấy tạo các tà kiến, tạo hạnh bất thiện; nó trước chịu tội kia, sau thọ phước nọ.

– Nếu lúc nhỏ làm phước, lúc lớn gây tội, thì đời sau lúc nhỏ hưởng phước, lúc lớn chịu tội.

– Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội, thì người ấy khi đời sau trước khổ sau cũng khổ.

– Nếu lại lúc nhỏ tạo các công đức, bố thí phân-đàn[9], (lớn lên cũng tạo các công đức cũng bố thí phân-đàn), thì đời sau người ấy trước vui sau cũng vui.

– Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này trước khổ mà sau vui, cũng do nhân duyên này trước vui mà sau khổ, cũng do nhân duyên này trước khổ sau cũng khổ, cũng do nhân duyên này trước vui sau cũng vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Quả vậy, bạch Thế Tôn, nếu có chúng sinh nào muốn trước vui mà sau cũng vui thì nên hành bố thí để cầu trước vui sau cũng vui.

Thế Tôn bảo:

– Thật vậy, Tỳ-kheo, như những lời ông nói. Nếu có chúng sinh nào muốn thành tựu Niết-bàn, và đạo A-la-

---

[9] Pāli: piṇḍa-dāyaka, người bố thí vật thực.

hán cho đến Phật quả thì ở trong đó phải hành bố thí, tạo công đức.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm II – 29. Phẩm Khổ Lạc – Tr.141)

6. HƯỚNG ĐẾN ÁNH SÁNG

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thắng xe lông chim ra khỏi thành Xá-vệ đến tinh xá Kỳ-hoàn muốn hầu Thế Tôn. Theo pháp thường, các vua có năm thứ nghi trượng. Vua bỏ hết sang một bên, đến trước Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua:

– Đại vương nên biết, thế gian có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Hoặc có người trước tối sau sáng. Hoặc có người trước sáng sau tối. Hoặc có người trước tối sau tối. Hoặc có người trước sáng sau sáng.

1. – Thế nào là người trước tối sau sáng? Ở đây, hoặc có người sinh vào nhà ti tiện, như dòng Chiên-đà-la, dòng hàng thịt, dòng thợ thuyền, hoặc sinh nhà dâm dật, hoặc không mắt, hoặc không chân tay, hoặc thường gót chân trần, hoặc các căn thác loạn. Nhưng thân, miệng hành pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện. Người này gặp Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc trưởng giả, thường niệm lễ bái, không mất thời tiết, đứng dậy nghinh đón, đứng dậy tiễn đưa,

trước cười sau nói, tùy thời cung cấp. Hoặc có lúc, gặp người ăn xin, hay Sa-môn, Bà-la-môn, người đi đường, người nghèo thiếu, nếu có tiền của thì đem giúp cho họ. Nếu không có của cải, người đó đến nhà trưởng giả cầu xin giúp đỡ cho. Hoặc gặp người khác giúp đỡ liền sinh lòng hoan hỷ hớn hở không tự chế. Người thân hành pháp thiện, miệng tu pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện, thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi thiện, trên trời. Giống như có người từ đất lên giường, từ giường lên ngựa, từ ngựa cỡi voi, từ voi vào giảng đường. Do vậy, nay Ta nói, người này trước tối sau sáng. Đại vương, như vậy, người này gọi là trước tối sau sáng.

2. – Thế nào là người trước sáng sau tối? Ở đây, hoặc có người sinh vào gia tộc lớn, hoặc dòng sát-lợi, dòng trưởng giả, dòng Bà-la-môn, nhiều của, nhiều báu vật vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, thuỷ tinh, lưu ly, tôi tớ, nô tì không thể kể hết; voi, ngựa, heo, dê, tất cả đầy đủ. Tướng mạo người này xinh đẹp như màu hoa đào, nhưng người này lại thường ôm lòng tà kiến, tương ưng với biên kiến, có kiến chấp như vầy: "Không có bố thí, không có thọ nhận, không có vật cúng thí cho tiền nhân, cũng không có quả báo thiện ác, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người đắc đạo, đời không A-la-hán đáng thờ kính, đời này đời sau có thể tác chứng." Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người khác bố thí, lòng họ không vui vẻ; những

tạo tác của thân, miệng, ý không quân bình. Do tạo các hành vi phi pháp, người này thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như có người từ giảng đường xuống voi, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường, từ giường xuống đất. Vì thế, nên Ta nói người này như vậy Đại vương, nghĩa là người này trước sáng sau tối.

3. – Thế nào là người từ tối đến tối? Có người sinh nhà ti tiện, hoặc nhà Chiên-đà-la, hoặc nhà hàng thịt, hoặc nhà cùng cực thấp hèn. Người này đã sinh vào đây, có khi các căn ắt không đủ, tướng mạo xấu xí, mà người này lại thường ôm tà kiến, có kiến chấp như vầy: "Không có đời này, đời sau, không Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không người đắc đạo, cũng không A-la-hán đáng thờ kính, cũng không đời này đời sau có tác chứng." Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người đến bố thí, lòng không vui vẻ, những tác hành của thân, miệng, ý không bình đẳng, phỉ báng thánh nhân, hủy nhục Tam tôn. Người đó đã không giúp tự mình bố thí, thấy người khác bố thí, lòng rất sân hận. Vì đã tạo hành sân nhuế, nên thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như người từ tối đến tối, từ lửa bừng đến lửa bừng, bỏ trí tới ngu. Do vậy mà nói, người này có thể gọi là trước tối sau tối. Đại vương nên biết, cho nên gọi người này là từ tối đến tối.

4. – Thế nào là người từ sáng đến sáng? Hoặc có người sinh vào nhà vọng tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc nhà quốc

vương, hoặc nhà đại thần, nhiều của, lắm vật báu không thể kể hết, mà người kia tướng mạo lại xinh đẹp như màu hoa đào, người này thường có chánh kiến, tâm không thác loạn. Người ấy có những chánh kiến này: "Có thí, có phước, có người nhận, có báo quả thiện ác, có đời này đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn." Vả lại, người này, nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn khởi lòng cung kính, vui hiện nhan sắc. Tự thân thường thích bố thí, lại cũng khuyên người khiến thực hành bố thí. Nếu ngày nào bố thí thì lòng thường hớn hở không kiềm chế được. Họ thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, nên thân hoại mạng chung sinh về cõi thiện. Giống như có người từ giảng đường đến giảng đường, từ cung đến cung. Do vậy mà nói, nay Ta nói người này từ sáng đến sáng. Đại vương, đó là thế gian có bốn hạng người này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Vua nên biết, người nghèo
Có tín, thích bố thí;
Gặp Sa-môn, phạm chí,
Cùng những người đáng thí;
Thường đứng dậy đón, tiếp;
Lại khuyên bảo chánh kiến;
Lúc thí, thật vui mừng;
Không trái điều người xin.

Người kia là bạn tốt,
Quyết không làm hạnh ác,

Thường thích hành chánh kiến,
Hay nghĩ cầu pháp thiện.
Đại vương như người kia,
Lúc chết, nơi sinh về,
Quyết sinh trời Đâu-suất.
Trước tối mà sau sáng.

Như người hết sức giàu,
Không tín, hay sân hận,
Lòng tham lam, khiếp nhược,
Tà kiến mà không đổi;
Gặp Sa-môn, phạm chí,
Cùng những người ăn xin,
Thường chửi mắng, nhiếc móc;
Tà kiến, nói không có;
Thấy thí, nổi sân giận;
Không muốn có người thí;
Người kia hành rất tệ,
Tạo mọi nguồn gốc ác.
Những người kia như vậy,
Đến khi mạng sắp chết,
Sẽ sinh vào địa ngục:
Trước sáng mà sau tối.

Như có người bần tiện,
Không tín, hay sân hận;
Tạo mọi hành bất thiện;

Tà kiến không chánh tín;
Nếu gặp vị Sa-môn,
Cùng người đáng thừa sự,
Mà luôn khinh hủy họ;
Xan tham không tín tâm;
Lúc cho mà không vui;

Thấy người cho cũng vậy.
Hành vi người kia làm,
Không dẫn đến an vui.
Những hạng người như vậy,
Cho đến khi mạng chung
Sinh vào trong địa ngục:
Trước tối sau cũng tối.

Như người rất có của;
Có tín, thích bố thí,
Chánh kiến, không niệm quấy,
Thường thích cầu pháp thiện.

Nếu thấy các đạo sĩ,
Những người đáng bố thí,
Đứng dậy cung kính đón,
Học tập theo chánh kiến,
Khi cho thật hòa vui,

Thường niệm tưởng bình đẳng;
Bố thí không tiếc lẫn,

Không trái với lòng người.
Người ấy sống lương thiện,
Không tạo mọi phi pháp.
Nên biết người như vậy,
Đến khi mạng sắp chết
Quyết sinh chỗ tốt lành:
Trước sáng mà sau sáng.

– Cho nên Đại vương, hãy học trước sáng mà sau sáng, chớ nên học trước sáng mà sau tối. Đại vương, nên học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 26. Phẩm Bốn Ý Đoạn – Kinh số 5[10] – Tr.38)

7. SÁNG TỐI

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn chết rồi có sinh trở lại dòng Ba-la-môn hay sinh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?

Phật nói:

– Đại vương, sao được như vậy! Đại vương, nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối; có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người

---

[10] Tham chiếu Pāli (SN 3.21): Chương 3: Tương Ưng Kosala – III: Phẩm Thứ Ba – 21. Người.

từ sáng vào tối; và có một loại người từ sáng vào sáng.

1. – Đại vương, thế nào là loại người từ tối vào tối? Có người sinh vào nhà dòng thấp hèn, như sinh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe, và những nhà làm nghề nghiệp công xảo hạ tiện khác; bần cùng, đoản mạng, hình thể tiều tụy, mà lại hành theo nghề nghiệp thấp kém, làm sai dịch hạ tiện cho người. Đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác. Người từ tối vào tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ tối vào tối.

2. – Thế nào là từ tối vào sáng? Người sinh vào nhà thấp hèn, cho đến làm sai dịch hạ tiện cho người. Đó gọi là tối. Nhưng người ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Do những hành vi này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sinh vào đường lành, được hóa sinh cõi trời. Thí như người lên giường, cỡi ngựa, từ ngựa tiến lên voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là người từ tối vào sáng.

3. – Thế nào là người từ sáng vào tối? Có người đời sinh vào gia đình giàu sang khoái lạc như nhà dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, nhà dòng lớn trưởng giả, cùng sinh vào những gia đình giàu có khoái lạc khác, có nhiều tiền bạc, của cải, nô tỳ, người sai khiến, nhóm họp

nhiều người thân quen, thân thể xinh đẹp, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, nó sinh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, rơi xuống cỡi voi lớn, xuống voi lớn cỡi ngựa, xuống ngựa đi xe, xuống xe ngồi giường, xuống giường đi đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối lại cũng như vậy.

4. – Thế nào là có người từ sáng vào sáng? Có người sinh vào nhà giàu sang vui vẻ,... *cho đến* hình tướng xinh đẹp. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, nó sinh lên đường lành, được hóa thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán;... *cho đến* từ giường đến giường, người từ sáng vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ sáng vào sáng.

(Tạp A-hàm III – 33. Tương Ưng Câu-tát -la – Kinh 1046. Sáng Tối[11] – Tr.1739)

8. BẢY HẠNG NGƯỜI VÍ DỤ VỀ NƯỚC

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

[11] Đại Chánh, Kinh 1146. Tham chiếu Pāli (SN 3.21): Chương 3: Tương Ưng Kosala – III: Phẩm Thứ Ba – 21. Người.

– Ta sẽ giảng cho các ngươi nghe về bảy hạng người ở dưới nước. Các ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ!

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ngoi lên khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ.

– Cũng vậy, Ta sẽ giảng cho các ngươi nghe về bảy hạng người như ví dụ về nước. Các ngươi hãy lắng nghe, và khéo suy nghĩ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

– Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi

lội qua. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là Bà-la-môn đứng trên bờ. Đó là Ta nói vắn tắt về bảy hạng người theo ví dụ về nước. Như đã nói, đã giảng giải trên, các ngươi có biết ý nghĩa gì? Phân biệt gì? Có nhân duyên gì?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

– Thế Tôn là gốc của pháp. Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn nói ra, để chúng con sau khi nghe rồi sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa.

Phật dạy:

– Các ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các ngươi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

1. – Thế nào là hạng người nằm mãi? Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ sinh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lĩm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy.

2. – Thế nào là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi chìm lại? Đó là người đã làm trỗi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ngoi lên rồi chìm lại. Như người chìm trong nước, đã ngoi lên được rồi lại chìm. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ hai của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

3. – Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ? Đó là người đã trỗi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi trụ. Như người chìm trong nước, ngoi lên khỏi nước rồi trụ. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ ba của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

4. – Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh? Đó là người làm trỗi dậy tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất, trụ trong thiện pháp, biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết

đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sinh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng, rồi chứng đắc biên tế của sự khổ. Đó là hạng người ngoi lên rồi lại trụ, trụ rồi nhìn quanh. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

5. – Thế nào là người ra rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi, ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si vơi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

6. – Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp,

trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, nghi. Năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sinh vào cõi ấy, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua, lội qua rồi đến bờ bên kia. Như người chìm trong nước ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

7. – Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người Bà-la-môn đứng trên bờ? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Đó là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh,

nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vị Bà-la-môn đứng trên bờ. Như người chìm trong nước, ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

(Trung A-hàm I – 4. Kinh Thủy Dụ[12] – Tr.34)

9. BẢY DỤ VỀ NƯỚC

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay ta sẽ nói bảy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

– Sao gọi là bảy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người nổi lên khỏi nước rồi nhìn; lại có người nổi lên khỏi nước rồi trụ; có người bơi đi trong nước; có người nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia. Này các Tỳ-kheo, đó

[12] Tham chiếu Pāli (AN 7.15): II. Phẩm Tùy Miên – (V) (15) Ví Dụ Nước.

gọi là bảy sự thí dụ về nước xuất hiện ở đời.

1. – Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

2. – Sao gọi là người nào nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

3. – Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn ? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sinh vào A-tu-la. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.

4. – Sao gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh tấn dứt ba kết sử, không thối chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ.

5. – Sao gọi là người muốn lội khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hổ thẹn, vơi mỏng ba kết sử dâm, nộ, si, trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ. Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

6. – Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc

có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó. Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

7. – Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hổ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

– Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các ngươi. Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ngươi hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới gốc cây, hãy nghĩ đến việc tọa thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.

(Tăng Nhất A-hàm III – 39. Phẩm Đẳng Pháp – Kinh số 3[13] – Tr.17)

10. CÓ MƯỜI HẠNG NGƯỜI HÀNH DỤC

Bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục?

Đức Thế Tôn dạy:

– Này cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục.

---

[13] Tham chiếu Pāli (AN 7.15): II. Phẩm Tùy Miên – (V) (15) Ví Dụ Nước.

Những gì là mười?

1. – Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

2. – Lại nữa, này cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

3. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

4. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ

con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

5. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

6. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, và cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

7. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

8. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu

của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

9. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đắm nhiễm, hệ lụy. Khi đã bị hệ lụy, đắm nhiễm, không thấy được tai hoạn, không biết đến sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

10. – Lại nữa, cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

– Này cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách

phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu; kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.

– Này cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu; kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

– Này cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sinh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

– Cũng như con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này cư sĩ, cũng như vậy, so với các người hành dục khác,

kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

(Trung A-hàm III – 126. Kinh Hành Dục[14] – Tr.1238)

11. BỐN LOẠI NGỰA, BỐN LOẠI NGƯỜI

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Có loại ngựa tốt đóng vào xe làm xe thăng bằng, nhìn thấy bóng roi chạy nhanh, biết cách nhìn những động tác người điều khiển, nhanh chậm, phải trái theo ý người điều khiển. Này Tỳ-kheo, đó là cái đức thứ nhất của con ngựa tốt thế gian.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi mà tự sợ hãi, nhưng nếu dùng roi gậy chạm vào lông đuôi của nó, có thể làm cho nó sợ hãi chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ hai thế gian.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi hay để chạm vào lông da mới có thể theo ý người, mà phải dùng đến roi gậy đánh nhẹ vào da thịt, mới có thể sợ hãi chạy, theo ý người điều khiển, chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ngựa tốt thứ ba.

---

[14] Tham chiếu Pāli (AN 10.91): X. Phẩm Nam Cư Sĩ – (I) (91) Người Hưởng Dục.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi, và chạm vào lông da, hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng dùi sắt đâm vào thân, xuyên suốt qua da, đả thương xương cốt, khi đó ngựa mới kinh hãi kéo xe, trên đường chậm hay nhanh, phải hay trái theo ý người điều khiển. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ tư của thế gian.

– Cũng vậy, trong Chánh Pháp Luật cũng có bốn hàng thiện nam. Những gì là bốn? Hàng thiện nam khi nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị tật bệnh khốn khổ cho đến sắp chết, nghe vậy liền phát sinh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là điều khiển nó được. Đó gọi là hàng thiện nam thứ nhất ở trong Chánh Pháp Luật có khả năng tự điều phục.

– Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử sinh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng phải thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử thì mới sinh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia cần chạm vào lông đuôi của nó, có thể nhanh chóng điều phục theo ý người điều khiển. Đó gọi là hàng thiện nam thứ hai ở trong Chánh Pháp Luật có khả năng tự điều phục.

– Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe, thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì

lão bệnh tử mà sinh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng vì thấy thành ấp chòm xóm có những người quen biết, thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sinh lòng sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt, sau đó mới chịu theo ý điều phục người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam ở trong Chánh Pháp Luật có thể tự điều phục.

– Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác, và những người thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sinh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng chính tự thân bị khổ vì lão bệnh tử mới sinh lòng nhàm tởm sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị đâm vào da thịt thấu xương cốt, sau đó mới chịu theo ý điều phục của người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam thứ tư ở trong Thánh Pháp Luật có thể tự điều phục.

(Tạp A-hàm III – Tương Ưng Mã – Kinh 1303. Tiên Ảnh[15] – Tr.2244)

12. BỐN HẠNG NGƯỜI CẤU UẾ VÀ KHÔNG CẤU UẾ

Một thời, Đức Phật đến Bà-kì-sấu, ở trong núi Ngạc, rừng Bố, vườn Lộc Dã.

Bốn hạng người

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

---

[15] Đại Chánh, Kinh 922. Tham chiếu Pāli (AN 4.113): XII. Phẩm Kesi – (III) (113) Gậy Thúc Ngựa.

– Này chư Hiền, thế gian có bốn hạng người. Những gì là bốn? Hoặc có một hạng người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cấu uế. Hoặc có một hạng người bên trong thật có cấu uế nhưng tự biết, biết như thật bên trong có cấu uế. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có cấu uế mà không tự biết, không tự biết bên trong thật không có cấu uế. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có cấu uế và tự biết, biết như thật bên trong thật không có cấu uế.

– Chư Hiền, ở đây hạng người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cấu uế, hạng ấy tối hạ tiện trong các hạng người.

– Ở đây hạng người bên trong thật có cấu uế nhưng tự biết như thật, biết như thật bên trong thật có cấu uế, hạng ấy tối thắng trong các hạng người.

– Ở đây hạng người bên trong thật không có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật không có cấu uế, hạng ấy tối hạ tiện trong các hạng người.

– Ở đây hạng người bên trong thật không có cấu uế mà tự biết, biết như thật bên trong thật không có cấu uế, thì trong loài người, đây là hạng tối thắng.

Bình giá

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

– Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có cấu uế làm bẩn tâm, mà một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng? Và do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người sau không có cấu uế, không làm bẩn tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng?

Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời vị Tỳ-kheo kia rằng:

1. – Hiền giả, một người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có cấu uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ cấu uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học. Người ấy khi mạng chung, với cấu uế làm bẩn tâm, do mạng chung với cấu uế làm bẩn tâm, nó chết không an lành, sinh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Vì người ấy do mạng chung với cấu uế làm bẩn tâm.

– Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bẩn làm bẩn. Người ấy mang về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm nên đồng càng dính thêm bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, một người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có cấu uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ cấu uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học, nó mạng chung với sự cấu uế làm bẩn tâm. Do mạng chung với sự cấu uế làm bẩn tâm, nó chết không an lành,

sinh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Bởi vì nó mạng chung với cấu uế làm bẩn tâm.

2. – Này Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: "Trong ta có cấu uế, trong ta quả thật có cấu uế này," thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ cấu uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có cấu uế, không làm bẩn tâm. Do mạng chung không có cấu uế, không làm bẩn tâm, người ấy chết an lành, sinh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có cấu uế, không làm bẩn tâm.

– Này Hiền giả, cũng như có người từ chợ, quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bặm làm dơ bẩn. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi bặm, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: "Trong ta có cấu uế; trong ta quả thật có cấu uế này," thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ cấu uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có cấu uế, không làm bẩn tâm. Do mạng chung không có cấu uế, không làm bẩn tâm, người ấy chết an lành, sinh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có cấu uế, không làm bẩn tâm.

3. – Hiền giả, nếu một người không biết như thật rằng: "Trong ta không có cấu uế; trong ta quả thật không có cấu uế này," thì nên biết, người ấy không giữ gìn được những

pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với cấu uế làm bẩn tâm. Do mạng chung với dục tâm, với cấu uế làm bẩn tâm, nó chết không an lành, sinh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với cấu uế làm bẩn tâm.

– Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng không có bụi bẩn. Người ấy mang mâm về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: "Trong ta không có cấu uế; trong ta thật không có cấu uế này," thì nên biết, người kia không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với cấu uế làm bẩn tâm. Nó chết không an lành, sinh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với cấu uế làm bẩn tâm.

4. – Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: "Trong ta không có cấu uế; trong ta quả thật không có cấu uế này," thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có cấu uế,

không làm bẩn tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bẩn tâm, người ấy chết an lành, sinh vào nẻo thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bẩn tâm.

– Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng không có bụi bẩn, sạch bóng. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: "Trong ta không có cấu uế; trong ta quả thật không có cấu uế này," thì nên biết người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bẩn tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bẩn tâm, người ấy chết an lành, sinh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bẩn tâm.

– Hiền giả, do nhân này, duyên này mà hai hạng người trước mặc dù đều có cấu uế làm bẩn tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng. Và cũng do nhân này, duyên này mà hai hạng người sau mặc dù đều không có cấu uế, không làm bẩn tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một

người được coi là tối thắng.

Cấu uế

Bấy giờ lại có một thầy Tỳ-kheo khác, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, bạch rằng:

– Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài nói cấu uế; những gì là cấu uế?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp rằng:

1. – Này Hiền giả, vô lượng pháp ác bất thiện từ dục mà sinh, đó là cấu uế. Vì sao? Giả sử có một người mà tâm sinh ước muốn như vầy, "Ta đã phạm giới, mong rằng người khác đừng biết ta phạm giới." Hiền giả, nhưng có người khác biết nó phạm giới. Bởi vì người khác biết nó phạm giới, nên nó tâm sinh ác[16]. Nếu với người ấy mà tâm phát sinh ác, tâm phát sinh dục, cả hai đều là bất thiện[17].

– Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy, "Ta đã phạm giới, mong người khác chỉ trích ta ở chỗ kín đáo, chứ đừng chỉ trích ta phạm giới ở giữa đại chúng." Hiền giả, nhưng có người khác chỉ trích nó ở giữa đại chúng chứ không ở chỗ kín đáo. Do bởi người khác quở trách nó ở giữa đại chúng, chứ không ở chỗ kín đáo,

---

[16] Pāli: so kupito hoti appatīto, nó phẫn nộ và bất mãn.

[17] Pāli: kopo yo ca appaccayo ubhayam etaṃ aṅgaṇaṃ, phẫn nộ và bất mãn, cả hai cái này là cấu uế.

nên nó sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục cả hai đều là bất thiện.

2. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy, "Ta đã phạm giới, mong rằng bị người hơn mình trách mắng, chứ đừng bị người kém mình trách mắng ta phạm giới." Này Hiền giả, nhưng người kém nó chứ không phải người hơn, trách mắng nó phạm giới. Do bị người kém mình chứ không phải người hơn trách mắng, nên tâm sinh ác. Nếu người ấy tâm sinh ác và tâm sinh dục thì cả hai đều là bất thiện.

3. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Mong rằng ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Do vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

4. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau ta mà vào làng, đừng có một Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo vào làng đi trước

nhất, và các Tỳ-kheo đi theo sau mà vào." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất, và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy để vào làng. Do bởi có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau để vào làng, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

5. – Hiền giả, giả sử có người tâm sinh ước muốn như vầy, "Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, mong rằng ta ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo đã vào trong lại ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Do bởi có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

6. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Các Tỳ-kheo ăn xong, sau khi thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; đừng có Tỳ-kheo nào khác sau khi các Tỳ-kheo ăn xong thu dọn đồ ăn, lau rửa

rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, sau khi Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Do bởi có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

7. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Khi các cư sĩ đi đến chúng viên[18], mong rằng ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên mà cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến chúng viên, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Do bởi có Tỳ-kheo khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

8. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Mong rằng ta được Vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng." Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác được vua

---

[18] Tăng-già-lam (saṅghārāma), tăng viện. Pāli: ārāmagatānaṃ bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyyaṃ, mong ta thuyết pháp cho các Tỳ-kheo tập họp tại tinh xá.

biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng. Do bởi có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

9. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Do bởi có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

10. – Hiền giả, giả sử có người sinh tâm ước muốn như vầy: "Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do bởi có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như: quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, nên người ấy sinh tâm ác. Người ấy sinh tâm ác và sinh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

11. – Này Hiền giả, như vậy nếu có các đồng phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sinh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, nên mặc dù người ấy như thế không phải Sa-môn nhưng các vị tưởng là Sa-môn, không phải là Sa-môn có trí mà tưởng là Sa-môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Hiền giả, người ấy như vậy mà nếu các đồng phạm hạnh có trí, do biết người ấy sinh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, người ấy như thế không phải Sa-môn thì không cho là Sa-môn, không phải là Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

– Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua một cái mâm đồng đựng đầy phẩn bên trong, có nắp đậy phía trên, rồi bưng đi. Qua các phố xá, gần chỗ đông người qua lại; những người kia thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý rất ưa thích, không chán ghét và nghĩ lầm cái mâm đồng là sạch. Người ấy bưng mâm đồng đi rồi dừng chân tại một chỗ nào đó và giở nó ra. Mọi người thấy vậy đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, rất chán ghét và cho là đồ bất tịnh. Dù cho người đã muốn ăn cũng không thèm dùng, huống chi người vốn không muốn ăn. Hiền giả, cũng vậy,

người ấy như vậy, nếu các phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sinh tâm ham muốn vô lượng bất thiện như vậy, nên mặc dù người ấy như thế, không phải Sa-môn mà các vị kia cứ tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không phải chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải là thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí, do biết người ấy sinh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, nên người ấy như thế không phải là Sa-môn thì các vị kia không cho nó là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

– Này Hiền giả, phải biết, người như vậy không nên gần gũi, không nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào không đáng gần gũi mà gần gũi, không đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái, thì người thân cận cung kính lễ bái ấy lâu dài không được thiện lợi, không được hữu ích, không lợi ích, không an ổn khoái lạc, sinh ra đau khổ buồn lo.

Không Cấu Uế

1. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy: "Ta đã phạm giới, mong người khác đừng biết ta phạm giới." Này Hiền giả, hoặc có người biết người ấy phạm giới, người ấy nhân vì người khác biết mình phạm

giới, không sinh tâm ác. Nếu người ấy không sinh tâm ác, không sinh tâm dục, cả hai đều là thiện.

2. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Ta đã phạm giới, mong người khác chỉ trích ở chỗ kín đáo chứ đừng chỉ trích là ta phạm giới ở giữa đại chúng." Này Hiền giả, hoặc có người khác chỉ trích người ấy ở giữa đại chúng chứ không ở chỗ kín đáo, người ấy nhân vì người khác chỉ trích ở giữa đại chúng chứ không ở chỗ kín đáo, không sinh tâm ác. Nếu người ấy không sinh tâm ác, không sinh tâm dục, cả hai đều là thiện.

3. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Ta đã phạm giới, mong người hơn mình chỉ trích chứ đừng có người không bằng mình chỉ trích ta đã phạm giới." Này Hiền giả, hoặc có người không bằng, chứ không phải người hơn chỉ trích người ấy phạm giới, người ấy nhân vì người không bằng mình chứ không phải người hơn chỉ trích, không sinh tâm ác. Nếu người ấy không sinh tâm ác, không sinh tâm dục, cả hai đều là thiện.

4. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Mong ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe." Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Người ấy nhân vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi

Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, không sinh tâm ác. Nếu người ấy không sinh tâm ác, không sinh tâm dục, cả hai đều là thiện.

5. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Lúc các Tỳ-kheo vào làng mong rằng ta đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau ta để vào, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào đi trước nhất khi các Tỳ-kheo vào trong và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào." Này Hiền giả, khi các Tỳ-kheo vào trong làng, hoặc có Tỳ-kheo khác đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào trong. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau vào trong nhưng không sinh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sinh ác, tâm không sinh dục, cả hai đều là thiện.

6. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, mong ta ngồi trên ghế cao hơn hết, được ngồi chỗ bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất." Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, không sinh tâm ác. Nếu người ấy không sinh tâm ác, không sinh tâm dục, cả hai đều là thiện.

7. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn

như vầy, "Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đừng có Tỳ-kheo nào khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ." Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, nhưng không sinh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sinh tâm ác, tâm không sinh dục, cả hai đều là thiện.

8. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Khi các cư sĩ đi đến chúng viên, mong ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, chứ đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ." Này Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, không sinh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sinh ác, tâm không sinh dục, cả hai đều là thiện.

9. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước

muốn như vầy, "Mong ta được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng." Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng, người ấy không sinh tâm ác. Nếu người ấy không sinh tâm ác, không sinh tâm dục, cả hai đều là thiện.

10. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Mong ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng." Này Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, người ấy không sinh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sinh ác, tâm không sinh dục, cả hai đều là thiện.

11. – Hiền giả, giả sử có người không sinh tâm ước muốn như vầy, "Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có

Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang." Này Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, người ấy không sinh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sinh ác, tâm không sinh dục, cả hai đều là thiện.

– Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sinh tâm dục vô lượng thiện[19] như vậy nên người ấy như thế chính là Sa-môn, mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải là Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí, do biết người này sinh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, nên người ấy như vậy chính là Sa-môn, các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

– Này Hiền giả, cũng như có người, hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng đựng

---

[19] Hán: vô lượng thiện tâm dục: ở đây, dục đồng nghĩa với vô lượng thiện tâm. Trong bản Pāli không có khái niệm, nhưng nói (A. i. 31): yassakassaci bhikkhuno ime pāpakā akusalā icchāvarā pahīnā, đối với Tỳ kheo mà cảnh giới của dục, ác bất thiện này được đoạn trừ.

đầy đủ thứ đồ ăn uống trong sạch, ngon lành, đậy nắp lên trên rồi bưng đi. Ngang qua phố xá, gần chỗ đông người qua lại, những người kia thấy được mâm đồng đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, hết sức chán ghét và nghĩ rằng mâm đồng này không trong sạch và nói như vầy, "Phân bẩn kia, hãy đem đi lập tức! Phân bẩn kia, hãy đem đi lập tức!" Người kia bưng mâm đồng đi, rồi dừng chân lại một chỗ và giở nó ra. Sau khi thấy giở ra rồi, những người kia đều muốn ăn, ý hết sức ưa thích, không còn chán ghét và nghĩ rằng đó là đồ trong sạch. Dù cho những người đã không muốn ăn, thấy rồi cũng muốn ăn, huống chi những người đã có ý muốn ăn. Hiền giả, cũng vậy, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí không biết người ấy sinh tâm dục vô lượng thiện như vậy thì người ấy như thế chính là Sa-môn mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải là Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh.

– Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu có đồng phạm hạnh có trí, do biết người này sinh tâm dục vô lượng thiện như vậy nên người ấy như vậy, chính là Sa-môn các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh

thì cho là thanh tịnh.

– Này Hiền giả, phải biết người như vậy nên gần gũi, nên cung kính lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gần gũi, đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái thì người gần gũi, cung kính lễ bái ấy lâu dài được thiện lợi, được hữu ích, an ổn khoái lạc và cũng được không khổ, không buồn lo.

Mục-kiền-liên tán thán

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong chúng, ngài bạch rằng:

– Tôn giả Xá-lợi-phất, nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, ngài cho phép chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, ngài muốn nói thí dụ, xin cứ nói.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch rằng:

– Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi nhớ một thời tôi đến thành Vương Xá, ở trong Nham sơn. Bấy giờ, đêm đã qua, trời vừa sáng, tôi đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá để khất thực, đi đến nhà Vô Y Mãn Tử, trước kia là một thợ xe. Lúc ấy ngang nhà ông lại có một người thợ đang đẽo trục xe. Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, đi đến nhà đó. Rồi Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, thấy người kia đang đục đẽo trục xe, tâm sinh ý nghĩ như vầy, "Nếu người thợ này cầm búa đẽo trục, đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia, như thế thì cái

trục ấy mới tuyệt đẹp." Bấy giờ, người thợ kia đúng như điều suy nghĩ của Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, liền cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia. Khi ấy, Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, hết sức hoan hỷ, nói như thế này:

– Này con ông thợ xe, tâm ông như vậy tức là biết tâm tôi rồi. Vì sao? Vì đúng theo ý nghĩ của tôi, ông cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia.

– Cũng như thế, Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu như có kẻ dua nịnh, dối trá, ganh tị, không tín, giải đãi, không chánh niệm, không chánh trí, không định, không tuệ, tâm nó cuồng mê, không giữ các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt; Tôn giả Xá-lợi-phất vì biết tâm của người ấy nên nói pháp này.

– Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, có tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, giữ gìn các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo thì người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp giống như kẻ đói muốn được ăn, khát muốn được uống, tức thì được ăn và uống như ý vậy.

– Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái Sát-lợi hay con gái Bà-la-môn, cư sĩ, công sư, đoan trang xinh đẹp, tắm rửa sạch sẽ, lấy hương thoa khắp thân thể, mặc áo mới và dùng các thứ anh lạc để trang sức dung nhan. Giả sử có người nghĩ đến nàng ấy, mong cầu sự thiện lợi hữu ích, cầu an ổn khoái lạc cho nàng ấy nên đem tràng hoa

sen xanh, hoặc tràng hoa chiêm-bặc, hoặc tràng hoa tu-ma-na, hoặc tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa đến tặng. Người con gái ấy hoan hỷ nhận cả hai tay, dùng trang sức trên đầu. Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như thế, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, gìn giữ các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo, người ấy được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp, giống như người đói muốn được ăn, người khát muốn được uống thì liền được ăn no, uống như ý vậy.

– Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Tôn giả Xá-lợi-phất thường cứu vớt các người tu phạm hạnh, khiến cho xa lìa bất thiện, an trụ chỗ thiện.

Như thế, cả hai Tôn giả tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

(Trung A-hàm II – 87. Kinh Uế Phẩm[20] – Tr.915)

13. NĂM THỨ BÁU

– Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm?

– Một là Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở đời, điều này rất khó có được.

– Hai là người có thể giảng thuyết Chánh pháp của

[20] Tham chiếu Pāli (MN 5): 5. Kinh Không uế nhiễm.

Như Lai; người ấy rất khó có được.

– Ba là người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết; người ấy rất khó có được.

– Bốn là người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết; người ấy rất khó có được.

– Năm là hiểm nguy được cứu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có.

– Ấy là năm thứ báu rất khó có được.

(Trường A-hàm I – 2. Kinh Du Hành – Tr.101)

14. NĂM NGƯỜI CHẲNG THỂ TRỊ LIỆU

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm hạng người không thể chữa trị. Sao gọi là năm? Người dua nịnh không thể chữa trị. Người gian tà không thể chữa trị. Người ác khẩu không thể chữa trị. Người ganh ghét không thể chữa trị. Người không báo đáp không thể chữa trị. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này không thể chữa trị.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người gian tà, ác khẩu,
Ganh ghét, không báo đáp:
Người này không thể chữa,
Bị người trí bỏ rơi.

– Cho nên, các Tỳ-kheo, thường xuyên hãy học ý chánh, trừ bỏ ganh ghét, tu tập oai nghi, nói năng như pháp, phải biết báo đáp, biết ân nuôi dưỡng kia, ân nhỏ còn không quên huống gì ân lớn. Chớ ôm lòng tham lam bủn xỉn, cũng không tự khen mình, cũng không khinh chê người.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 34. Phẩm Đẳng Kiến – Kinh số 7 – Tr.366)

15. BỐN HẠNG NGƯỜI XÂY THÁP

– Chư Phật cũng có dạy rằng, ở đời có bốn hạng người xứng đáng dựng tháp thờ. Những gì là bốn? Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xứng đáng dựng tháp thờ. Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ. A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai, xứng đáng dựng tháp thờ. Chuyển luân Thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ. Hỏa thiêu thân của Chuyển luân Thánh vương như thế nào, thì hỏa thiêu thân của Như Lai và Bích-chi-phật cũng như vậy.

Vua Âm Hưởng hỏi chư thiên:

– Cúng dường hỏa thiêu thân của Chuyển luân Thánh vương như thế nào?

Thần cây đáp:

– Làm quách bằng sắt cho Chuyển luân Thánh vương, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Chuyển luân Thánh vương, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh

thân, rồi lấy vải thêu màu phủ lên trên, sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên đất, rồi để quách bằng sắt vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa thân Vua đi hỏa thiêu để lấy xá-lợi. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường không dứt. Dựng tháp tại các ngả tư đường. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ cúng dường. Đại vương, nên biết, sự việc cúng dường xá-lợi của Chuyển luân Thánh vương là như vậy. Cúng dường chư Phật Như Lai, Bích-chi-phật, A-la-hán, cũng giống như vậy.

Vua Âm Hưởng hỏi vị trời ấy rằng:

– Do nhân duyên gì mà cúng dường thân của Chuyển luân Thánh vương? Lại do nhân duyên gì mà cúng dường thân của chư Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán?

Trời đáp:

– Chuyển luân Thánh vương cai trị đúng pháp, tự mình không sát sinh, lại dạy người khác không sát sinh; tự mình không lấy của không cho, lại dạy người khác không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khác không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, sân nhuế, ngu si; tự mình chuyên hành chánh kiến, lại làm cho người khác cũng tập theo

chánh kiến. Đại vương, do nhân duyên này Chuyển luân Thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.

Vua lại hỏi:

– Do nhân duyên gì A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ?

Trời đáp:

– Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, ái dục đã dứt sạch, sân hận, ngu si đã diệt trừ, tự mình đã độ thoát, đạt đến Vô vi, là ruộng phước của thế gian. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ.

Vua lại hỏi:

– Do nhân duyên gì Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ?

Trời đáp:

– Bích-chi-phật không Thầy mà tự mình giác ngộ, xuất hiện trong đời thật khó gặp, được báo ngay trong hiện pháp, thoát khỏi đường dữ, khiến người được sinh lên trời. Do nhân duyên này, Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ.

Vua lại hỏi:

– Do nhân duyên gì Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ?

Trời đáp:

– Như Lai có đầy đủ mười lực. Mười lực ấy không phải là những pháp mà Thanh văn, Bích-chi-phật có thể đạt

được. Như Lai có bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, vận chuyển Phạm luân. Như Lai độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến bát-niết-bàn những ai chưa bát-niết-bàn; che chở những ai cô khổ, làm con mắt cho kẻ mù, làm đại y vương cho người bệnh; hết thảy chư thiên, người đời, Ma và Ma thiên, thảy đều tuân phụng, tôn kính, quý trọng, xoay chuyển nẻo dữ quay sang nẻo lành. Đại vương, do nhân duyên này Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ. Đại vương, đó là nhân duyên gốc ngọn mà bốn hạng người xứng đáng dựng tháp thờ.

(Tăng Nhất A-hàm III – 51. Phẩm Phi Thường – Kinh số 3 – Tr.503)

16. HAI HẠNG NGƯỜI KHÔNG SỢ HÃI

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế gian có hai hạng này, nếu có thấy nghe điện chớp, sấm gầm thì cũng không sợ hãi. Hai hạng ấy là ai? Sư tử vua muôn thú, và A-la-hán lậu tận. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ở thế gian nếu có hai hạng này, dù có thấy nghe điện chớp, sấm gầm cũng không sinh lòng sợ hãi.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học A-la-hán lậu tận. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 19. Phẩm Khuyến Thỉnh – Kinh số 4 – Tr.308)

17. HAI HẠNG NGƯỜI KHÔNG THỂ THUYẾT PHÁP

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

– Có hai hạng người, không thể khéo thuyết pháp ngữ. Hai hạng gì? Thuyết về tín cho người không có tín, việc này thật khó. Thuyết về thí cho người tham lam keo kiết, đây cũng thật khó.

– Lại nữa, Tỳ-kheo, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như chó dữ thêm mũi lại bị thương, càng trở nên hung dữ. Các Tỳ-kheo, đây cũng như vậy, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại.

– Lại Tỳ-kheo, thuyết về thí cho người tham lam keo kiết, họ liền sinh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như ung nhọt chưa mùi, lại bị dao cắt, đau không chịu nổi. Đây cũng như vậy, thuyết về thí cho người tham lam keo kiết, họ liền sinh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này khó thuyết pháp cho họ.

– Lại nữa Tỳ-kheo, có hai hạng người dễ thuyết pháp cho nghe. Sao gọi là hai? Thuyết tín cho người có tín; thuyết thí cho người không tham lam keo kiết. Này Tỳ-kheo, nếu thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, ý

không hối tiếc. Như người mắc bệnh, nói cho thuốc trừ bệnh liền được bình phục. Đây cũng như vậy. Thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, tâm không thay đổi.

– Nếu lại thuyết thí cho người không tham lam keo kiết, họ liền hoan hỷ, tâm không có tiếc. Cũng như có trai, gái xinh đẹp, thích tắm rửa mặt mày, tay chân, rồi lại có người mang hoa đẹp đến cho để tăng trưởng nhan sắc; lại đem y phục, trang sức tốt đẹp tặng những người đó. Họ được vậy rồi, lòng càng hoan hỷ. Đây cũng như vậy. Thuyết thí cho người không tham lam keo kiết, họ liền được hoan hỷ không có tâm tiếc.

– Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này dễ thuyết pháp cho. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học có tín, hãy học bố thí, chớ có xan tham.

– Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm I – 20. Phẩm Thiện Tri Thức – Kinh số 9 – Tr.342)

18. BỐN THỨ NHỎ KHÔNG NÊN KHINH

Một thời Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang đến ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Nghe vậy, Vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con nghe Thế Tôn tự ký thuyết đã

chứng Vô thượng Bồ-đề mà mọi người đã loan truyền; điều này không phải hư vọng và nói quá chăng? Nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp chăng? Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp chăng? Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém chăng?

Phật bảo Đại vương:

– Những điều họ nói như vậy là lời nói chân thật, chẳng phải là hư vọng, nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp. Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp. Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém. Vì sao? Này Đại vương, Ta nay thật sự đã đắc Vô thượng Bồ-đề.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Tuy Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng con vẫn còn chưa tin. Vì sao? Vì trong đây còn có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi Cù-xá-lê Tử, San-xà-da Tì-la-chi Tử, A-kì-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử. Những vị đó không tự tuyên bố đã chứng Vô thượng Bồ-đề. Sao Thế Tôn còn trẻ, tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa bao lâu, mà lại tự nói chứng đắc Vô thượng Bồ-đề?

Phật bảo Đại vương:

– Có bốn thứ tuy trẻ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lợi, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ

xem thường. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:
Đủ hình tướng Sát-lợi,
Danh tiếng, dòng quý tộc;
Tuy tuổi còn trẻ nhỏ,
Người trí không thể khinh.
Tất sẽ ở ngôi vua,
Nhớ lại, sinh oán hại.
Cho nên khó thể khinh;
Phải sinh lòng đại kính.
Người khéo biết tự hộ,
Hãy giữ kỹ mạng mình;
Bình đẳng mà tự hộ,
Tránh xa để hộ mạng.
Nơi làng xóm, chỗ vắng,
Nếu gặp rồng con kia;
Chớ cho là rắn nhỏ,
Mà sinh lòng coi thường.
Mình rồng nhỏ nhiều màu,
Cũng nên để yên ổn;
Nam hay nữ khinh rắn,
Đều bị độc làm hại.
Cho nên, để tự hộ,
Hãy giữ kỹ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,

Tránh xa để hộ mạng.
Mãnh hỏa khi xâm thực,
Dù ít nhưng không hạn;
Đuốc nhỏ có thể thiêu,
Khắp nơi, nếu củi đủ.
Thiêu từ nhỏ dần lên,
Tận xóm làng thành ấp;
Cho nên, để tự hộ,
Nên như hộ mạng mình.
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để tự hộ.
Bị lửa dữ thiêu đốt,
Trăm thứ cỏ cháy rụi.
Tắt rồi, không co rút;
Lửa tắt cỏ lại sinh.
Nếu khinh hủy Tỳ-kheo,
Người giữ lửa tịnh giới.
Thì đốt mình, con cháu,
Tai nạn lưu trăm đời.
Như đốt cây đa-la,
Không bao giờ sinh lại.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.
Đủ hình tướng Sát-lợi,

Rắn con và đóm lửa;
Đủ tịnh giới, Tỳ-kheo,
Không nên sinh coi thường.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.

(Tạp A-hàm IV – 33. Tương Ưng Câu-tát-la – Kinh 1030. Tam-bồ-đề[21]– Tr.1704)

[21] Đại Chánh, Kinh 1226. Tham chiếu Pāli (SN 3.1): Chương 3: Tương Ưng Kosala – I: Phẩm Thứ Nhất – 1. Tuổi Trẻ.

CHƯƠNG 12

TỪ, BI, HỶ, XẢ

1. TU TỪ, BI, HỶ, XẢ

– Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi miệng và ý, lìa sân nhuế, lìa não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm, chánh trí, không còn ngu si, tâm vị ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương và tứ duy, thượng, hạ, biến mãn, tâm đi đôi với từ, không thù không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô biên vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người kia suy nghĩ rằng: "Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu. Tâm ta nay đây khéo tu, quảng đại, vô lượng." Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm bẩn, không còn

đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sinh ra, liền có thể tu hành từ tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, không thể.

– Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sinh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: "Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa." Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

– Cũng vậy, tâm bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người ấy suy nghĩ như vầy: "Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập. Tâm ta nay đây rộng lớn vô lượng, được khéo tu tập." Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm bẩn, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai

hay gái được sinh ra, liền có thể tu hành xả tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, không thể.

– Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sinh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu xả tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: "Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa." Nếu có người thực hành xả tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

(Trung A-hàm I – 15. Kinh Tư[1] – Tr.127)

2. XÁ-LỢI-PHẤT THĂM BỆNH, TU TẬP TÂM TỪ, BI, HỶ, XẢ SINH PHẠM THIÊN

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi xuống giường ấy, rồi bảo rằng:

– Hôm nay bệnh tình ra sao? Ăn uống được nhiều ít?

---

[1] Tham chiếu Pāli (AN 10.217): XXI. Phẩm Thân Do Nghiệp Sinh – (VII) (206) Ngọc Ma-Ni.

Sự đau đớn bớt dần, không đến nỗi tăng thêm chăng?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Bệnh tình con rất là khốn đốn, ăn uống chẳng được gì cả; đau đớn chỉ tăng thêm mà không thấy giảm bớt tí nào. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như người lực sĩ đem con dao bén nhọn đâm vào đầu, chỉ sinh sự khốn khổ quá mức thôi. Đầu con hôm nay cũng nhức nhối giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như lực sĩ lấy sợi dây thừng chắc đem quấn siết chung quanh đầu, chỉ sinh sự khốn khổ quá mức. Đầu con hôm nay cũng nhức nhối giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như người mổ trâu, đem con dao bén mổ bụng trâu, chỉ sinh sự đau đớn quá mức. Bụng con hôm nay cũng quặn đau giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như hai lực sĩ bắt một người ốm yếu đem nướng trên ngọn lửa, chỉ sinh ra sự đau khổ đến cùng cực. Thân thể con hôm nay đau đớn, cả mình sinh ra khổ sở, chỉ tăng thêm chớ không giảm bớt; cũng giống như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

– Này Đà-nhiên, bây giờ tôi hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà ông trả lời. Này Bà-la-môn Đà-nhiên, địa ngục và súc sinh, nơi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Súc sinh tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, súc sinh và ngạ quỷ, loài nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Ngạ quỷ tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, ngạ quỷ và loài người, loài nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Loài người tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, người và Tứ Vương thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Tứ thiên vương tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, Tứ Vương thiên và Tam Thập Tam thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Tam Thập Tam thiên tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Tam Thập Tam thiên với Diệm-ma thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Diệm-ma thiên tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, Diệm-ma thiên với Đâu-suất-đà thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Đâu-suất-đà thiên tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, Đâu-suất-đà thiên với Hóa Lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn.

Lại hỏi rằng:

– Này Đà-nhiên, Hóa Lạc thiên với Tha Hóa lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Tha Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn.

– Này Đà-nhiên, Tha Hóa lạc thiên với Phạm thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời rằng:

– Phạm thiên là tốt đẹp hơn cả. Phạm thiên là tối Thắng Lâm.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

– Đức Thế Tôn là bậc tri kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có nói về bốn Phạm trụ. Nếu một thiện gia nam tử hay một thiện gia nữ tử nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên cõi Phạm thiên. Những gì là bốn?

– Này Đà-nhiên, Thánh đệ tử đa văn có tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm câu hữu với bi, hỷ; với xả, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đà-nhiên, đó là Đức Thế Tôn, là bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có nói về bốn Phạm trụ. Nếu một thiện gia nam tử hay một thiện gia nữ nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ, sau khi giáo hóa cho Đà-nhiên, nói về pháp Phạm thiên, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Tôn giả Xá-lợi-phất từ thành Vương Xá, đi chưa

đến Trúc lâm vườn Ca-lan-đa, đang nửa đường ấy, Bà-la-môn Đà-nhiên do tu tập bốn Phạm trụ, đoạn dục, xả dục niệm, thân hoại mạng chung sinh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất từ đàng xa đi tới, nói với các thầy Tỳ-kheo rằng:

– Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ.[2] Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu thật tuệ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã giáo hóa Bà-la-môn Đà-nhiên, nói về Phạm thiên rồi mới về đây. Nếu lại giáo hóa cao hơn nữa thì người kia nhanh chóng biết pháp tùy pháp.[3]

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo rằng:

– Này Xá-lợi-phất, vì sao ông không giáo hóa Bà-la-môn Đà-nhiên bằng một pháp cao hơn Phạm thiên? Nếu ông giáo hóa cao hơn thì người kia sẽ nhanh chóng biết

---

[2] Hán: thông tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ. Bản Pāli ở đây không nói các đặc điểm trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, nhưng có thể tìm thấy đoạn tương đương M.iii, tr, 25: paṇḍito (tuệ thông bác), mahāpāññho (đại tuệ), javanapāññho (tuệ nhạy bén, tiệp tuệ), tikkhapāññho (tuệ sắc bén, lợi tuệ), nibbedhikapāññho (tuệ sâu sắc, quyết trạch tuệ).

[3] Hán: tri pháp như pháp. Pāli: dhamma-anudhamma. Đoạn văn này, Pāli tương đương: (...) sati uttarikaraṇīye hīne brahmaloke patiṭṭhāpetvā ..., "trong khi có pháp cao hơn nữa cần chứng, nhưng lại xác lập ở Phạm thiên giới..."

pháp tùy pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn từ lâu đời ái trước Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là rốt ráo, Phạm thiên là tôn quý, thật có Phạm thiên là Phạm thiên của ta. Do đó, bạch Thế Tôn, nên con đã giáo hóa như vậy.

(Trung A-hàm I – 27. Kinh Phạm Chí Đà-nhiên[4] – Tr.257)

3. MƯỜI MỘT LỢI ÍCH CỦA LÒNG TỪ

Nếu chúng sinh nào tu hành từ tâm giải thoát, quảng bố ý nghĩa ấy, diễn nói cho người khác nghe, sẽ thu hoạch được mười một quả báo. Những gì là mười một?

Nằm ngủ yên, tỉnh giấc yên, không thấy ác mộng, chư thiên hộ vệ, mọi người yêu mến, không bị độc, không bị binh đao, không bị nước, lửa, giặc cướp; thảy đều không bị xâm hại; sau khi thân hoại mạng chung sinh lên trời Phạm thiên.

Đó gọi là Tỳ-kheo tu hành từ tâm sẽ có được mười một phước này.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu ai hành từ tâm,
Cũng không hành phóng dật;

---

[4] Tham chiếu Pāli (MN 97): 97. Kinh Dhānañjāni.

Các kết dần dần đoạn,
Rồi thấy được dấu đạo.
Do hành từ tâm này,
Sẽ sinh lên Phạm thiên;
Nhanh chóng được diệt độ,
Cuối cùng đến Vô vi.
Tâm không sát, không hại,
Cũng không ý hơn thua;
Hành từ đến tất cả,
Không hề tâm oán hận.

(Tăng Nhất A-hàm III – 49. Phẩm Chăn Trâu – Kinh số 10 – Tr.452)

CHƯƠNG 13

THÂN NGHIỆP

1. THÂN HÀNH THIỆN VÀ BẤT THIỆN

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

– A-nan, Đức Thế Tôn có hành những thân hành như vậy chăng? Tức là thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn ghê tởm chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương, Như Lai không có những thân hành như vậy tức là thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, những người thông minh trí tuệ và hàng thế gian khác ghê tởm.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! A-nan, điều mà tôi không đủ khả năng để nói, kể cả những người thông minh trí tuệ, và những hàng thế gian khác, thì A-nan đủ khả năng. Này A-nan, nếu ai không nhận định kỹ mà đã chê bai hay khen ngợi thì tôi không coi đó là chân thật. Này A-nan, Đức Thế Tôn có những thân hành như vầy, những thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm chăng?

Tôn giả A-nan trả lời:

– Đại vương, Như Lai không bao giờ hành những thân hành như vậy, tức những thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, những thân hành gì?

A-nan đáp:

– Đại vương, đó là những thân hành bất thiện.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi.

– Thế nào là thân hành bất thiện?

A-nan đáp:

– Đó là những thân hành có tội.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, thế nào là thân hành có tội?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương, đó là những thân hành bị người trí ghê tởm.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, thế nào là thân hành bị người trí ghê tởm?

Thân hành bất thiện

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành mà không biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật. Khi đối với pháp nên hành không biết như thật, và pháp không nên hành cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên chấp thủ không biết như thật, và đối với pháp không nên chấp thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật; thì đối với pháp nên thành tựu không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật rồi, do đó, pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành. Sau khi pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành rồi, đối với pháp nên thủ thì không thủ và pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì không thủ, đối với pháp không nên thủ lại thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đối với pháp

nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và pháp không nên thành tựu lại thành tựu rồi thì pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, tại sao Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện. Đây là Bậc Thầy khuyến giáo, Bậc Thầy vi diệu, Bậc Thầy khéo tùy thuận, là Vị dẫn dắt điều ngự, tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận. Cho nên Như Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! A-nan, Như Lai không bao giờ hành những pháp không nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác. A-nan, ngài là đệ tử của vị Đạo sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng, mà còn không hành pháp ấy, huống nữa Đức

Như Lai lại hành các pháp ấy sao?

Như Lai thân hành vô cấu

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, Như Lai có hành những thân hành như vầy, tức là thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, những người thông minh trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương, Như Lai tất nhiên hành những thân hành như vậy, tức thân hành các Sa-môn, Bà-la-môn, những người thông minh trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, thân hành đó là như thế nào?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đại vương, đó là những thân hành thiện.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, thế nào là thân hành thiện?

Tôn giả A-nan trả lời:

– Đại vương, đó là thân hành không có tội.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, thế nào là thân hành không có tội?

Tôn giả A-nan trả lời:

– Đại vương, đó là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

– A-nan, thế nào là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm?

Thân hành thiện

Tôn giả A-nan trả lời:

– Đại vương, đó là những thân hành không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ bởi sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đối với pháp nên hành thì biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên hành đã biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên thủ biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ biết như thật, và pháp không nên đoạn trừ biết như thật. Sau khi đối với pháp đã biết như thật và pháp không nên đoạn trừ đã biết như thật rồi, đối với pháp nên thành tựu biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành rồi, đối với pháp nên

thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, đối với pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ. Sau khi biết pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu, pháp không nên thành tựu thì không thành tựu rồi, pháp bất thiện càng giảm, pháp thiện càng tăng trưởng. Cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy.

(Trung A-hàm IV – 214. Kinh Tì-ha-đề[1] – Tr.2381)

2. QUÁN THÂN BẤT TỊNH

Một thời, Đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, A-nan và Đa-kỳ-xa, đúng giờ, đắp y, cầm bát, vào thành khất thực. Lúc ấy, Đa-kỳ-xa ở trong một ngõ hẻm, thấy một người nữ hết sức xinh đẹp hiếm có kỳ đặc ở đời. Thấy rồi, tâm ý tán loạn, không còn bình thường.

Lúc ấy, Đa-kỳ-xa liền dùng kệ này nói cho A-nan:

Bị lửa dục thiêu đốt,
Tâm ý thật cháy bừng.

---

[1] Tham chiếu Pāli (MN 88): 88. Kinh Bāhitika.

Xin nói nghĩa diệt nó,
Để được nhiều lợi ích.

A-nan liền nói kệ này đáp:

Biết dục, pháp điên đảo;
Tâm ý thật cháy bừng.
Hãy trừ niệm hình tướng,
Ý dục liền tự dừng.

Đa-kỳ-xa lại nói kệ đáp:

Tâm là gốc của thân;
Mắt là nguồn thấy đẹp.
Nằm ngủ thấy đỡ nâng,
Thân như cỏ rối úa.

Tôn giả A-nan liền tiến đến, dùng tay phải xoa đầu Đa-kỳ-xa mà nói kệ này:

Niệm Phật, không tham dục.
Nan-đà vượt dục kia
Thấy trời, hiện địa ngục.
Ngăn ý, lìa năm đường.

Đa-kỳ-xa sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, liền tự nói:

– Thôi, thôi, A-nan! Hãy cùng khất thực xong trở về chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, người nữ kia từ xa trông thấy Đa-kỳ-xa, cô liền cười. Đa-kỳ-xa khi từ xa thấy người nữ cười, liền phát sinh niệm tưởng này: "Cô nay, với hình thể được dựng

đứng bởi xương, được quấn chặt bởi da, cũng như cái bình vẽ, bên trong đựng đồ bất tịnh, lừa dối người đời, khiến sinh loạn tưởng."

Bấy giờ, Tôn giả Đa-kỳ-xa quán sát người nữ kia từ đầu đến chân, trong thân thể này không cái gì đáng ham, ba mươi sáu vật thảy đều bất tịnh. Nay những vật này là từ đâu sinh? Rồi Tôn giả Đa-kỳ-xa lại nghĩ: "Nay ta quán sát thân khác, không bằng tự quán sát trong thân mình. Dục này từ đâu sinh? Từ đất sinh chăng? Từ nước, lửa, gió sinh chăng? Nếu từ đất sinh; đất cứng chắc, không thể bị hư hoại. Nếu từ nước sinh, nước rất mềm, không thể bắt giữ. Nếu từ lửa sinh; lửa cũng không thể bị nắm bắt. Nếu từ gió sinh; gió không có hình, không thể nắm bắt." Tôn giả lại nghĩ: "Tham dục này chỉ có từ tư tưởng sinh."

Rồi Tôn giả nói kệ này:

Dục, ta biết gốc ngươi
Ngươi từ tư tưởng sinh.
Nếu ta không tưởng ngươi,
Ngươi sẽ không hiện hữu.

Khi Tôn giả Đa-kỳ-xa nói bài kệ này, như tư duy về tưởng bất tịnh, ngay tại chỗ, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

Lúc ấy, A-nan và Đa-kỳ-xa ra khỏi thành La-duyệt, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đa-kỳ-xa bạch Thế Tôn:

– Nay con đã được lợi thiện, vì có chỗ giác ngộ.

Thế Tôn hỏi:

– Nay ngươi tự giác thế nào?

Đa-kỳ-xa bạch Phật:

– Sắc không bền vững, cũng không chắc chắn, không thể trông thấy, huyễn ngụy, không thật. Thọ không bền vững, cũng không lõi chắc, cũng như đám bọt trên mặt nước, huyễn ngụy, không thật. Tưởng không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngụy, không thật, cũng như quáng nắng. Hành không bền vững, cũng không lõi chắc, giống như thân cây chuối, không có thật. Thức không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngụy, không thật.

Tôn giả lại bạch Phật thêm:

– Năm thủ uẩn này không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngụy không thật.

Bấy giờ Tôn giả Đa-kỳ-xa liền nói kệ này:

Sắc như chùm bọt nổi;
Thọ như bong bóng nước;
Tưởng giống như quáng nắng;
Hành như thân cây chuối;
Thức là pháp huyễn hóa:
Đấng Tối Thắng nói vậy.
Tư duy điều này xong,
Quán sát hết các hành,

Thảy trống không, vắng lặng;
Không có gì chân chánh,
Đều là do thân này:
Đức Thiện Thệ dạy vậy.
Cần phải diệt ba pháp.
Thấy sắc là bất tịnh,
Thân này là như vậy,
Huyễn ngụy không chân thật,
Đó là pháp hư hại.
Năm uẩn không bền chắc,
Đã biết là không thật,
Trở về đạo tối thượng.

– Như vậy, Thế Tôn, đó là những gì mà con đã tỏ ngộ.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, Đa-kỳ-xa! Ông khéo hay quán sát gốc năm thủ uẩn này. Nay ngươi nên biết, phàm là hành giả thì phải quán sát gốc năm uẩn này đều không chắc thật. Vì sao vậy? Khi Ta đang quán sát năm thủ uẩn này ở dưới bóng cây Bồ-đề mà thành Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, cũng như những gì hôm nay ngươi quán.

Khi Thế Tôn nói bài pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi mà được lậu tận, tâm giải thoát.

Tôn giả Đa-kỳ-xa sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm II – 35. Phẩm Tà Tụ – Kinh số 9 – Tr.386)

3. QUÁN BẤT TỊNH CHÁN GHÉT THÂN THỂ TỰ TỬ

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, bên bờ sông Bạt-cầu-ma tại tụ lạc Kim cang. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán rằng:

– Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán. Người tu tập bất tịnh quán nhiều đạt được quả lớn, phước lợi lớn.

Các Tỳ-kheo sau khi tu tập bất tịnh quán, thảy đều rất chán sợ thân này, hoặc dùng đao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự vẫn, hoặc lao đầu vào vách núi tự sát, hoặc nhờ Tỳ-kheo khác giết.

Có Tỳ-kheo kia sinh lòng cực kỳ nhàm chán sự bất tịnh ác lộ, nên đến chỗ con của Bà-la-môn Lộc Lâm nói với người con Bà-la-môn Lộc Lâm rằng:

– Hiền thủ! Người làm ơn giết tôi, y bát xin tặng lại ông.

Bấy giờ, người con của Bà-la-môn Lộc Lâm liền giết Tỳ-kheo này, rồi mang đao đến bờ sông Bạt-cầu-ma để rửa. Lúc ấy, có Ma thiên ở giữa hư không, khen ngợi con của Bà-la-môn Lộc Lâm rằng:

– Lành thay! Lành thay, Hiền thủ! Ông được vô lượng công đức, có thể khiến cho Sa-môn Thích tử, người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người

chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát, và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ông.

Sau khi con của Bà-la-môn Lộc Lâm nghe những lời khen ngợi này rồi, ác tà kiến tăng thêm tự nghĩ: "Hôm nay ta đã thật sự tạo ra phước đức lớn, khiến cho Sa-môn Thích tử, người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát, và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ta." Nghĩ xong tay cầm đao bén đi đến các phòng xá, những nơi kinh hành, phòng riêng, phòng Thiền, gặp các Tỳ-kheo, y nói như vầy:

– Những Tỳ-kheo nào trì giới có đức, ai chưa được độ tôi có thể độ cho; ai chưa thoát tôi sẽ khiến cho thoát, ai chưa yên nghỉ tôi sẽ khiến được yên nghỉ, chưa Niết-bàn, tôi sẽ khiến được Niết-bàn.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đang chán sợ thân này, đều ra khỏi phòng nói với con của Bà-la-môn Lộc Lâm rằng:

– Tôi chưa được độ, ông nên độ tôi; tôi chưa được thoát, ông nên giải thoát tôi; tôi chưa được yên nghỉ, ông nên khiến cho tôi được yên nghỉ; tôi chưa được Niết-bàn, ông nên khiến cho tôi được Niết-bàn.

Bấy giờ con Bà-la-môn Lộc Lâm liền dùng đao bén giết Tỳ-kheo này, và lần lượt giết chết cho đến sáu mươi người.

Bấy giờ, đến ngày mười lăm, lúc thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước đại chúng, bảo Tôn giả A-nan:

– Vì lý do gì mà các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết như vậy?

A-nan bạch Phật rằng:

– Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo nói về tu bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán. Khi các Tỳ-kheo tu tập bất tịnh quán, đâm ra chán sợ thân này, *nói đầy đủ… cho đến* giết hại sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, vì lý do này nên khiến cho các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết. Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng pháp khác, để cho các Tỳ-kheo sau khi nghe xong tinh cần tu tập trí tuệ, an lạc mà tiếp thọ Chánh pháp; an vui sống trong Chánh pháp.

Phật bảo A-nan:

– Vì vậy, nay Ta sẽ lần lượt nói về sự an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều nhanh chóng lắng xuống. Như trời mưa lớn, những thứ bụi bặm đã khởi lên hay chưa khởi lên đều khiến cho chúng lắng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tu tập an trụ nơi vi tế trụ, có thể khiến các pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống.

– Này A-nan! Thế nào là an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống? Đó là an trụ vào an-na-ban-na niệm.

A-nan bạch Phật:

– Thế nào là tu tập an trụ vào an-na-ban-na niệm, tùy thuận mà khai giác, những pháp ác bất thiện dù đã khởi hay chưa khởi lên cũng có khả năng khiến chúng dừng lại?

Phật bảo A-nan:

– Nếu Tỳ-kheo, nương vào làng xóm mà ở, *như đã nói đầy đủ ở trước… cho đến* khéo học như diệt, khi niệm hơi thở ra.

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tạp A-hàm II – 20. Tương ưng An-na-ban-na – Kinh 777. Kim Cang[2] – Tr.1273)

4. TẠI GIA, XUẤT GIA LÀM ĐIỀU TÀ HẠNH PHẬT KHÔNG KHEN

Ma-nạp Anh Vũ hỏi:

– Bạch Cù-đàm, như con được nghe, "Nếu sống tại gia thì được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp. Người xuất gia học đạo thì không như vậy." Con xin hỏi Cù-đàm, việc đó như thế nào?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Ma-nạp, sự kiện đó không nhất định.

---

[2] Đại Chánh, Kinh 809. Tham chiếu Pāli (SN 54.9): Chương 54: Tương Ưng Hơi Thở Vô, Hơi Thở Ra – I: Phẩm Một Pháp – 9. Vesālī.

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

– Bạch Cù-đàm, mong Ngài phân biệt sự kiện này cho con được rõ.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ngươi rõ.

Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

– Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh, Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, kẻ ấy không được hiểu biết tốt, không biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, Ta không khen ngợi kẻ ấy.

– Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chánh hạnh, Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, Ta khen ngợi kẻ ấy.

– Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có năng lực, thâm nhập kiên cố, chấp chặt

theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng, "Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng."

(Trung A-hàm III – 152. Kinh Anh Vũ[3] - Tr.1568)

5. ÔM CON GÁI HAY ÔM CÂY CHÁY (1)

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la, trú giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo.

Bấy giờ Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đống cây lớn ở một nơi kia đang bùng cháy dữ dội. Thế Tôn thấy vậy, liền bước xuống bên đường, đi đến một cây khác, trải ni-sư-đàn, kiết già mà ngồi. Thế Tôn ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo:

– Các ngươi có thấy đống cây lớn đằng kia đang bùng cháy không?

Khi đó các Tỳ-kheo trả lời:

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các ngươi nghĩ sao, với đống cây lớn phựt cháy hừng hẫy đó mà hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; hay là, với người con gái của dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào vui sướng hơn?

---

[3] Tham chiếu Pāli (MN 99): 99. Kinh Subha.

Lúc ấy các Tỳ-kheo thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, với đống cây lớn đang phựt cháy hừng hẫy hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, hoặc có người con gái dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, mà tới hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất vui sướng. Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

– Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đống cây lớn đang phừng cháy hừng hẫy, hoặc ngồi, hoặc nằm. Việc ấy mặc dù vì thế mà phải chịu khổ sở, hoặc chết. Nhưng không phải do đó mà thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ hay sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sinh ra ác pháp bất thiện; không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ hoặc thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì vậy mà lâu dài không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến cõi xấu, sinh vào địa ngục. Do đó, các ngươi hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa

kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này: "Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, được sinh vào các thiện xứ để được trường thọ. Ta tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy."

(Trung A-hàm I – 5. Kinh Mộc Tích Dụ[4] – Tr.40)

6. ÔM CON GÁI HAY ÔM CÂY CHÁY (2)

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Quang minh, nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt. Thấy thế, Như Lai đến ngồi dưới một bóng cây. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nào, Tỳ-kheo, thà đem thân nhảy vào lửa này, hay tốt hơn nên giao du với người nữ xinh đẹp?

Lúc đó, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Tốt hơn nên giao du với người nữ, chớ không ném thân vào lửa này. Bởi vì đám lửa này nóng độc không thể tả, sẽ lấy mạng sống của mình, chịu khổ vô cùng.

Thế Tôn bảo:

– Nay Ta bảo các ngươi, chớ để không phải hạnh Sa-

[4] Tham chiếu Pāli (AN 7.68): VII. Đại Phẩm – (VIII) (68) Lửa.

môn mà nói là Sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà nhảy vào lửa này, chứ không cùng người nữ giao du. Vì sao vậy? Vì người ấy thà chịu thống khổ này, chớ không vì tội đó mà vào trong địa ngục chịu khổ vô cùng.

(Tăng Nhất A-hàm II – 33. Phẩm Năm Vua – Kinh số 10[5] – Tr.320)

7. NGHỀ SÁT SINH KHÔNG CÓ TÀI SẢN LỚN

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các vị có thấy người mổ bò, do nghiệp tài lợi này, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người mổ bò, sát hại bò, rồi được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Vì sao vậy? Ta không thấy người mổ bò được cưỡi xe, ngựa, voi lớn, vì hẳn không có lý này.

– Thế nào, Tỳ-kheo, các ngươi có thấy người mổ dê, giết heo, săn bắt nai, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?

---

[5] Tham chiếu Pāli (AN 7.68): VII. Đại Phẩm – (VIII) (68) Lửa.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

– Lành thay, các Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người nào mổ bò, hại chúng sinh rồi mà được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Hoàn toàn không lý này. Tỳ-kheo, các ngươi nếu thấy người giết bò nào cưỡi xe, ngựa, voi lớn thì đó là đức đời trước chớ không phải phước đời này, đều là do hành vi được làm đời trước mang lại. Nếu các ngươi thấy người giết dê được cưỡi xe, ngựa, voi lớn thì nên biết người này đã gieo phước trong đời trước. Sở dĩ như vậy là vì do tâm giết hại chưa trừ được. Tại sao vậy? Người gần gũi kẻ ác, ưa thích sát sinh, gieo trồng tội địa ngục, nếu trở lại nhân gian thì tuổi thọ rất ngắn. Người ưa thích trộm cắp, gieo trồng tội địa ngục cũng như người mổ bò kia. Mua rẻ bán đắt, lừa dối người đời, không cầu Chánh pháp, cũng giống như người mổ bò kia do tâm sát sinh nên đưa đến tội lỗi này, không được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng từ đối với hết thảy chúng sinh.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 36. Phẩm Thính Pháp – Kinh số 4 – Tr.398)

8. QUẾT THÁP CÓ NĂM CÔNG ĐỨC

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Phàm người quét tháp có năm trường hợp không được công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, có người quét tháp không dùng nước rưới lên đất, không lượm bỏ gạch đá, không san bằng mặt đất, không chú ý khi quét đất, không trừ bỏ rác rưới dơ bẩn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là người quét tháp không thành tựu năm công đức.

– Các Tỳ-kheo nên biết, người quét tháp thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người quét tháp dùng nước rưới lên đất, lượm bỏ gạch đá, san bằng mặt đất, giữ chú ý khi quét đất, hốt bỏ rác rưới dơ bẩn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm việc khiến người được công đức. Cho nên, này các Tỳ-kheo, muốn cầu công đức này hãy thực hành năm việc này.

– Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 33. Phẩm Năm Vua – Kinh số 6 – Tr.317)

CHƯƠNG 14

KHẨU NGHIỆP

1. PHẬT DẠY LA-HẦU-LA BÀI HỌC NÓI DỐI

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la cũng ở tại thành Vương Xá, trong rừng Ôn tuyền.

Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát, đi vào thành Vương Xá để khất thực. Khất thực xong, Ngài đi đến rừng Ôn tuyền, trú xứ của Tôn giả La-hầu-la. Tôn giả La-hầu-la từ đàng xa thấy Đức Thế Tôn đến, lập tức đến rước, cầm y bát của Phật, trải tọa cụ và múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi trên chỗ ngồi của La-hầu-la.

Khi đó Đức Thế Tôn liền lấy chậu nước đổ đi, chỉ lưu lại một ít, rồi hỏi:

– La-hầu-la, ngươi nay có thấy Ta cầm chậu nước này đổ đi, chỉ lưu lại một ít không?

La-hầu-la đáp:

– Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Phật bảo:

– Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, này La-hầu-la, hãy nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lại lấy cái chậu còn lại một ít nước đổ hết ra rồi hỏi rằng:

– Này La-hầu-la, ngươi lại có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy đổ ra hết không?

La-hầu-la trả lời rằng:

– Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo rằng:

– Này La-hầu-la, Ta nói rằng đạo của người kia cũng mất hết như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối, mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đấy, này La-hầu-la nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu trống không ấy úp xuống đất rồi hỏi rằng:

– Này La-hầu-la, ngươi lại có thấy Ta cầm chậu không này úp xuống đất không?

La-hầu-la trả lời:

– Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo rằng:

– Này La-hầu-la, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không biết xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-hầu-la nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu úp lật ngửa lên rồi hỏi rằng:

– Này La-hầu-la, ngươi có thấy Ta cầm cái chậu úp này giở ngửa lên không?

La-hầu-la trả lời rằng:

– Con có thấy, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo La-hầu-la rằng:

– Ta nói rằng đạo của người kia bị lật ngửa, cũng lại như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà vẫn không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó này La-hầu-la, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

– Này La-hầu-la, cũng như vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu, nó dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ chân, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất

cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, bèn suy nghĩ như thế này: "Thớt voi lớn này của vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ gìn giữ chiếc vòi." Này La-hầu-la, nếu thớt voi lớn của vua khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vòi; thảy đều dùng tất cả. Tượng sự thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: "Thớt voi lớn của vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thớt voi lớn của vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vòi; tất cả đều đem dùng." Này La-hầu-la, nếu thớt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi; tất cả đều đem dùng; này La-hầu-la, Ta nói thớt voi lớn của vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-hầu-la, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

(Trung A-hàm I – 14. Kinh La-hầu-la[1] – Tr.115)

---

[1] Tham chiếu Pāli (MN 61): 61. Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Āmala.

2. NÓI CỘC VÀ ÁI NGỮ

Tỳ-kheo khó dạy

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

– Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo thỉnh cầu[2] các Tỳ-kheo rằng: "Xin các thầy hãy nói với tôi, hãy chỉ giáo tôi, khiển trách tôi, xin đừng làm khó tôi." Vì sao vậy? Này chư Hiền, hoặc có một người hay có lời nói cộc[3], mang bản tánh nói cộc và do bản tánh nói cộc này mà các đồng phạm hạnh không nói tới, không chỉ giáo, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy.

– Này chư Hiền, thế nào là bản tánh nói cộc, mà nếu ai có bản tánh nói cộc, các đồng phạm hạnh không nói với, không chỉ giáo, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy?

– Này chư Hiền, ở đây có người có ác dục và niệm tưởng dục[4]. Này chư Hiền, nếu là người có ác dục và niệm tưởng dục thì đó là bản tánh nói cộc. Cũng như thế, nhiễm và hành nhiễm[5], cố ý phú tàng[6], lường gạt

---

[2] Hán: thỉnh. Pāli: pavāreti: tự tứ, yêu cầu người khác chỉ lỗi cho mình.
[3] Hán: lệ ngữ, lệ ngữ pháp. Pāli: dubbaca, dovacassakaraṇa dhamma.
[4] Ác dục niệm dục. Pāli: pāpiccho hoti pāpikānaṃ icchānaṃ vasaṃgato, là người có ác dục, bị chi phối bởi ác dục.
[5] Nhiễm hành nhiễm; có lẽ Pāli: attukkaṃsako paravambhī, khen mình chê người.
[6] Bất ngữ kết trụ; có lẽ Pāli: makkhata, phú, che dấu lỗi, ngụy thiện.

dối trá, xan tham, tật đố, vô tàm, vô quý, sân tệ ác ý[7], nói lời phẫn nộ, cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, phanh phui Tỳ-kheo cử tội mình, nói lãng ngoài để để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phừng phực, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. Chư Hiền, nếu ai là người vong ân, không biết ân, thì đó là người có bản tánh cộc. Này chư Hiền, đó là những bản tánh khiến nói cộc. Nếu ai có bản tánh nói cộc, các đồng phạm hạnh không nói tới, không chỉ giáo, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy.

– Này chư Hiền, Tỳ-kheo hãy tự tư lương[8]: "Chư Hiền, nếu ai có ác dục, niệm dục thì tôi không ưa thích người đó. Nếu tôi có ác dục, niệm dục thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi." Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy.

– Cũng như thế, ai nhiễm và hành nhiễm, cố ý phú tàng, lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tàm, vô quý, sân tệ ác ý, nói lời phẫn nộ, cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, phanh phui Tỳ-kheo cử tội mình, nói lãng ngoài để để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phừng phực, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. "Chư Hiền, nếu ai vong ân, không

---

[7] Sân tệ ác ý; có lẽ Pāli: kodhahetu upanāhī, do nóng giận mà ôm lòng cừu hận.

[8] Pāli: attanāva attānaṃ evaṃ anuminitabbaṃ, nên tự mình suy xét về mình như vầy.

biết ân thì tôi không ưa thích người ấy, và nếu tôi vong ân, không biết ân thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi." Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành sự vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

– Này chư Hiền, ở đây có Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: "Xin các ngài nói với tôi, chỉ giáo tôi, khiển trách tôi, đừng làm khó tôi." Vì sao vậy? Chư Hiền, ở đây có một người dễ nói, phú bẩm bản tánh dễ nói[9], nhưng do phú bẩm bản tánh dễ nói nên các bậc phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo khiển trách và không làm khó người đó.

Tỳ-kheo dễ dạy

– Này chư Hiền, thế nào là bản tánh dễ nói? Nếu là người phú bẩm bản tánh dễ nói thì các đồng phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo khiển trách và không làm khó người đó. Chư Hiền, người không ác dục, không niệm dục, đó là bản tánh dễ nói. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tàm vô quý, không sân tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, không khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, không phanh phui Tỳ-kheo cử tội mình, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phừng phực, không bằng hữu ác

[9] Thiện ngữ, thành tựu thiện ngữ pháp. Pāli: so ca sovaco hoti, sovacassakaraṇehi samannāgato.

đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. Chư Hiền, nếu ai không vong ân không biết ân, đó là có bản tánh dễ nói. Chư Hiền, đó là những bản tánh khiến dễ nói. Nếu ai đầy đủ bản tánh dễ nói thì các đồng phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo khiển trách và không làm khó người đó.

– Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự tư lương: "Chư Hiền, nếu người không ác dục, không niệm dục, tôi ưa thích người đó. Nếu tôi không ác dục, không niệm dục thì người đó cũng ưa thích tôi." Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tàm vô quý, không sân tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, không khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, không phanh phui Tỳ-kheo cử tội mình, không nói lãng ngoài để để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phừng phực, không bằng hữu ác đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. "Chư Hiền, nếu có người không vong ân không biết ân thì tôi thích người đó, và nếu tôi không vong ân không biết ân thì người đó cũng ưa thích tôi." Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

Tỳ-kheo tự quan sát

– Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát như vầy tất sẽ

được nhiều lợi ích: "Ta có ác dục, niệm dục hay không có ác dục, niệm dục?"

– Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không thể vui mừng. Do đó mong cầu đoạn trừ dục.

– Này chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết mình không có ác dục, niệm dục tức thì vui mừng, rằng: "Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý." Vì vậy nên vui mừng.

– Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay bẩn. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì vui mừng rằng: "Mặt ta sạch." Vì vậy nên vui mừng. Chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không vui mừng và mong cầu đoạn trừ dục. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì vui mừng rằng "Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý." Vì vậy nên vui mừng. Cũng như thế, ta nhiễm và hành nhiễm hay không nhiễm và hành nhiễm? Cố ý phú tàng hay không cố ý phú tàng? Lường gạt dối trá hay không lường gạt dối trá? Xan tham tật đố hay không xan tham tật đố? Vô tàm vô quý hay không vô tàm vô quý? Sân tệ ác ý hay không sân tệ ác ý? Nói lời phẫn nộ hay không nói lời phẫn nộ? Cử tội Tỳ-kheo

cử tội hay không cử tội Tỳ-kheo cử tội? Khinh mạn Tỳ-kheo cử tội hay không khinh mạn Tỳ-kheo cử tội? Phanh phui Tỳ-kheo cử tội hay không phanh phui Tỳ-kheo cử tội? Nói lãng ngoài đề để tránh né hay không nói lãng ngoài đề để tránh né? Che giấu và hờn giận hay không che giấu và hờn giận? Thù ghét phừng phực hay không thù ghét phừng phực? Bằng hữu ác và đồng bọn ác hay không bằng hữu ác và đồng bọn ác? Vong ân không biết ân hay không vong ân không biết ân? Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được "Ta có vong ân không biết ân" thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng "Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý," cho nên vui mừng.

– Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay bẩn. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì được vui mừng rằng "Mặt ta sạch sẽ", cho nên vui mừng. Chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có vong ân không biết ân, thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng "Ta tự thanh tịnh, cầu học tôn pháp", cho nên vui mừng. Do vui mừng cho nên có hỷ, nhân hỷ nên thân khinh an,

do thân khinh an nên được cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên được định tâm.

– Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật, do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly, do yểm ly nên được vô dục, do vô dục nên được giải thoát, do giải thoát mà được tri kiến giải thoát, biết một cách như thật rằng "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ phụng hành.

(Trung A-hàm II – 89. Kinh Tỳ-kheo Thỉnh[10] – Tr.945)

3. NÓI VÀ IM NHƯ CHÁNH PHÁP

– Lành thay, lành thay! Các ngươi đã với tâm chánh tín xuất gia học đạo, nên làm hai việc: một là nói năng theo pháp Hiền thánh, hai là im lặng theo pháp Hiền thánh. Những điều các ngươi luận bàn phải nên như thế.

(Trường A-hàm I – 1. Kinh Đại Bản – Tr.16)

4. BÀ-LA-MÔN MẮNG PHẬT

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

---

[10] Tham chiếu Pāli (MN 15): 15. Kinh Tư lượng.

Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kì-ca, đến chỗ Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ lị, chỉ trích Phật.

Bấy giờ Thế Tôn bảo thiếu niên Tân-kì-ca:

– Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?

Tân-kì-ca bạch Phật:

– Có! Bạch Cù-đàm!

Phật bảo Tân-kì:

– Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực thì sẽ thế nào?

Tân-kì bạch Phật:

– Nếu không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi.

Phật bảo Tân-kì:

– Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai anh nói ra những lời mạ nhục, quở trách thô ác, bất thiện. Cuối cùng Ta không nhận, thì những lời trách mắng như vậy chúng sẽ thuộc về ai?

Tân-kì bạch Phật:

– Như vậy, bạch Cù-đàm, tuy người kia không nhận, nhưng vì đã tặng nhau nên coi như đã cho rồi.

Phật bảo Tân-kì:

– Như vậy, không gọi là quà tặng nhau, thì đâu được

gọi là cho nhau?

Tân-kì hỏi:

– Thế nào mới gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau? Thế nào gọi là không nhận quà tặng nhau, không gọi là cho nhau?

Phật bảo Tân-kì:

– Hoặc sẽ như vầy: mắng thì trả mắng, sân thì trả sân, đánh thì trả đánh, đấu thì trả đấu; gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau. Lại nữa, Tân-kì, hoặc mắng không trả mắng, sân không trả sân, đánh không trả đánh, đấu không trả đấu; nếu như vậy thì không phải là quà tặng nhau, không gọi là cho nhau.

Tân-kì bạch Phật:

– Bạch Cù-đàm, tôi nghe chuyện xưa có vị trưởng lão Bà-la-môn, kỳ cựu, được trọng vọng, là bậc Đại Sư hành đạo, nói: "Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác bị người mạ nhục, sân nhuế, chỉ trích trước mặt, vẫn không sân, không giận." Mà nay Cù-đàm có sân nhuế chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Không sân sao có sân,
Chánh mạng để chế ngự;
Chánh trí, tâm giải thoát,
Người trí tuệ không sân.
Người lấy sân báo sân,

Thì chính là người ác;
Không lấy sân báo sân,
Chế ngự giặc khó chế.
Không sân thắng sân nhuế,
Ba kệ nói như trước.

Bấy giờ, thiếu niên Tân-kì bạch Phật:

– Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Sa-môn Cù-đàm dám nói ra lời trách mắng, sân si, thô ác, bất thiện.

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

(Tạp A-hàm III – 34. Tương Ưng Bà-la-môn – Kinh 1052. Tân-kì-ca[11] – Tr.1755)

5. BÀ-LA-MÔN MẮNG PHẬT, NÉM CÁT VÀO PHẬT BỊ GIÓ THỔI NGƯỢC LẠI

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá, vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông.

---

[11] Đại Chánh, Kinh 1152. Tham chiếu Pāli (SN 7.2): Chương 7: Tương Ưng Bà-la-môn – I: Phẩm A-La-Hán Thứ Nhất – 2. Phỉ Báng.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu người không sân hận,
Thì mạ nhục đến đâu,
Vẫn sạch không dính bẩn,
Ác kia trở lại mình;
Giống như người tung bụi,
Ngược gió hoàn tự bẩn.

Lúc ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

– Bạch Cù-đàm, xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, sao ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời mạ lỵ, quở trách, thô ác, bất thiện!

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

(Tạp A-hàm III – 34. Tương Ưng Bà-la-môn
– Kinh 1054. Mạ Lỵ (2)[12] – Tr.1758)

6. TA KHÔNG TRANH LUẬN VỚI THẾ GIAN

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

– Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có.

---

[12] Đại Chánh, Kinh 1154. Tham chiếu Pāli (SN 7.4): Chương 7: Tương Ưng Bà-la-môn – I: Phẩm A-La-Hán Thứ Nhất – 4. Bilangika.

Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

– Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi; là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

– Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian, Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người mà phân biệt, giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian đã không biết, không thấy, đó không phải là lỗi của Ta.

– Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

– Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta

đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được.

(Tạp A-Hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 83. Ngã[13] – Tr.184)

7. CÁC THẦY CÃI NHAU

Một thời Đức Phật trú tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di đã nhiều lần cãi vã nhau. Do đó Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di rằng:

– Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ cãi vã nhau. Vì sao?

Nếu lấy tranh dứt tranh,
Đời nào dứt cho xong.
Nhẫn nhục dứt hận thù,
Đó là pháp tối thượng.

– Vì sao? Này các Tỳ-kheo, thuở xưa có vua nước Câu-sa-la, tên là Trường Thọ. Lại có vua nước Gia-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa. Hai vị quốc vương này đã nhiều lần gây chiến với nhau. Rồi quốc vương Phạm-ma-đạt-đa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy quân, vua Phạm-ma-đạt-đa đích thân kéo quân đi muốn gây chiến với vua Trường

[13] Đại Chánh, Kinh 37, Tham chiếu Pāli (SN 22.94): Chương 22: Tương Ưng Uẩn – V: Phẩm Hoa – 94. Bông Hoa (hay Tăng trưởng).

Thọ, nước Câu-sa-la.

Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vừa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi bổ sung quân số cho bốn loại quân ấy, lại muốn giao chiến với mình, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe vậy cũng dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đích thân xuất quân dẫn đến tận biên giới, dàn trận giao chiến, tức thời đánh tan quân đối phương. Bấy giờ vua Trường Thọ nước Câu-sa-la bắt trọn bốn loại quân của Phạm-ma-đạt-đa là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, lại bắt sống vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Bắt được liền phóng thích và nói với Phạm-ma-đạt-đa rằng:

– Ông là nạn nhân cùng đường, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa.

Vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Gia-xá lại ba lần dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau mỗi lần dấy quân với bốn loại quân, lại đích thân dẫn quân qua gây chiến với vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la.

Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vừa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy

quân, lại kéo đến gây chiến với mình. Vua Trường Thọ nghe tin như vậy liền nghĩ: "Ta đánh bại nó, cần gì đánh bại nữa. Ta đã hàng phục nó, nó đâu đủ sức để hàng phục ta. Ta đã hại nó, cần gì phải hại nữa. Ta chỉ cần với một cây cung không cũng đủ hàng phục nó."

Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghĩ như thế nên an nhiên không cần dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, và tự mình cũng không ra mặt trận.

Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá tiến quân đánh phá, bắt trọn bốn loại quân của vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Vua Trường Thọ nghe tin Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá đã tiến quân bắt trọn bốn loại quân của mình là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, lại nghĩ rằng: "Chiến tranh, thật là kỳ quái! Chiến tranh, thật là bạo ác. Vì sao? Chiến Thắng Lâm sẽ bị chiến Thắng Lâm; chế phục sẽ bị chế phục; tàn hại sẽ bị tàn hại. Vậy ta nay hãy đơn thân dẫn một người vợ cùng đi một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại."

Rồi vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đơn thân dẫn một người vợ cùng đi trên một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại. Vua Trường Thọ lại nghĩ: "Ta nay có lẽ nên từ thôn này qua thôn kia, từ ấp này qua ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều." Nghĩ vậy, vua Trường Thọ liền từ thôn này qua thôn khác, từ ấp này qua ấp nọ cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng

nghe nhiều nên vua đổi tên là Trường Thọ Bác sĩ.

Trường Thọ Bác sĩ lại nghĩ: "Những gì đáng học ta đã học rồi. Ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đến ở đường này hẻm kia với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ vô cùng hoan hỷ và thấy vui thích." Nghĩ xong, Trường Thọ Bác sĩ vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu nên các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được đều rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích.

Lúc ấy, các quyến thuộc của vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyến thuộc ngoài xa đến quyến thuộc ở giữa, rồi đến quyến thuộc bên trong và đến Bà-la-môn quốc sư, tất cả đều nghe. Khi được nghe, Bà-la-môn quốc sư cho gọi Trường Thọ Bác sĩ đến diện kiến.

Bấy giờ Trường Thọ Bác sĩ đi đến chỗ Bà-la-môn quốc sư, đứng quay mặt về phía quốc sư, với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Sau khi nghe, Bà-la-môn quốc sư rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Bà-la-môn quốc sư nói với Trường Thọ Bác sĩ:

– Từ nay ông có thể nương tựa vào ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

Trường Thọ Bác sĩ thưa rằng:

– Thưa Tôn giả, tôi còn có một người vợ, phải làm thế nào?

Bà-la-môn quốc sư nói với Bác sĩ:

– Bác sĩ, ông có thể đem đến ở nhà ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

Thế rồi Trường Thọ Bác sĩ dẫn vợ mình đến trú tại nhà Bà-la-môn quốc sư. Bà-la-môn quốc sư liền chu cấp đầy đủ.

Một thời gian sau, vợ của Trường Thọ Bác sĩ trong lòng rầu rĩ nghĩ rằng: "Ước gì có bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn xem khắp và cũng muốn uống nước mài gươm đao."

Vợ của Trường Thọ Bác sĩ nghĩ như vậy rồi, liền nói với Trường Thọ Bác sĩ rằng:

– Tôi cảm thấy trong lòng rầu rĩ, đang nghĩ thế này: "Ước gì thấy có bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua. Ta muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn uống nước mài dao."

Trường Thọ Bác sĩ nói với vợ rằng:

– Khanh chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chúng ta đã bị vua Phạm-ma-đạt-đa đánh bại, khanh nhờ đâu mà thấy được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để khanh xem cùng khắp và khanh lại được uống nước mài dao?

Bà vợ lại nói:

– Thưa Tôn quân, nếu được như thế thì tôi còn hy vọng

sống. Nếu không, chắc chắn phải chết chớ không có gì nghi ngờ nữa.

Trường Thọ Bác sĩ liền đến chỗ Bà-la-môn quốc sư, đứng quay mặt về phía quốc sư, vẻ mặt sầu thảm, bằng tiếng nói ai oán mà tấu lên các khúc nhạc. Bà-la-môn quốc sư nghe mà không được hoan hỷ. Bấy giờ Bà-la-môn quốc sư hỏi rằng:

– Này Bác sĩ, trước kia, ông đứng quay mặt về phía ta, với vẻ mặt vui tươi mà tấu lên âm thanh vi diệu. Nghe xong ta rất hoan hỷ, lấy làm vui thích. Nay ông vì sao lại đứng quay về phía ta với vẻ mặt sầu thảm, bằng âm thanh ai oán mà tấu lên khúc nhạc, ta nghe không được hoan hỷ. Này Trường Thọ Bác sĩ, thân ông không bệnh hoạn, ý ông không sầu não chứ?

Trường Thọ Bác sĩ thưa:

– Thưa Tôn giả, thân tôi không bệnh hoạn nhưng ý tôi sầu não. Tôn giả, vợ tôi trong lòng rầu rĩ, đã nghĩ thế này: "Em muốn thấy bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua. Em muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn uống nước mài dao." Tôi liền bảo rằng: "Khanh chớ nghĩ như thế. Vì sao? Ta nay thế này, khanh nhờ đâu mà được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để khanh xem cùng khắp và lại cũng được uống nước mài dao?" Vợ tôi lại nói rằng: "Thưa Tôn quân, nếu được như thế thì tôi

còn hy vọng sống. Nếu không thì chắc chắn sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa." Thưa Tôn giả, nếu vợ tôi mà không toàn mạng thì sao nỡ!

Bà-la-môn quốc sư bảo rằng:

– Này Bác sĩ, vợ ông, ta có thể gặp được không?

– Thưa Tôn giả, có thể được.

Thế rồi Bà-la-môn quốc sư cùng với Trường Thọ Bác sĩ đi đến chỗ bà vợ của Bác sĩ. Bấy giờ vợ của Trường Thọ Bác sĩ mang thai một người con có đức. Bà-la-môn quốc sư thấy vợ của Trường Thọ Bác sĩ đang mang thai một người con có đức nên quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay hướng về phía vợ của Bác sĩ khen ba lần rằng:

–Vua nước Câu-sa-la sẽ sinh! Vua nước Câu-sa-la sẽ sinh.

Rồi lại ra lệnh cho tả hữu không ai được phép tiết lộ cho người ngoài biết.

Bà-la-môn quốc sư nói tiếp:

– Này Bác sĩ, ông chớ ưu sầu. Ta sẽ cho vợ ông được thấy bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua và cũng được uống nước mài dao.

Rồi Bà-la-môn quốc sư đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Gia-xá, thưa rằng:

– Tâu Thiên vương, nên biết cho rằng, có vì sao hữu đức xuất hiện. Mong Thiên vương cho dàn bốn loại quân

trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành và biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Mong Thiên vương đích thân thị sát. Tâu Thiên vương, nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt.

Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá liền ra lệnh cho tướng quân:

– Các khanh nên biết, có vì sao hữu đức xuất hiện, các khanh hãy tức khắc dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành, biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Ta sẽ đích thân quan sát. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt.

Bấy giờ tướng quân tuân lệnh vua, dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành, biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Vua Phạm-ma-đạt-đa liền đích thân thị sát. Nhờ đó, vợ của Trường Thọ Bác sĩ thấy được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để biểu dương và cũng được uống nước mài dao. Sau khi uống nước mài dao, lòng sầu muộn liền tiêu, tiếp đến hạ sinh người con có đức, đặt tên tự là Trường Sinh Đồng tử, gởi cho người khác bí mật nuôi nấng và lần hồi lớn khôn.

Nếu có các vị vua Sát-lợi Đảnh Sinh chỉnh trị thiên hạ với một quốc độ lớn, có đủ các tài nghệ như cỡi voi, chế ngự, dong xe, chơi bắn cung, đánh bằng tay, ném dây, ném móc câu, ngồi kiệu; các thứ tài nghệ tuyệt diệu như thế,

Trường Sinh Đồng tử đều biết đầy đủ. Với tất cả các loại xảo diệu nào, nếu Trường Sinh đụng đến, thảy đều vượt hẳn mọi người; dũng mãnh và cương nghị hơn đời, thông minh xuất chúng. Bao nhiêu điều bí ẩn sâu xa, không có điều gì là không thông suốt tinh tường.

Lúc ấy, Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Trường Thọ vua nước Câu-sa-la đổi tên là Bác sĩ và đang ở tại Ba-la-nại liền ra lệnh cho tả hữu:

– Các khanh hãy cấp tốc đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói thúc ké hai tay, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như tiếng lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết rồi dẫn ra khỏi cửa thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao mà cật vấn.

Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói hai tay ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết rồi dẫn ra cửa thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao rồi cật vấn. Lúc ấy, Trường Sinh Đồng tử đi theo cha, lúc bên tả, lúc bên hữu, thưa với cha rằng:

– Thiên vương chớ sợ. Thiên vương chớ sợ! Con ở đây, chắc chắn cứu được, chắc chắn cứu được.

Trường Thọ vua nước Câu-sa-la bảo con:

– Đồng tử nên nhẫn, Đồng tử nên nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ.

Mọi người nghe vua Trường Thọ nói như vậy liền hỏi:

– Vua muốn nói những gì như thế?

Vua nói:

– Đồng tử này thông minh, chắc chắn hiểu lời ta nói.

Thế rồi Trường Sinh Đồng tử khuyên những người hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

– Chư vị, hãy bố thí tu phước mà chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn, giải thoát.

Bấy giờ các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại, theo lời khuyến khích của Trường Sinh Đồng tử, bố thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ an ổn giải thoát.

Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này bố thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ được an ổn, giải thoát thì vô cùng sợ hãi, tóc lông dựng đứng, nghĩ rằng: "Mong những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này không phản lại ta chăng? Nhưng hãy gác lại việc kia, nay ta trước hết phải cấp tốc tiêu diệt sự việc này."

Rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá hạ lệnh cho tả hữu:

– Các khanh hãy cấp tốc đi giết vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, chặt ra làm bảy đoạn.

Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đi giết vua Trường Thọ, chặt thành bảy đoạn. Bấy giờ Trường Sinh Đồng tử nói với các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

– Các vị xem đấy, vua nước Gia-xá Phạm-ma-đạt-đa tàn ác vô đạo. Nó chặt cha ta, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội. Nó cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta. Vì thù hận cay độc mà giết người, chặt thành bảy đoạn một cách oan uổng. Các vị nên đến dùng lụa mới, quấn nhiều lớp, bọc kín thi hài bảy đoạn, liệm cho cha ta; dùng tất cả các cây hương thơm chất đống để hỏa táng và lập miếu đường để thờ. Phải vì cha ta mà gởi thư cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng, Trường Sinh Đồng tử con vua nước Câu-sa-la báo cho vua biết, ngươi không sợ sau này con cháu gieo họa cho chăng?

Rồi thì những nhà hào quý ở thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sinh Đồng tử, dùng lụa mới xếp nhiều lớp liệm lấy thi hài bảy đoạn ấy, dùng các loại hương thơm chất đống hỏa táng rồi lập miếu mà thờ, và cũng viết thư gởi cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng: "Trường Sinh Đồng tử, con vua nước Câu-sa-la bảo rằng, ngươi không sợ sau này bị con cháu gieo họa cho chăng?"

Bấy giờ vợ của vua Trường Thọ nói với Trường Sinh Đồng tử:

– Con nên biết, vua nước Gia-xá là Phạm-ma-đạt-đa, là kẻ tàn bạo, vô đạo, bắt cha con là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước con, lại vì thù hận cay độc giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Này Đồng tử, con hãy đến đây cùng ta, dong một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại này. Nếu không đi thì tai họa sẽ đến với con.

Thế rồi vợ của Trường Thọ cùng với Đồng tử cùng dong một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại. Bấy giờ Trường Sinh Đồng tử nghĩ rằng: "Ta nên đến thôn này, qua thôn kia để cầu học rộng nghe nhiều."

Nghĩ xong, Trường Sinh Đồng tử liền đi từ thôn này qua thôn nọ để cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng nghe nhiều, nên đổi tên khác là Trường Sinh Bác sĩ.

Trường Sinh Bác sĩ lại nghĩ: "Điều cầu học ta đã học xong, có lẽ ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ hoan hỷ và cảm thấy vui thích."

Nghĩ vậy, Trường Sinh Bác sĩ liền vào đô ấp Ba-la-nại đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, hoan hỷ vô cùng và cảm thấy vui thích.

Bấy giờ các quyến thuộc của vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyến thuộc ngoài xa đến quyến thuộc

khoảng giữa và quyến thuộc bên trong, Bà-la-môn quốc sư, lần hồi thấu đến tai vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Sau khi nghe đến, vua liền gọi vào diện kiến.

Thế rồi Trường Sinh Bác sĩ đi đến chỗ vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, đứng quay về phía vua với vẻ mặt tươi cười, tấu lên bằng âm thanh vi diệu. Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe như thế hoan hỷ vô cùng, lấy làm vui thích, rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nói với Bác sĩ rằng:

– Khanh từ nay có thể nương tựa vào ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

Khi ấy, Trường Sinh Bác sĩ nương tựa vào vua và được cung cấp đầy đủ. Về sau vua lại hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiếm hộ thân trao cho Trường Sinh Bác sĩ.

Vào một lúc, Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá bảo người đánh xe:

– Ngươi hãy sửa soạn xa giá. Ta muốn đi săn bắn.

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu rằng:

– Con đã sửa soạn xa giá xong, xin theo ý Thiên vương.

Thế rồi Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá và Trường Sinh Bác sĩ cùng ngồi vào cỗ xe ra đi. Trường Sinh Bác sĩ nghĩ rằng: "Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của ta, và vì

thù hận cay độc mà giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Ta bây giờ nên đánh xe tách ra khỏi bốn loại quân, đi đến một nơi khác."

Khi ấy vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vì vất vả trải qua con đường lầy lội, gió nóng bức bách nên cảm thấy khát nước, mệt nhọc quá đỗi, muốn nằm, liền xuống xe, gối vào đầu gối của Trường Sinh Bác sĩ mà ngủ. Trường Sinh Bác sĩ nghĩ rằng: "Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá này vô đạo, tàn bạo. Nó bắt cha ta là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta và vì thù hận cay độc mà giết người chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Thế mà ngày nay nó đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán." Trường Sinh Bác sĩ nghĩ như vậy, liền tuốt gươm báu, dí vào cổ Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá mà nói rằng:

– Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!

Trường Sinh Bác sĩ lại nghĩ: "Ta không làm đúng. Vì sao? Nhớ lại ngày trước, khi ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo ta rằng: Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ." Nhớ lại như vậy, Bác sĩ bèn thu gươm, tra vào vỏ.

Trong lúc đó, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá mộng thấy Trường Sinh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la tay cầm gươm bén dí vào cổ mình mà nói rằng: "Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!" Thấy vậy, vua sợ

hãi, tóc lông dựng đứng, liền kinh hoàng chợt tỉnh, nói với Trường Sinh Bác sĩ:

– Ngươi có biết không, ta trong chiêm bao thấy Trường Sinh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la tay cầm kiếm bén dí vào cổ ta, nói rằng: "Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!" Nghe xong, Trường Sinh Đồng tử thưa rằng:

– Thiên vương chớ sợ! Thiên vương chớ sợ! Vì sao? Trường Sinh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la chính là thần đây. Thiên vương, thần nghĩ rằng: "Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Gia-xá tàn bạo, vô đạo, bắt cha ta, một người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta, và vì thù hận cay độc mà giết cha ta, chặt người ra làm bảy đoạn một cách oan uổng, mà nay chính nó đã nằm trong tay ta, ta nghĩ phải báo oán." Tâu Thiên vương, thần liền rút gươm dí vào cổ Thiên vương mà nói rằng: "Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!" Thiên vương, thần lại nghĩ: "Ta làm không đúng. Vì sao? Nhớ ngày trước, ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo rằng: Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ." Nhớ lại như vậy nên thần thu gươm tra vào vỏ.

Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

– Này Đồng tử, khanh nói rằng: "Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn!" Ta đã rõ nghĩa ấy. Nhưng Đồng tử

lại nói: "Chớ khởi oán kết, mà phải thực hành nhân từ", là nghĩa thế nào?

Trường Sinh Đồng tử đáp:

– Tâu Thiên vương, chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ, chính là việc làm này vậy.

Nghe xong, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

– Này Đồng tử, từ ngày hôm nay ta đem đất nước mà ta đang chỉnh lãnh trao hết cho khanh. Vì sao? Vì khanh đã làm một việc quá khó là đã ban ân huệ cho mạng sống của ta.

Trường Sinh Đồng tử nghe vậy liền thưa:

– Bổn quốc của Thiên vương thì thuộc về Thiên vương. Bổn quốc của thân phụ hạ thần thì mới có thể giao hoàn lại cho hạ thần.

Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá cùng với Trường Sinh Đồng tử lên xe trở về, vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, vua bảo các cận thần:

– Này các khanh, nếu bắt gặp Trường Sinh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì các khanh sẽ xử sự như thế nào?

Cận thần nghe vậy, có người tâu rằng:

– Tâu thiên vương, nếu bắt gặp nó thì sẽ chặt tay.

Có người lại tâu:

– Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì chặt chân.

Có người tâu:

– Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì giết.

Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

– Các khanh, muốn gặp Trường Sinh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì ở đây này. Các khanh chớ khởi ác ý với Đồng tử này. Vì sao? Vì Đồng tử đã làm một việc rất khó là đã tha mạng sống cho ta.

Thế rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá dùng nước tắm của vua tắm gội cho Trường Sinh Đồng tử, cho thoa bằng bột hương của vua, cho mặc y phục của vua, mời ngồi lên ngự sàng bằng vàng, đích thân vua Phạm-ma-đạt-đa và vợ con trở về bổn quốc.

– Này Tỳ-kheo, các quốc vương Sát-lợi Đảnh Sinh ấy làm chủ đại quốc, chỉnh trị thiên hạ mà tự thực hành hạnh nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ. Này chư Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng nên làm như vậy. Các ngươi đã chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, hãy nên thực hành hạnh nhẫn nhục, lại xưng tán nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ.

(Trung A-hàm II – 72. Kinh Trường Thọ Vương Bổn Khởi – Tr.725)

8. DO ĐÂU MIỆNG NÓI LỜI HUNG ÁC?

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có một thôn trưởng Hung Ác[14] đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

– Vì không tu pháp gì, nên sinh sân nhuế đối với người khác; do sinh sân nhuế, nên miệng nói lời ác; người ta vì vậy mà gọi nó là Ác Tánh?

Phật nói với thôn trưởng:

– Vì không tu chánh kiến nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do sinh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì vậy mà gọi nó là Ác Tánh. Vì không tu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do sinh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì vậy gọi nó là Ác Tánh.

Lại hỏi Thế Tôn:

– Phải tu tập pháp gì để không sân nhuế đối với người khác. Do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện; người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện?

Phật nói với thôn trưởng:

– Vì tu chánh kiến, nên không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện,

---

[14] Pāli: Caṇḍo gāmiṇi. Sớ giải: một thôn chủ tên là Caṇḍo.

người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nên không sân đối với người khác. Do không sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện.

Thôn trưởng Hung Ác bạch Phật:

– Kỳ diệu thay Thế Tôn, Ngài khéo nói những lời này. Vì tôi không tu chánh kiến, nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do sinh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Vì tôi không tu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do đã sinh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì vậy mà gọi tôi là Ác Tánh. Cho nên từ nay tôi sẽ từ bỏ sân nhuế thô bạo.

Phật nói với thôn trưởng:

– Đây là điều chân thật.

(Tạp A-hàm III – 42. Tương Ưng Tụ Lạc Chủ – Kinh 1291. Hung Ác[15] – Tr.2207)

9. TỲ-KHEO TRANH CÃI

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Người xuất gia có cuộc sống thấp hèn; cạo tóc, ôm

[15] Đại Chánh, Kinh 910. Tham chiếu Pāli (SN 42.1): Chương 42: Tương Ưng Thôn Trưởng – 1. Canda (Tàn bạo).

bát, khất thực từng nhà, cũng như bị cấm chú. Sở dĩ như vậy, là vì muốn cầu mục đích cao thượng, muốn thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, tận cùng biên tế của khổ.

– Này các thiện nam, các ngươi không vì vua, giặc sai sử, không vì mắc nợ người, không vì khủng bố, không vì mất mạng mà xuất gia, mà chính vì muốn giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ. Các ngươi há không vì mục đích ấy mà xuất gia chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo các ngươi, vì mục đích cao thượng như vậy mà xuất gia, vậy tại sao ở đây lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sinh ra nhiễm đắm quá mức, sân nhuế, hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm, không định, các căn mê loạn?

– Cũng như người từ tối tăm mà vào tối tăm; từ mờ mịt vào mờ mịt; từ hầm phẩn ra rồi lại rơi vào hầm phẩn; dùng máu rửa máu; lìa bỏ các việc ác, rồi trở lại nắm lấy các việc ác. Ta nói những thí dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như vậy.

– Lại cũng như củi thiêu tử thi, bị ném bỏ trên gò mả, không bị tiều phu thu gom. Ta nói thí dụ này, đối với Tỳ-kheo phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sinh ra đắm

nhiễm quá mức, sân nhuế hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm không định, các căn tán loạn, cũng lại như vậy.

– Này các Tỳ-kheo, có ba pháp bất thiện tầm, đó là: tham tầm, nhuế tâm, hại tầm. Ba tầm này do tưởng mà sinh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có vô lượng thứ: tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng… Các pháp bất thiện tầm từ đây sinh khởi. Này các Tỳ-kheo, tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; tham tầm, nhuế tầm, hại tầm, và vô lượng thứ bất thiện, làm sao để diệt sạch rốt ráo? Hãy buộc tâm vào bốn niệm xứ, hãy an trụ nơi vô tưởng tam muội, tu tập, tu tập nhiều. Pháp ác bất thiện từ đây diệt hết, dứt sạch không còn sót, là chính nhờ ở pháp này.

(Tạp A-hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 49. Trách Chư Tưởng[16] – Tr.124)

[16] Đại Chánh, Kinh 272. Tham chiếu Pāli (SN 22.80): Chương 22: Tương Ưng Uẩn – III: Phẩm Những Gì Được Ăn – 80. Người Khất Thực.

CHƯƠNG 15

Ý NGHIỆP

1. TÂM TỊNH CÕI TỊNH

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành nhân gian, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đến Y-xa-năng-già-la, thôn Bà-la-môn ở Câu-tát-la. Ngài nghỉ đêm trong rừng Y-xa.

I. Tranh Chấp Dị Luận

1. Hai thanh niên Bà-la-môn

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Phất-già-la-sa-la, Bà-la-môn tên Đa-lê-xa, có duyên sự nên cùng đến thôn Y-xa-năng-già-la. Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la này, từ bảy đời nay cha mẹ chân chính không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Trong số đó có một đệ tử tên Bà-tất-tra, từ bảy đời nay cha mẹ chân chính không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ; cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Bà-la-môn Đa-lê-xa cũng từ bảy đời nay cha mẹ chân chính không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, cũng giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ. Ông cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Trong số đó có một đệ tử tên Phả-la-đọa từ bảy đời nay cha mẹ chân chính không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ; cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Lúc bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người vào lúc tảng sáng đi đến khu vườn cùng nhau bàn luận. Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa:

– Con đường của tôi là chân chính, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm Thiên. Đó là điều mà Đại sư Phất-già-la-sa-la Bà-la-môn dạy.

Phả-la-đọa lại nói:

– Con đường của tôi chân chính, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm Thiên. Đó là điều mà Đại sư Đa-lê-xa Bà-la-môn dạy.

Như vậy, Bà-tất-tra ba lần tự khen đạo mình chân chính. Phả-la-đọa cũng ba lần tự khen đạo mình chân chính. Hai người cùng bàn luận mà không thể quyết định.

Rồi Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa rằng:

– Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm, con nhà dòng họ Thích, xuất gia và đã thành Đạo, ở Câu-tát-la, du hành nhân gian, nay đang nghỉ tại rừng Ya-xa-năng-già-la. Ngài có tiếng tăm lớn, lưu truyền khắp thiên hạ, rằng, Ngài là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, tự mình chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người khác; pháp ấy khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối thảy đều thiện xảo, nghĩa và vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân nhân như vậy, ta nên đến thăm viếng. Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm kia biết con đường Phạm Thiên, có thể giảng thuyết cho người. Ngài thường nói chuyện, trao đổi với Phạm Thiên. Chúng ta hãy cùng nhau đi đến Cù-đàm để giải quyết ý nghĩa này. Nếu Sa-môn có nói điều gì, chúng ta sẽ vâng nhớ.

2. Diện kiến Phật

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người theo nhau đi vào rừng Y-xa-năng-già-la, đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn biết ý nghĩ trong lòng hai người, bèn hỏi Bà-tất-tra:

– Các ngươi hai người vào lúc tảng sáng đi vào khu vườn, cùng nhau thảo luận như vậy, cùng bài bác lẫn nhau. Một người nói: "Con đường của tôi chân chính, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm Thiên. Đó là điều mà Đại sư Phất-già-la-sa-la Bà-la-môn dạy." Người kia nói: "Con đường của tôi chân chính, có khả năng xuất yếu,

dẫn đến Phạm Thiên. Đó là điều mà Đại sư Đa-lê-xa Bà-la-môn dạy." Như vậy ba lần, các ngươi bài bác nhau. Có sự việc như vậy không?

Bà-tất-tra và Phả-la-đọa khi nghe lời này của Phật thảy đều kinh ngạc, lông tóc dựng đứng, trong lòng nghĩ thầm: "Sa-môn Cù-đàm có đại thần đức, biết trong tâm người. Những điều mà chúng ta muốn thảo luận, Sa-môn Cù-đàm đã nói trước rồi." Rồi Bà-tất-tra bạch Phật:

– Con đường này và con đường kia, đều tự xưng là chân chính, đều có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm Thiên. Điều mà Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la nói đúng hay điều mà Đa-lê-xa nói đúng?

Phật nói:

– Giả sử, Bà-tất-tra, con đường này, con đường kia đều chân chính, xuất yếu, dẫn đến Phạm Thiên, các ngươi sao lại đi vào khu vườn lúc tảng sáng mà bài bác lẫn nhau, cho đến ba lần?

Bà-tất-tra bạch Phật:

– Có những Bà-la-môn thông ba minh[1] giảng thuyết các con đường khác nhau, con đường tự tại dục, con đường tự tác, con đường Phạm Thiên. Cả ba con đường ấy đều dẫn đến Phạm Thiên. Cũng như những con đường trong xóm, tất cả đều dẫn về thành, các Bà-la-môn tuy

---

[1] Tam minh Bà-la-môn Pāli: tevijja-brāhmaṇa, Bà-la-môn tinh thông ba bộ Veda.

nói những con đường khác nhau, nhưng đều hướng đến Phạm Thiên.

II. Truyền Thuyết Hay Chứng Tri

1. Truyền thuyết

Phật hỏi Bà-tất-tra:

– Có phải các con đường kia thảy đều thú hướng Phạm Thiên?

Đáp: "Thảy đều thú hướng."

Phật lặp lại câu hỏi ba lần:

– Có phải các con đường kia thảy đều thú hướng Phạm Thiên?

Đáp: "Thảy đều thú hướng."

Thế Tôn sau khi đã xác định lời ấy rồi, bèn hỏi Bà-tất-tra:

– Thế nào, trong số các Bà-la-môn tinh thông tam minh, có ai đã từng thấy Phạm Thiên chưa?

Đáp: "Không có ai thấy."

– Thế nào, Bà-tất-tra, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh, có ai từng thấy Phạm Thiên chưa?

Đáp: "Không ai thấy."

– Thế nào, Bà-tất-tra, các Bà-la-môn kì cựu, các tiên nhân thông tam minh thời cổ, đọc tụng thông suốt, có thể thuyết cho người khác nghe các tán tụng cổ, các ca vịnh,

thi thư, những vị có tên là A-tra-ma Bà-la-môn, Bà-ma-đề-bà Bà-la-môn, Tì-bà-mật-đa Bà-la-môn, Y-ni-la-tư Bà-la-môn, Xà-bà-đề-già Bà-la-môn, Bà-tất Bà-la-môn, Ca-diệp Bà-la-môn, A-lâu-na Bà-la-môn, Cù-đàm-ma Bà-la-môn, Thủ-chỉ Bà-la-môn, Bà-la-tổn-đà Bà-la-môn; những vị này có được thấy Phạm Thiên không?

Đáp: "Không có ai thấy."

Phật nói:

– Nếu trong các Bà-la-môn thông tam minh kia, không một ai từng thấy Phạm Thiên; tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh cũng không thấy Phạm Thiên, các Bà-la-môn thông tam minh, những cựu tiên nhân, như A-tra-ma vân vân, cũng không một ai thấy Phạm Thiên, thế thì biết rằng những điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói không phải là sự thật.

2. Như luyến ái người nữ vô hình

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

– Như có một người dâm, nói rằng: "Tôi cùng với người nữ đẹp đẽ kia thông giao, ca ngợi dâm pháp." Những người khác liền hỏi: "Ông có biết người nữ ấy không? Cô ấy ở đâu? Phương Đông, phương Tây, phương Nam, hay phương Bắc?" Đáp: "Không biết." Lại hỏi: "Ông có biết đất, đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy ở không?" Đáp: "Không biết." Lại hỏi: "Ông có biết cha mẹ cô ấy tên gì không?" Đáp: "Không biết." Lại hỏi: "Ông có biết người

nữ ấy là Sát-lợi, hay Bà-la-môn, hay cư sĩ, hay Thủ-đà-la không?" Đáp: "Không." Lại hỏi: "Ông có biết người nữ ấy cao hay thấp, mập hay gầy, đen hay trắng, đẹp hay xấu không?" Đáp: "Không." Thế nào, Bà-tất-tra, sự ca ngợi của người kia có phải sự thật không?

Đáp: "Không thật."

– Như vậy, Bà-tất-tra, những điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói cũng như vậy, không có sự thật. Thế nào, Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh của ngươi nhìn thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, bèn chắp tay cúng dường, và như thế mà có thể nói như vầy: "Con đường này chân chính, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng" được chăng?

Đáp: "Thật vậy, Bà-la-môn thông tam minh nhìn thấy chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, rồi chắp tay cúng dường, nhưng không thể nói như vầy: "Con đường này chân chính, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng""

Phật nói:

– Như vậy, Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh nhìn thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chắp tay cúng dường, nhưng không thể nói như vầy: "Con đường này chân chính, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng." Nhưng lại thường chắp tay cúng dường cung kính, há không phải là hư dối sao?

Đáp: "Thật vậy, thưa Cù-đàm, kia thật sự hư dối."

3. Như bắt thang lên hư không

Phật nói:

– Ví như có người dựng thang nơi khoảng đất trống; những người khác hỏi: "Ngươi bắt thang làm gì?" Đáp: "Tôi muốn lên nhà trên." Hỏi: "Nhà ở chỗ nào? Đông, hay Tây, hay Nam, hay Bắc?" Đáp rằng: "Không biết."

– Thế nào, Bà-tất-tra, người ấy dựng thang để lên nhà, há không phải là hư dối sao?

Đáp: "Thật vậy, kia thật sự hư dối."

Phật nói:

– Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, hư dối không thật.

– Bà-tất-tra, đây là năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích. Những gì là năm? Sắc thấy bởi mắt, rất đáng yêu thích. Tiếng nghe bởi tai, hương ngửi bởi mũi, vị nếm bởi lưỡi, xúc chạm bởi thân, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền Thánh của Ta, được gọi là chấp trước, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa, và xướng lên rằng: "Xin tiếp đỡ tôi sinh lên Phạm Thiên", không có trường hợp ấy.

4. Như qua sông A-di-la

– Ví như con sông A-di-la, có mức nước ngang bờ. Có người ở bờ bên này, mình bị quấn chặt, kêu suông bờ bên kia rằng: "Bờ ơi! Lại đây, đưa tôi sang!" Bờ kia có đến đưa người ấy sang không?

Đáp: "Không."

– Bà-tất-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền Thánh của Ta, được gọi là chấp trước, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa, và xướng lên rằng: "Xin tiếp đỡ tôi sinh lên Phạm Thiên", thì cũng giống như vậy. Trọn không thể xảy ra.

– Bà-tất-tra, ví như con sông A-di-la, nước tràn ngang bờ, con quạ có thể uống được. Có người muốn sang, không bằng vào sức của tay chân, thân mình, không nhân thuyền bè, mà có thể sang được không?

Đáp: "Không."

– Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, không tu hạnh thanh tịnh của Sa-môn, lại tu theo hạnh không thanh tịnh của đạo khác, mà muốn cầu sinh Phạm Thiên, không có trường hợp đó.

– Bà-tất-tra, cũng như nước trong núi vọt mạnh ra, cuốn trôi khá nhiều nhân dân, vả lại không có thuyền,

bè, cũng không có cầu bến. Người kia nghĩ thầm: "Ta nên thâu lượm thật nhiều cỏ và cây, buộc thành chiếc bè thật chắc chắn, rồi bằng sức của thân mình mà sang bờ một cách an ổn." Bà-tất-tra, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo xả hạnh bất tịnh phi Sa-môn, tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn, muốn sinh Phạm Thiên; trường hợp ấy có xảy ra.

5. Điều kiện cộng trú với Phạm Thiên

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: "Không có nhuế tâm."

– Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: "Có nhuế tâm."

– Bà-tất-tra, Phạm Thiên không có nhuế tâm. Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm. Nhuế tâm và không nhuế tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm Thiên và Bà-la-môn không sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: "Không có sân tâm."

– Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: "Có sân tâm."

– Bà-tất-tra, Phạm Thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm Thiên và Bà-la-môn không sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: "Không có hận tâm."

– Bà-la-môn thông tam minh có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: "Có hận tâm."

Phật nói:

– Phạm Thiên không có hận tâm. Bà-la-môn thông tam minh có hận tâm. Hận tâm và không hận tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm Thiên và Bà-la-môn không sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có gia thuộc, sản nghiệp không?

Đáp: "Không."

– Bà-la-môn tam minh có gia thuộc, sản nghiệp không?"

Đáp: "Có."

Phật nói:

– Phạm Thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Bà-la-

môn thông tam minh có gia thuộc, sản nghiệp. Người có gia thuộc, sản nghiệp và người không gia thuộc, sản nghiệp không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm Thiên và Bà-la-môn không sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có được tự tại hay không được tự tại?

Đáp: "Được tự tại."

– Bà-la-môn tam minh có được tự tại, hay không được tự tại?

Đáp: "Không được tự tại."

Phật nói:

– Phạm Thiên được tự tại. Bà-la-môn thông tam minh không được tự tại. Người được tự tại và người không được tự tại cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm Thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Phật lại nói:

– Bà-la-môn tam minh kia, giả sử có người đến hỏi ý nghĩa sâu xa, không thể trả lời đầy đủ, có thật như vậy không?

Đáp: "Thật như vậy."

III. Phật Thuyết Đường Lên Phạm Thiên

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người đều bạch Phật rằng:

– Hãy để sang một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm Thiên, có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm Thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm Thiên, xin khai thị, phô diễn.

1. Người chỉ đường

Phật nói với Bà-tất-tra:

– Ta nay hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Thế nào, Bà-tất-tra, nước Tâm Niệm kia cách đây gần hay xa?

Đáp: "Gần."

– Giả sử có người sinh trưởng ở nước này được người khác hỏi đường đi đến nước này. Thế nào, Bà-tất-tra, người sinh trưởng ở nước ấy trả lời đường đi cho người hỏi kia, há có đáng nghi ngờ chăng?

Đáp: "Không nghi. Vì sao? Vì y sinh trưởng ở nước này."

Phật nói:

– Dù cho người sinh trưởng ở nước này hay nước kia cũng có thể đáng nghi ngờ, nhưng nếu có người hỏi Ta về con đường Phạm Thiên, không có điều gì nghi ngờ. Vì sao? Ta đã từng nhiều lần nói về con đường Phạm Thiên ấy.

Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, cả hai cùng bạch Phật:

– Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm Thiên, có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm Thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm Thiên, xin khai thị, phô diễn.

Phật nói:

– Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ nói cho ngươi nghe.

Đáp: "Kính vâng. Xin vui lòng được nghe."

2. Bốn Phạm trụ

Phật nói:

– Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, đầy đủ mười hiệu,…*(cho đến)*, tứ thiền, ở ngay trong đời này mà hưởng thọ an lạc. Vì sao? Ấy do tinh cần, chánh niệm, chánh tri, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Vị ấy với từ tâm tràn khắp một phương; các phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không hận, vô hại, an trú với tâm ấy và hưởng thọ an lạc. Bi, hỷ, xả tâm biến mãn một phương, phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không kết hận, không có ý não hại, an trú với tâm ấy và hưởng thọ an lạc.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có nhuế tâm không?

Đáp: "Không."

– Tỳ-kheo hành từ tâm có nhuế tâm, hay không có nhuế tâm?

Đáp: "Không có nhuế tâm."

Phật nói:

– Phạm Thiên không có nhuế tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có nhuế tâm. Không nhuế tâm và không nhuế tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm Thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: "Không."

– Tỳ-kheo hành từ tâm có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: "Không có sân tâm."

Phật nói:

– Phạm Thiên không có sân tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có sân tâm. Không sân tâm và không sân tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm Thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: "Không."

– Tỳ-kheo hành từ tâm có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: "Không có hận tâm."

Phật nói:

– Phạm Thiên không có hận tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có hận tâm. Không hận tâm và không hận tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Tỳ-kheo và Phạm Thiên cùng sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có gia thuộc sản nghiệp hay không?

Đáp: "Không."

Lại hỏi:

– Tỳ-kheo hành từ tâm có gia thuộc, sản nghiệp hay không?

Đáp: "Không có gia thuộc, sản nghiệp."

Phật nói:

– Phạm Thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Tỳ-kheo hành từ tâm không có gia thuộc, sản nghiệp. Không gia thuộc, sản nghiệp và không gia thuộc, sản nghiệp cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm Thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

– Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm Thiên có được tự tại không?

Đáp: "Được tự tại."

Lại hỏi:

– Tỳ-kheo hành từ tâm có được tự tại không?

Đáp: "Được tự tại."

Phật nói:

– Phạm Thiên được tự tại. Tỳ-kheo hành từ tâm được tự tại. Được tự tại và được tự tại cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm Thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

– Nên biết, Tỳ-kheo hành từ tâm, khi thân hoại mạng chung, trong khoảnh khắc như mũi tên được bắn đi, sinh lên Phạm Thiên.

Khi Phật nói kinh này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, phát sinh con mắt thấy pháp ở trong các pháp. Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trường A-hàm II – 26. Kinh Tam Minh[2] – Tr.719)

2. TÁM THỨ LÀM ĐỘNG TÂM

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có tám pháp thế gian theo đó chúng sinh xoay

[2] Tham chiếu Pāli (DN 13): 13. Kinh Tevijjā (Tam minh).

chuyển. Những gì là tám? 1. lợi, 2. hại, 3. vinh, 4. nhục, 5. khen, 6. chê, 7. khổ, 8. lạc. Tỳ-kheo, đó là có tám pháp mà thế gian theo đó xoay chuyển. Các Tỳ-kheo, hãy nên tìm cầu phương tiện trừ tám pháp này.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 43. Phẩm Thiên Tử Mã Huyết – Kinh số 8[3] – Tr.210)

3. NĂM XUẤT YẾU GIỚI

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm xuất yếu giới[4]. Những gì là năm?

1. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không thân cận với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sinh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra, bị vứt bỏ đi; không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm.

A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát dục. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng

---

[3] Tham chiếu Pāli (AN 8.5): I. Phẩm Từ – (V) (5) Tùy Chuyển Thế Giới (1).
[4] Năm xuất yếu hay xuất ly giới Pāli: pañca nissāraṇiyā dhātuyo, năm giới hạn cần phải thoát ly.

theo dục, không vui say trong dục, không thân cận với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sinh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. Vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự dục. Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, thân cận vô dục, quyết tâm nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, giải chúng, thoát chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa, tức các cảm thọ sinh ra bởi dục. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi dục. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ nhất.

2. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không thân cận với sân nhuế, không quyết tâm nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sân nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sân nhuế.

A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra.

A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát

sân nhuế nên tâm không hướng theo nhuế, không vui say nhuế, không quyết định nơi nhuế. Tâm nhuế vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi, vị ấy không an trụ nơi nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự nhuế. Vị ấy quán sát vô nhuế, tâm hướng về vô nhuế, vui say vô nhuế, thân cận vô nhuế, quyết định nơi vô nhuế, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sinh ra bởi nhuế. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi nhuế. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ hai.

3. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không thân cận với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự não hại.

A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra.

A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát não hại. Vị ấy do cực kỳ quán sát não hại

nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không thân cận với hại, không quyết định nơi hại. Tâm hại vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hại. Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng về vô hại, vui say vô hại, thân cận vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sinh ra bởi hại. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi hại. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ ba.

4. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say trong sắc, không thân cận với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sinh, tức thì bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc.

A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra.

A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc. Vị ấy do cực kỳ quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say sắc, không thân cận với sắc,

không quyết định nơi sắc. Tâm sắc vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, thân cận vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sắc mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sinh ra bởi sắc. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi sắc. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ tư.

5. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng khéo léo, quán sát hữu thân[5] một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hữu thân nên tâm không hướng theo hữu thân, không vui say trong hữu thân, không thân cận với hữu thân, không quyết định nơi hữu thân. Khi hữu thân vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hữu thân.

A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra.

A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt

---

[5] Hữu thân: Tự thân của mình.

quán sát hữu thân. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hữu thân nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, không quyết định nơi thân. Hữu thân vừa sinh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô thân, vui say vô thân, thân cận vô thân, quyết định vô thân, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục thân, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do thân mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sinh ra bởi thân. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi thân. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ năm.

A-nan, năm xuất yếu giới này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm xuất yếu giới này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A-hàm II –86. Kinh Thuyết Xứ – Tr.904)

4. PHẬT KHÔNG VUI, BUỒN

Một thời, Phật ở tại tháp Ưu-la-đề-na của họ Thích.

Bấy giờ Thế Tôn mới cạo râu tóc. Vào cuối đêm, Ngài ngồi kiết già, thân ngay, ý chánh, cột niệm ở trước mặt, lấy y trùm lên đầu. Bấy giờ bên tháp Ưu-la-đề-na có thiên

thần cư ngụ. Ông phóng ánh sáng từ thân, chiếu khắp tinh xá, bạch Phật rằng:

– Sa-môn buồn phải không?

Phật bảo thiên thần:

– Ta mất gì đâu?

Thiên thần lại hỏi:

– Sa-môn vui phải không?

Phật bảo thiên thần:

– Ta được gì đâu?

Thiên thần lại hỏi:

– Sa-môn không buồn, không vui phải không?

Phật bảo thiên thần:

– Thật vậy! Thật vậy!

Bấy giờ thiên thần nói kệ:

Vì lìa các phiền não,
Vì chẳng có vui mừng;
Vì sao sống một mình,
Không bị buồn phá hoại?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Giải thoát không ưu não,
Cũng không có hoan hỷ;
Buồn không thể phá hoại,
Nên Ta sống một mình.

Thiên thần này lại nói kệ:

Làm sao không ưu não,
Làm sao không hoan hỷ;
Làm sao ngồi một mình,
Không bị buồn phá hoại?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Phiền não sinh hoan hỷ,
Hoan hỷ sinh phiền não;
Không não cũng không hỷ,
Thiên thần nên gìn giữ.

Thiên thần lại nói kệ:

Lành thay, không phiền não!
Lành thay, không hoan hỷ!
Lành thay, sống một mình
Không bị buồn phá hoại!
Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thảy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.

Thiên thần kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất.

(Tạp A-hàm III – 38. Tương Ưng Chư Thiên – Kinh 1162. Độc Nhất Trụ[6] – Tr.1974)

---

[6] Đại Chánh, Kinh 585. Tham chiếu Pāli (SN 2.18): Chương 2: Tương Ưng Thiên Tử – II: Phẩm Cấp Cô Độc – 18. Kakudha.

5. TU NHƯ ĐÃI VÀNG

Một thời Đức Phật ở trú xứ Kim Sư, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như người luyện vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng; sau đó dùng nước dội lên. Những thứ quặng thô, tạp uế, và các thứ đá vụn, đất rắn theo nước trôi đi, còn lại những hạt cát thô liên kết dính chặt vào nhau. Lại dùng nước dội vào những hạt cát thô ấy, chúng theo nước chảy ra. Sau đó mới có vàng sống, nhưng vẫn còn lại những thứ cát mịn bị đất đen kết dính. Lại dùng nước dội lên những hạt cát mịn, đất đen trên đó theo nước nó trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên, nhưng vẫn còn lại những thứ lợn cợn nhơ tợ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, quạt lò tăng lửa, cho nó tan ra nước, loại bỏ hết cáu bẩn, nhưng chất vàng sống vẫn còn giữ nguyên, vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, gấp lại kéo ra còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại bỏ nó vào lò, quạt lò cho thêm lửa; lúc này mới thật là lúc chuyển luyện thành vàng. Vàng lúc này đã nhẹ, mềm, trở thành bóng loáng, dồn lại kéo ra không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như cà rá, bông tai, vòng xuyến.

– Tỳ-kheo tiến hướng đến tịnh tâm cũng như vậy. Phiền não triền phược thô, nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác dần dần sẽ bị loại bỏ; như đãi vàng sống kia phải loại bỏ đi những khối đất đá rắn.

– Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tịnh tâm tiếp tục từ bỏ những cấu thô của tầm tư dục, tầm tư nhuế, tầm tư hại; như vàng sống được loại bỏ những hạt cát thô.

– Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tâm thanh tịnh tiếp tục loại bỏ những cấu vi tế của tầm về thân thích, tầm tư nhân chúng, tầm tư về sinh thiên; cần phải tư duy loại trừ chúng như vàng sống được loại bỏ đi bụi bẩn cát mịn và đất đen.

– Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tịnh tâm ngay đến có tầm tư về thiện pháp cũng phải tư duy để trừ diệt hết, cho tâm thanh tịnh; giống như vàng sống được loại bỏ đi những thứ cợn bẩn giống như màu vàng để nó trở thành vàng ròng.

– Lại nữa, Tỳ-kheo còn phải thực hành, đối với các tam-muội còn cần phải hành, cần phải hộ trì, cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Pháp còn cần phải hộ trì nên không được tịch tĩnh thắng diệu, không được an tịnh, dứt sạch các hữu lậu. Cũng như thầy trò thợ vàng lọc luyện vàng sống, loại bỏ những quặng bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được.

– Lại nữa Tỳ-kheo khi đã đắc các tam-muội không còn có sự hành trì nắm giữ, được tịch tĩnh thắng diệu, được đạo an tịnh, nhất tâm nhất ý, dứt sạch các hữu lậu. Cũng như thầy trò thợ vàng luyện lọc sinh kim vàng sống cho

đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

– Lại nữa Tỳ-kheo, lìa các tầm tứ cho đến đắc đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền, như vậy là chánh định thuần nhất thanh tịnh, lìa các phiền não, chân thật nhu nhuyến, bất động đối với chúng. Muốn cầu tác chứng nhập xứ kia, đều có thể được tác chứng. Cũng như thợ vàng, luyện lọc vàng sống đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy Tỳ-kheo trụ vào tam-muội chánh định,… cho đến đối với các nhập xứ, đều có thể tác chứng được.

(Tạp A-hàm II – 27. Tương Ưng Thí Dụ – Kinh 906. Luyện Kim[7] – Tr.1445)

6. TÂM BỊ TRÓI BUỘC

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nếu có sinh thì sẽ có trói buộc, nếu không sinh thì sẽ không có trói buộc. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

– Thế nào là nếu có sinh thì sẽ có trói buộc? Phàm phu ngu si vô học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với sắc mà ái hỷ, tán thán, thủ trước; ở nơi sắc thấy là ngã, là ngã sở mà chấp thủ. Khi đã chấp

[7] Đại Chánh, Kinh 1246. Tham chiếu Pāli (AN 3.101): X. Phẩm Hạt Muối – 100. Kẻ Lọc Vàng.

thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hay đổi khác, tâm theo đó mà biến khác. Vì tâm theo đó biến khác, nên nắm giữ tâm mà trụ. Vì nắm giữ tâm trụ nên sinh sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng. Vì có sinh nên có sự trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là có sinh nên có sự trói buộc.

– Thế nào là nếu không sinh thì không trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì đã biết như thật, nên không ái hỷ, tán thán, thủ trước; không buộc chặt ngã và ngã sở, mà chấp thủ. Vì không chấp thủ nên sắc kia nếu biến chuyển hay đổi khác, tâm không theo đó mà biến khác. Vì tâm không theo sự biến khác, nên tâm không bị trói buộc, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng; vì không sinh nên không trói buộc vậy. Đó gọi là không sinh, nên không có trói buộc.

– Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sinh, nên không bị trói buộc.

(Tạp A-hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 90. Hệ Trước [8] – Tr.203)

---

[8] Đại Chánh, Kinh 44. Tham chiếu Pāli (SN 22.8): I: Phẩm Nakulapitā – 8. Chấp Thủ Và Ưu Não.

7. NHÂN SINH RA DỤC TƯỞNG

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Có nhân sinh ra dục tưởng, chứ không phải không có nhân; có nhân sinh ra nhuế tưởng, hại tưởng, chứ không phải không có nhân.

– Do nhân gì sinh dục tưởng? Do duyên dục giới. Duyên dục giới sinh dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt, dục cầu. Kẻ phàm ngu si khi đã khởi lên dục cầu rồi, chúng sinh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sinh vào trong đường ác. Đó gọi là nhân duyên sinh dục tưởng.

– Thế nào là nhân duyên sinh ra nhuế tưởng, hại tưởng? Đó là hại giới. Do duyên hại giới nên sinh hại tưởng, hại dục, hại giác, hại nhiệt, hại cầu. Kẻ phàm ngu si khi đã khởi lên sự mong muốn làm hại, chúng sinh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sinh vào trong đường ác.

– Này các Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đang an trú nơi sinh như vậy mà sinh tưởng nguy hiểm, không tìm cách loại bỏ, không tỉnh giác, không nhả ra, hiện tại

người ấy ngay trong đời hiện tại an trú khổ; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sinh vào trong đường ác.

– Ví như cách thành ấp, làng xóm không xa, có cánh đồng hoang, chợt bốc lửa lớn. Nếu không ai có sức mạnh để dập tắt lửa, nên biết, những chúng sinh ở trong đồng hoang đó chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn đang an trú nơi sinh mà sinh tưởng nguy hiểm, sau khi thân hoại mạng chung sinh vào đường ác.

– Này các Tỳ-kheo, có nhân sinh tưởng xuất yếu[9], chứ không phải không có nhân.

– Thế nào là nhân sinh tưởng xuất yếu? Đó là xuất yếu giới. Do duyên xuất yếu giới sinh xuất yếu tưởng, xuất yếu dục, xuất yếu giác, xuất yếu nhiệt, xuất yếu cầu. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự xuất yếu, chúng sinh này[10] phát sinh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sinh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc, không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sinh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sinh tưởng xuất yếu.

– Thế nào là nhân duyên sinh tưởng không nhuế, không hại? Đó là bất nhuế, bất hại giới. Do nhân duyên bất hại giới sinh bất hại tưởng, bất hại dục, bất hại giác, bất hại

---

[9] Xuất yếu tưởng. Pāli: nekkhamavitakka (tư duy tầm cầu sự thoát ly).
[10] Pāli: đa văn Thánh đệ tử (sutavā ariyasāvako).

nhiệt, bất hại cầu. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự bất hại, chúng sinh này phát sinh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Người ấy do nhân duyên sinh chánh hành như vậy ngay hiện tại sống an lạc, không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sinh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sinh tưởng bất hại.

– Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sinh mà sinh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ, không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc, không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sinh vào cõi lành.

– Ví như ven thành ấp, làng xóm, có cánh đồng hoang chợt bốc lửa lớn. Có người có khả năng dùng tay, chân để dập tắt lửa. Nên biết, các chúng sinh sống nương cây cỏ đều không bị hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sinh mà sinh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ, không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc, không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sinh vào cõi lành.

(Tạp A-hàm II – 7. Tương Ưng Giới – Kinh 457. Nhân[11] – Tr.832)

8. ÁI VÀ SÂN NHUẾ

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[11] Đại Chánh, Kinh 485. Tham chiếu Pāli (SN 14.12): Chương 14: Tương Ưng Giới – II: Phẩm Thứ Hai – 12. Có Nhân.

– Có khi từ ái sinh ra ái, từ ái sinh ra nhuế, từ nhuế sinh ra ái, từ nhuế sinh ra nhuế.

– Thế nào là từ ái sinh ra ái? Có người có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sinh kia. Mọi người khác đối với chúng sinh kia cũng có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Người ấy tự nghĩ: "Ta có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sinh kia. Những người khác đối với chúng sinh kia cũng có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Cho nên ta lại sinh yêu mến mọi người khác." Đó gọi là từ ái sinh ra ái.

– Thế nào là từ ái sinh ra nhuế? Có một người có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sinh kia. Nhưng mà những người khác không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý đối với chúng sinh kia. Nó nghĩ rằng: "Ta có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sinh kia. Nhưng những người khác lại không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý với chúng sinh kia. Cho nên ta sinh ra sân nhuế đối với mọi người kia." Đó gọi là từ ái sinh ra nhuế.

– Thế nào là từ nhuế sinh ra ái? Có một người không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý đối với chúng sinh kia. Những người khác lại cũng không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý đối với chúng sinh kia. Do đó… nên ta đối với những người khác sinh ra ái niệm. Đó gọi là từ nhuế sinh ra ái.

– Thế nào là từ nhuế sinh ra nhuế? Có một người đối

với chúng sinh kia không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý. Mọi người khác đối xử với người này lại có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Nó nghĩ rằng: "Ta đối với chúng sinh kia không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý. Nhưng mà người khác đối với người kia lại có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Do đó ta sinh lòng sân nhuế đối với người khác ấy." Đó gọi là từ nhuế sinh ra nhuế.

– Tỳ-kheo ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có tầm có tứ... *cho đến* thành tựu an trụ sơ thiền, cho đến nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; ái từ ái sinh, nhuế từ nhuế sinh, nhuế từ ái sinh, ái từ nhuế sinh, tất cả đều được đoạn, được biến tri. Đoạn tận cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sinh. Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay đời hiện tại tự biết tác chứng, tự biết "Ta, sự sinh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Chính lúc này không bốc lên, không chống trả, không nổi bụi, không thiêu đốt, không hiềm người.

– Thế nào là bị bốc lên? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã trong sắc, sắc trong ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bị bốc lên.

– Thế nào là không bị bốc lên? Không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị

bốc lên.

– Thế nào là chống trả? Đối với người mạ lỵ thì mạ lỵ lại; đối với người sân giận thì sân giận lại; đối với người đánh thì đánh lại; đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là chống trả.

– Thế nào là không chống trả? Đối với người mắng chửi thì không mắng chửi lại; đối với người sân giận thì không sân giận lại; đối với người đánh thì không đánh lại; đối với người xúc phạm thì không xúc phạm lại. Đó gọi là không chống trả lại.

– Thế nào là nổi bụi? Có ngã, ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái. Đó gọi là nổi bụi.

– Thế nào là không nổi bụi? Không có ngã, không có ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái không khởi. Đó gọi là không nổi bụi.

– Thế nào là thiêu đốt? Có ngã sở, ngã sở dục,... *cho đến* mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

– Thế nào là không thiêu đốt? Không có ngã sở, không có ngã sở dục,... *cho đến* không có mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

– Thế nào là hiểm người? Thấy ngã chân thật, mà khởi lên ngã mạn, ngã dục, ngã sử; không đoạn, không biến tri. Đó gọi là hiểm người.

– Thế nào là không hiểm người? Không thấy ngã là chân thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã

biến tri. Đó gọi là không hiềm người.

(Tạp A-hàm II – 26. Tương Ưng Tám Chúng – Kinh 893. Ái (2)[12] – Tr.1421)

9. CHỚ KHINH NGƯỜI XẤU

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo hình tướng xấu xí khó coi, bị các Tỳ-kheo khinh mạn, đi đến chỗ Phật. Khi ấy bốn chúng đang vây quanh bên Thế Tôn, thấy Tỳ-kheo này đến, tất cả đều có ý khinh mạn, nói với nhau rằng: "Tỳ-kheo đang đến kia là ai? Hình tướng xấu xí, khó coi, bị mọi người khinh mạn vậy?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên bảo các Tỳ-kheo:

– Các ngươi có thấy Tỳ-kheo đang đến kia, hình tướng thô xấu, khó coi đang đi đến đây, bị mọi người khinh mạn không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Vâng, chúng con đã thấy vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đối với Tỳ-kheo này, các ngươi chớ có khởi ý tưởng khinh mạn. Vì sao? Tỳ-kheo này đã tận trừ các lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã vất bỏ gánh nặng, đã đoạn

---

[12] Đại Chánh, Kinh 985. Tham chiếu Pāli (AN 4.200): XX. Đại Phẩm – (X) (200) Luyến Ái.

tận các hữu kết, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ xét đoán lầm người. Chỉ có Như Lai mới có khả năng xét đoán người.

Tỳ-kheo này đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các ngươi có thấy Tỳ-kheo này cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Vâng, chúng con đã thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đối với Tỳ-kheo này, các ngươi chớ có ý khinh mạn,... *cho đến* các ngươi chớ xét đoán lầm người. Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết được người.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chim bay cùng thú chạy,
Tất cả sợ sư tử.
Sư tử vua loài thú,
Không có loài nào bằng.
Cũng vậy, người trí tuệ,
Tuy nhỏ nhưng mà lớn.
Chớ chấp thân tướng họ,
Mà sinh tâm khinh mạn;
Nào cần thân to lớn,

Thịt nhiều không trí tuệ.
Trí tuệ hiền thắng này,
Chính là bậc thượng sỹ.
Ly dục, đoạn các kết,
Niết-bàn, không tái sinh.
Mang thân tối hậu này,
Hàng phục các ma quân.

(Tạp A-hàm III – 30. Tương Ưng Tỳ-kheo – Kinh 967. Xú Lậu[13] – Tr.1566)

10. CHỚ NÊN GIEO HẠT GIỐNG ĐẮNG

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy, cũng có Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khất thực, đứng dưới gốc cây bên đường, vì nương vào ác tham nên sinh giác tưởng bất thiện. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo kia đứng dưới gốc cây, y chỉ vị ngọt ác tham nên sinh ra giác tưởng bất thiện, bảo rằng:

– Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được.

Lúc đó Tỳ-kheo kia tự nghĩ: "Thế Tôn đã biết được

---

[13] Đại Chánh, Kinh 1063. Tham chiếu Pāli (SN 21.6): Chương 21: Tương Ưng Tỷ Kheo – 6. Bhaddi.

niệm ác trong tâm ta." Chợt lòng cảm thấy sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng.

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi vào thành khất thực, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy, từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng, và bảo các Tỳ-kheo:

– Sáng sớm nay, Ta đắp y ôm bát vào thành khất thực thấy một Tỳ-kheo đứng dưới gốc cây, nương vào ác tham dục, phát sinh giác tưởng bất thiện. Khi Ta thấy vậy liền bảo rằng: "Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đắng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được." Lúc đó, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ: "Phật đã biết được tâm niệm của ta." Lòng cảm thấy hổ thẹn, sợ hãi đến nỗi lông dựng cả lên, rồi theo đường mà đi.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai áo bên hữu, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thế nào là hạt giống đắng? Thế nào là sinh hôi thối? Thế nào là nước rỉ chảy? Thế nào là ruồi nhặng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Phẫn nộ, phiền oán gọi là hạt giống đắng. Công đức ngũ dục gọi là sinh hôi thối. Đối với sáu xúc nhập xứ

không nhiếp luật nghi gọi là chất nước rỉ chảy. Khi đã không nhiếp xúc nhập xứ, các tâm ác bất thiện, tham ưu tranh nhau sinh ra, đó gọi là ruồi nhặng.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tai mắt không phòng hộ,
Tham dục theo đó sinh;
Đó gọi là giống đắng,
Hôi thối, nước rỉ chảy
Các mùi vị tầm tứ,
Y ác tham nếm thưởng.
Nơi làng xóm, chỗ vắng,
Ban ngày hoặc ban đêm,
Viễn ly, tu phạm hạnh,
Cứu cánh biên tế khổ.
Nếu nội tâm tịch tĩnh,
Quyết định biết chân thật.
Thức ngủ thường an lạc,
Ruồi nhặng ác tận diệt.
Thân cận bậc chánh sĩ,
Khéo nói đường Hiền thánh;
Biết rõ tám chánh đạo,
Không tái sinh thân sau.

(Tạp A-hàm III – 30. Tương Ưng Tỳ-kheo – Kinh 985. Khổ Chủng[14] – Tr.1610)

---

[14] Đại Chánh, Kinh 1081. Tham chiếu Pāli (AN 3.128): XIII. Phẩm Kusināra – 126. Thối Nát.

11. VÌ SAO CHÚNG SINH CẤU UẾ, THANH TỊNH?

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng-các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ có người Li-xa tên là Ma-ha-nam, thường ngày hay du hành đến chỗ Đức Phật. Li-xa này bấy giờ tự nghĩ: "Nếu ta đến sớm chỗ Phật, thì hiện giờ Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết của ta đều đang thiền tư. Bây giờ ta nên đến chỗ ngoại đạo A-kì-tì nơi bảy cây yêm-la." Rồi ông đến chỗ ở của Phú-lan-na Ca-diếp này.

Hiện Phú-lan-na Ca-diếp đang là thủ lãnh chúng ngoại đạo gồm năm trăm người, đang vây quanh trước sau, tiếng cười đùa huyên náo, bàn luận việc thế gian. Bấy giờ, Ca-diếp từ xa nhìn thấy Li-xa Ma-ha-nam đang đến, liền bảo các quyến thuộc của mình nên giữ yên tĩnh, "Các ông nên giữ yên lặng. Đó là Li-xa Ma-ha-nam, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong hàng đệ tử áo trắng của Sa-môn Cù-đàm ở Tì-da-li, ông này là người thượng thủ. Ông ta luôn thích sự tĩnh lặng, và khen ngợi sự tĩnh lặng. Ông ta đến nơi nào mà đồ chúng tĩnh lặng, vì thế cho nên các ông hãy giữ sự yên lặng."

Khi Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, cùng với Phú-lan-na thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na rằng:

– Tôi nghe Phú-lan-na nói pháp cho các đệ tử rằng, không có nhân, không có duyên cho sự cấu uế của chúng

sinh; không có nhân, không có duyên cho sự thanh tịnh của chúng sinh. Hiện thế gian đang truyền luận thuyết này. Ông nên xem xét lại, có phải đây là những lời hủy báng nhau của người ngoài, hay người đời bày đặt ra? Đó là pháp, hay phi pháp? Ông có cùng tranh luận với người đời, bị nạn vấn, bị chỉ trích không?

Phú-lan-na Ca-diếp đáp:

– Thật sự, có luận thuyết này, chứ không phải là người đời ngoa truyền. Tôi đã lập ra luận thuyết này. Đó là luận như pháp. Tôi đã nói pháp này tất cả đều thuận theo pháp. Không có người thế gian nào đến đây nạn vấn và chỉ trích. Vì sao? Ma-ha-nam, tôi thấy như vậy, nói như vậy: "Không có nhân, không có duyên cho sự cấu uế của chúng sinh; không có nhân, không có duyên cho sự thanh tịnh của chúng sinh."

Ma-ha-nam nghe những gì Phú-lan-na đã nói, lòng không vui thích; ông chỉ trích, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về. Ông đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem tất cả mọi chuyện đã bàn luận cùng Phú-lan-na trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Li-xa Ma-ha-nam:

– Đó là những lời nói không cân nhắc của Phú-lan-na, không đáng để ghi nhớ. Như vậy, Phú-lan-na là người ngu si, thiếu hiểu biết, không thiện xảo, khi chủ trương không nhân mà nói như vầy: "không có nhân, không

có duyên cho sự cấu uế của chúng sinh; không có nhân, không có duyên cho sự thanh tịnh của chúng sinh." Vì sao? Có nhân, có duyên chúng sinh có cấu uế; có nhân, có duyên chúng sinh thanh tịnh.

– Ma-ha-nam, do nhân gì, duyên gì mà chúng sinh có cấu uế?

– Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sinh đã không nhân đây mà sinh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, sắc chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà nó tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sinh nhiễm đắm sắc. Do nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc, nên có phiền não.

– Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sinh đã không nhân đây mà sinh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì… thức chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà nó tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sinh nhiễm đắm… thức. Vì đã bị nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc nên sinh ra phiền não.

– Đó gọi là có sự cấu uế của chúng sinh là có nhân, có duyên.

– Ma-ha-nam, vì nhân gì, duyên gì mà chúng sinh thanh tịnh?

– Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sinh không nên nhân sắc này mà sinh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì sắc chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà nó là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sinh đối với sắc sinh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

– Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sinh không nên nhân nơi… thức mà sinh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà nó là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sinh đối với sắc sinh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

– Này Ma-ha-nam, đó gọi là sự thanh tịnh của chúng sinh là có nhân, có duyên.

Khi Ma-ha-nam nghe những lời Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Tri pháp cùng trọng đảm,
Vãng nghệ, quán, dục tham.
Kinh sinh, và lược thuyết,
Pháp ấn, Phú-lan-na.

(Tạp A-hàm I – 1. Tương Ưng Năm Uẩn – Kinh 72. Phú-lan-na[15] – Tr.163)

12. SƯ TỬ VÀ DÊ

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ thuyết về sự có người như sư tử, có người như dê. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Kính vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

– Người kia vì sao như sư tử? Ở đây, này Tỳ-kheo, hoặc có người được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi tâm nhiễm trước, cũng không có dục ý, không khởi các tưởng, hoàn toàn không có những niệm này, tự biết pháp xuất yếu. Cho dù không được lợi dưỡng, không khởi loạn niệm, không tâm tăng giảm. Như sư tử chúa ăn thịt thú nhỏ. Lúc đó, vua

[15] Đại Chánh, Kinh 81. Tham chiếu Pāli (SN 22.60): Chương 22: Tương Ưng Uẩn – I: Phẩm Tham Luyến – 60. Mahāli.

loài thú cũng không nghĩ: "Cái này ngon, cái này không ngon;" không khởi tâm đắm nhiễm, cũng không dục ý, không khởi các tưởng. Người này cũng lại như vậy. Nếu được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi ý tưởng đắm trước, cho dù không được cũng không có các niệm tưởng.

– Lại có người nhận người cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, được rồi liền tự dùng, lại khởi tâm nhiễm trước, sinh tâm ái dục, không biết đạo xuất yếu. Giả sử không được, thì thường sinh niệm tưởng này. Nếu người đó được cúng dường, đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao, hủy báng người khác: "Những y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc trị bệnh mà ta có, các Tỳ-kheo này không thể có được vậy." Cũng như trong đàn dê lớn, có một con dê rời đàn, thấy đống phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi, quay lại trong đàn dê, liền tự cống cao: "Ta có được ăn ngon, bầy dê này không thể ăn được." Ở đây cũng như vậy, nếu có một người được lợi dưỡng, y phục, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, khởi các loạn tưởng, sinh tâm nhiễm trước liền đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao: "Ta có được cúng dường, các Tỳ-kheo này không được cúng dường."

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như sư tử chúa, chớ như con dê. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này

như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm I – 20. Phẩm Thiện Tri Thức – Kinh số 4 – Tr.337)

CHƯƠNG 16

CHƯỚNG NGẠI

1. NĂM PHÁP GÂY CHƯỚNG NGẠI

– Lại nữa, này Ma-nạp, có năm pháp gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Những gì là năm?

– Này Ma-nạp, pháp thứ nhất là dục. Này Ma-nạp, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi, gây chướng ngại, gây che lấp làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn.[1]

– Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Ai bị năm pháp này làm chướng ngại, che lấp, quấn chặt, người ấy nếu muốn quan sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

---

[1] Năm pháp chướng ngại, bản Hán: dục, nhuế, thân kiến, giới thủ kiến và nghi. Trong bản Pāli, pañca nīvaraṇā (năm triền cái): kāmacchanda (dục vọng), vyāpāda (sân hận), thīnamiddha (hôn trầm), uddhaccakukkucca (trạo cử), vicikicchā (nghi).

– Này Ma-nạp, Bà-la-môn Phất-cà-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, bị nhiễm bởi dục, bị ô uế bởi dục, nhiễm dục, xúc dục, say đắm nơi dục, vào trong dục mà không thấy tai hoạn, không biết sự xuất yếu và sống theo dục; vị ấy bị năm pháp này chướng ngại, che lấp, quấn chặt; vị ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

(Trung A-hàm III – 152. Kinh Anh Vũ[2] – Tr.1579)

2. CÁC CHƯỚNG NGẠI TRÊN ĐƯỜNG TU CẦN PHẢI BỎ

Một thời, tôn giả Đồng Chân Ca-diếp[3] ở trong vườn Trú ám[4], nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào nửa đêm, Ca-diếp kinh hành. Khi ấy có vị trời đến chỗ Ca-diếp, ở giữa hư không nói với Ca-diếp:

– Tỳ-kheo nên biết, ngôi nhà[5] này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa cháy[6]. Có người Bà-la-môn nói với một người có trí: "Giờ ông hãy cầm đao đục núi[7]. Khi đang đục núi tất sẽ thấy một đồ gánh[8] thì hãy nhổ nó lên. Rồi

---

[2] Tham chiếu Pāli (MN): 99. Kinh Subha.
[3] Đồng Chân Ca-diếp. Pāli: Kumārakassapa.
[4] Trú ám viên. Pāli: Andhavana, khu rừng ở phía nam Xá-vệ.
[5] Pāli: vammika, gò mối.
[6] Pāli: divā pajjalati, ban ngày rực sáng.
[7] Hán: tạc sơn. Bản Pāli: cầm gươm mà đào gò mối lên.
[8] Hán: phụ vật. Pāli: thấy cái then cửa (laṅgī).

ông đục lại núi; khi đang đục núi tất sẽ thấy núi. Giờ hãy bỏ núi. Ông lại đục núi; khi đang đục núi tất thấy con ễnh ương. Bây giờ ông hãy bỏ[9] con ễnh ương. Ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ thấy đống thịt. Thấy đống thịt, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ gặp cái gông. Thấy cái gông, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy hai con đường[10]. Khi thấy hai đường, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy cành cây. Thấy cành cây, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy con rồng[11]. Thấy con rồng rồi, chớ nói gì với nó, hãy lo tự quy mạng[12], và để yên nó đó.[13]

– Này Tỳ-kheo! Hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Nếu không hiểu thì lập tức đến thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn hỏi điều này. Nếu Như Lai có dạy điều gì thì khéo nhớ nghĩ mà thực hành. Vì sao vậy? Vì hiện tại tôi cũng không thấy có người, Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma nào có thể hiểu nghĩa này, trừ Như Lai và đệ tử Như Lai, hoặc nghe từ tôi.

Ca-diếp bảo vị thiên:

---

[9] Pāli: ukkhipa. hãy lấy lên. Hán hiểu là nikkhipa, hãy để xuống.
[10] Hán: nhị đạo. Pāli: dvidhāpatha, đường đi có hai lối.
[11] Pāli: nāga. có thể hiểu là rắn (thần), cũng có thể là rồng.
[12] Pāli: namo karohi nāgassa, hãy đảnh lễ (xưng nam-mô) con rắn.
[13] Thứ tự các vật đào được trong Hán dịch khác với bản Pāli. Có ba vật không đồng nhất được giữa Hán và Pāli. Hán: núi, cái gông, cành cây. Pāli: caṅgavāra (cái bát), kumma (con rùa), asisūna (dao mổ bò).

– Việc này thật hay!

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn; đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

– Nay con muốn hỏi nghĩa Như Lai. Những điều vị trời nói, ý nghĩa nhắm đến cái gì? Vì sao nói nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy? Tại sao nói là Bà-la-môn? Tại sao nói là người trí? Lại nói đục núi, ý nghĩa này nhắm đến cái gì? Nói về con dao, con cũng không hiểu. Tại sao nói là đồ gánh? Lại nói về núi, nghĩa này thế nào? Tại sao lại nói con ễnh ương? Tại sao lại nói đống thịt? Tại sao lại nói cái gông? Tại sao nói hai con đường? Cành cây, nghĩa nó thế nào? Tại sao nói là con rồng?

Thế Tôn bảo:

– Nhà tức là hình thể do sắc bốn đại tạo thành, nhận huyết mạch cha mẹ dần dần lớn lên, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm có khói là chỉ cho tâm niệm của các loài chúng sinh. Ban ngày lửa cháy là chỉ cho hành động do thân, miệng, ý đã tạo. Bà-la-môn là A-la-hán. Người trí là người học. Đục núi là chỉ tâm tinh tấn. Con dao chính là chỉ trí huệ. Đồ gánh là năm kết sử. Núi là kiêu mạn. Con ếch là chỉ tâm sân hận. Đống thịt là chỉ tham dục. Cái gông chỉ năm dục. Hai đường là chỉ nghi ngờ. Cành cây là vô minh. Rồng là chỉ Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Những lời vị thiên kia nói, nghĩa nó như vậy. Nay

ngươi hãy suy nghĩ cho kỹ, không lâu sẽ dứt sạch hữu lậu.

Sau khi vâng lời Như Lai dạy, Ca-diếp ở nơi vắng vẻ mà tự tu hành, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, biết như thật rằng, sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau. Bấy giờ, Ca-diếp thành A-la-hán.

Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm III – 39. Phẩm Đẳng Pháp[14] – Kinh số 9 – Tr.37)

3. ÁI LÀ CHƯỚNG NGẠI

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ nói ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen. Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sinh, che lấp, dính chặt, giữ chắc, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

– Này các Tỳ-kheo, thế nào ái là lưới, là chất keo... *cho đến* lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: Ta tồn tại, ta ước muốn, ta như vầy, có ta, không ta, khác ta, ta sẽ tồn tại, ta sẽ không tồn tại, ta sẽ ước muốn, ta sẽ như vầy, ta sẽ khác, mong ta ước muốn (tồn tại nơi

[14] Tham chiếu Pāli (MN 23): 23. Kinh Gò mối.

đây), mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đúng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác. Mười tám ái hành[15] như vậy, phát khởi từ bên trong.

– Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy... *cho đến* mười tám ái hành, khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy, tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sinh, che lấp, dính chặt, giữ chắc, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

(Tạp A-hàm II – 26. Tương Ưng Tám Chúng – Kinh 892. Ái (1)[16] – Tr.1419)

---

[15] Thập bát ái hành: hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoặc dị. So sánh Pāli: 1. Tôi hiện hữu, 2. tôi hiện hữu ở đây, 3. tôi hiện hữu như vầy, 4. tôi hiện hữu khác vầy, 5. tôi không thường hằng, 6. tôi thường hằng, 7. tôi đang tồn tại, 8. tôi đang tồn tại ở đây, 9. tôi đang tồn tại như vầy, 10. tôi đang tồn tại khác như vầy, 11. ước gì tôi đang tồn tại, 12. ước gì tôi đang tồn tại ở đây, 13. ước gì tôi đang tồn tại như vầy, 14. ước gì tôi đang tồn tại như thế khác, 15. tôi sẽ hiện hữu, 16. tôi sẽ hiện hữu ở đây, 17. tôi sẽ hiện hữu như vầy, 18. tôi sẽ hiện hữu như thế khác.

[16] Đại Chánh, Kinh 984. Tham chiếu Pāli (AN 4.199): XX. Đại Phẩm – (IX) (199) Ái.

4. ĐỐI TRỊ BUỒN NGỦ

– Này Đại Mục-kiền-liên, nếu như sở tướng nào gây buồn ngủ, ngươi chớ tu tập tướng ấy và cũng đừng phát triển nó. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu chứng buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, quảng bá và tụng đọc. Như vậy mới có thể diệt trừ được buồn ngủ.

– Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi diễn rộng ra cho người khác nghe. Như vậy sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu thụy miên của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay day hai lỗ tai. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu sự buồn ngủ của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt thân thể. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu thụy miên của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn

phương, ngước nhìn các vì sao. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trụ bên trong, khởi hậu tiền tưởng. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu sự buồn ngủ của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

– Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp y uất-đa-la-tăng bốn lớp trải trên giường, gấp tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi tưởng ánh sáng, lập chánh niệm chánh trí và luôn luôn khởi ý tưởng muốn trỗi dậy. Này Đại Mục-kiền-liên, đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự. Lý do vì sao? Vì Ta nói: "Tất cả pháp không nên tụ hội," và cũng nói, "Nên tụ hội."

(Trung A-hàm II
– 83. Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên[17] – Tr.876)

[17] Tham chiếu Pāli (AN 7.61): VI. Phẩm Không Tuyên Bố – (VIII) (58) Ngủ Gục.

5. NĂM TRIỀN CÁI VÀ BẢY GIÁC CHI

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm chướng, năm cái, phiền não nơi tâm, làm sút giảm trí tuệ và, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân cái, thụy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Năm cái này là che kín, là bao phủ, phiền não nơi tâm, khiến cho trí tuệ bị suy giảm, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

– Nếu là bảy giác chi, chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi v.v… Như đã nói ở trên… *cho đến* xả giác chi. Như bảy giác chi này chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Tham dục, sân nhuế cái,
Thụy miên, trạo hối, nghi;
Như năm thứ cái này,
Tăng trưởng các phiền não.
Năm cái che thế gian,
Đắm sâu khó độ được;

Ngăn che đối chúng sinh,
Khiến không thấy chánh đạo.
Nếu đắc bảy giác chi,
Thì có thể chiếu sáng;
Chỉ lời chân thật này,
Đấng Chánh giác đã nói.
Niệm giác chi là đầu,
Trạch pháp, chánh tư duy;
Tinh tấn, khinh an, hỷ,
Tam-muội, xả giác chi.
Như bảy giác chi này,
Chánh đạo của Mâu-ni;
Tùy thuận đấng Đại Tiên,
Thoát sợ hãi sinh tử.

(Tạp A-hàm II – 18. Tương Ưng Giác Chi – Kinh 675. Chướng Cái[18] – Tr.1159)

6. THỨC ĂN CỦA NĂM TRIỀN CÁI VÀ BẢY GIÁC CHI

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm triền cái, bảy giác chi, có thức ăn, không thức ăn. Nay Ta sẽ nói. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói.

---

[18] Đại Chánh, Kinh 707. Tham chiếu Pāli (SN 46.38): Chương 46: Tương Ưng Giác Chi – IV: Phẩm Triền Cái – 38. Chướng Ngại, Triền Cái.

–Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, năm triền cái nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn.

– Tham dục triền cái lấy gì làm thức ăn? Đó là tướng xúc. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, thì tham dục chưa khởi sẽ khiến khởi, tham dục đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của dục ái triền cái.

– Những gì là thức ăn của sân nhuế triền cái? Đó là tướng chướng ngại. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, sân nhuế cái chưa khởi sẽ khiến khởi; sân nhuế cái đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của sân nhuế triền cái.

– Những gì là thức ăn của thụy miên cái? Gồm có năm pháp. Những gì là năm? Đó là yếu đuối, chẳng vui, ngáp ợ, ăn nhiều, lười biếng. Đối với chúng không tư duy đúng, khi thụy miên cái chưa khởi thì khiến khởi; thụy miên cái đã khởi rồi, có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của thụy miên cái.

– Những gì là thức ăn của trạo hối? Gồm có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là giác tưởng về thân thuộc, giác tưởng về mọi người, giác tưởng về chư thiên, giác tưởng về những khoái lạc vốn đã tự kinh qua.[19] Tự mình nhớ nghĩ

[19] Pāli, thức ăn cho trạo cử: cetaso avūpasamo, tâm không an tĩnh.

hay do người khác khiến nhớ nghĩ mà sinh giác tưởng. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, khi trạo hối chưa khởi thì khiến khởi, trạo hối đã khởi rồi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạo hối.

– Những gì là thức ăn của nghi cái? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Đối với đời quá khứ còn do dự, đời vị lai còn do dự, đời hiện tại còn do dự. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, nghi cái chưa khởi sẽ khiến khởi; nghi cái đã khởi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của nghi cái.

– Thí như thân thể nhờ vào thức ăn mà được nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, bảy giác chi cũng nhờ vào thức ăn mà tồn tại, nhờ vào thức ăn mà nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ ăn.

– Cái gì chẳng phải là thức ăn của niệm giác chi? Chẳng tư duy về bốn niệm xứ, niệm giác chi chưa khởi sẽ chẳng thể làm cho khởi; niệm giác chi đã khởi rồi, khiến cho giảm sút. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của niệm giác chi.

– Cái gì chẳng phải là thức ăn của trạch pháp giác chi? Tuyển trạch đối với pháp thiện, tuyển trạch đối với pháp bất thiện; không tư duy đối với chúng, trạch pháp giác chi chưa khởi sẽ không làm cho khởi; trạch pháp giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm sút đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạch pháp giác chi.

– Những gì là chẳng phải là thức ăn của tinh tấn giác

chi? Bốn chánh đoạn; đối với chúng không tư duy chân chánh, tinh tấn giác chi chưa khởi sẽ không khởi; tinh tấn giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là không phải thức ăn của tinh tấn giác chi.

– Những gì là chẳng phải là thức ăn của hỷ giác chi? Có pháp hỷ, có pháp hỷ xứ; đối với chúng không tư duy, hỷ giác chi chưa khởi sẽ không cho khởi; hỷ giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của hỷ giác chi.

– Những gì là chẳng phải là thức ăn của khinh an giác chi? Có thân khinh an cùng tâm khinh an; đối với chúng không tư duy, khi khinh an giác chi chưa sinh sẽ không cho khởi, khinh an giác chi đã sinh sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của khinh an giác chi.

– Những gì là chẳng phải là thức ăn của định giác chi? Có bốn thiền; đối với chúng không tư duy, định giác chi chưa khởi sẽ không cho khởi; định giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của định giác chi.

– Những gì là chẳng phải là thức ăn của xả giác chi là thế nào? Có ba giới, đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; đối với chúng không tư duy, xả giác chi chưa khởi sẽ không cho khởi; xả giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của xả giác chi.

– Những gì là chẳng phải là thức ăn của tham dục cái?

Quán bất tịnh, tư duy đối với nó, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến cho nó dứt. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của tham dục cái.

– Những gì là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái? Tư duy về tâm từ kia, sân nhuế cái chưa sinh sẽ không khởi; sân nhuế cái đã sinh sẽ khiến cho nó diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái.

– Những gì là chẳng phải thức ăn của thụy miên cái? Tư duy về sự chiếu sáng[20] kia, khi thụy miên chưa sinh, không cho khởi, thụy miên đã sinh rồi, khiến cho nó diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của thụy miên cái.

– Những gì là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái? Tư duy đúng về sự tĩnh chỉ kia, trạo hối cái chưa sinh sẽ không khởi; trạo hối cái đã sinh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái.

– Những gì là chẳng phải thức ăn của nghi cái? Tư duy về pháp duyên khởi, nghi cái chưa sinh sẽ không khởi; nghi cái đã sinh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của nghi cái.

– Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mà sống, nhờ vào ăn mà tồn tại. Những gì là thức ăn của niệm giác chi? Tư duy bốn niệm xứ rồi, niệm giác chi chưa sinh sẽ khiến cho sinh khởi; niệm giác chi đã sinh càng sinh khởi khiến

---

[20] Hán: minh chiếu Pāli: atthi ārambhadhātu nikkamadhātu parakkamadhātu, có phát cần giới, tinh cần giới, dũng mãnh giới.

cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của niệm giác chi.

– Những gì là thức ăn của trạch pháp giác chi? Có tuyển trạch pháp thiện, có tuyển trạch pháp bất thiện; khi tư duy về chúng, nếu trạch pháp giác chi chưa sinh, khiến cho nó sinh khởi; trạch pháp giác chi đã sinh rồi, càng sinh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạch pháp giác chi.

– Những gì là thức ăn của tinh tấn giác chi? Tư duy về bốn chánh đoạn, nếu tinh tấn giác chi chưa sinh, khiến cho nó sinh khởi; tinh tấn giác chi đã sinh rồi, cho tái sinh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của tinh tấn giác chi.

– Những gì là thức ăn của hỷ giác chi? Có hỷ, có hỷ xứ, tư duy về chúng, nếu hỷ giác chi chưa sinh, khiến sinh khởi, hỷ giác chi đã sinh rồi, cho tái sinh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của hỷ giác chi.

– Những gì là thức ăn của khinh an giác chi? Có thân khinh an, tâm khinh an; tư duy về chúng, nếu khinh an giác chi chưa sinh, khiến sinh khởi, khinh an giác chi đã sinh rồi, cho tái sinh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của khinh an giác chi.

– Những gì là thức ăn của định giác chi? Tư duy về bốn thiền, định giác chi chưa sinh, khiến nó sinh khởi; định giác chi đã sinh rồi, cho tái sinh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của định giác chi.

– Những gì là thức ăn của xả giác chi? Gồm có ba giới.

Những gì là ba? Đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; tư duy về chúng, xả giác chi chưa sinh thì khiến cho sinh khởi; xả giác chi đã sinh rồi, cho tái sinh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của xả giác chi.

(Tạp A-hàm II – 18. Tương Ưng Giác Chi – Kinh 683. Thực[21] – Tr.1174)

7. GAI NHỌN CỦA CÁC THIỆN PHÁP

Lành thay! Lành thay! Nếu là Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử, nên nói như thế này: "Âm thanh là gai nhọn đối với thiền." Đức Thế Tôn cũng nói: "Âm thanh là gai nhọn đối với thiền." Vì sao? Vì quả thật Ta có nói như vậy:

– Âm thanh là gai nhọn đối với thiền.

– Phạm giới là gai nhọn đối với trì giới.

– Trang sức thân thể là gai nhọn đối với thủ hộ các căn.

– Tịnh tướng là gai nhọn đối với tu tập bất tịnh.

– Sân nhuế là gai nhọn đối với tu tập từ tâm.

– Uống rượu là gai nhọn đối với xa lìa uống rượu.

– Thấy nữ sắc là gai nhọn đối với phạm hạnh.

– Âm thanh là gai nhọn đối với nhập Sơ thiền.

– Tầm tứ là gai đối với nhập Nhị thiền.

– Hỷ là gai nhọn đối với nhập Tam thiền.

---

[21] Đại Chánh, Kinh 715. Tham chiếu Pāli (SN 46.2): Chương 46: Tương Ưng Giác Chi – I: Phẩm Núi – 2. Thân.

– Hơi thở ra, hơi thở vào là gai nhọn đối với nhập Tứ thiền.

– Sắc tưởng là gai nhọn đối với nhập Không xứ.

– Không tưởng là gai nhọn đối với nhập Thức xứ.

– Thức tưởng là gai nhọn đối với nhập Vô sở hữu xứ.

– Tưởng và thọ là gai nhọn đối với nhập Tưởng thọ diệt định.

– Lại cũng có ba loại gai nhọn khác; gai nhọn dục, gai nhọn nhuế và gai nhọn ngu si. Với ba loại gai này, bậc lậu tận A-la-hán đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ, tuyệt diệt không còn sinh, ấy là bậc A-la-hán không bị gai chích, bậc A-la-hán xa lìa gai chích, bậc A-la-hán không gai, lìa gai.

(Trung A-hàm II – 84. Kinh Vô Thích[22] – Tr.883)

[22] Tham chiếu Pāli (AN 10.72): VIII. Phẩm Ước Nguyện – (II) (72) Cây Gai.

CHƯƠNG 17

TỲ-KHEO

1. MƯỜI PHÁP KHIẾN TỲ-KHEO SA ĐỌA

Ở đây, chúng Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp, công đức gốc rễ thiện không tăng trưởng, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Mười pháp ấy là gì?

– Ở đây, Tỳ-kheo không trì cấm giới, cũng không có tâm cung kính. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất, không cứu cánh đạt đến nơi phải đạt đến.

– Tỳ-kheo không thừa sự Phật, không tin lời nói chân thật. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự Pháp, các giới luật bị khuyết thủng. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự Thánh chúng, tâm ý hằng tự ty, không tin lời dạy của chúng. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông bỏ. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm, không

tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo không học hỏi nhiều, không siêng năng đọc tụng, ôn tập. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo không tùng sự theo thiện tri thức, mà thường xuyên tùng sự theo ác tri thức. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo hằng ưa bận rộn công việc, không thích tọa thiền. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo ham thích toán số, bỏ đạo chạy theo thế tục, không học tập chánh pháp. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

– Lại nữa, Tỳ-kheo không ưa tu phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đó là Tỳ-kheo có pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

Đó là, Tỳ-kheo thành tựu mười pháp này nhất định đọa ba ác đạo, không sinh vào chỗ lành.

(Tăng Nhất A-hàm III – 46. Phẩm Kết Cấm – kinh số 7 – Tr.293)

2. NĂM HẠNG TU SĨ GẶP NỮ NHÂN KHỞI DỤC

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm hạng trượng phu dũng kiện, có nhiệm vụ chiến đấu, xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Ở đây, có

người mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, từ xa thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ nhất.

– Lại nữa, người chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; khi thấy gió bụi mà không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi, không thể tiến lên chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ hai.

– Lại nữa, người chiến sĩ thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, khi thấy gió bụi, hay thấy ngọn cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi, không có khả năng chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ ba.

– Lại nữa, người chiến sĩ thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, hay thấy cung tên không sinh lòng sợ hãi, nhưng vừa vào trận liền bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ tư.

– Lại nữa, người chiến sĩ thứ năm mặc áo giáp, cầm gậy đi vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, thấy cung tên hoặc bị bắt, cho đến gần chết, không sinh lòng sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi, mà lãnh đạo nhân dân. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ năm.

– Cũng vậy, Tỳ-kheo, thế gian có năm loại người này, thì nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm hạng người này

xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Có Tỳ-kheo sống tại thôn xóm khác, nghe trong thôn này có người nữ xinh đẹp vô song, mặt như màu hoa đào. Nghe rồi, đến giờ, đắp y, cầm bát, vào thôn khất thực; thấy người nữ này nhan sắc vô song, liền sinh dục tưởng, cởi bỏ ba y, hoàn xả cấm giới mà làm cư sĩ. Giống như người chiến đấu kia, thấy chút gió bụi đã sinh lòng sợ hãi; Tỳ-kheo này tựa như vậy.

– Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe có người nữ sống ở trong thôn xóm xinh đẹp không ai bằng. Đến giờ, đắp y, cầm bát, vào thôn khất thực; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng cùng người nữ kia đùa giỡn, chuyện trò qua lại. Rồi nhân việc đùa giỡn này liền cởi pháp phục, trở lại làm bạch y. Như hạng người thứ hai kia, tuy thấy bụi gió không sợ, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy.

– Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn có người nữ, dung mạo xinh đẹp, ít có trên đời, như màu hoa đào. Đến giờ, đắp y, mang bát vào thôn khất thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng. Tuy dù cùng người đùa giỡn nhau, cũng không khởi tưởng dục ý; nhưng cùng người nữ kia nắm tay, hoặc vuốt ve nhau, trong đó liền khởi dục tưởng, cởi ba pháp y, trở lại làm bạch y, tập tành gia nghiệp. Như hạng người thứ ba kia khi vào trận, thấy gió bụi, thấy cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi.

– Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người

nữ, mặt mày xinh đẹp ít có trên đời. Đến giờ, đắp y, mang bát vào thôn khất thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, hay cùng nói chuyện cũng không khởi dục tưởng. Khi được người nữ kia vuốt ve liền khởi dục tưởng, nhưng không cởi pháp phục mà học tập gia nghiệp. Như hạng thứ tư kia vào quân trận bị địch bắt, hoặc mất mạng không trở ra được.

– Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, đắp y, mang bát vào thôn khất thực, khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: "Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đầu chăng? Ra từ thân thể chăng?" Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tưởng tượng, cũng không có chỗ đến. Vị ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vị ấy lại nghĩ: "Ta quán dục này từ nhân duyên sinh." Tỳ-kheo quan sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. Do vậy, cho nên nay

Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô uý, đạt đến thành Niết-bàn.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này xuất hiện ở đời.

(Tăng Nhất A-hàm II – 33. Phẩm Năm Vua – Kinh số 3[1] – Tr.309)

3. TIẾP XÚC NGƯỜI NỮ PHẢI NHƯ THẾ NÀO?

A-nan lại bạch Phật: "Sau khi Phật diệt độ, các hạng nữ nhân đến thọ giáo huấn cần được đối xử như thế nào?"

Phật dạy:

– Đừng gặp họ.

– Giả sử phải gặp thì làm sao?

– Chớ cùng nói chuyện.

– Giả sử phải cùng nói chuyện thì làm sao?

– Hãy tự thu nhiếp tâm ý.

(Trường A-hàm I – 2. Kinh Du Hành – Tr.173)

4. CÓ NĂM HẠNG TU SĨ ĐẮM SẮC DỤC

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm hạng chiến đấu xuất hiện ở đời. Sao gọi là năm? Có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi không dám vào

---

[1] Tham chiếu Pāli (AN 5.75): VIII. Phẩm Chiến Sĩ – (V) (75) Người Chiến Sĩ (1).

trong trận lớn kia. Đó gọi là hạng người thứ nhất.

– Lại nữa hạng chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, thấy gió bụi không sinh sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng thứ hai.

– Lại nữa hạng thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và, không sinh sợ hãi, nhưng khi thấy cờ cao liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Đó gọi là hạng thứ ba.

– Lại nữa hạng thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và, cũng không sinh lòng sợ hãi, hay thấy cờ cao cũng không sinh lòng sợ hãi, nhưng lại bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng thứ tư.

– Lại nữa, thứ năm có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, hoàn toàn có khả năng phá tan quân địch mở rộng bờ cõi. Đó gọi là hạng thứ năm xuất hiện ở đời.

– Tỳ-kheo nên biết, nay Tỳ-kheo cũng có năm hạng người xuất hiện ở thế gian. Sao gọi là năm? Hoặc có Tỳ-kheo sống trong thôn xóm nghe có người nữ xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Đến giờ, Tỳ-kheo kia đắp y mang bát vào thôn khất thực, không hộ trì các căn, không giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ, vị ấy khởi dục ý,

hoàn xả cấm giới, sống theo pháp bạch y. Như người thứ nhất kia, nghe tiếng bụi nổi lên, không kham chiến đấu, sinh lòng sợ hãi, Do vậy cho nên Ta nói đến người này.[2]

– Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe trong thôn có người nữ xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, liền xả giới sống theo pháp bạch y.[3] Như hạng chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và, không kham chiến đấu. Đây cũng như vậy.

– Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe có người nữ tại thôn làng kia. Sau khi nghe mà không khởi dục ý; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng chỉ vì cùng người nữ đùa giỡn; do đó liền xả cấm giới, sống theo pháp bạch y.[4] Như người thứ ba kia, từ xa thấy cờ rồi, liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Vì vậy cho nên nay Ta nói người này. Đó gọi là hạng chiến đấu thứ ba.

– Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng. Tỳ-kheo kia nghe trong thôn có người nữ. Khi đắp y mang bát vào thôn khất thực, không giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ xinh đẹp vô song, ở đó liền khởi dục ý, hoặc cùng người nữ cùng nhau lôi kéo, hoặc nắm tay nhau,

---

[2] Tham chiếu Pāli: Tỳ-kheo khất thực, gặp người nữ quyến rũ, xả giới hoàn tục ngay.

[3] Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa, thiếu mạch lạc so với đoạn trước. Tham chiếu Pāli: Tỳ-kheo bị nữ quyến rũ, định về giữa Tăng xin xả giới; nhưng chưa kịp về đến nơi mà đã vội xả giới.

[4] Hán dịch không rõ theo đoạn mạch. Tham chiếu Pāli: hạng thứ ba, bị nữ quyến rũ, cố gắng về được đến giữa Tăng; các Tỳ-kheo khuyên can nhưng vẫn không kham, rồi mới xả giới.

bèn xả cấm giới, trở lại làm bạch y.[5] Như hạng chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân, bị địch bắt, bị giết. Vì vậy nên nay Ta nói người này.

– Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ ít có trên đời. Tuy nghe vậy, mà không khởi dục tưởng. Tỳ-kheo kia đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khất thực, giữ gìn thân, miệng, ý; tuy thấy người nữ, không khởi dục tưởng, không có tà niệm; nếu cùng người nữ nói chuyện qua lại cũng không khởi dục tưởng, cũng không tà niệm. Nếu bị người nữ lôi kéo, nắm tay, bấy giờ liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền trỗi dậy. Khi dục ý đã trỗi dậy rồi, trở về lại Tăng viện, đến chỗ Trưởng lão Tỳ-kheo. Đem nhân duyên này nói với Trưởng lão Tỳ-kheo:

– Chư Hiền, nên biết, nay dục ý của tôi nổi dậy, không thể tự chế được. Cúi xin thuyết pháp khiến thoát khỏi bất tịnh ghê tởm của dục.

Bấy giờ Trưởng lão Tỳ-kheo bảo:

– Nay Thầy nên quán dục này do đâu sinh? Lại do đâu diệt? Như Lai dạy: "Phàm người khử dục nên dùng quán bất tịnh để trừ, và tu hành pháp quán bất tịnh."

– Rồi Tỳ-kheo Trưởng lão liền nói kệ này:

Nếu biết điên đảo ấy
Khiến tâm thêm trỗi dậy;

---

[5] Hạng thứ tư, bị quyến rũ, về giữa tăng, được khuyên dạy, nỗi lực tinh cần nên không xả giới.

Hãy trừ tâm hừng hực,
Dục ý liền dừng nghỉ.

– Chư Hiền nên biết, dục từ tưởng sinh. Khi khởi niệm tưởng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lường. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tưởng niệm. Vì không có tưởng niệm nên liền không có tâm dục, Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tưởng.

– Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng theo những lời dạy bảo như vậy, liền tư duy về tưởng bất tịnh. Do tư duy về tưởng bất tịnh nên bấy giờ tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, đến nơi vô vi.[6] Như người thứ năm mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy địch thủ không sinh lòng sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm cũng không dời đổi, có thể phá giặc ngoài, có thể qua địa giới của địch. Vì vậy, cho nên nay Ta nói người này có thể phá được bọn ma. Trừ các loạn tưởng, đến chỗ vô vi. Đó gọi là người thứ năm xuất hiện ở đời.

– Tỳ-kheo nên biết, thế gian có năm hạng người này xuất hiện ở thế gian. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành, dục là tưởng bất tịnh.

---

[6] Đây là hạng thứ tư trong bản Pāli tương đương. Hạng thứ năm, Tỳ-kheo vào thôn, thủ hộ thân, thủ hộ căn, chánh niệm, nên không bị nữ lung lạc quyến rũ.

– Các Tỳ-kheo hãy học điều như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 33. Phẩm Năm Vua – Kinh số 4[7] – Tr.313)

5. BỐN HẠNG TỲ-KHEO (1) (VÍ DỤ BỐN LOẠI TRÁI CÂY)

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có bốn loại trái này. Những gì là bốn? Hoặc có trái sống mà tựa chín, hoặc có trái chín mà tựa sống, hoặc có trái chín mà tựa chín, hoặc có trái sống mà tựa sống. Đó là, này Tỳ-kheo thế gian có bốn loại trái này. Cũng lại như vậy, thế gian có bốn hạng người này. Thế nào là bốn? Hoặc có người sống mà giống chín, hoặc có người chín mà giống sống, hoặc có người chín mà giống chín, hoặc có người sống mà giống sống.

– Thế nào là người sống mà giống chín? Hoặc có người qua lại, đi bước không hành thô tháo. Mắt nhìn ngó phải thuận theo pháp giáo. Đắp y, mang bát cũng lại theo pháp. Bước đi, nhìn xuống đất, không liếc nhìn hai bên. Nhưng lại phạm giới, không theo chánh hạnh; thật chẳng phải Sa-môn mà giống Sa-môn; không hành phạm hạnh mà tự nói hành phạm hạnh; bại hoại Chánh pháp; là loại mà rễ

[7] Tham chiếu Pāli (AN 5.76): VIII. Phẩm Chiến Sĩ – (VI) (76) Người Chiến Sĩ (2).

đã mục. Người này gọi là sống mà giống chín.[8]

– Thế nào là người chín mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo tánh hạnh có vẻ quê mùa, nhìn ngó không ngay, cũng không đi đúng theo pháp, hay liếc ngó hai bên. Nhưng lại tinh tấn nghe nhiều, tu hành pháp thiện, thường giữ giới luật, không mất oai nghi, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi. Người này gọi là chín mà giống sống.

– Thế nào là người sống mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo không giữ giới cấm, không biết lễ tiết bước đi, cũng lại không biết ra vào đi lại, cũng lại không biết đắp y, mang bát, các căn thác loạn, tâm đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người ấy phạm giới cấm, không hành Chánh pháp, không là Sa-môn mà giống Sa-môn, không hành phạm hạnh mà giống phạm hạnh; là người mà rễ đã mục không thể cứu chữa. Người này gọi là sống mà giống sống.

– Thế nào là người chín mà giống chín? Hoặc có Tỳ-kheo giữ gìn giới cấm, ra vào, đi bước, không mất thời tiết, nhìn ngó không mất oai nghi, lại rất tinh tấn tu hành pháp thiện, mọi oai nghi lễ tiết đều thành tựu, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi huống chi là to lớn. Người này gọi là chín mà giống chín.

---

[8] Pāli, ibid. "Hạng người tới lui, cúi ngước, co duỗi, v.v., thảy đều đoan chánh, nhưng không như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v. : sống mà có màu sắc như trái chín."

– Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có (bốn) hạng người như bốn loại trái này. Hãy học người quả chín. Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 25. Phẩm Tứ Đế – Kinh số 7 – Tr.27)

6. BỐN HẠNG TỲ-KHEO (2) (VÍ DỤ BỐN LOÀI CHIM)

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo nên biết, có bốn loại chim này. Những gì là bốn? Hoặc có chim tiếng hót hay mà hình thì xấu. Hoặc có chim hình đẹp, mà tiếng hót thì dở. Hoặc có chim tiếng hót dở mà hình cũng xấu. Hoặc có chim hình đẹp, tiếng hót cũng hay.

– Thế nào là chim có tiếng hót hay mà hình thì xấu? Đó là chim câu-sí-la[9]. Chim này tiếng hay mà hình thì xấu.

– Thế nào là chim hình đẹp mà tiếng hót dở? Đó là chim chí.[10] Chim này có hình đẹp mà tiếng hót dở.

– Thế nào là chim có tiếng hót dở mà hình thì xấu? Đó là chim cú. Chim này có tiếng hót dở hình cũng xấu.

– Lại có chim gì tiếng hót hay hình cũng đẹp? Đó là chim công. Chim này có tiếng hót hay hình cũng đẹp.

---

[9] Pāli: kokila, chim cuốc.

[10] Chí điểu: một loại diều hâu, chim dữ.

– Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại chim này, mà mọi người đều biết. Ở đây cũng vậy, thế gian cũng có bốn hạng người như chim, mà mọi người đều biết.

– Những gì là bốn? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo nhan sắc đoan chánh, ra vào đi lại, đắp y mang bát, co duỗi, cúi ngước, oai nghi thành tựu, nhưng lại không thể đọc tụng được những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện; không thể vâng lãnh giáo pháp, cũng lại không thể khéo đọc tụng. Đó là người này có hình đẹp mà tiếng không hay.

– Lại có những người nào mà tiếng hay nhưng hình xấu? Hoặc có Tỳ-kheo, ra vào, đi lại, co duỗi, cúi ngước, đắp y, mang bát, mà không thành tựu oai nghi; nhưng hằng thích nói rộng. Người ấy lại siêng năng trì giới, nghe pháp, có khả năng biết những điều học, nghe nhiều những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện, nghĩa lý sâu xa, tu phạm hạnh đầy đủ. Hơn nữa, đối pháp kia, khéo thọ trì, khéo đọc tụng. Người này gọi là có tiếng hay mà hình xấu.

– Lại có những người nào có tiếng dở mà hình cũng xấu? Hoặc có người phạm giới, không siêng năng, không nghe nhiều, những gì đã nghe liền quên. Cần phải đầy đủ phạm hạnh ở trong pháp này, nhưng người không vâng lãnh. Người này gọi là tiếng dở mà hình cũng xấu.

– Lại có những người nào có tiếng hay, hình cũng đẹp? Hoặc có Tỳ-kheo tướng mạo đoan chánh, ra vào, đi lại, đắp

y, mang bát, không nhìn ngó hai bên; rồi lại siêng năng tu hành thiện pháp, giới luật đầy đủ, thấy điều phi pháp nhỏ còn luôn ôm lòng sợ hãi huống nữa là lớn, cũng lại nghe nhiều, ghi nhận không quên; lại tu hành tốt đẹp những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện. Người ấy khéo thọ trì, đọc tụng pháp như vậy. Pháp như vậy khéo đọc tụng. Người này gọi là tiếng hay thân cũng đẹp.

– Đó gọi là thế gian có bốn hạng người này ở đời, mà mọi người đều biết. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học tiếng hay, hình cũng đẹp. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 25. Phẩm Tứ Đế – Kinh số 9 – Tr.30)

7. BỐN HẠNG TỲ-KHEO (3) (VÍ DỤ BỐN LOẠI MÂY)

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn loại mây. Những gì là bốn? Hoặc có mây, sấm mà không mưa. Hoặc có mây, mưa mà không sấm. Hoặc có mây, vừa mưa vừa sấm. Hoặc có mây cũng không mưa cũng không sấm. Đó gọi là bốn loại mây.

– Thế gian có bốn hạng người giống như mây. Những gì là bốn hạng người? Hoặc có Tỳ-kheo sấm mà không mưa. Hoặc có Tỳ-kheo mưa mà không sấm. Hoặc có Tỳ-

kheo cũng không mưa cũng không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm.

– Thế nào là Tỳ-kheo sấm mà không mưa? Hoặc có Tỳ-kheo lớn tiếng tập tụng Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Bổn mạt, Nhân duyên, Dĩ thuyết, Sinh kinh, Tụng, Phương đẳng, Vị tằng hữu pháp, Thí dụ; những pháp như vậy khéo đọc tụng, không mất nghĩa nó, nhưng không rộng nói pháp cho người khác. Người này gọi là sấm mà không mưa.[11]

– Thế nào là Tỳ-kheo mưa mà không sấm? Hoặc có Tỳ-kheo có tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tới dừng đều biết tất cả, tu tất cả pháp thiện không mảy may để mất; song không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Bổn mạt, Nhân duyên, Thí dụ, Sinh kinh, Phương đẳng, Vị tằng hữu pháp, song theo người khác vâng lãnh cũng không quên mất, thích cùng theo với thiện tri thức. Nhưng cũng thích nói pháp cho người khác. Người này gọi là mưa mà không sấm.[12]

– Thế nào là Tỳ-kheo cũng không mưa cũng lại không sấm? Hoặc có người tướng mạo không đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng tất cả đều thiếu sót, không

---

[11] Pāli, ibid. "Thông suốt Khế kinh (sutta), Ứng tụng (geyya), v.v., nhưng không như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v.: sấm mà không mưa".

[12] Pāli, ibid., "Không thông suốt Khế kinh, Ứng tụng, v.v., nhưng như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v.: mưa mà không sấm."

tu các pháp thiện, mà lại không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh cho đến Phương đẳng, cũng lại không vì người khác nói pháp. Người này gọi là cũng không mưa cũng không sấm.

– Thế nào là Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm? Hoặc có người tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng biết rõ tất cả, ưa thích học vấn, những gì đã nhận không quên, cũng thích nói pháp cho người khác. Khuyến khích người khác khiến họ vâng lãnh. Người này gọi là cũng sấm cũng mưa.

– Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên, Tỳ-kheo hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm II – 25. Phẩm Tứ Đế – Kinh số 10[13] – Tr.32)

8. BẢY PHÁP TRỊ NƯỚC VÍ CHO BẢY PHÁP TỲ-KHEO TU TẬP (1)

– Nay Ta sẽ nói bảy pháp không thối chuyển, các ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

– Sao gọi là bảy pháp không thối chuyển?

1. – Tỳ-kheo, nên biết, nếu Tỳ-kheo cùng tập hợp lại

[13] Tham chiếu Pāli (AN 4.102): XI. Phẩm Mây Mưa – (II) (102) Mây Mưa (2).

một chỗ, đều cùng hòa thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ nhất.

2. – Lại nữa, chúng Tăng hòa hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên không thối chuyển, không để Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ hai.

3. – Lại nữa, Tỳ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ ba.

4. – Lại nữa, Tỳ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn ngày sách tấn tình ý tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ tư.

5. – Lại nữa, Tỳ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngủ nghỉ, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ năm.

6. – Lại nữa, Tỳ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ sáu.

7. – Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiền, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ bảy.

– Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hòa thuận với nhau,

Ma không thể tùy tiện.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

Trừ bỏ mọi nghiệp đời,
Không tư duy loạn tưởng.
Nếu không hành như vậy,
Không thể được tam-muội.
Người hay ưa thích pháp;
Phân biệt nghĩa pháp ấy;
Tỳ-kheo ưa hạnh này,
Sẽ dẫn đến tam-muội.

– Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 40. Phẩm Bảy Mặt Trời – Kinh số 2[14] – Tr.63)

9. BẢY PHÁP TRỊ NƯỚC VÍ CHO BẢY PHÁP TỲ-KHEO TU TẬP (2)

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thánh vương cai trị nước xa xôi, nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

---

[14] Tham chiếu Pāli (AN 7.20): III. Phẩm Vajjī (Bạt Kỳ) – (II) (20) Vassakāra.

– Những gì là bảy? Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất. Lại nữa, cổng thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ hai. Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba. Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư. Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm. Lại nữa, thành kia nhiều cụ khí, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu. Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm. Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

– Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy?

1. – Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ huống gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tệ ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

2. – Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, thủ

hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tưởng, đầy đủ ý căn, mà không loạn tưởng, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

3. – Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thảy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

4. – Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện[15], những pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

5. – Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng tâm[16], cũng không rỉ thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

6. – Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn thần túc, thực hiện

[15] Nên hiểu: Nhiều nỗ lực, tinh cần.
[16] Tức tu bốn thiền.

không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

7. Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ uẩn, xứ, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sinh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

– Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh uẩn, giới, xứ. Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt uẩn, giới, xứ và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh Ma, không có ở trong ấy nữa.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 39. Phẩm Đẳng Pháp – Kinh số 4[17] – Tr.20)

10. TỲ-KHEO CHỌN NƠI Ở

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo sống nương tựa thôn xóm mà pháp thiện tiêu diệt, pháp ác cứ tăng trưởng; Tỳ-kheo ấy nên học

[17] Tham chiếu Pāli (AN 7.67): VII. Đại Phẩm – (III) (63) Thành Trì.

như vầy: "Ta nay sống nơi thôn xóm mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện giảm dần, niệm không chuyên nhất, không thể dứt sạch các lậu, không đạt đến nơi chốn vô vi an ổn. Những gì mà ta có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thảy đều khó nhọc mới thu hoạch được." Rồi Tỳ-kheo ấy nên học như vầy: "Ta nay sống trong thôn xóm này, mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện thì tiêu diệt. Ta cũng không phải vì áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh mà làm Sa-môn. Điều mà ta mong cầu ước nguyện nay vẫn chưa có kết quả." Tỳ-kheo ấy nên rời bỏ thôn xóm ấy mà đi.

– Lại nữa, hoặc có Tỳ-kheo sống nương nơi thôn xóm, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thảy đều khó nhọc mới có, Tỳ-kheo ấy nên học như vầy: "Ta nay nương nơi thôn xóm này mà sống, thiện pháp tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thảy đều khó nhọc mới có. Nhưng ta không vì áo chăn mà xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh. Điều mà ta mong cầu ước nguyện bởi học đạo ắt sẽ thành tựu. Ta hãy trọn đời thừa sự, cúng dường pháp ấy."

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Áo chăn và ẩm thực,
Giường chõng, và chỗ nghỉ,

Chớ móng tâm tham đắm,
Chớ trở lại đời này.
Không phải vì cơm áo
Mà xuất gia học đạo.
Người sở dĩ học đạo,
Tất đạt thành sở nguyện.
Tỳ-kheo nên thích thời
Suốt đời sống thôn kia;
Ở đó bát-niết-bàn
Dứt sạch gốc rễ mạng.

– Ở đây, Tỳ-kheo kia hoặc sống giữa nhân gian, thôn xóm nhàn tĩnh, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, Tỳ-kheo ấy nên suốt đời sống tại thôn xóm đó, không nên rời bỏ đi xa.

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

– Như Lai há không thường nói, bốn đại y thức ăn mà tồn tại, và y nơi pháp được niệm tưởng trong tâm, các pháp thiện y tâm mà sinh. Vả, Tỳ-kheo kia y thôn xóm mà sống, với tinh cần khổ nhọc mới tìm cầu được y phục, thức ăn; vị ấy vì sao pháp thiện phát sinh thì sống ở nơi thôn xóm đó, chớ nên bỏ đi xa?

Phật bảo A-nan:

– Áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, đều có ba loại. Nếu Tỳ-kheo chuyên niệm sự cúng dường bốn nhu yếu, mà sở cầu không toại; thì sự y tựa

ấy là khổ. Nếu phát khởi tâm tri túc, không móng tâm tham đắm, chư thiên và loài người thảy đều hoan hỷ. Các Tỳ-kheo hãy học điều này. Ta vì lý do đó mà nói ý nghĩa này. Cho nên, này A-nan, Tỳ-kheo hãy chuyên niệm thiểu dục, tri túc.

Như vậy, A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm III – 45. Phẩm Mã Vương – Kinh số 3. – Tr.256)

11. TỲ-KHEO CHỌN NƠI TU TẬP

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát; các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn."

– Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải

thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn, vị Tỳ- kheo ấy nên quán như vầy, "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Nhưng những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn."

– Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác.

– Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa được định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách

dễ dàng không khó khăn."

– Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn".

– Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, nên ở lại khu rừng này.

– Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết sẽ

được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn".

– Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa được giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn".

– Tỳ-kheo quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt.

– Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ:

"Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Và những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn".

– Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Đã nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn. Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn".

– Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi nên nương vào khu

rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung.

– Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, giữa thôn ấp hay sống với người khác.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(Trung A-hàm II – 107. Kinh Lâm (1)[18] – Tr.1107)

12. MƯỜI ĐIỀU TỲ-KHEO NÊN BÀN LUẬN

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo sau bữa ăn đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận các đề tài này: Luận về y áo, phục sức, ăn uống; luận về lân quốc, giặc cướp, chiến tranh; luận về uống rượu, dâm dật, năm thứ nhạc; luận về vũ, hý kịch, kỹ nhạc. Những luận bàn không thiết yếu như vậy không thể kể xiết.

Khi ấy, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo đang thảo luận như vậy, liền đi đến giảng đường Phổ hội, hỏi các Tỳ-kheo:

– Các ngươi tụ tập tại đây muốn bàn luận điều gì?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

– Chúng con cùng bàn luận những vấn đề không thiết

---

[18] Tham chiếu Pāli (MN 17): 17. Kinh Khu rừng.

yếu như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Chớ có bàn luận như vậy. Vì sao? Những bàn luận ấy phi nghĩa[19], cũng không dẫn đến pháp thiện. Không do bàn luận này mà được tu hành, không đạt đến chỗ Niết-bàn diệt tận, không được đạo bình đẳng của Sa-môn. Đó là những luận bàn thế tục, không phải là luận bàn chân chánh hướng đến. Các ngươi đã bỏ tục học đạo, không nên tư duy các đề tài dẫn đến bại hoại như vậy. Nếu muốn luận bàn, các ngươi hãy luận bàn mười sự công đức.

– Những gì là mười? Tỳ-kheo tinh cần, thiểu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu[20]. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

– Các ngươi, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, hãy tư duy mười sự này. Luận như vậy là luận chánh pháp,

---

[19] Phi nghĩa, được hiểu là không liên hệ mục đích cứu cánh.

[20] Pāli: dasayimāni kathāvatthūni (mười luận sự): appiccha (thiểu dục), santuṭṭhi (tri túc), paviveka (viễn ly), asaṃsagga (không quần tụ), vīriyārambha (tinh tấn), sīla (giới), samādhi (định), paññā (tuệ), vimutti (giải thoát), vimuttiñāṇadassana (giải thoát tri kiến).

bỏ xa nẻo dữ. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 47. Phẩm Thiện Ác – Kinh số 4 – Tr.315)

13. MƯỜI NGUY HẠI CỦA VIỆC GẦN GŨI VUA CHÚA

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Gần gũi cung vua, có mười phi pháp. Những gì là mười? Ở đây, trong nội cung có khởi tâm mưu hại muốn giết quốc vương. Do bởi âm mưu này, quốc vương bị giết. Nhân dân nước đó nghĩ rằng, "Sa-môn, đạo sỹ này thường xuyên lui tới. Đây chắc chắn là việc làm của Sa-môn ấy." Đó là phi pháp thứ nhất, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, đại thần phản nghịch, bị vua bắt và giết. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Sa-môn, đạo sỹ này thường xuyên lui tới. Đây là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ hai, nạn do vào trong cung vua.

– Lại nữa, nội cung bị mất tài bảo, khi ấy người giữ kho nghĩ rằng, "Ở đây bảo vật này luôn luôn được ta canh giữ, lại cũng không có ai khác đi vào đây. Nhất định là do Sa-môn ấy làm." Đó là phi pháp thứ ba, nạn do đi vào cung vua.

– Lại nữa, con gái của vua đang tuổi tráng thịnh, chưa có chồng mà mang thai. Khi ấy người trong nước nghĩ

rằng, "Trong đây không ai khác lui tới. Nhất định là do Sa-môn ấy làm." Đó là phi pháp thứ tư, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, vua mắc bệnh nặng, trúng thuốc của người khác. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Trong đây không có ai khác. Nhất định là do Sa-môn ấy làm." Đó là phi pháp thứ năm, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, các đại thần của vua tranh chấp nhau, gây thương tổn nhau. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Các đại thần này trước kia hòa hiệp, nay lại tranh chấp nhau. Đây không phải là việc làm của ai khác, mà nhất định là do Sa-môn, đạo sỹ ấy." Đây là phi pháp thứ sáu, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, hai nước tranh chấp nhau, mỗi bên đều tranh thắng. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Sa-môn đạo sỹ này nhiều lần lui tới nội cung. Đây nhất định là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ bảy, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, quốc vương trước kia vốn ưa huệ thí, phân chia tài vật cho dân; về sau keo lẫn, hối tiếc, không huệ thí nữa. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Quốc vương của chúng ta trước kia vốn ưa huệ thí; nay lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí. Đây nhất định là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ tám, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, quốc vương hằng đúng theo pháp mà thâu tài vật của dân. Về sau, lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Quốc vương của chúng ta trước kia thâu tài vật của dân một cách hợp pháp, nay lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Đây nhất định là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ chín, nạn do gần gũi cung vua.

– Lại nữa, nhân dân trong quốc thổ mắc phải bệnh dịch tràn lan, thảy đều do duyên đời trước. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, "Chúng ta xưa kia không có tật bệnh. Nay người bị bệnh chết nằm đầy đường. Đây nhất định do chú thuật của Sa-môn gây nên." Đây là phi pháp thứ mười, nạn do gần gũi cung vua.

– Tỳ-kheo, đó là mười phi pháp, tai họa do đi vào cung vua. Cho nên, Tỳ-kheo, chớ móng tâm gần gũi cung vua.

– Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 46. Phẩm Kết Cấm – Kinh số 6[21] – Tr.289)

14. NĂM PHÁP HỦY NHỤC

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục. Sao gọi là

[21] Tham chiếu Pāli (AN 10.45): V. Phẩm Mắng Nhiếc – (V) (45) Đi Vào Hậu Cung.

năm? Một là tóc trên đầu dài. Hai là móng tay dài. Ba là y áo dơ bẩn. Bốn là không biết thời nghi. Năm là bàn nói nhiều. Vì sao vậy? Bàn nói nhiều, Tỳ-kheo lại có năm việc. Sao gọi là năm? Một là người không tin lời. Hai không chịu nhận lời dạy. Ba là người không thích gặp. Bốn là nói dối. Năm là gây đấu loạn kia đây. Đó là năm việc xảy ra cho người nói chuyện nhiều. Đó gọi là người bàn nói nhiều có năm việc này. Tỳ-kheo, hãy trừ năm việc này, chớ có tà tưởng.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 34. Phẩm Đẳng Kiến – Kinh số 4 – Tr.349)

15. HẠNH NGUYỆN SA-MÔN

Một thời Phật ở trong thôn Ương-nghệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Mọi người đều gọi các ngươi là Sa-môn. Giả sử có người hỏi, "Các ông có phải là Sa-môn không?" Các ông cũng trả lời, "Tôi là Sa-môn."

– Nay Ta nói với các ngươi về hành của Sa-môn, và hành của Bà-la-môn. Các ngươi hãy suy niệm tu tập, về sau nhất định đạt thành kết quả, như thật, không thể sai khác. Vì sao vậy? Có hai hạng Sa-môn. Có Sa-môn tập hành. Có Sa-môn thệ nguyện.

– Thế nào gọi là Sa-môn tập hành? Ở đây, Tỳ-kheo đi

đứng, tới lui, nhìn ngó, dung mạo, đắp y, bưng bát, thảy đều đúng như pháp. Không đắm tham dục, sân hận, ngu si. Duy chỉ trì giới, tinh tấn không phạm các điều phi pháp, học các giới. Đó gọi là Sa-môn tập hành.

– Thế nào gọi là Sa-môn thệ nguyện? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo mà oai nghi, giới luật, ra vào, tới lui, bước đi, dung mạo, nhìn ngó, cử động, thảy đều như pháp, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, ở ngay trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ mà an trú, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Đó gọi là Sa-môn thệ nguyện.

– Tỳ-kheo, đó là hai hạng Sa-môn.

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

– Thế nào là pháp hành của Sa-môn, pháp hành của Bà-la-môn?

Phật bảo A-nan:

– Tỳ-kheo ăn uống biết đủ, ngày đêm kinh hành, không mất thời tiết, hành các đạo phẩm.

– Thế nào là Tỳ-kheo có các căn tịch tĩnh? Ở đây, Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm trước, gợi các loạn niệm, ở trong đó mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ các niệm xấu, không niệm pháp bất thiện. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn mịn, ý biết pháp, ở nơi ý căn mà được thanh tịnh. Như

vậy, Tỳ-kheo được các căn thanh tịnh.

– Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết đủ? Ở đây, Tỳ-kheo lường bụng mà ăn; không vì mục đích mập trắng, mà chỉ cốt duy trì thân này cho được tồn tại, trừ khử bệnh cũ, bệnh mới không sinh, để có thể tu phạm hạnh. Cũng như trai hay gái, trên thân sinh ghẻ, tùy thời lấy thuốc cao mà bôi lên vết thương, thường mong vết thương được lành. Nay Tỳ-kheo ở đây cũng vậy, lường bụng mà ăn. Sở dĩ lấy mỡ bôi bánh xe, là muốn đi được xa. Tỳ-kheo lường bụng mà ăn, vì để duy trì mạng tồn tại. Như vậy, Tỳ-kheo ăn uống biết đủ.

– Thế nào là Tỳ-kheo hằng biết tỉnh giác? Ở đây, Tỳ-kheo vào lúc đầu đêm, cuối đêm, hằng biết tỉnh giác, tư duy pháp ba mươi bảy phẩm đạo. Lại nữa, đầu đêm, cuối đêm, đi kinh hành, trừ khử ý tưởng ác kết bất thiện. Rồi lại, nửa đêm nằm nghiêng bên hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, hướng đến tưởng ánh sáng. Cuối đêm, trở dậy kinh hành, trừ khử niệm bất thiện. Như vậy, Tỳ-kheo biết tỉnh giác.

– Như vậy, A-nan, đó là yếu hành của Sa-môn.

– Thế nào là yếu hành của Bà-la-môn? Ở đây, Tỳ-kheo như thật biết Khổ đế, như thật biết Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu. Rồi sau đó, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh

đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa. Đó gọi là yếu hành của Bà-la-môn.

– A-nan, nên biết, đây là nghĩa của yếu hành.

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

Sa-môn: tâm tĩnh lặng,
Các ác đã diệt tận.
Bà-la-môn thanh tịnh,
Trừ khử các loạn tưởng.

– Đó là, A-nan, pháp hành của Sa-môn và pháp hành của Bà-la-môn. Hãy suy niệm tu hành. Chúng sinh nào hành pháp này, nhiên hậu mới được gọi là Sa-môn.

– Lại nữa, vì sao gọi là Sa-môn? Các kết sử hoàn toàn lắng dừng, cho nên gọi là Sa-môn.

– Lại nữa, vì sao gọi là Bà-la-môn? Tận trừ pháp ngu hoặc, cho nên gọi là Bà-la-môn.

– Lại nữa, vì sao gọi là sát-lợi? Do đã đoạn trừ dâm, nộ, si, nên gọi là sát-lợi.

– Cũng gọi là người Đã Tắm. Thế nào gọi là Đã Tắm? Người ấy đã rửa sạch hai mươi mốt kết sử, vì vậy gọi là Đã Tắm.

– Cũng gọi là giác. Thế nào gọi là giác? Vì đã giác ngộ pháp ngu và pháp trí, nên gọi là giác.

– Cũng gọi là Bờ Kia. Thế nào gọi là Bờ Kia? Người ấy đã từ bờ này sang đến bờ bên kia, cho nên gọi là Bờ Kia.

– Này A-nan, những ai hành được pháp này, mới được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Ý nghĩa như vậy, các ngươi hãy suy niệm phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm III – 49. Phẩm Chăn Trâu – Kinh số 8 – Tr.428)

16. TỲ-KHEO ÁC

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Để thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Mặt gượng, chịu nhục, tâm tham, keo kiết, tâm niệm không xả ly, hay quên, ít ngủ, che dấu dâm dật, và không biết đền trả là chín. Tỳ-kheo, đó gọi là thành tựu chín pháp.

– Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác làm mặt gượng, chịu nhục, tâm tham, keo kiết, hay quên, ít ngủ, dâm dật che dấu, không biết đền trả, niệm không xả ly. Đó là chín.

– Thế nào là Tỳ-kheo ác làm mặt gượng? Ở đây, Tỳ-kheo ác, điều không đáng tìm cầu mà tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như vậy gọi là mặt gượng.

– Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở chỗ các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen ngợi mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo ác chịu nhục.

– Thế nào là Tỳ-kheo sinh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo

thấy tài và vật của người khác đều sinh tâm tham. Đó gọi là tham.

– Thế nào là Tỳ-kheo keo kiết? Ở đây Tỳ-kheo được y bát không cho người dùng chung, thường cất dấu cho riêng mình. Như vậy gọi là keo kiết.

– Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác thường hay để rơi rớt những lời hay, thiện; cũng không tư duy phương tiện, lại luận bàn về chuyện quốc gia binh chiến. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu điều hay quên này.

– Thế nào là Tỳ-kheo ác ít ngủ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, những pháp cần tư duy mà không tư duy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác ít ngủ.

– Thế nào là Tỳ-kheo ác che dấu dâm dật? Ở đây, Tỳ-kheo ác che dấu những việc làm, không nói cho người khác, nghĩ rằng, "Mong người khác không biết những việc làm của ta." Như vậy gọi là Tỳ-kheo che dấu những việc làm dâm dật.

– Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền trả? Ở đây Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ sư trưởng, và tôn kính những vị đáng quý trọng. Tỳ-kheo ác như vậy gọi là không biết đền trả.

– Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này[22], niệm không xả ly, trọn không thành đạo quả. Cho nên, Tỳ-

[22] Phần trên chỉ giải thích tám pháp, thiếu "niệm không xả ly".

kheo, hãy suy niệm xả bỏ các pháp ác.

– Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 44. Phẩm Chín Chúng sinh Cư – Kinh số 3 – Tr.218)

17. TỲ-KHEO THIỆN

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Chim khổng tước thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Ở đây, chim khổng tước hình dáng xinh đẹp, tiếng kêu trong suốt, bước khoan thai, đi đúng lúc, ăn uống điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, lại cũng ít ham muốn, biết đền trả. Này Tỳ-kheo, đó gọi là chim khổng tước thành tựu chín pháp.

– Tỳ-kheo hiền thiện cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp, tiếng nói trong suốt, bước khoan thai, hành đúng lúc, ăn uống có điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít ham muốn, biết đền trả.

– Sao gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp? Tỳ-kheo kia ra, vào, lui, tới, đi, đứng thích hợp, trọn không mất tư cách. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo đoan chánh.

– Sao gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt? Ở đây, Tỳ-

kheo khéo phân biệt nghĩa lý, trọn không lẫn lộn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt.

– Sao gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai? Ở đây, Tỳ-kheo biết đúng thời mà đi, không để mất thứ lớp; lại biết khi đáng tụng thì biết tụng; khi đáng tập thì biết tập; khi đáng im lặng thì biết im lặng; khi nên dậy thì biết dậy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai.

– Sao gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc? Ở đây, Tỳ-kheo khi nên đi thì đi, khi nên đứng thì đứng, tùy thời nghe pháp. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc.

– Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư còn lại, phân chia cho người, không tiếc những cái mình có. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ.

– Sao gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm tập tỉnh thức, tập ba mươi bảy phẩm đạo không để rơi rớt, hằng làm thanh tịnh ý bằng kinh hành, khi nằm, khi tỉnh thức; lại vào giữa đêm tư duy pháp sâu xa, đến lúc cuối đêm nằm nghiêng hông phải sát đất, hai chân xếp lên nhau, tư duy về tưởng ánh sáng, rồi đứng lên kinh hành mà làm thanh tịnh ý. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

– Sao gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả ? Ở đây, Tỳ-kheo thờ phụng Tam Tôn, vâng kính sư trưởng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả. Như vậy là

Tỳ-kheo hiền thiện thành tựu chín pháp, các ngươi hãy niệm tưởng phụng hành.

– Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm III – 44. Phẩm Chín Chúng sinh Cư – Kinh số 4 – Tr.220)

18. THÍ CHỦ SINH THIÊN, CHƯ TĂNG ĐỌA ĐỊA NGỤC

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

– Nay ông đã cao tuổi, ý lực không còn trẻ khỏe, hãy nhận y áo và đồ ăn của các gia chủ.

Ca-diếp bạch Phật rằng:

– Con không thể nhận y áo và đồ ăn của họ. Nay với con, mặc y vá mảnh này, và tùy thời khất thực, không còn an lạc nào hơn. Vì sao vậy? Trong tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể yếu ớt, tâm tham y đẹp, thức ăn ngon, nên giảm sút tọa thiền, không kham hành khổ hạnh, nhưng người ấy lại nói, "Quá khứ trong thời Phật, các Tỳ-kheo cũng nhận sự cung thỉnh của người, nhận y áo, thức ăn. Vì sao chúng ta không làm theo Thánh nhân ngày xưa?" Do tham đắm y áo, thức ăn, họ sẽ cởi bỏ y phục làm bạch y, khiến cho các vị Thánh hiền không còn oai thần, chúng bốn bộ dần dần suy giảm. Thánh chúng đã giảm bớt thì

tháp miếu Phật cũng sẽ bị hủy hoại. Tháp miếu Phật bị hủy hoại cho nên kinh sách bị thất lạc. Lúc ấy, chúng sinh không còn tinh quang. Do không còn tinh quang nên tuổi thọ rất ngắn. Bấy giờ, chúng sinh sau khi mạng chung đều đọa vào ba đường dữ. Cũng như ngày nay, chúng sinh tạo phước nhiều nên đều được sinh thiên; chúng sinh trong tương lai vì tạo tội nhiều nên đều đọa địa ngục.

Thế Tôn nói:

– Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Ông đã làm nhiều lợi ích, làm ruộng phước và bạn lành của mọi người. Ca-diếp, nên biết, hơn một ngàn năm sau khi Ta nhập Niết-bàn sẽ có Tỳ-kheo sút giảm thiền định, không còn thực hành pháp đầu đà, cũng không có đắp y vá mảnh và đi khất thực, chỉ thích nhận y áo, thức ăn do trưởng giả mang lại. Không còn ai sống dưới gốc cây, tại chỗ nhàn tĩnh, mà chỉ ưa trang sức phòng xá. Cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc[23], mà chỉ thích các loại dược thảo rất ngon ngọt. Hoặc ở đây lại tham đắm tài sản, tiếc lẫn phòng xá, thường xuyên tranh chấp với nhau. Lúc bấy giờ, đàn-việt thí chủ, dốc lòng chí tín Phật pháp, ưa hành huệ thí, không tiếc lẫn tài vật. Đàn-việt thí chủ ấy sau khi mạng chung thảy đều sinh lên trời. Nhưng Tỳ-kheo lười biếng thì vào địa ngục.

---

[23] Địa tiểu tiện dược. Dịch ý của từ hủ lạn dược, loại thuốc quy định cho Tỳ-kheo. Pāli: pūtimatta, cũng được hiểu là nước đái quỷ. Nhưng ngữ nguyên của từ này không rõ ràng.

– Như vậy, Ca-diếp, hết thảy các hành là vô thường, không tồn tại dài lâu.

– Lại nữa, Ca-diếp, nên biết, trong đời tương lai có Tỳ-kheo tuy cạo đầu những vẫn hành theo nghiệp thế tục; tay trái ẵm con trai, tay phải ẵm con gái; lại cầm đàn, sáo mà khất thực trên đường phố. Lúc ấy, thí chủ đàn việt còn thọ phước vô cùng huống gì ngày nay những người khất thực đều tu hành chân chánh.

– Này Ca-diếp, tất cả các hành đều vô thường, không thể tồn tại lâu dài.

– Ca-diếp nên biết, trong tương lai, Sa-môn Tỳ-kheo sẽ xả bỏ con đường tám nhánh và bảy pháp này, cũng như Pháp bảo mà ngày hôm nay Ta đã tích tụ trong ba a-tăng-kỳ kiếp. Trong tương lai, các Tỳ-kheo khất thực để tự nuôi sống bằng sự ca hát giữa đám đông. Đàn-việt thí chủ cho cơm cho chúng Tỳ-kheo đó mà còn được phước, huống là ngày nay mà không được phước sao? Nay Ta đem pháp này giao cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao vậy? Hôm nay, Ta đã gần tám mươi tuổi. Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Nay đem Pháp bảo giao phó cho hai người. Hãy ghi nhớ đọc tụng, lưu truyền ở thế gian, đừng để đoạn tuyệt. Nếu ai ngăn cản ngôn giáo của Thánh nhân, người ấy sẽ đọa vào biên địa. Hôm nay ta đã giao phó kinh pháp cho ông, đừng để bị thất thoát.

Lúc ấy, Ca-diếp và A-nan liền rời khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống chắp tay, bạch Thế Tôn rằng:

– Vì sao lại đem giáo Pháp giao phó cho hai con mà không giao cho vị khác? Lại nữa, trong chúng Như Lai, các vị có thần thông bậc nhất không thể đếm hết, sao Như Lai không phó chúc cho các vị đó?

Thế Tôn bảo Ca-diếp rằng:

– Trên trời, trong loài người, ta không thấy người nào có thể thọ trì Pháp bảo sánh với Ca-diếp và A-nan. Trong chúng Thanh văn cũng không có ai vượt hơn được hai người này. Chư Phật trong quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp như Ca-diếp và A-nan ngày nay, rất là hy hữu. Vì sao vậy? Tỳ-kheo hành đầu đà trong thời Phật quá khứ, khi Pháp còn thì vị ấy còn, khi Pháp diệt vị ấy cũng mất. Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta ngày nay lưu lại ở thế gian cho đến khi Phật Di-lặc ra đời rồi mới nhập diệt. Do đó Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Tỳ-kheo thời quá khứ. Còn Tỳ-kheo A-nan vì sao lại hơn các thị giả của chư Phật quá khứ? Thị giả của chư Phật quá khứ nghe các Ngài giảng sau đó mới hiểu; nhưng Tỳ-kheo A-nan ngày nay Như Lai chưa nói đã hiểu; Như Lai không nói cũng đều biết hết. Do bởi nhân duyên này Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả của chư Phật quá khứ.

– Vì vậy, hôm nay Ta giao phó Pháp bảo cho Ca-diếp và A-nan, đừng để bị khuyết giảm.

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Hết thảy hành vô thường.
Có sinh ắt có diệt.
Không sinh thì không chết.
Diệt ấy đệ nhất lạc.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp và A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm III – 41. Phẩm Chớ Sợ – Kinh số 5 – Tr.110)

19. Ở MỘT CHỖ CÓ NĂM ĐIỀU PHI PHÁP

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo thường ở một chỗ, có năm điều phi pháp. Sao gọi là năm? Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý tham đắm phòng xá, e sợ người đoạt, hoặc ý tham đắm tài sản lại sợ người đoạt, hoặc tích tụ nhiều vật giống như bạch y, hoặc tham luyến người thân quen không muốn cho người khác đến nhà người thân quen, thường cùng bạch y qua lại với nhau. Này Tỳ-kheo, đó gọi là người ở một chỗ có năm việc phi pháp này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đừng ở một chỗ.

– Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 33. Phẩm Năm Vua – Kinh số 8 – Tr.319)

20. DU HÀNH

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người du hành trường kỳ có năm sự khó. Sao gọi là năm? Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp; giáo pháp đã tụng thì bị quên mất; không được định ý; tam-muội đã được lại thoái thất; nghe pháp nhưng không thể hành trì. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người du hành nhiều có năm việc khó này.

– Các Tỳ-kheo nên biết, người không du hành nhiều có năm công đức. Sao gọi là năm? Pháp chưa từng đắc sẽ đắc, pháp đã đắc rồi lại không quên mất, nghe nhiều mà ghi nhớ được, có thể đắc định ý, đã đắc tam-muội rồi không bị mất. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người không du hành nhiều có năm công đức này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, không nên du hành nhiều.

– Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.

(Tăng Nhất A-hàm II – 33. Phẩm Năm Vua – Kinh số 7 – Tr.318)

21. TỲ-KHEO BỆNH, PHẬT GIÁO GIỚI

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia trong Pháp Luật này chưa được lâu, ít người thân quen, một mình làm lữ khách, không có người cung cấp, đang trú trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc, bệnh đau nguy khốn. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, mới học... *cho đến* bệnh đau nguy khốn đang ở trong phòng khách

Tăng ngoài biên một tụ lạc. Có Tỳ-kheo bệnh sống ít chết nhiều như vậy. Lành thay! Cúi xin Thế Tôn vì thương xót mà đến trú xứ này!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến trú xứ ấy. Tỳ-kheo bệnh từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy. Phật bảo Tỳ-kheo:

– Hãy nằm nghỉ, chớ dậy! Thế nào, Tỳ-kheo? Có thể chịu đựng được khổ đau không?… *Chi tiết như kinh Sai-ma-ca trước đã nói.*[24] "Ba thọ như vậy... *cho đến* bệnh khổ chỉ tăng không giảm."

Phật nói với Tỳ-kheo bệnh:

– Bây giờ Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời Ta.

– Ngươi không có gì hối tiếc chăng?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối tiếc.

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

– Ngươi không phạm giới chăng?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật sự, con không phạm giới.

Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

– Nếu ngươi không phạm giới, ngươi có điều gì mà lại hối tiếc?

---

[24] Xem Kinh 105 (Đại Chánh 103).

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

– Con tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp thượng nhân, và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc. Con tự nghĩ, lúc mạng chung, biết tái sinh nơi đâu? Vì vậy con sinh ra hối tiếc.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Nay Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời Ta. Thế nào, Tỳ-kheo? Vì có mắt nên có nhãn thức phải không?

Tỳ-kheo bệnh bạch:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Lại hỏi:

– Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào? Vì có nhãn thức nên có nhãn xúc. Do nhãn xúc làm nhân làm duyên sinh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc bên trong phải không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

– Thế nào, Tỳ-kheo? Nếu không có mắt thì không có nhãn thức phải không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Lại hỏi:

– Tỳ-kheo, nếu không có nhãn thức thì không có nhãn xúc phải không? Nếu không có nhãn xúc thì không có nhãn xúc làm nhân làm duyên sinh cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc bên trong, phải không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

– Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo tư duy pháp như vậy, thì lúc mạng chung được an lành, đời sau cũng an lành.

Thế Tôn sau khi nói pháp cho Tỳ-kheo bệnh, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tỳ-kheo mạng chung. Khi sắp mạng chung, các căn người vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

– Tỳ-kheo trẻ tuổi kia bị bệnh nguy khốn. Nay Tôn giả đã mạng chung. Khi vị này sắp qua đời, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo này sẽ sinh về nơi nào? Thọ sinh ra sao? Đời sau thế nào?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo kia đã qua đời thật sự như vậy. Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, ở nơi pháp không còn sợ hãi mà đạt được Bát-niết-bàn. Các ngươi hãy nên lo việc xá-lợi.

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo này là bậc nhất.[25]

(Tạp A-hàm II – Tương Ưng Bệnh – Kinh 929. Tật Bệnh (1)[26] – Tr.1491)

22. NĂM LOẠI THỨC ĂN CỦA NGƯỜI XUẤT THẾ GIAN

Phàm có chín điều để quán sát thức ăn. Bốn loại thức ăn của nhân gian, và năm loại thức ăn xuất thế gian.

Bốn loại thức ăn của nhân gian là gì?

Một là đoàn thực; hai là xúc thực; ba là niệm thực; bốn là thức thực. Đó là bốn loại thức ăn của thế gian.

Năm loại thức ăn xuất thế gian là gì? Một, thức ăn bởi thiền; hai, thức ăn bởi nguyện; ba, thức ăn bởi niệm; bốn, thức ăn bởi tám giải thoát; năm, thức ăn bởi hỷ. Đó là năm loại thức ăn biểu hiện cho thức ăn xuất thế gian.

Các ngươi hãy chuyên niệm xả bỏ bốn loại thức ăn, tìm cầu phương tiện có được năm loại thức ăn. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm III – 45. Phẩm Mã Vương – Kinh số 4. – Tr.260)

23. NĂM SỰ NỖ LỰC

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng Thế Tôn chào hỏi an úy

---

[25] Thọ đệ nhất ký, đây chỉ sự xác nhận đã chứng quả A-la-hán.

[26] Đại Chánh, Kinh 1025. Tham chiếu Pāli (SN 35.74): Chương 35: Tương Ưng Sáu Xứ – III: Phẩm Bệnh – 74. Bệnh (1).

xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm, hôm trước có nhiều xuất gia ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập họp ở giảng đường Vị tằng hữu bàn luận như vầy: "Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà trống, không thể ở giữa chỗ đông người kiến lập luận nghị: Điều này nên, điều này không nên; điều này hợp, điều này không hợp. Như con bò đui đi ngoài bờ ruộng không vào trong ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, không có điều gì nên, không nên; không có điều gì hợp, không hợp."

Phật bảo Bổ-lũ-đê-ca:

– Sự bàn luận của các ngoại đạo này nói: "Nên hay không nên; hợp hay không hợp", trong Chánh Pháp Luật như trò đùa của trẻ con. Ví như người tám, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, làm trò đùa như trẻ con, dùng đất bùn nặn ra các thứ hình voi, ngựa. Mọi người đều nói: "Đây là bé con già tuổi." Cũng vậy, này Hỏa Chủng, các thứ luận thuyết cho rằng: "Nên không nên, hợp không hợp" đối với Thánh Pháp Luật như trò đùa của trẻ con. Nhưng ở trong đó không có gì cho Tỳ-kheo cần nỗ lực cả.

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm, ở nơi nào có điều mà Tỳ-kheo cần nỗ lực?

Phật bảo ngoại đạo:

– Cái gì không thanh tịnh khiến cho thanh tịnh; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không điều phục khiến họ điều

phục; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không định khiến cho họ được chánh định; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không giải thoát khiến họ được giải thoát; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không đoạn khiến cho đoạn, không biến tri khiến cho biến tri, không tu khiến cho tu, không đắc khiến cho đắc; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

– Thế nào là không thanh tịnh khiến thanh tịnh? Giới chưa thanh tịnh làm cho giới thanh tịnh. Thế nào là chưa điều phục làm cho điều phục? Các căn mắt, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý chưa điều phục khiến điều phục đầy đủ; đó gọi là không điều phục khiến họ điều phục. Thế nào là không định khiến họ được chánh định? Tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là không giải thoát khiến được giải thoát? Tâm không giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là không đoạn khiến đoạn? Vô minh, hữu ái không đoạn khiến đoạn. Thế nào là không biến tri khiến biến tri? Đối với danh sắc không biến tri khiến biến tri. Thế nào là không tu khiến cho tu? Đối với chỉ quán không tu khiến tu. Thế nào là không đắc khiến đắc? Đối Niết-bàn chưa đắc khiến đắc. Đây gọi là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

Bổ-lũ-để-ca bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm, đây là mục đích mà Tỳ-kheo cần nỗ lực; đây là sự kiên cố mà chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực; tức là tận trừ các hữu lậu.

Sau khi nghe những gì Phật dạy, xuất gia ngoại đạo

Bổ-lũ-đê-ca hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

(Tạp A-hàm III – 47. Tương Ưng Ngoại Đạo – Kinh1356. Bổ-lũ-đê-ca (2)[27] – Tr.2359)

24. TÁM THÁI ĐỘ KHI PHẠM LỖI

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Ngựa thế gian có tám cách thái[28]. Những gì là tám? Khi ngựa dữ kéo xe, chân sau đá người, chân trước quỳ xuống đất, đầu lúc lắc, cắn người. Đó gọi là cách thái thứ nhất của ngựa thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ kéo xe, cúi đầu xuống làm rung ách. Đó gọi là cách thái thứ hai của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, nó xuống lề đường mà đi, hoặc làm cho xe nghiêng khiến cho xe bị lật. Đó gọi là cách thái thứ ba. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, nó ngẩng đầu lên mà chạy. Đó gọi là cách thái thứ tư của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, mới bị ít roi gậy, nó hoặc làm cho đứt dây cương, hay bứt dàm, chạy ngang chạy dọc. Đó gọi là cách thái thứ năm. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, nó giơ hai chân trước lên làm như người đứng. Đó là cách thái thứ sáu. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, phải dùng roi gậy mới chịu đứng yên, không động. Đó là cách thái thứ bảy. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, bốn

---

[27] Đại Chánh, Kinh 975.

[28] Mã bát thái. Pāli: aṭṭha assakhaḷuṅke, tám loại ngựa bất kham.

chân chụm lại, phục sát đất không chịu đứng lên. Đó gọi là cách thái thứ tám.

– Con người dữ[29] của thế gian cũng vậy, ở trong Chánh Pháp Luật có tám điều lỗi. Những gì là tám? Hoặc Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; người kia sân giận, chỉ trích trở lại người cử tội rằng: "Thầy ngu si, không biết, bất thiện, người ta vừa cử tội Thầy, sao Thầy lại cử tội tôi?" Như con ngựa dữ kia hai chân sau chõi lui, hai chân trước quỵ xuống đất, làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ nhất của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa dữ cứng cổ làm gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ hai của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; nhưng không dùng lời đứng đắn đáp lại, mà nói sang chuyện khác, hay không nhẫn, sân nhuế, kiêu mạn, che dấu, hiềm hận, làm những chuyện vô lý, như ngựa dữ kia không đi đường thẳng làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi thứ ba của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi, khiến cho người kia nhớ lại, nhưng lại nói rằng: "Tôi chẳng nhớ." Ngang ngạnh không phục,

---

[29] Ác trượng phu. Pāli: purisakhaḷuṅka, con người bất kham.

như ngựa dữ kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi thứ tư của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; họ khinh miệt, không kể gì đến người khác, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tùy ý ôm y bát bỏ đi, như ngựa dữ kia bị ăn roi gậy, bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi thứ năm của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; họ ngồi trên giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa, như ngựa dữ kia đứng hai chân như người. Đây gọi là lỗi thứ sáu của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; họ im lặng không đáp, để xúc não đại chúng, như ngựa dữ kia bị roi gậy vẫn trơ trơ không động. Đây gọi là lỗi thứ bảy của con người trong Chánh Pháp Luật.

– Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; người bị cử tội liền xả giới, tự sinh thối thất, đến trước cửa chùa nói rằng: "Ông mặc nhiên mà sống hoan hỷ khoái lạc. Tôi tự xả giới lui về." Như con ngựa dữ kia bốn chân chụm lại, phục sát đất không động. Đây gọi là lỗi thứ tám của con người trong Chánh Pháp Luật. Đó gọi là Tỳ-kheo đối trong Chánh Pháp Luật có

tám điều lỗi lầm của con người.

(Tạp A-hàm III – 43. Tương Ưng Mã – Kinh 1305. Hữu Quá[30] – Tr.2249)

25. TRI ÂN VÀ BÁO ÂN (1)

Nếu có chúng sinh biết báo đáp, người này đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống chi ân lớn. Cho dù người đó cách chốn này ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần mà không là xa, cũng như gần Ta không khác. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, vì ta thường khen ngợi người biết báo đáp.

Có những chúng sinh không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống chi ân nhỏ. Kẻ đó chẳng gần Ta. Ta chẳng gần kẻ đó. Giả sử khoác tăng-già-lê hầu hạ bên Ta, kẻ này cũng như xa. Vì sao vậy? Ta không bao giờ nói về người không báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ báo đáp, chớ học không báo đáp.

(Tăng Nhất A-hàm I – 20. Phẩm Thiện Tri Thức – Kinh số 5 – Tr.339)

26. TRI ÂN VÀ BÁO ÂN (2)

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, sau nửa đêm Thế Tôn nghe tiếng chồn hoang. Qua sáng hôm sau, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

– Lúc cuối đêm, các ngươi có nghe tiếng chồn hoang

---

[30] Đại Chánh, Kinh 924. Tham chiếu Pāli (AN 8.14): II. Phẩm Lớn – (IV) (14) Ngựa Chưa Điều Phục.

không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, có nghe.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Con chồn hoang kia bị khốn vì ghẻ lở nên nó phải kêu. Nếu có người nào vì con chồn hoang kia mà chữa trị ghẻ lở cho nó, chồn hoang ắt sẽ biết ơn và báo ơn. Nay có một kẻ ngu si không có biết nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như vầy: "Biết ơn và báo ơn. Một chút ơn nhỏ còn không quên báo đáp, huống chi là ơn lớn."

(Tạp A-hàm II – Tương Ưng Thí Dụ – Kinh 924. Dã Hồ[31] – Tr.1471)

27. MƯỜI MỘT PHÁP TỲ-KHEO AN LẠC VÀ NGƯỜI KHÁC ĐƯỢC AN LẠC

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người chăn bò nếu có đủ mười một điều thì sẽ không thể làm cho bò tăng trưởng, cũng không thể giúp cho bầy bò lớn được an ổn. Những gì là mười một? Không biết sắc; không biết tướng; không biết trừ trùng; không băng giữ vết thương; không un khói; không biết đường chánh; không biết chỗ nghỉ; không biết chỗ qua; không biết chỗ cho ăn; vắt hết sữa của nó; không biết lo

---

[31] Đại Chánh, Kinh 1264. Tham chiếu Pāli (SN 17.8): Chương 17: Tương Ưng Lợi Đắc Cung Kính – I: Phẩm Thứ Nhất – 8. Con Giả Can.

liệu để lãnh đàn. Đó gọi là người có đủ mười một điều thì không thể bảo vệ đàn bò lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, ai có đủ mười một điều thì không thể tự mình an ổn, cũng không thể an ổn cho người khác. Những gì là mười một điều? Không biết sắc; không biết tướng; không thể trừ trùng hại; không băng vết thương; không thể un khói; không biết chánh đạo; không biết chỗ nghỉ; không biết chỗ qua; không biết chỗ cho ăn; vắt hết sữa nó; đối với các Thượng tọa đa văn kỳ cựu, tu phạm hạnh lâu, được Đại sư khen ngợi; không hướng đến các bậc minh trí tu phạm hạnh, khen ngợi đức độ kia, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cúng dường.

– Thế nào là không biết sắc? Không biết như thật về những gì là sắc, như tất cả tứ đại kia và tứ đại tạo. Đó gọi là không biết sắc.

– Thế nào gọi là không biết tướng? Không biết như thật về sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tuệ.[32] Đó gọi là không biết tướng.

– Thế nào gọi là không biết trừ trùng? Đối với những gì là dục tầm đã khởi, an tâm không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt; đối với những gì là sân nhuế tầm, hại tầm đã khởi, an tâm không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt. Đó gọi là không biết trừ trùng.

---

[32] Ý nghĩa: hành vi nào là dấu hiệu của sai lầm, hành vi nào là dấu hiệu của trí tuệ.

– Thế nào là không băng vết thương? Mắt thấy sắc, theo đó chấp vào hình tướng, không giữ gìn mắt đối với tham ái thế gian, pháp ác bất thiện; tâm theo đó sinh phiền não không thể phòng hộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là không băng vết thương.

– Thế nào là không un khói? Như những pháp đã nghe, như những pháp đã thọ, không thể vì người phân biệt, chỉ rõ. Đó gọi là không un khói.

– Thế nào là không biết đường chánh? Tám chi Thánh đạo và pháp luật của Thánh, đó gọi là con đường, mà không biết như thật. Đó gọi là không biết đường chánh.

– Thế nào là không biết chỗ nghỉ? Đối với những pháp đã biết của Như Lai, không đạt được hoan hỷ vui mừng thắng diệu, xuất ly lợi ích. Đó là không biết chỗ dừng.

– Thế nào là không biết chỗ qua? Không biết Kinh Luật Luận, không biết tùy thời đến thưa hỏi thỉnh thọ, không biết thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội; tạo những pháp nào là pháp thù thắng không phải ác; đối với pháp ẩn mật thì không thể khai phát, đối với pháp hiển lộ thì không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết mà không thể diễn rộng chỉ rõ. Đó gọi là không biết chỗ qua.

– Thế nào là không biết chỗ chăn thả bò? Bốn niệm xứ, và pháp luật Thánh Hiền, gọi là chỗ chăn thả bò; ở đó không biết như thật, đó gọi là không biết chăn thả bò.

– Thế nào là vắt hết sữa? Hàng Sát-lợi, Bà-la-môn hay Gia chủ kia, tự tại bố thí y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm thuốc men, và những vật dụng trong đời sống; Tỳ-kheo thọ dụng mà không biết hạn lượng, đó gọi là vắt hết sữa.

– Thế nào là đối các Thượng tọa, Đại đức đa văn kỳ cựu,… *cho đến* không hướng đến chỗ các vị đồng phạm hạnh có thắng trí mà xưng dương công đức kia, để mà tôn trọng thừa sự, cúng dường, để được an vui? Tỳ-kheo không tán dương Thượng tọa kia,… *cho đến* không đi đến chỗ các đồng phạm hạnh có trí tuệ, bằng thân khẩu ý nghiệp tùy thuận thừa sự. Đó gọi là không hướng đến đối với những bậc Thượng tọa đa văn kỳ túc,… *cho đến* không đi đến chỗ các đồng phạm hạnh có trí tuệ, thừa sự khiến được an vui.

– Người chăn bò nếu có đủ mười một điều thì có thể làm cho đàn trâu kia tăng trưởng, bảo vệ bầy trâu, làm cho an vui. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, nói rõ ràng phân biệt như trên,… *cho đến* có thể lãnh đàn, tùy thời liệu lý khiến được an ổn. Đó gọi là người chăn bò có đủ mười một điều thì sẽ khiến cho bầy bò tăng trưởng, và bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đầy đủ mười một điều thì tự mình sẽ được an lạc, và cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng,… *cho đến* nói đầy đủ phân biệt rõ ràng. Đó gọi là Tỳ-kheo có

đủ mười một điều, tự mình an, và làm cho người an.

(Tạp A-hàm II – Tương Ưng Thí Dụ – Kinh 909. Mục Ngưu (2)[33] – Tr.1471)

28. TỲ-KHEO TRẺ KHÔNG NGHE LỜI TRƯỞNG LÃO

Một thời Đức Phật ở nơi giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ sáng sớm, có nhiều Tỳ-kheo khoác y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Khi đó, cũng có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia chưa bao lâu, không quen rành pháp luật, nên lúc khất thực không biết thứ tự trước sau; các Tỳ-kheo khác thấy vậy, nói với vị ấy:

– Thầy tuổi còn trẻ, mới xuất gia, chưa biết pháp luật: không được đi vượt qua, không được đi ngang hàng. Đi khất thực mà trước sau không theo thứ tự, thì lâu dài sẽ chịu khổ và không bao giờ được lợi ích.

Tỳ-kheo tuổi trẻ thưa:

– Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo trước sau, đâu phải chỉ một mình tôi.

Đã ba lần như vậy, họ vẫn không thể làm cho vị ấy dừng lại. Các Tỳ-kheo đi khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

---

[33] Đại Chánh, Kinh 1249. Tham chiếu Pāli (MN 33): 32. Đại Kinh Người Chăn Bò.

– Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia nơi pháp luật này chưa bao lâu, khi đi khất thực không theo thứ tự trước sau, lại đi ngang hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can gián nhưng vẫn không chịu, mà nói rằng: Các Thượng tọa cũng không có thứ tự, sao lại rầy tôi? Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần răn nhắc, vẫn không chịu nghe nên chúng con đến bạch Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Như trong đầm không, có hồ nước lớn, có một voi đực to lớn ở trong đó, nhổ những củ rễ sen, rửa sạch bùn đất sau đó ăn chúng. Ăn rồi, thân thể nó mập mạp, sung sức và nhiều an lạc. Vì lý do này nên luôn luôn sống với hỷ lạc. Có một con voi thuộc chủng tộc khác, hình thể gầy yếu, bắt chước con voi đực kia, nhổ củ rễ, nhưng rửa không sạch, còn để lẫn bùn đất mà ăn. Ăn vào không tiêu, thân thể không mập mạp mà trở thành gầy yếu, vì vậy nên gần kề đến chết, hoặc giống cái khổ của chết.

– Cũng vậy, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không ưa thích hí tiếu, vì tu phạm hạnh đã lâu, được Đại Sư thường khen ngợi; cũng được các vị đồng phạm hạnh có minh trí khác lại càng khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành ấp, làng xóm; sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành khất thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nhiếp các căn, chuyên tâm cột niệm, có thể khiến cho người nào

không tin phát lòng tin, người đã có lòng tin sẽ không biến đổi. Khi được tài lợi, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men; họ không nhiễm, không đắm, không tham, không ham, không mê, không đeo đuổi; mà thấy được lỗi lầm, tai hại, thấy sự xuất ly chúng, sau đó mới dùng. Ăn xong, thân tâm đều đượm vẻ an lạc, sắc được tươi, sức được khỏe. Vì nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an lạc.

– Tỳ-kheo tuổi trẻ kia xuất gia chưa bao lâu, chưa quen rành pháp luật, y theo các bậc trưởng lão, nương vào nơi làng xóm. Khi đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, mà không khéo hộ thân, không gìn giữ các căn, không chuyên cột niệm, không thể khiến cho người chưa tin phát lòng tin, và người đã tin không thay đổi. Nếu được tài lợi, y phục, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc men, mà sinh nhiễm, đắm, tham lam, đeo đuổi, không thấy lỗi lầm, tai hại, không thấy sự thoát ly; vì tâm tham nếm thức ăn này, nên không thể làm cho thân vui tươi, an ổn, sung sướng được. Vì ăn như vậy nên đi dần đến cái chết, hoặc khổ giống như chết. Nói là chết có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất chánh pháp, chánh luật. Khổ giống như chết nghĩa là phạm Chánh Pháp Luật, không biết tội tướng, không biết trừ tội.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Long tượng nhổ rễ sen,
Nước rửa sạch rồi ăn.
Voi giống khác bắt chước,
Ăn rễ dính lẫn bùn.

Vì ăn nhầm bùn đất,
Gầy yếu bệnh đến chết.

(Tạp A-hàm III – 30. Tương Ưng Tỳ-kheo
– Kinh 987. Ngẫu Căn[34] – Tr.1615)

29. NĂM PHÁP CỬ TỘI TỲ-KHEO

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo cử tội muốn cử tội người khác, khiến cho tâm an trụ, cần có bao nhiêu pháp để có thể cử tội người khác?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

– Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ, có đủ năm pháp có thể cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu nhuyến, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội, phải dùng bao nhiêu

---

[34] Đại Chánh, Kinh 1083. Tham chiếu Pāli (SN 20.9): Chương 20: Tương Ưng Thí Dụ – 9. Voi.

pháp để có thể tự an tâm mình?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo bị cử tội phải nhờ vào năm pháp khiến cho tâm mình được an. Phải nghĩ rằng, "Người này do đâu mà biết được? Hãy là sự thật chứ đừng là không thật. Mong cho đúng thời, chứ đừng khiến phi thời. Mong cho vì ích lợi chứ đừng khiến không vì ích lợi. Mong nhu nhuyến, đừng khiến thô bạo. Mong là từ tâm, đừng khiến sân hận." Này Xá-lợi-phất, người bị cử tội phải đủ năm pháp này thì mới tự an được tâm mình.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con thấy có sự cử tội người khác mà không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời, chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm. Bạch Thế Tôn, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật đó, phải dùng bao nhiêu pháp vì lợi ích khiến cho hối cải?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo cử tội mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp vì lợi ích khiến cho hối cải. Nên nói với người ấy rằng, "Trưởng lão, hôm nay trưởng lão cử tội, không thật chứ chẳng phải thật. Trưởng lão nên hối cải. Phi thời chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế,

chứ không có từ tâm. Trưởng lão nên hối cải." Này Xá-lợi-phất, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp vì lợi ích này, khiến cho hối cải, cũng khiến cho Tỳ-kheo trong vị lai không cử tội người khác mà không đúng sự thật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp để khiến cho không bị biến tâm?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo bị cử tội không đúng, phải nhờ vào năm pháp để không tự biến tâm. Người này phải nghĩ như vầy, "Tỳ-kheo kia cử tội không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời chứ chẳng phải thời; không vì lợi ích chứ chẳng phải vì lợi ích; thô bạo chứ chẳng phải nhu nhuyến; sân hận chứ không phải từ tâm. Ta thật sự không biến tâm." Tỳ-kheo bị cử tội không thật đó phải nhờ vào năm pháp này để tự an tâm mình, không tự biến tâm.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, chứ không phải không thật; đúng thời không phải không đúng thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận; Tỳ-kheo cử tội đúng đó nên bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị cải biến?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, nên bằng năm pháp vì lợi ích để khiến cho không bị biến cải. Nên nói như vầy, "Trưởng lão, ngài đã cử tội đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải phi thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận." Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào cử tội đúng thì phải bằng năm pháp lợi ích này để khiến Tỳ-kheo đó không bị biến tâm, và cũng để cho Tỳ-kheo trong vị lai cử tội người khác đúng mà không bị biến tâm.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng, phải bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị biến tâm?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo bị cử tội đúng, phải bằng năm pháp lợi ích này để không bị biến tâm. Nên nói như vầy, "Tỳ-kheo này cử tội đúng chứ không phải không đúng, ông chớ biến tâm; đúng thời chứ không phải phi thời; nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, ông chớ biến tâm."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con thấy Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận, phải dùng bao nhiêu pháp để tự giải tỏa đối với sân hận?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, phải dùng năm pháp để tự giải tỏa. Nên nói với người ấy rằng, "Trưởng lão, Tỳ-kheo cử tội ông là đúng sự thật chứ không phải không thật, ông chớ sân hận… *cho đến* từ tâm chứ không phải sân hận." Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, nên dùng năm pháp này để đối với sân hận được giải tỏa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, có người cử tội đúng, có người không đúng; đối với hai người này con tự an tâm. Nếu kia đúng sự thật thì con phải tự biết. Nếu kia không đúng thì con phải tự hóa giải rằng, "Điều đó không đúng, nay ta tự biết là không có cái lỗi này." Bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như những gì Thế Tôn đã dạy trong kinh thí dụ xẻ gỗ, dạy các Sa-môn: "Nếu có giặc đến bắt ông dùng cưa, cưa xẻ thân ông. Các ông đối với giặc mà khởi lên niệm ác, nói lời ác, tự sinh ra chướng ngại. Cho nên, Tỳ-kheo, nếu bị giặc dùng cưa, cưa xẻ thân các ông, các ông đối với giặc chớ khởi lòng ác, và nói lời ác, chỉ tự làm chướng ngại mình mà thôi. Đối với những người đó nên sinh lòng từ bi, không oán, hận; chứng nhập, thành tựu và trú với từ tâm cùng khắp bốn phương cảnh giới." Cho nên, bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như lời Thế Tôn đã dạy, là đối với cái khổ thân bị cưa xẻ mà còn tự an nhẫn; huống chi những cái khổ nhỏ nhặt, hay những lời phỉ báng nhỏ

nhặt mà không an nhẫn được. Vì mục đích của Sa-môn, vì ước muốn của Sa-môn, muốn đoạn trừ pháp bất thiện, muốn tu tập pháp thiện thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn trừ; đối với pháp thiện thì nên phương tiện tu tập tinh cần, khéo tự phòng ngừa, buộc niệm tư duy, không để buông lung. Hãy tu học như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu con cử tội Tỳ-kheo khác, đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; có nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, nhưng có Tỳ-kheo bị cử tội kia vẫn ôm lòng thù hận.

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

– Tỳ-kheo loại nào khi nghe cử tội mà sinh tâm thù hận?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không tàm quý, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính giới luật, không trọng Sa-môn, không siêng năng tu học, không tự tỉnh quán sát, vì kế sống mà xuất gia, không vì cầu Niết-bàn; những người như vậy nghe con cử tội liền sinh sân nhuế.

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

– Những hạng Tỳ-kheo nào nghe ngươi cử tội mà

không sân hận?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo tâm không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, có chánh tín, biết tàm quý, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, không bỏ hạnh xa lìa, kính sâu giới luật, trọng hạnh Sa-môn, tôn sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, không vì kế sống; những Tỳ-kheo như vậy nghe con cử tội thì hoan hỷ nhận lãnh như uống cam lồ. Như người nữ dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, được hoa đẹp đẽ, yêu thích, đội lên đầu, cài lên đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, chánh tín, có tàm quý, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh xa lìa, kính sâu giới luật, trọng hạnh Sa-môn, siêng tu tập, tự tỉnh, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn, Tỳ-kheo như vậy khi nghe con cử tội vui vẻ nhận lãnh như uống cam lồ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Nếu Tỳ-kheo này cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh xa lìa, không kính giới luật, không trọng hạnh Sa-môn, không cầu Niết-bàn, vì kế sống xuất gia, đối Tỳ-kheo như vậy không nên dạy dỗ và nói chuyện. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này phá phạm hạnh. Tỳ-kheo không cong vạy, không giả dối, không lừa gạt, có tín, có tàm quý, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu giới luật, trọng

hạnh Sa-môn, chí sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, những Tỳ-kheo như vậy phải nên dạy dỗ. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này thường tu phạm hạnh, có thể tự đứng vững.

(Tạp A-hàm II – 9. Tương Ưng Xá-lợi-phất – Kinh 496. Cử Tội[35] – Tr.913)

30. LỪA THEO BÒ, TƯỞNG LÀ BÒ

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thí như con lừa đi theo đàn bò, tự nghĩ rằng: "Ta phát ra tiếng bò." Nhưng hình dáng của nó không giống bò, màu sắc cũng không giống, âm thanh phát ra không giống, mà theo đàn bò, rồi tự cho mình là bò, phát ra tiếng bò kêu, mà thật ra khác bò xa.

– Cũng vậy, có một nam tử ngu si, vi phạm giới luật, mà còn đi theo đại chúng nói rằng: "Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!" mà không học tập thắng dục về tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Còn theo đại chúng tự cho rằng: "Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!" Nhưng kỳ thật khác xa Tỳ-kheo.

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Thú cùng móng, không sừng,
Đủ bốn chân, tiếng kêu;

---

[35] Đại Chánh, Kinh 497. Tham chiếu Pāli (AN 5.167): XVII. Phẩm Hiềm Hận – (VII) (167) Buộc Tội.

Đi theo sau đàn bò,
Luôn cho là bạn bè.
Hình dạng chẳng phải bò,
Không thể kêu tiếng bò.
Cũng vậy, người ngu si,
Chẳng theo cột tâm niệm.
Nơi lời dạy Thiện Thệ,
Không muốn siêng phương tiện;
Tâm biếng nhác, khinh mạn,
Không được đạo Vô thượng.
Như lừa trong đàn bò,
Mà luôn xa đàn bò.
Kia tuy theo đại chúng,
Nhưng luôn trái tâm hành.

(Tạp A-hàm II – 21. Tương Ưng Học – Kinh 796. Lô[36] – Tr.1304)

31. THỢ SĂN VÀ ĐÀN NAI

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Người thợ săn khi bẫy mồi nai, không có tâm như vầy "Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu." Nhưng người thợ săn bẫy

[36] Đại Chánh, Kinh 828. Tham chiếu Pāli (AN 3.81): IX. Phẩm Sa-Môn – 81. Sa-Môn.

mồi nai với tâm như vầy "Bẫy mồi là chỉ muốn chúng đến gần để ăn; đã đến gần để ăn thì sẽ kiêu loạn phóng dật, mà đã kiêu loạn phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Người thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vậy.

– Đàn nai thứ nhất đến gần đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sinh kiêu loạn phóng dật rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

– Đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng "Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sinh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước được chăng?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối mùa Xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

– Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

– Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng, "Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ

săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ ăn của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật. Do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa. Sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

– Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ rằng: "Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ! Quả thật, rất khôn lanh! Vì sao? Vì chúng ăn đồ ăn của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa lưới chạy dài chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

– Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ, "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được. Sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần. Đã

ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật. Do không kiêu loạn phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng: "Đàn nai thứ tư này ranh mãnh xảo trá kỳ lạ! Quả thật ranh mãnh xảo trá, nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc.

– Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

– Này Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn các ngươi hiểu rõ ý nghĩa. Nay Ta nói đây, các ngươi hãy quán sát nghĩa lý:

– Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm công đức của dục: Sắc được biết bởi mắt, tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc được chạm bởi thân. Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm niệm công đức của dục. Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương. Quyến thuộc của thợ săn, nên biết, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Đàn nai, nên biết đó

chính là Sa-môn, Bà-la-môn vậy.

– Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất đến gần ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sinh kiêu loạn phóng dật. Rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

– Ví như đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn bèn sinh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các ngươi hãy quán sát các Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng giống như vậy.

– Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai lại suy nghĩ rằng, "Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất đến gần ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sinh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai liền từ bỏ đồ ăn của tín thí thế gian, tránh xa

chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây. Đến tháng cuối Xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vị ấy rất gầy ốm, khí lực hao mòn, nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn. Và tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên trở lại bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

– Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng "Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn bèn sinh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước được chăng? Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối Xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các ngươi hãy quán sát Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai kia cũng giống như vậy.

– Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba lại suy nghĩ rằng, "Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không

thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần, nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nhưng còn chấp thủ hai kiến chấp, hữu kiến và vô kiến. Những vị ấy do chấp thủ hai kiến chấp này nên rồi cũng bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương.

– Ví như đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng "Đàn nai thứ nhất và đàn nai thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu loạn phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến

gần. Đã ăn mà không đến gần nên không ỷ thị, phóng dật, rồi do không ỷ thị phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn suy nghĩ rằng "Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ! Quả thật rất khôn lanh. Vì sao vậy? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa vòng lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nên biết đó chính là hữu kiến. Đường lui tới, nên biết đó chính là vô kiến. Các ngươi hãy quán sát Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba cũng giống như vậy.

– Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư lại suy nghĩ rằng, "Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu loạn phóng dật thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn Bà-la-môn thứ tư này liền nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thế gian

tín thí mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

– Cũng như đàn nai thứ tư lại suy nghĩ rằng, "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc của thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu loạn phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng, "Đàn nai thứ tư này khôn lanh xảo quyệt kỳ lạ! Quả thật rất khôn lanh xảo quyệt. Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư này." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các ngươi hãy

quán rằng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư cũng giống như vậy.

– Này Tỳ-kheo, phải nên học chỗ ở, đường lui tới như vậy để khiến Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

– Chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

– Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo tâm câu hữu với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với bi và hỷ. Tâm câu hữu với xả, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

– Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của

Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả các sắc tưởng, cho đến thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

– Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến mà vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

– Này Tỳ-kheo, chỗ ở và đường lui tới như vậy khiến Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Các ngươi hãy nên học như vậy.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(Trung A-hàm IV – 178. Kinh Lạp Sư[37] – Tr.1889)

32. BẢY PHÁP CỦA TỲ-KHEO

Một thời Thế Tôn trú tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

– Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền Thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết

[37] Tham chiếu Pāli (MN 25): 25. Kinh Bẫy Mồi.

độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người.

1. – Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp.

– Nếu Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vầy là không biết pháp.

– Tỳ-kheo nào khéo biết rõ pháp, đó là biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp.

2. – Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo biết nghĩa.

– Nếu Tỳ-kheo không biết nghĩa tức là Tỳ-kheo không biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia; không biết điều này có nghĩa như thế kia, điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa.

– Tỳ-kheo nào khéo biết rõ nghĩa, đó là biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa.

3. – Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết thời? Đó là Tỳ-kheo biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả[38]. Ấy là Tỳ-kheo biết thời.

– Tỳ-kheo nào không biết thời tức là không biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời.

– Tỳ-kheo nào khéo biết rõ thời, đó là biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ thời.

4. – Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Đó là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ.

– Tỳ-kheo nào không biết tiết độ tức là Tỳ-kheo không biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ.

– Tỳ-kheo nào khéo biết rõ sự tiết độ, đó là biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im

---

[38] Hán: hạ tướng, cao tướng, xả tướng. No 1536 (Đ tr.457b): tu chỉ tướng, tu cử tướng, tu xả tướng. No 27: thời tư duy tịch diệt tưởng, thời tư duy thọ hành tưởng, thời tư duy sân hộ tưởng. Pāli: ayaṃ kālo uḍessa, ayaṃ kālo paripucchāya, ayaṃ kālo yogassa, ayaṃ kālo paṭisallānassā ti. "Đây là thời để giảng thuyết; đây là thời để hỏi; đây là thời để tu tập, đây là thời để tĩnh chỉ".

lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ.

5. – Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc[39]. Tỳ-kheo như vậy là biết mình.

– Tỳ-kheo nào không biết mình tức là không tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình.

Tỳ-kheo nào khéo tự biết rõ mình, đó là biết mình có mức độ ấy tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là khéo biết rõ mình.

6. – Thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Bà-la-môn, đây là chúng hội cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo biết chúng hội.

Tỳ-kheo nào không biết chúng hội tức là không biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Bà-la-môn, đây là chúng hội cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Tỳ-kheo như vậy là không biết chúng hội.

– Tỳ-kheo nào khéo biết rõ chúng hội, đó là biết đây là

---

[39] Pāli: saddha (tín), sīla (giới), suta (văn), cāga (thí xả), paññā (tuệ), paṭibhāna (biện tài).

chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Bà-la-môn, đây là chúng hội cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội.

7. – Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín, người có tín là hơn, người bất tín là kém.

– Người có tín lại có hai hạng: thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém.

– Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính. Người có lễ kính là hơn, người không lễ kính là kém.

– Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi Kinh và không hỏi Kinh. Người có hỏi Kinh là hơn, người không hỏi Kinh là kém.

– Người có hỏi Kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe Kinh và không nhất tâm nghe Kinh. Người nhất tâm nghe Kinh là hơn, người không nhất tâm nghe Kinh là kém.

– Người nhất tâm nghe Kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém.

– Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát

nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém.

– Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng đến pháp tùy pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp.

– Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng đến pháp tùy pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém.

– Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng đến pháp tùy pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian, không cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người.

– Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người khác.

– Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có tô tinh. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời người, trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người.

(Trung A-hàm I – 1. Kinh Thiện Pháp[40] – Tr.13)

33. TỲ-KHEO SỐNG NHƯ QUẠ

Bấy giờ chim quạ mắng vào mặt Bà-la-môn rồi bỏ đi. Ta nói ví dụ ấy có nghĩa thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương nơi vô sự xứ nghèo nàn mà an cư tọa hạ. Nếu Tỳ-kheo ấy biết trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh thì liền tránh đi. Nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn phạm hạnh nào thì đến ở hai, ba tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy, liền hỏi: "Hiền giả tọa hạ nơi nào?" Đáp rằng: "Chư Hiền, hiện giờ tôi nương nơi vô sự xứ nghèo nàn kia mà an cư tọa hạ. Tôi không giống như bọn ngu si kia, làm sẵn giường chõng, rồi sống trong đó với năm sự đầy đủ, buổi sáng rồi buổi chiều, buổi chiều rồi buổi sáng, miệng

[40] Tham chiếu Pāli (AN 7.64): VII. Đại Phẩm – (VI) (64) Pháp Trí.

chạy theo vị, vị trôi theo miệng, cầu rồi lại cầu, xin rồi lại xin." Lúc các Tỳ-kheo nghe xong, liền nghĩ: "Hiền giả này làm những việc khó làm. Lý do vì sao? Hiền giả này có thể nương nơi xóm rừng nghèo nàn kia mà an cư tọa hạ." Các Tỳ-kheo ấy liền cùng cung kính, lễ bái, cúng dường. Nhân đó vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn thức uống, giường nệm thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cần cho sự sống. Sau khi được lợi, vị Tỳ-kheo ấy lại đắm trước sự xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Bà-la-môn thấy chim quạ rồi hỏi: "Xin chào Quạ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi về đâu?" Đáp: "Này Bà-la-môn, ông là kẻ trán cứng, cuồng si, làm sao hỏi tôi rằng: "Ngươi từ đâu lại và muốn đi về đâu?" Ta nói Tỳ-kheo ấy lại cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con quạ, chớ nương theo phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, sống trong rừng vắng, mang y phấn tảo, thường hành khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trú lập chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường viễn ly. Nên học như thế.

(Trung A-hàm I – 65. Kinh Ô Điểu Dụ - Tr.573)

34. KHẤT THỰC

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người kia sẽ bố thí cho ta, chứ không phải không bố thí; bố thí ngay lập tức chứ không bố thí lần hồi; bố thí nhiều chứ không bố thí ít; bố thí vật ngon chứ không bố thí vật dở; bố thí nhanh chứ không bố thí chậm." Với tâm như vậy mà đến nhà người, nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị khuất nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thối thất, tự sinh chướng ngại.

– Hoặc có Tỳ-kheo muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người xuất gia đến nhà người, là do đâu được bố thí chứ không phải không được bố thí, bố thí lập tức chứ không phải bố thí lần hồi, bố thí nhiều chứ không phải bố thí ít, bố thí vật ngon chứ không phải bố thí dở, bố thí nhanh chứ không phải bố thí chậm?" Nghĩ như vậy mới đến nhà người. Nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này không bị khuất nhục, cũng không bị thối thất, không sinh chướng ngại.

– Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ như vậy khi đến nhà người. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vậy, nghĩ như vậy khi vào nhà người: Người xuất gia khi đến nhà người, do đâu được bố thí chứ không phải không được bố thí,...

cho đến bố thí nhanh chứ không phải bố thí chậm?

(Tạp A-hàm III – 41. Tương Ưng Ca-diếp – Kinh 1278. Thí Dữ[41] – Tr.2170)

35. HÃY NÊN LÀM PHƯỚC (1)

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các ngươi chớ sợ phước báo. Vì sao vậy? Vì đây là sự báo ứng của việc thọ lạc rất đáng yêu kính. Sở dĩ gọi là phước vì có báo lớn này. Các ngươi nên sợ vô phước. Vì sao vậy? Vì đây là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, không có yêu thích. Đây gọi là vô phước. Này Tỳ-kheo, Ta tự nhớ xưa kia bảy năm hành từ tâm. Lại trải qua bảy kiếp Ta không đến cõi này. Lại trong bảy kiếp Ta sinh về trời Quang âm, bảy kiếp sinh vào chốn Không Phạm thiên[42] làm Đại Phạm thiên không ai sánh bằng, thống lĩnh trăm ngàn thế giới. Ba mươi sáu lần Ta làm thân Thiên Đế Thích, vô số đời làm vua Chuyển luân.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ mệt mỏi. Vì sao vậy? Vì đây gọi là sự báo ứng của thọ lạc rất đáng yêu kính, đó gọi là phước. Các ngươi nên sợ vô phước. Vì sao vậy? Vì là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ

[41] Đại Chánh, Kinh 1137. Tham chiếu Pāli (SN 16.4): Chương 16: Tương Ưng Kassapa (Ca-diếp) – 4. Đi Đến Các Gia Đình: Kulūpaka.

[42] Không Phạm thiên xứ, hay Không Phạm thiên cung, thiên cung trống không của Phạm thiên.

não, không thể kể hết, đó gọi là vô phước.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Vui thay, phước báo,
Sở nguyện tựu thành;
Chóng đến diệt tận,
Đến chỗ vô vi.
Ví dù số ức,
Thiên ma Ba-tuần
Cũng không thể quấy
Người tạo nghiệp phước.
Kia thường tự cầu,
Đạo của Hiền thánh;
Liền trừ hết khổ,
Sau cùng không lo.

– Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ chán nản. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

(Tăng Nhất A-hàm I – 10. Phẩm Hộ Tâm – Kinh số 7 – Tr.128)

36. HÃY NÊN LÀM PHƯỚC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Đừng sợ hãi phước mà hãy có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Vì những gì được gọi là phước thì cũng nói là lạc.

Sự sợ hãi đối với phước là không có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Những gì là phi phước được nói là khổ.

– Ta nhớ lại trong thời quá khứ, lâu dài tác phước, lâu dài thọ báo mà ý niệm yêu thích. Thời quá khứ Ta hành từ tâm trong bảy năm mà trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại, không tái sinh trong thế gian này. Nếu thời kiếp hoại, Ta sinh lên cõi trời Hoảng dục. Trong thời kiếp thành, Ta tái sinh trở xuống trong cung điện trống không của Phạm thiên và là Đại Phạm thiên trong cõi Phạm thiên đó.

– Trong những trường hợp khác, ta trải qua một ngàn lần làm Tự Tại Thiên vương, ba mươi sáu lần làm Thiên Đế Thích và vô lượng lần làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh.

– Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn được phủ những đồ cưỡi rất đẹp; dùng các báu bạch châu lạc trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ.

– Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao.

– Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn loại trang sức, dùng da vằn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Nhạc thanh.

– Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu-xá-hòa-đề làm đầu.

– Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu; có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; đứng đầu là Chánh pháp điện.

– Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; bốn loại tòa báu, bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lên bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương.

– Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma[43], áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, áo da sơn dương đen.

– Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nõn nà, sạch sẽ sáng sủa, sắc đẹp hơn người, không thua chư Thiên, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

– Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, ngày đêm thường dọn ra cho Ta ăn.

---

[43] Pāli: khomapilotikā, vải lanh.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia, có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia, có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối[44], hoặc áo da sơn dương đen là Ta thường mặc.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chăn nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán kia, có một lầu quán làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là Chánh pháp điện, là nơi Ta thường ở.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề là chỗ Ta thường ở.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có

[44] Pāli: kappāsika, vải bông (gòn).

một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Nhạc thanh, Ta thường ngồi lên, đi đến các lầu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh biếc, đầu như chim, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cưỡi, đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

– Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thảy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

– Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ: Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?

– Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần: một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

Quán sát phước báo này,
Diệu thiện, nhiều ích lợi.
Tỳ-kheo, Ta quá khứ
Bảy năm tu từ tâm;
Bảy kiếp thành, kiếp hoại,

Không tái sinh cõi này.
Lúc thế gian hủy hoại,
Ta sinh trời Hoảng dục.
Lúc thế gian chuyển thành,
Ta sinh vào Phạm thiên;
Ở đó, Ta Đại phạm.
Nghìn sinh, Tự Tại thiên;
Ba sáu lần Đế Thích;
Vô lượng trăm Đảnh vương.
Sát-lợi Đảnh Sinh vương,
Tối tôn trong loài người.
Đúng pháp, không dao gậy,
Thống trị cả thiên hạ.
Đúng pháp, không dối trá,
Chánh an lạc, dạy dân.
Đúng pháp, lần lượt truyền,
Khắp tất cả cõi đất.
Chỗ giàu sang, nhiều của,
Sinh vào chủng tộc ấy;
Lúa gạo thảy tràn đầy,
Thánh tựu bảy trân bảo.
Do các phước lớn ấy,
Chỗ sinh đều tự tại.
Chư Phật ngự thế gian,
Những điều Phật ấy dạy;
Biết điều này kỳ diệu,

Thấy thần thông không ít.
Ai biết mà không tin,
Như vậy sinh trong tối.
Vì vậy hãy vì mình
Mong cầu đại phước hựu.
Hãy cung kính Chánh pháp;
Thường niệm Pháp Luật Phật.

(Trung A-hàm III – 138. Kinh Phước – Tr.1424)

37. HÃY NÊN LÀM PHƯỚC (3)

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Vật gì lửa không thiêu?
Gì gió không thể thổi?
Nạn lửa thiêu đại địa,
Vật gì không chảy tan?
Vua ác và giặc cướp,
Cưỡng đoạt tài vật người;
Người nam, người nữ nào,
Không bị họ tước đoạt?
Làm sao chứa trân bảo,
Cuối cùng không mất mát?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Phước, lửa không thể thiêu,
Phước, gió không thể thổi;
Thủy tai hại cõi đất,
Phước, nước không trôi.
Vua ác và giặc cướp,
Cưỡng đoạt của báu người;
Nếu người nam, người nữ,
Có phước không bị cướp.
Kho báu, báo phước lạc,
Cuối cùng không bị mất.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

(Tạp A-hàm III – 38. Tương Ưng Chư Thiên – Kinh 1205. Hỏa Bất Thiêu[45] – Tr.2055)

[45] Đại Chánh, Kinh 1291.

Mấy lời tâm huyết

Thuyết pháp, giảng kinh, viết sách, ấn tống kinh điển, nhằm mang giáo lí nhà Phật đến với mọi người, giúp người tu tập hướng đến hạnh phúc chân thật của sự giác ngộ và giải thoát, đó gọi là pháp thí. Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta đem kinh sách hoặc băng đĩa Phật pháp chia sẻ cho nhiều người cùng nghe, cùng đọc, để cùng được hưởng lợi lạc từ giáo pháp Như Lai, đây cũng là pháp thí.

Đức Phật đã dạy: "Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng". Đạo pháp muốn phát triển thì nền móng phải được xây đắp vững chắc. Chính vì vậy mỗi người chúng ta nên tùy sức mà đóng góp vào một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một chút công... Ai có tài thì góp tài, ai có sức thì góp sức, được vậy thì ánh sáng đạo pháp mới có thể tỏa rạng và kiên cố đời đời. Với hoài bão "tất cả vì Phật pháp", chúng ta không nên đặt nặng quan niệm về công đức. Danh hay lợi đâu phải điều chúng ta mong nhận được; mà làm rạng rỡ chính đạo, góp phần mang ánh sáng từ bi của Phật pháp soi chiếu đến mọi chúng sinh, giúp người vượt qua bể khổ bờ mê mới là mục đích tối thượng.

Hãy nên nghĩ nhớ đến những người đang đau khổ, hoặc đang lạc lối, bế tắc trong cuộc sống – những người thật sự rất cần sự cảm thông, giúp đỡ của cộng đồng để có thể quay về với chân lí, với niềm vui và lẽ sống hướng thiện. Làm được như thế chính là lợi ích cho cả ta và người vậy.

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình chưa thật vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Nhưng nếu đem tặng các loại sách khuyến tu, hướng dẫn người tu tập thì dù chỉ có một quyển sách đáng giá vài nghìn cũng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu, vì cuốn sách đó sẽ giúp người xây dựng một đời sống thanh cao. Khi đó niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với mọi người.

Hi vọng mấy lời tâm huyết này sẽ đến được với nhiều vị Cấp Cô Độc, để ngày càng có nhiều tấm lòng phát tâm chia sẻ và ấn tống kinh sách cho mọi người xem. Tha thiết mong mỏi như thế!

LỜI PHẬT DẠY
trong kinh
A HÀM

THÍCH CHÂN TÍNH

Hợp tuyển

I

Nhà Xuất Bản Hồng Đức
Số 65, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3926 0024 – Fax: 024 3926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc **Bùi Việt Bắc**
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng Biên tập **Lý Bá Toàn**
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **Hồng Anh**
Dàn trang: **Oai Trần**
Thiết kế Mỹ thuật: **Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp**
Đối tác liên kết xuất bản
Chùa Hoằng Pháp
Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng: 1.000 cuốn, khổ 14x20cm
Tại **Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng**
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3329-2022/CXBIPH/11-97/HĐ
Quyết định xuất bản số: 1263/QĐ-NXBHĐ ngày 07/10/2022
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế ISBN: 978-604-380-752-3
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022